

# ILEC

KINH TẾ - AN TOÀN - HIỆU QUẢ



PHỤ KIỆN  
TỦ ĐIỆN

BIẾN DÒNG

BIẾN ÁP  
CUỘN KHÁNG

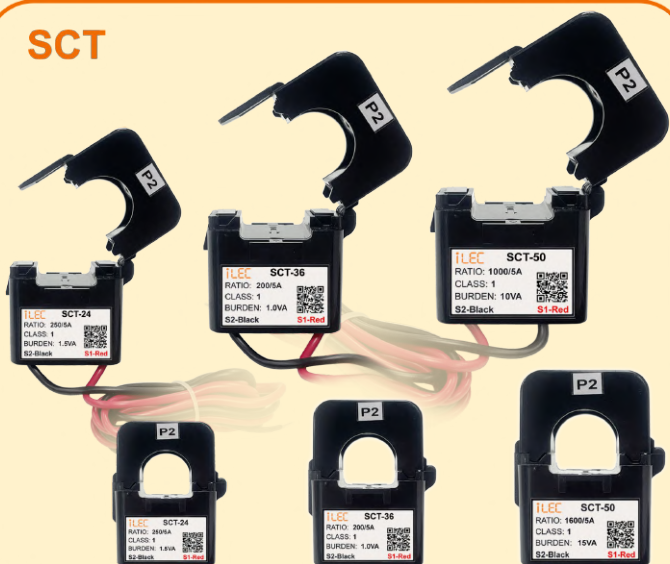
Relay



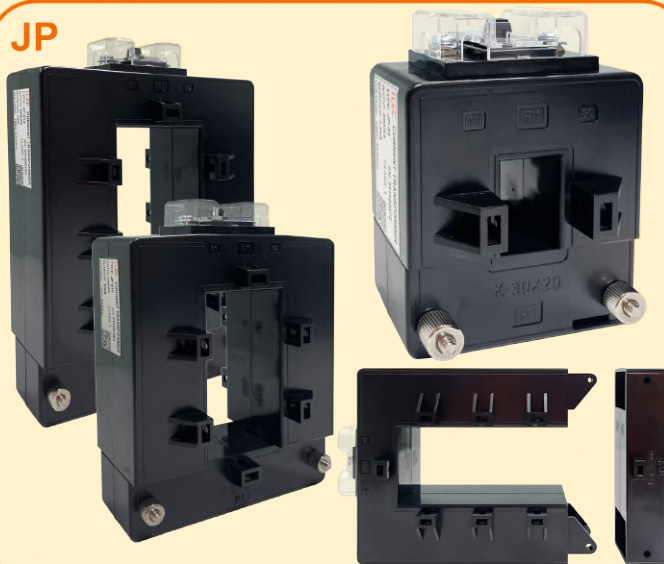
06/05/2026

# BIẾN DÒNG

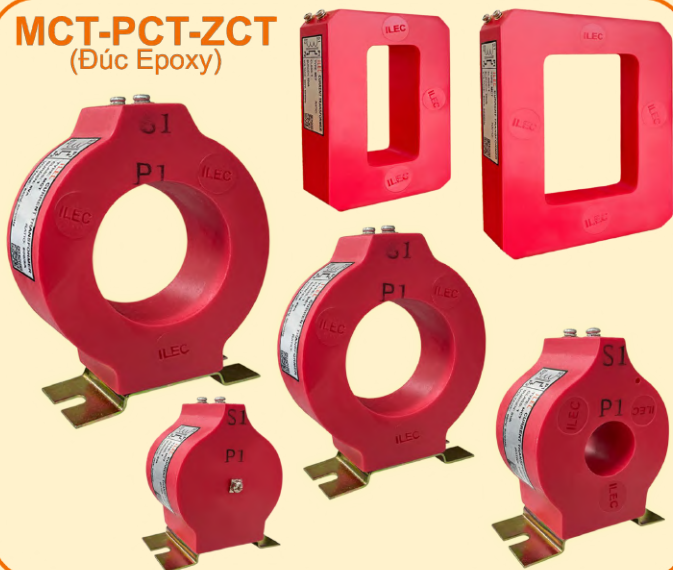
## SCT



## JP



## MCT-PCT-ZCT (Đúc Epoxy)



## PMCT



## TPCT



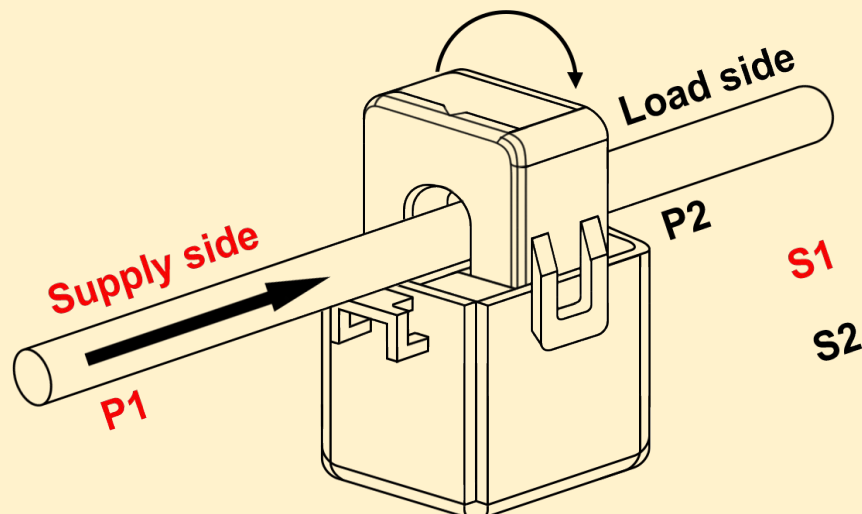
## RCT & MR



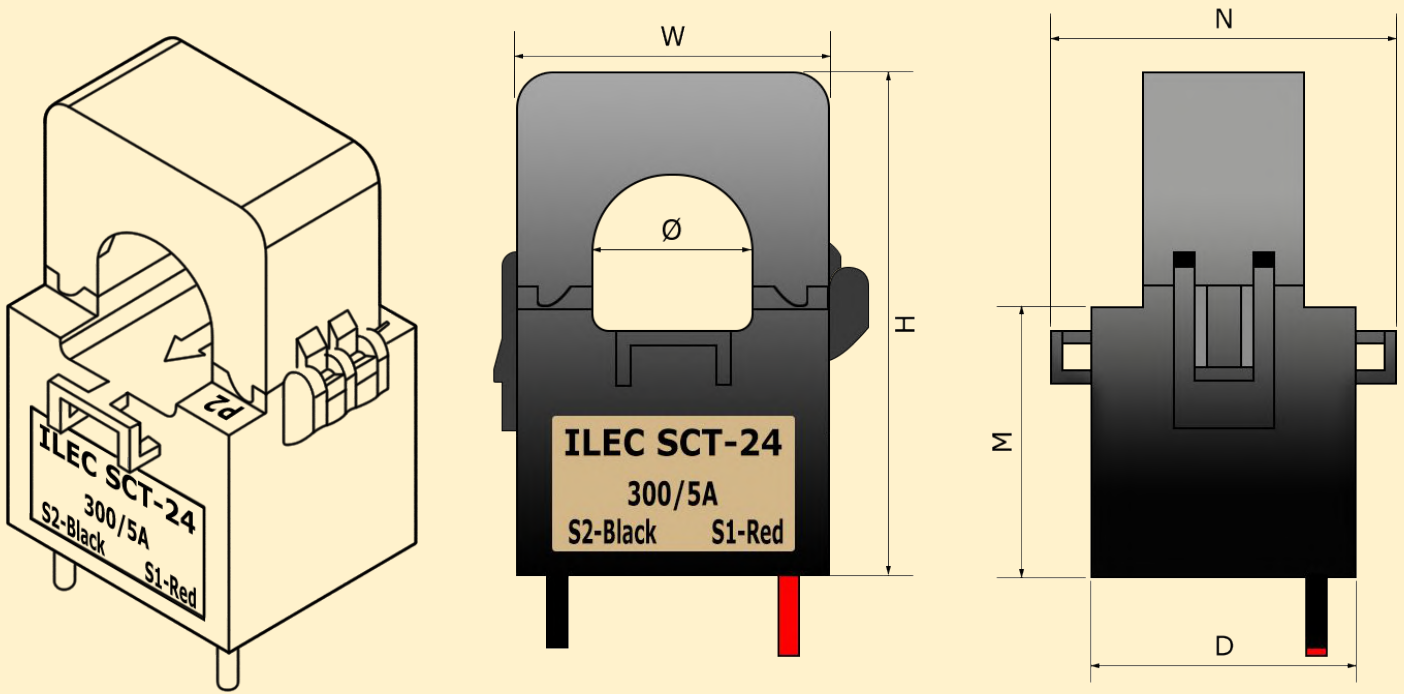
# BIẾN DÒNG KẸP SCT



- ❖ SCT chủ yếu được sử dụng để đo dòng điện với độ chính xác cao và chi phí thấp. Không nên đo công suất và năng lượng vì sai số góc pha lớn và công suất nhỏ.
- ❖ Với ưu thế là có thể mở được mạch từ, biến dòng kẹp loại nhỏ SCT được thiết kế đặc biệt để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thay thế hoặc lắp mới mà không bị gián đoạn nguồn điện. Vì vậy, tiết kiệm thời gian và chi phí lắp đặt.
- ❖ Các loại CT thông thường thường yêu cầu ngắt mạch phía sơ cấp để luồn cáp hoặc thanh busbar qua lõi máy biến áp hoặc để kết nối các cáp đó với các thiết bị đầu cuối sơ cấp.



# KÍCH THƯỚC



Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (D)	Đường kính trong	M	N
SCT-16	39	46	20	Ø16	24	38
SCT-24	55	70.5	39	Ø24	36	52
SCT-36	66	81.5	42	Ø35	40	55.5
SCT-50	79	110	60	Ø48	40	66

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tần số định mức	50/60Hz
Điện áp cách điện định mức	3kV AC (1 phút)
Dòng nhiệt ngắn hạn định mức (Ith)	60In/1s
Dòng điện định mức (Idyn)	2.5In
Điện áp định mức (Un)	0.66kV AC
Dòng điện liên tục (Id)	1.2In
Nhiệt độ hoạt động	-10°C ~ 50°C
Lớp tự chữa cháy (vỏ hộp)	V0
Dòng điện sơ cấp	Từ 20 đến 1000A
Dòng thứ cấp	100mA, 1A và 5A
Độ chính xác dòng điện	CL1.0, CL0.5
Độ chính xác góc pha	CL1.0 và CL3
Môi trường lắp đặt	Trong nhà

## CÁCH CHỌN MÃ

**SCT - 24 - 0200 - 5**

Dòng điện thứ cấp  
0.1A, 1A hoặc 5A

Dòng điện sơ cấp  
20A ~ 1600A

Đường kính lỗ trong: 16, 24, 34, 50mm

Biến dòng kẹp loại nhỏ SCT

## Mã đặt hàng & thông số – Biến dòng SCT

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong
<b>SCT-16</b>	SCT-16-0100-0.1	100/0.1A	1.5VA	1.0	Ø16 mm
<b>SCT-24</b>	SCT-24-0100-0.1	100/0.1A	1.5VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0030-1	30/1A	1VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0040-1	40/1A	1.5VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0050-1	50/1A	1.5VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0060-1	60/1A	1.5VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0080-1	80/1A	2.0VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0100-1	100/1A	2.5VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0050-5	50/5A	1.0VA	3.0	Ø20 mm
	SCT-24-0100-5	100/5A	1.0VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0150-5	150/5A	1.0VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0200-5	200/5A	1.0VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0250-5	250/5A	1.5VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0300-5	300/5A	1.5VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0400-5	400/5A	2.0VA	1.0	Ø20 mm
	SCT-24-0500-5	500/5A	2.5VA	1.0	Ø20 mm
SCT-24-0600-5	600/5A	2.5VA	1.0	Ø20 mm	
<b>SCT-36</b>	SCT-36-0100-0.1	100/0.1A	1.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0030-1	30/1A	1.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0040-1	40/1A	1.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0050-1	50/1A	1.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0060-1	60/1A	1.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0080-1	80/1A	2.0VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0100-1	100/1A	2.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0150-5	150/5A	1.0VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0200-5	200/5A	1.0VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0250-5	250/5A	1.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0300-5	300/5A	1.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0400-5	400/5A	1.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0500-5	500/5A	2.0VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0600-5	600/5A	2.5VA	1.0	Ø36 mm
	SCT-36-0800-5	800/5A	3.0VA	1.0	Ø36 mm
<b>SCT-50</b>	SCT-50-0400-5	400/5A	3.75VA	1.0	Ø50 mm
	SCT-50-0500-5	500/5A	5.0VA	1.0	Ø50 mm
	SCT-50-0600-5	600/5A	5.0VA	1.0	Ø50 mm
	SCT-50-0800-5	800/5A	7.5VA	1.0	Ø50 mm
	SCT-50-1000-5	1000/5A	10VA	1.0	Ø50 mm
	SCT-50-1200-5	1200/5A	10VA	1.0	Ø50 mm
	SCT-50-1500-5	1500/5A	15VA	1.0	Ø50 mm
	SCT-50-1600-5	1600/5A	15VA	1.0	Ø50 mm

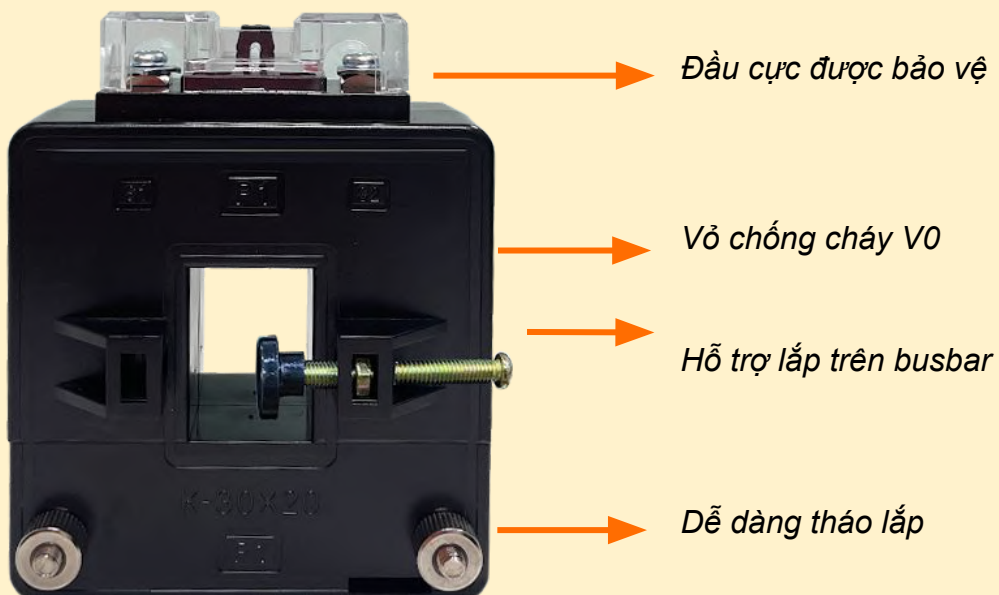
# BIẾN DÒNG KẸP/HỖ JP



Với ưu thế là có thể mở được mạch từ, biến dòng kẹp (hỗ) JP được thiết kế đặc biệt để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thay thế hoặc lắp mới mà không cần mở bất kỳ mạch cáp hoặc thanh cái nào. Vì vậy, tiết kiệm thời gian và chi phí lắp đặt.

## ƯU ĐIỂM

- ❖ Thiết kế lắp đặt thanh cái.
- ❖ Rất dễ lắp đặt, đặc biệt là lắp CT trên hệ thống thanh cái / cáp hiện có.
- ❖ Cửa sổ bên trong rộng, cho phép kẹp các loại cáp lớn / thanh cái.
- ❖ Nhiều kích thước, nhiều ngưỡng dòng điện sơ cấp cho mỗi kích thước



# THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tần số định mức	50/60Hz
Điện áp cách điện định mức	3kV AC. (1 min)
Dòng nhiệt ngắn hạn định mức (Ith)	60In
Dòng điện định mức (Idyn)	2.5Ith
Điện áp định mức (Un)	0.72kV AC.
Dòng điện liên tục (Id)	1.2In
Nhiệt độ hoạt động	-10°C~50°C
Lớp tự chữa cháy (vỏ hộp)	V0
Hệ số an toàn FS 5	FS 5
Tỷ số biến dòng	100/5A đến 10000/5A (hoặc 20/1A đến 3000/1A)
Tuân theo tiêu chuẩn	IEC 60044-1; IEC 61869-2

## ĐỀ DÀNG THẢO LẬP MẠCH TỪ

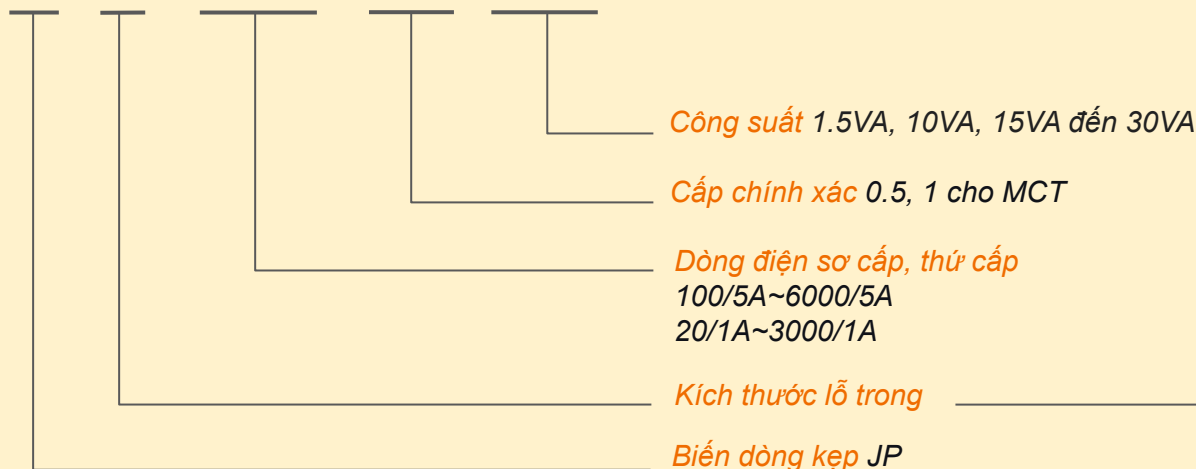


### Kích thước trong

JP-23	22 x 32 mm
JP-46	42 x 62 mm
JP-58	52 x 82 mm
JP-510	52 x 102 mm
JP-612	63 x 126.5 mm
JP-614	62 x 142 mm
JP-812	80 x 122 mm
JP-816	82 x 162 mm
JP-820	82 x 207 mm

## CÁCH CHỌN MÃ

**JP - 23 - 100/5A - CL.1- 1.5VA**



Số: 260300279/TNĐMN-ĐL

## BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM

Ngày: 05/03/2026  
Trang: 1 / 1

Tên phương tiện đo: Biến dòng đo lường  
Kiểu: JP-820  
Cơ sở sản xuất: ILEC

Phê duyệt mẫu: Không  
Số: Xem ở bảng "Xác định sai số cơ bản"  
Năm sản xuất: Xem ở bảng "Xác định sai số cơ bản"

Đặc trưng kỹ thuật: Dòng điện sơ cấp: 5000 A  
Dòng điện thứ cấp: 5 A  
Tần số làm việc: 50 (Hz)

Dung lượng: 20 V·A  
Cấp chính xác: 1,0  
Mức cách điện: 0,72 (kV)

Cơ sở sử dụng: Công ty TNHH MTV Hoa Sen Phú Mỹ Đường số 1A, KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 18:2019

Chuẩn, thiết bị chính được sử dụng: Hợp bộ kiểm định TU-TI, 3007A

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ: 23 °C.

Độ ẩm: 54 %RH.

Người thực hiện: Xem ở bảng "Kết luận".

Ngày thực hiện: 05/03/2026

Địa điểm thực hiện: Công ty Thí Nghiệm Điện miền Nam.

### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên phép kiểm tra	Kết quả		Ghi chú
1 Kiểm tra bên ngoài	Đạt ■	Không đạt □	
2 Kiểm tra kỹ thuật			
Kiểm tra điện trở cách điện	Đạt ■	Không đạt □	
Kiểm tra độ bền cách điện	Đạt ■	Không đạt □	
3 Kiểm tra đo lường			
Kiểm tra cực tính	Đạt ■	Không đạt □	

Xác định sai số cơ bản

- Số: 260304010		- Năm sản xuất: -				- Số tem: 2603014				
Tỉ số biến (đầu thứ cấp, cấp cx)	Dung lượng (V·A)	5 % I <sub>n</sub>		20 % I <sub>n</sub>		100 % I <sub>n</sub>		120 % I <sub>n</sub>		Kết quả
		Sai số tỉ số F(%)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỉ số F(%)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỉ số F(%)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỉ số F(%)	Sai số góc δ (°)	
5000/5A S1 – S2 Ccx: 1,0	20	-0.09	+5.1	-0.06	+3.4	-0.04	+2.3	-0.04	+2.2	Đạt
	5,0	-0.06	+4.9	-0.04	+3.2	-0.03	+2.2	-0.03	+2.1	Đạt

4 Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật.

NGƯỜI THỰC HIỆN

NGƯỜI KIỂM TRA

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Viết Trung

Nguyễn Hùng Cường

Võ Công Chiến

M02-QTTN04-ĐL



Số: 250400762/TNĐMN-DL

## BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM

Ngày: 08/04/2025  
Trang: 1 / 1

Tên phương tiện đo: Biên dòng đo lường  
Kiểu: JP-510  
Cơ sở sản xuất: ILEC

Phê duyệt mẫu: Không  
Số: Xem ở bảng “Xác định sai số cơ bản”  
Năm sản xuất: Xem ở bảng “Xác định sai số cơ bản”

Đặc trưng kỹ thuật: Dòng điện sơ cấp: 3000 A  
Dòng điện thứ cấp: 5 A  
Tần số làm việc: 50 (Hz)

Dung lượng: 10 V·A  
Cấp chính xác: 1,0  
Mức cách điện: 0,72 (kV)

Cơ sở sử dụng: Cảng Hàng Không Quốc Tế Tân Sơn Nhất.

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 18:2019

Chuẩn, thiết bị chính được sử dụng: Hợp bộ kiểm định TU-TI, 3007A

Điều kiện môi trường: Nhiệt độ: 23 °C.

Độ ẩm: 54 %RH.

trường:

Người thực hiện: Xem ở bảng “Kết luận”.

Ngày thực hiện: 03/04/2025

Địa điểm thực hiện: Công ty Thí Nghiệm Điện miền Nam.

### KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên phép kiểm tra	Kết quả		Ghi chú
1 Kiểm tra bên ngoài	Đạt <input checked="" type="checkbox"/>	Không đạt <input type="checkbox"/>	
2 Kiểm tra kỹ thuật			
Kiểm tra điện trở cách điện	Đạt <input checked="" type="checkbox"/>	Không đạt <input type="checkbox"/>	
Kiểm tra độ bền cách điện	Đạt <input checked="" type="checkbox"/>	Không đạt <input type="checkbox"/>	
3 Kiểm tra đo lường			
Kiểm tra cực tính	Đạt <input checked="" type="checkbox"/>	Không đạt <input type="checkbox"/>	

Xác định sai số cơ bản

Tỉ số biến (đầu thứ cấp, cấp cx)	Dung lượng (V·A)	5 % I <sub>1n</sub>		20 % I <sub>1n</sub>		100 % I <sub>1n</sub>		120 % I <sub>1n</sub>	
		Sai số tỉ số F(%)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỉ số F(%)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỉ số F(%)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỉ số F(%)	Sai số góc δ (°)
3000/5A Ccx: 1,0	10	-0,21	+9,5	-0,18	+7,3	-0,16	+5,3	-0,15	+5,0
	2,5	-0,17	+9,9	-0,15	+7,1	-0,13	+5,3	-0,13	+5,0

4 Kết luận: Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường.

NGƯỜI THỰC HIỆN

NGƯỜI KIỂM TRA

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC

Hồ Phương Thảo

Nguyễn Hùng Cường

Võ Công Chiến





# CÔNG TY CỔ PHẦN THÍ NGHIỆM ĐIỆN SÀI GÒN MIỀN TÂY

Địa chỉ : 173/36 Đường TX52, Phường Thới An, TP. HỒ CHÍ MINH  
ĐT:09.6378.6378- (028) 6681.5224 ; Web: www.swc.vn ; Email: swc@swc.vn

Số: 3701102025/BBTN-SWC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2025

## BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM

### I. ĐỐI TƯỢNG THỬ NGHIỆM: CT

### II. KHÁCH HÀNG

- Tên khách hàng: -
- Địa chỉ: -
- Tên công trình: -
- Ngày thử nghiệm: 01/10/2025
- Lý do thử nghiệm: Trước vận hành theo yêu cầu khách hàng
- Địa điểm thử nghiệm: Công ty CP Thí nghiệm Điện Sài Gòn Miền Tây
- Nơi lắp đặt: -

### III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Hiệu: ILEC

Điện áp định mức: 720V

Số pha: 01

Kiểu: JP-614

Tem số: 1.497003

Tần số: 50/60Hz

	Cấp		Cấp cx	Tải (VA)
	Tên cuộn	Tỉ số		
<b>Cuộn sơ cấp</b>	P1-P2	-	-	-
<b>Cuộn thứ cấp 1</b>	S1-S2	1600/5	0.5	7.5

\*Thông số kỹ thuật, lý lịch dựa vào tài liệu kỹ thuật đơn vị yêu cầu thử nghiệm cung cấp.

### IV. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Kiểm tra bên ngoài: Bình thường

Kết quả: Đạt

2. Điện trở cách điện ( $M\Omega$ ):  $t = 32^\circ C$

STT	Số máy	Đối tượng đo	
		Cuộn thứ	
1	251601677	>1000	

3. Thử độ bền điện áp tăng cao tần số 50Hz

STT	Số máy	Cuộn sơ		Cuộn thứ		Kết quả
		$U_{thử}$	Tiêu chuẩn	$U_{thử}$	Tiêu chuẩn	
1	251601677	-	-	3	3	Đạt

4. Tỉ số biến, cực tính

STT	Số máy	Cuộn	Tỉ số biến	Kđm	K đo
1	251601677	S1-S2	1600/5	320	319.68

5. Điện trở các cuộn dây

STT	Số máy	Cuộn	Điện trở cuộn dây ( $\Omega$ )
1	251601677	S1-S2	1.1715

\*\*Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử.


V. THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM: KYORITSU 3025A, CPT 108, HVT 70/50


VI. KẾT LUẬN: 01 CT trên có các hạng mục thử nghiệm đạt yêu cầu vận hành.

Thử nghiệm viên

Trưởng phòng kỹ thuật

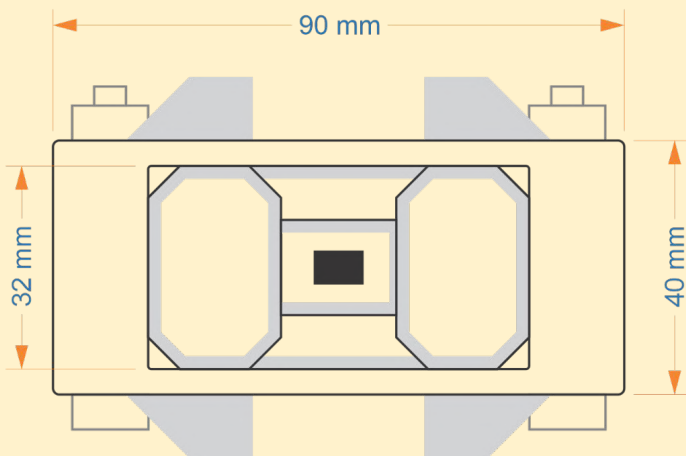
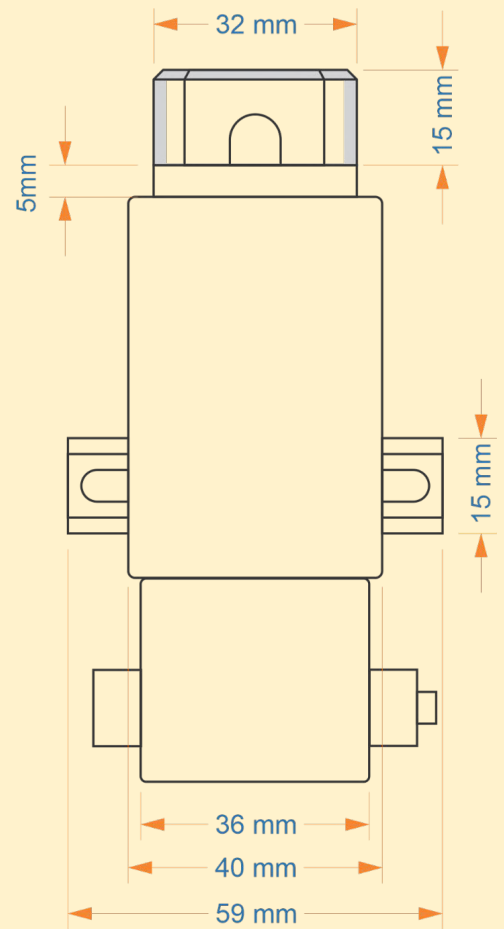
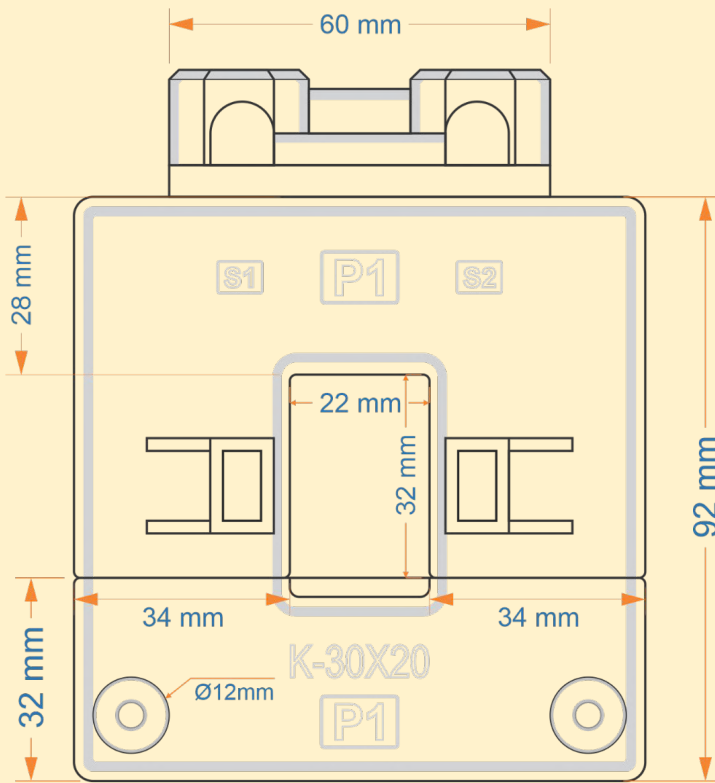
Giám đốc

Lê Hoài Ân 

  
Phan Thanh Tuấn

  
Trần Nguyên Châu

# KÍCH THƯỚC JP-23



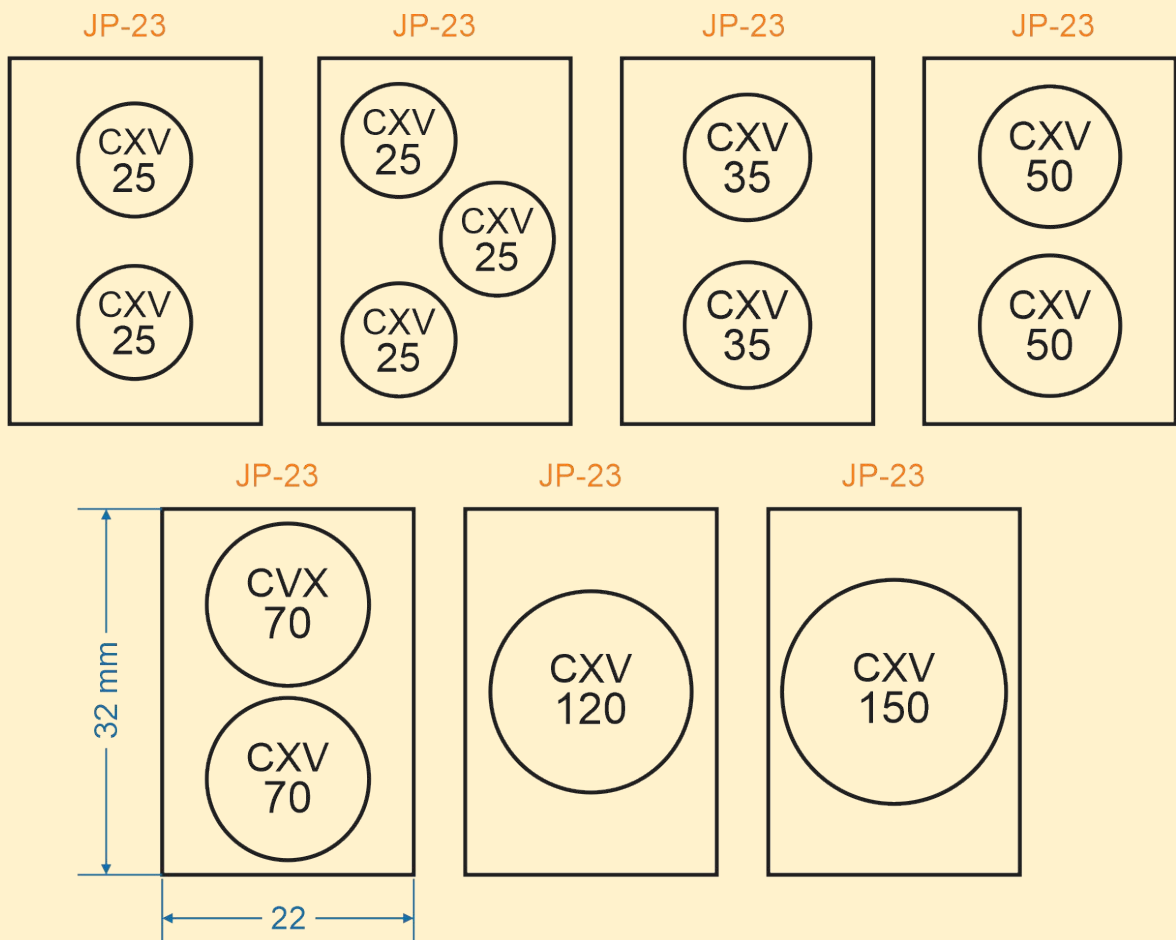
**JP-23**  
( Unit: mm ±0.5 )

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (T)	Kích thước trong (MxN)	
<b>JP-23</b>	90	112	59	22	32

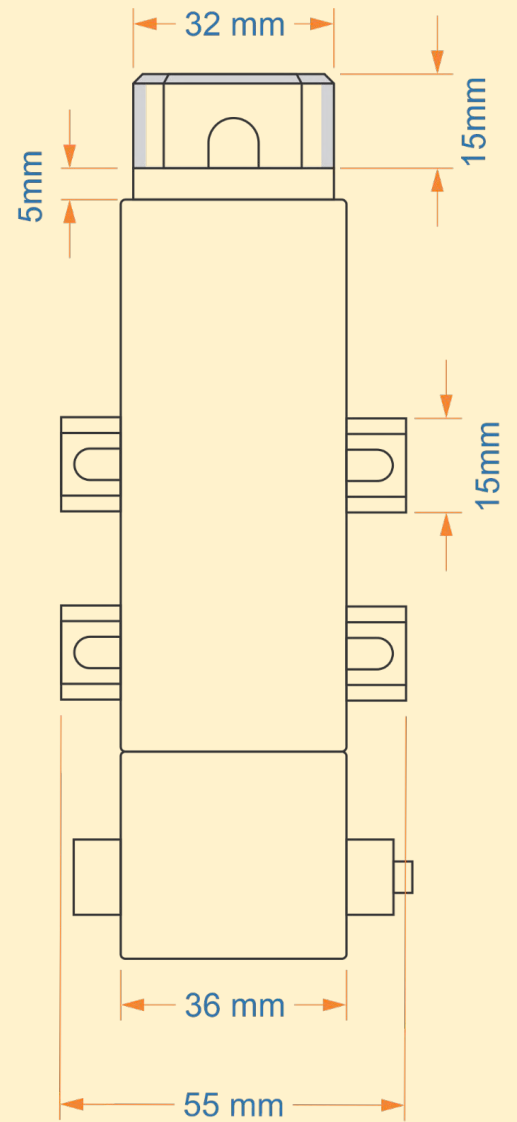
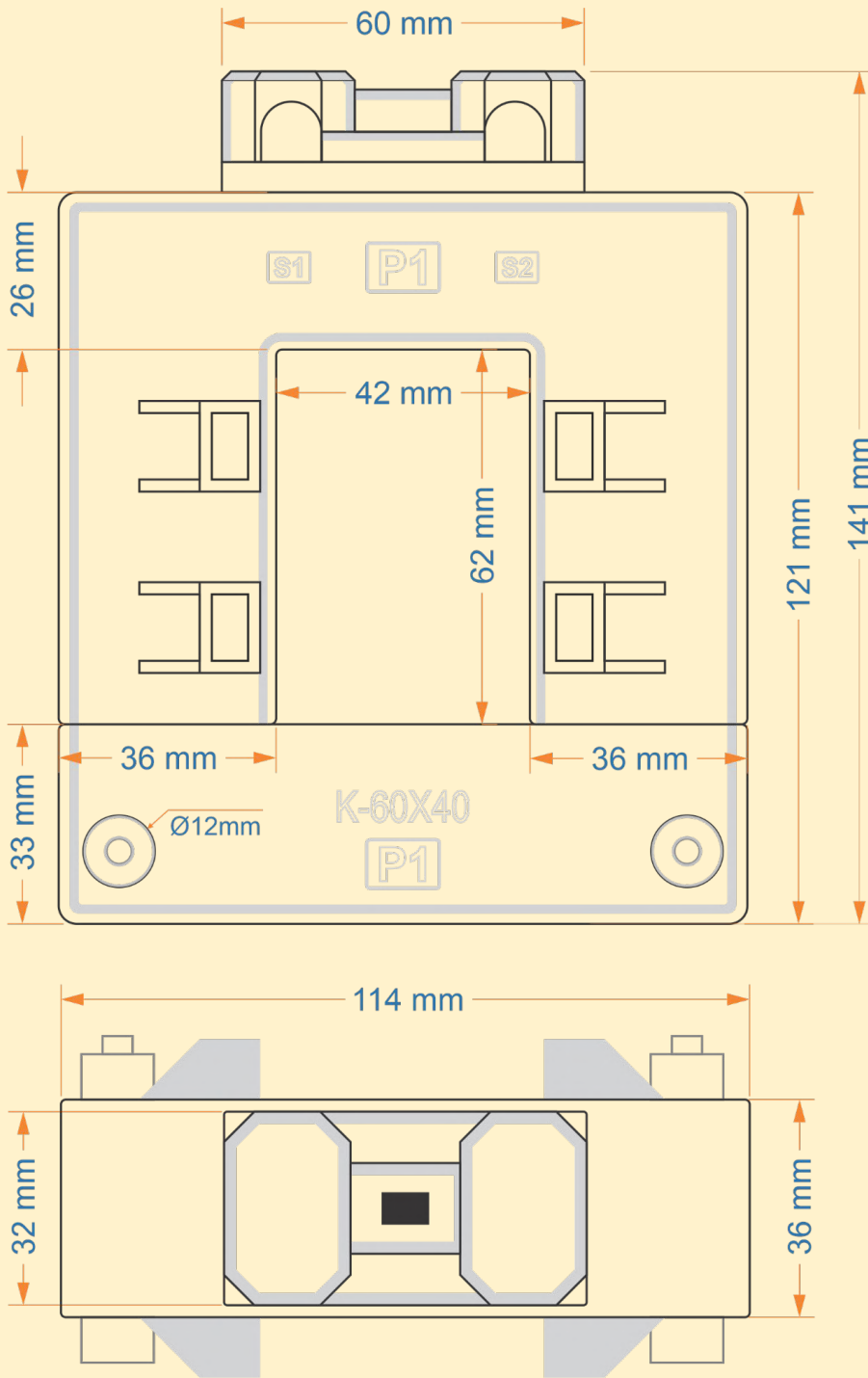
## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng JP-23 (100A~800A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải (VA) CI 1.0	Tải (VA) CI 0.5	Kích thước trong
<b>JP-23</b>	JP-23-0100	100/5A	1.5VA	–	22 x 32 mm
	JP-23-0150	150/5A	2.5VA	–	22 x 32 mm
	JP-23-0200	200/5A	2.5VA	1.5VA	22 x 32 mm
	JP-23-0250	250/5A	3.75VA	1.5VA	22 x 32 mm
	JP-23-0300	300/5A	5.0VA	2.5VA	22 x 32 mm
	JP-23-0400	400/5A	5.0VA	2.5VA	22 x 32 mm
	JP-23-0500	500/5A	5.0VA	3.75VA	22 x 32 mm
	JP-23-0600	600/5A	7.5VA	5.0VA	22 x 32 mm
	JP-23-0800	800/5A	10VA	5.0VA	22 x 32 mm

## CÁCH CHỌN CẤP



# KÍCH THƯỚC JP-46



## JP-46

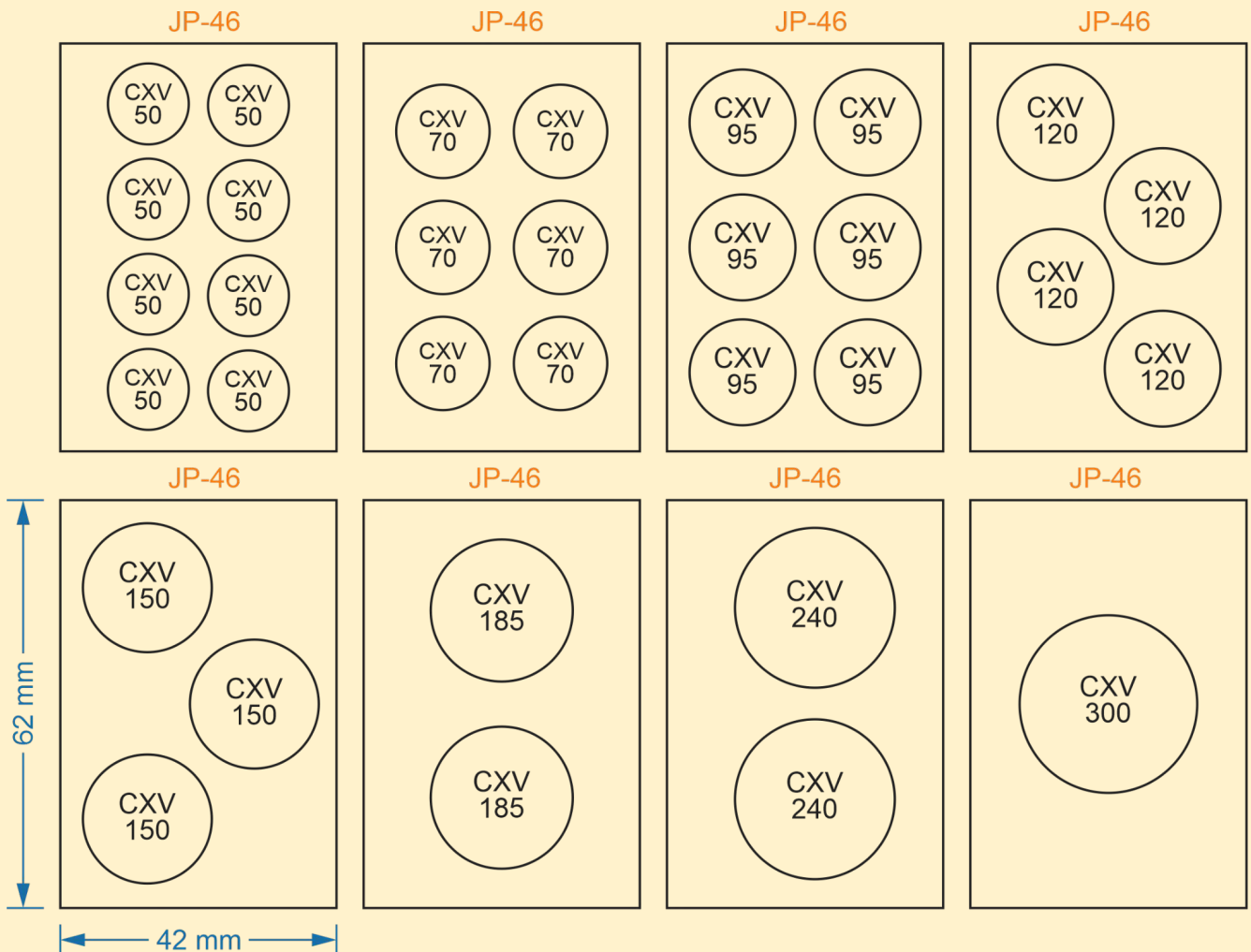
( Unit: mm ±0.5 )

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (T)	Kích thước trong (MxN)	
<b>JP-46</b>	114	141	55	42	62

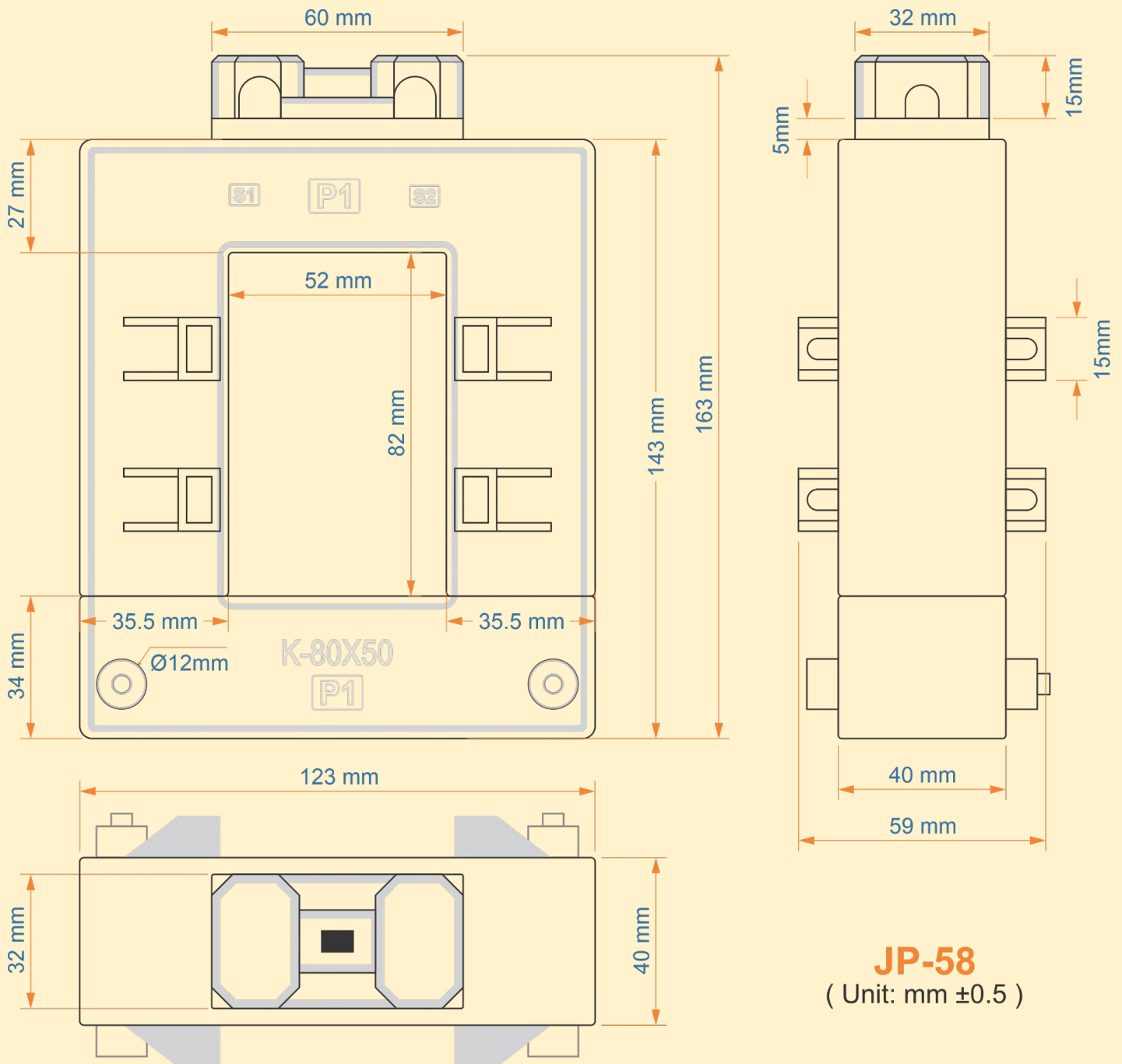
## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng JP-46 (250A ~ 320A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải (VA) CI 1.0	Tải (VA) CI 0.5	Kích thước trong
JP-46	JP-46-0250	250/5A	2.5VA	1.5VA	42 x 62 mm
	JP-46-0300	300/5A	3.75VA	1.5VA	42 x 62 mm
	JP-46-0400	400/5A	3.75VA	1.5VA	42 x 62 mm
	JP-46-0500	500/5A	5.0VA	2.5VA	42 x 62 mm
	JP-46-0600	600/5A	5.0VA	2.5VA	42 x 62 mm
	JP-46-0800	800/5A	7.5VA	3.75VA	42 x 62 mm
	JP-46-1000	1000/5A	10VA	5.0VA	42 x 62 mm
	JP-46-1200	1200/5A	10VA	5.0VA	42 x 62 mm
	JP-46-1500	1500/5A	10VA	5.0VA	42 x 62 mm
	JP-46-1600	1600/5A	15VA	10VA	42 x 62 mm
	JP-46-2000	2000/5A	15VA	10VA	42 x 62 mm
	JP-46-2500	2500/5A	20VA	10VA	42 x 62 mm
	JP-46-3000	3000/5A	20VA	15VA	42 x 62 mm
	JP-46-3200	3200/5A	20VA	15VA	42 x 62 mm

## CÁCH CHỌN CẤP



# KÍCH THƯỚC JP-58



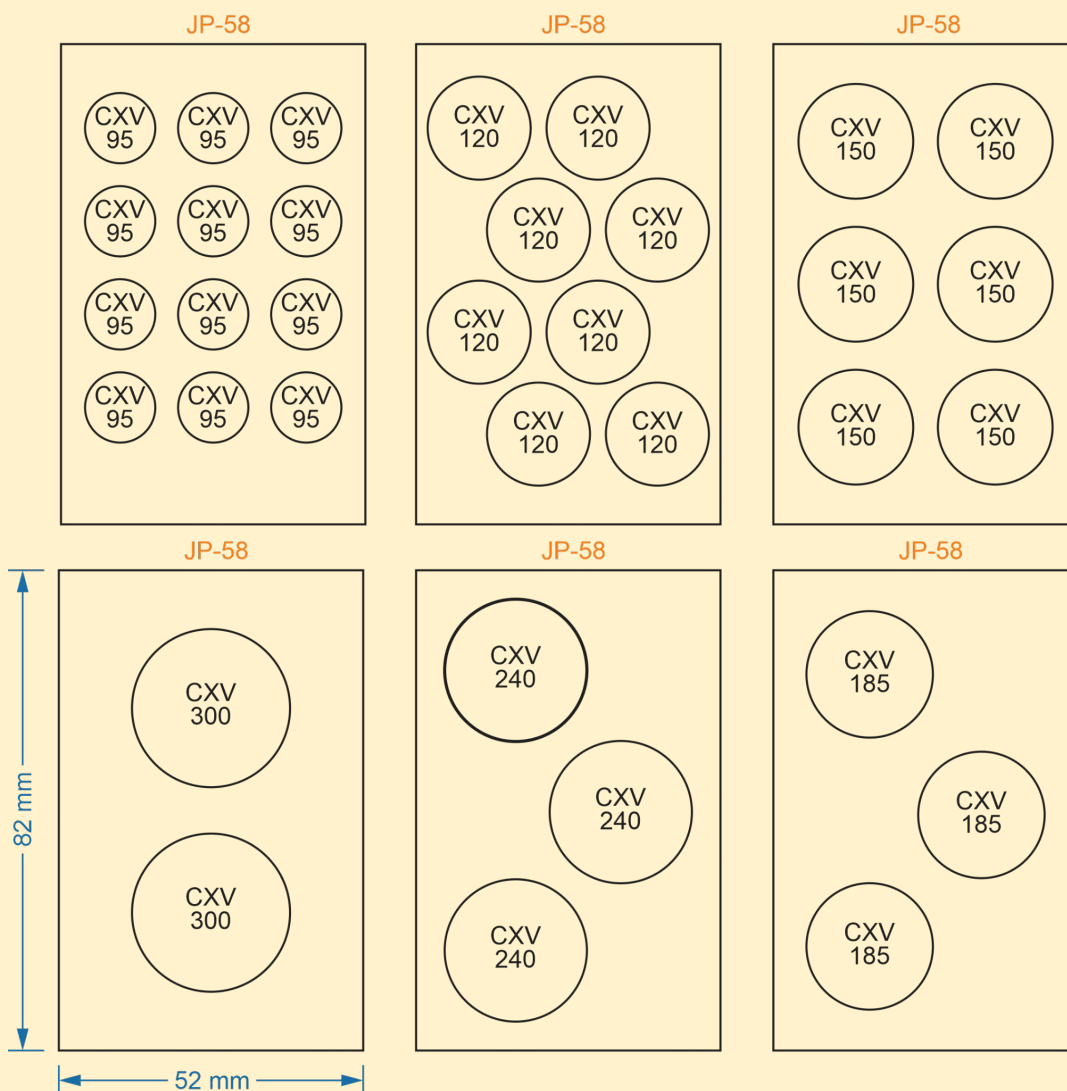
**JP-58**  
( Unit: mm ±0.5 )

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (T)	Kích thước trong (MxN)	
<b>JP-58</b>	123	163	59	52	82

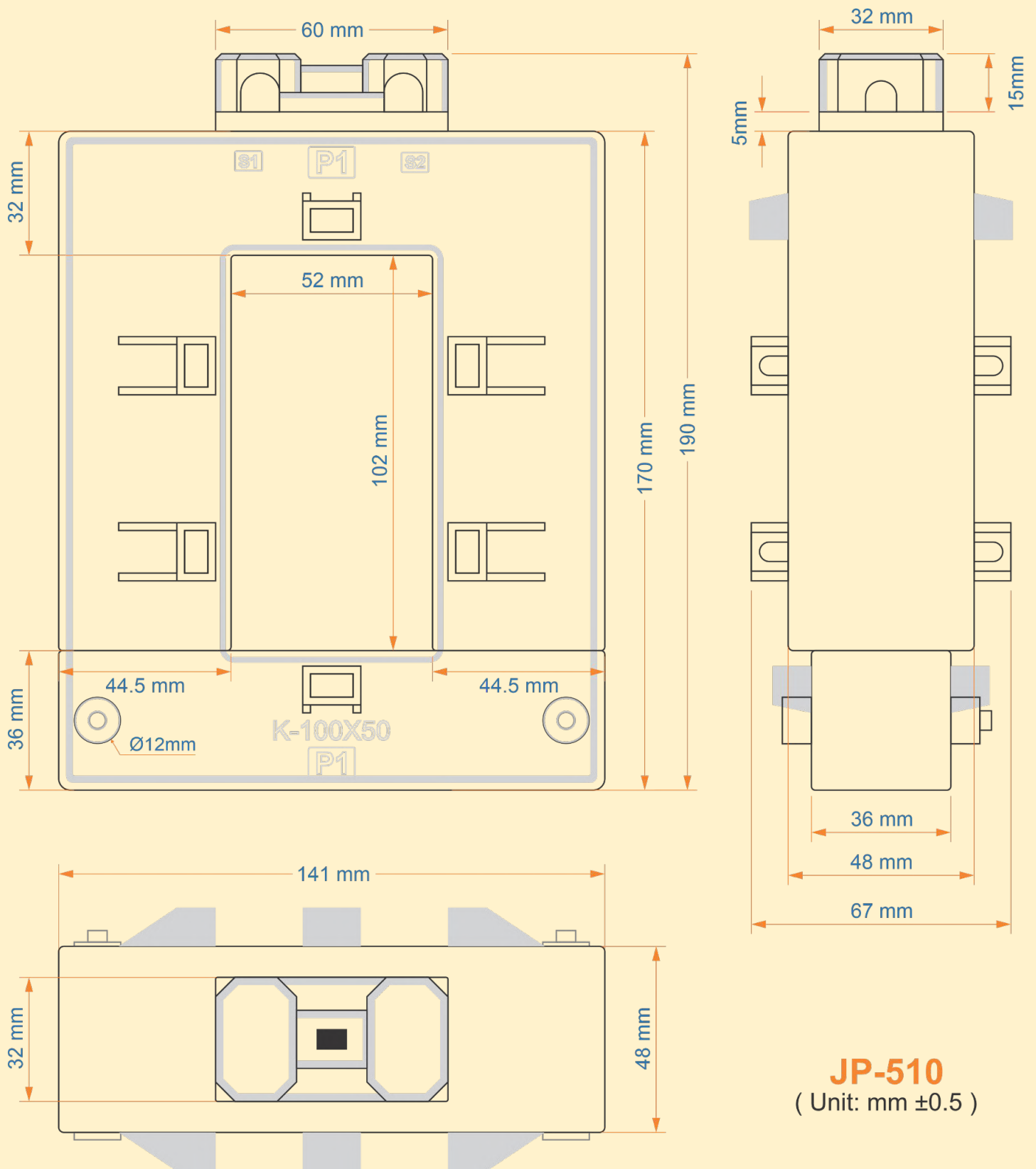
## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng JP-58 (250A ~ 4000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải (VA) CI 1.0	Tải (VA) CI 0.5	Kích thước trong
<b>JP-58</b>	JP-58-0250	250/5A	2.5VA	1.5VA	52 x 82 mm
	JP-58-0300	300/5A	3.75VA	2.5VA	52 x 82 mm
	JP-58-0400	400/5A	3.75VA	2.5VA	52 x 82 mm
	JP-58-0500	500/5A	5.0VA	3.75VA	52 x 82 mm
	JP-58-0600	600/5A	5.0VA	3.75VA	52 x 82 mm
	JP-58-0800	800/5A	5.0VA	3.75VA	52 x 82 mm
	JP-58-1000	1000/5A	7.5VA	5.0VA	52 x 82 mm
	JP-58-1200	1200/5A	10VA	5.0VA	52 x 82 mm
	JP-58-1500	1500/5A	10VA	5.0VA	52 x 82 mm
	JP-58-1600	1600/5A	10VA	5.0VA	52 x 82 mm
	JP-58-2000	2000/5A	15VA	7.5VA	52 x 82 mm
	JP-58-2500	2500/5A	15VA	7.5VA	52 x 82 mm
	JP-58-3000	3000/5A	15VA	10VA	52 x 82 mm
	JP-58-3200	3200/5A	20VA	10VA	52 x 82 mm
	JP-58-4000	4000/5A	20VA	15VA	52 x 82 mm

## CÁCH CHỌN CẤP



# KÍCH THƯỚC JP-510



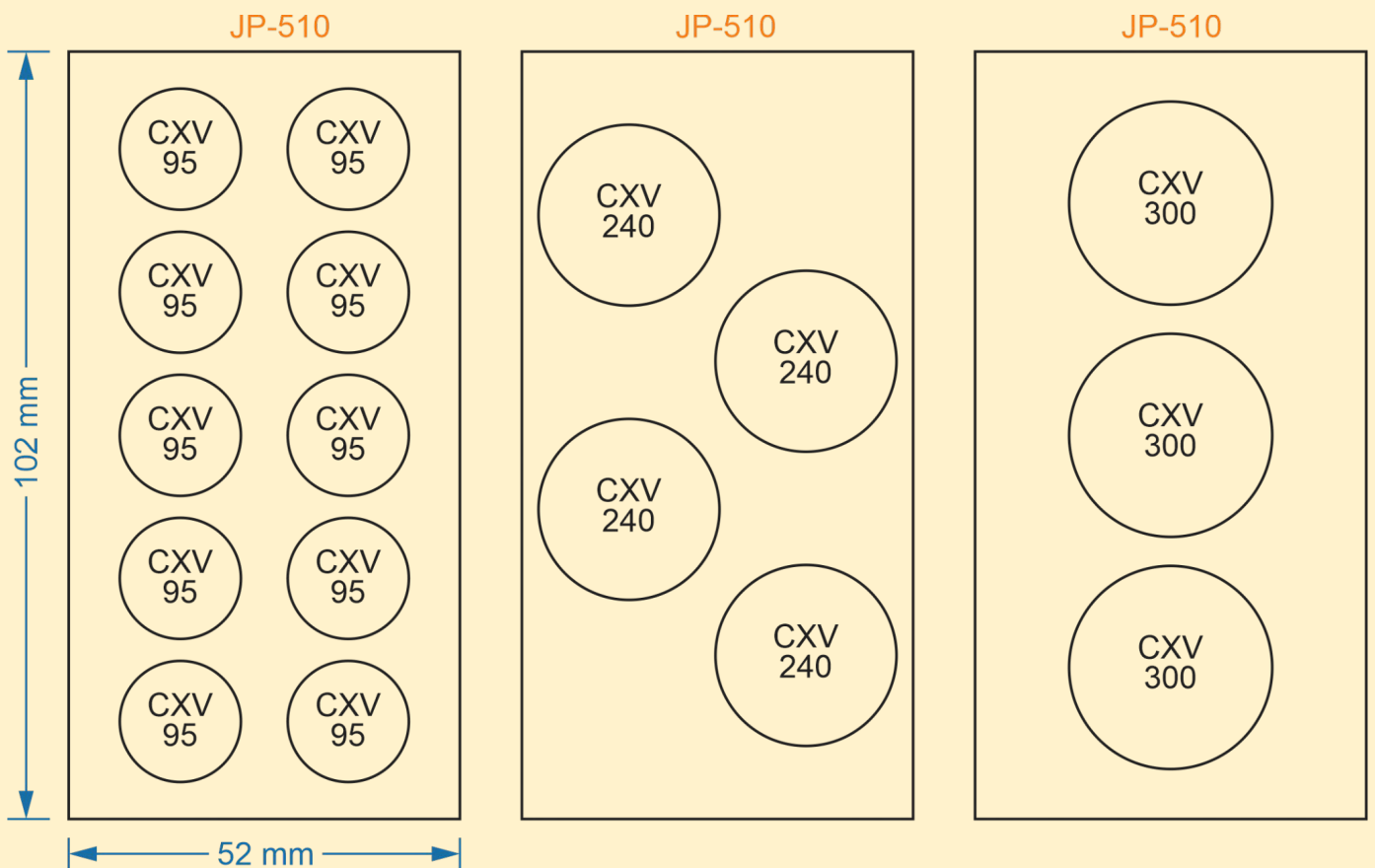
**JP-510**  
( Unit: mm ±0.5 )

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (T)	Kích thước trong (MxN)	
<b>JP-510</b>	141	190	67	52	102

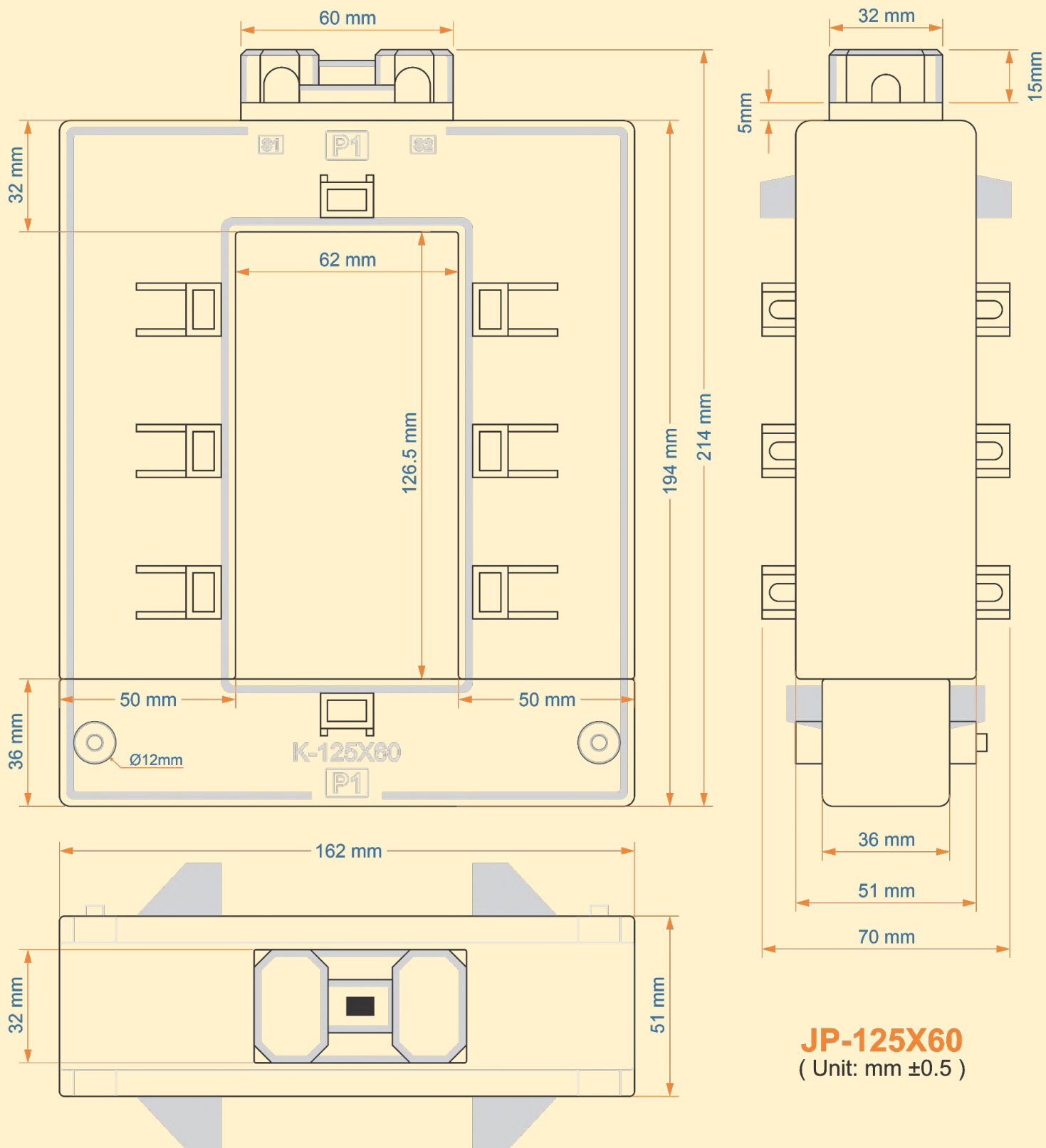
## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng JP-510 (400A ~ 5000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải (VA) CI 1.0	Tải (VA) CI 0.5	Kích thước trong
JP-510	JP-510-0400	400/5A	3.75VA	2.5VA	52 x 102 mm
	JP-510-0500	500/5A	5.0VA	2.5VA	52 x 102 mm
	JP-510-0600	600/5A	5.0VA	3.75VA	52 x 102 mm
	JP-510-0800	800/5A	5.0VA	3.75VA	52 x 102 mm
	JP-510-1000	1000/5A	7.5VA	5.0VA	52 x 102 mm
	JP-510-1200	1200/5A	7.5VA	5.0VA	52 x 102 mm
	JP-510-1500	1500/5A	10VA	5.0VA	52 x 102 mm
	JP-510-1600	1600/5A	10VA	5.0VA	52 x 102 mm
	JP-510-2000	2000/5A	10VA	7.5VA	52 x 102 mm
	JP-510-2500	2500/5A	15VA	7.5VA	52 x 102 mm
	JP-510-3000	3000/5A	15VA	10VA	52 x 102 mm
	JP-510-3200	3200/5A	15VA	10VA	52 x 102 mm
	JP-510-4000	4000/5A	20VA	15VA	52 x 102 mm
	JP-510-5000	5000/5A	20VA	15VA	52 x 102 mm

## CÁCH CHỌN CẤP



# KÍCH THƯỚC JP-612



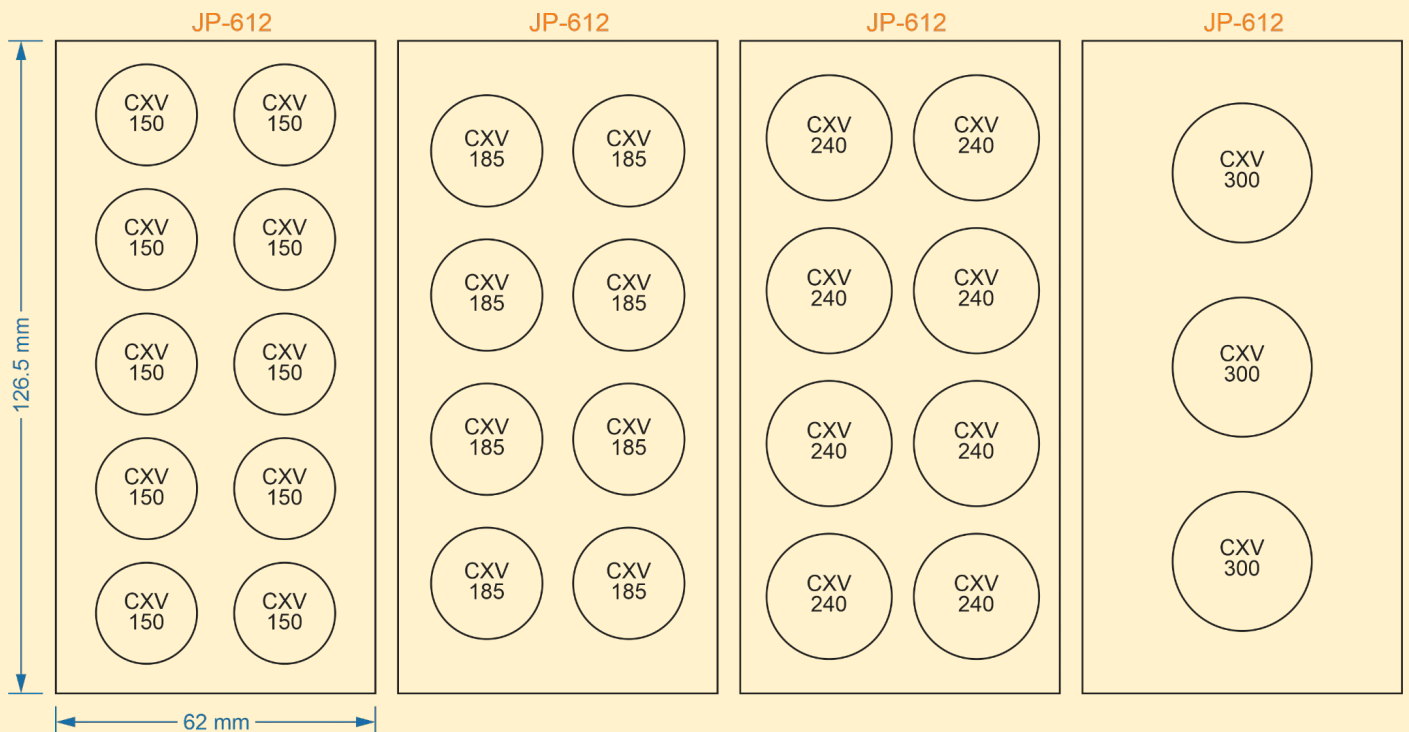
**JP-125X60**  
( Unit: mm ±0.5 )

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (T)	Kích thước trong (MxN)	
<b>JP-612</b>	162	217	70	62	126.5

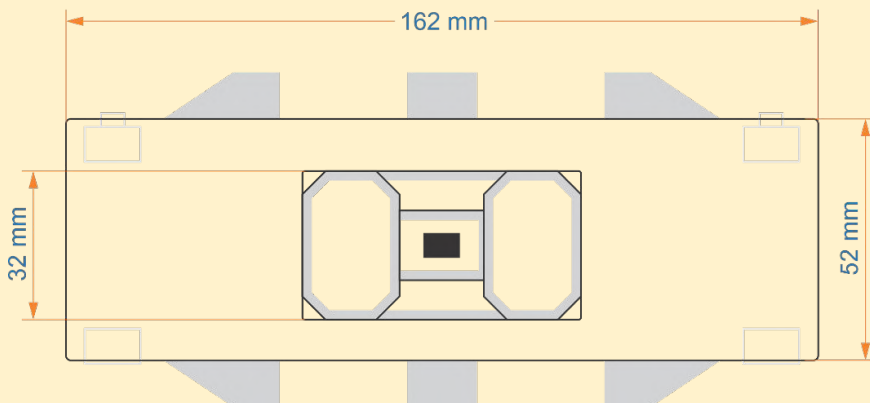
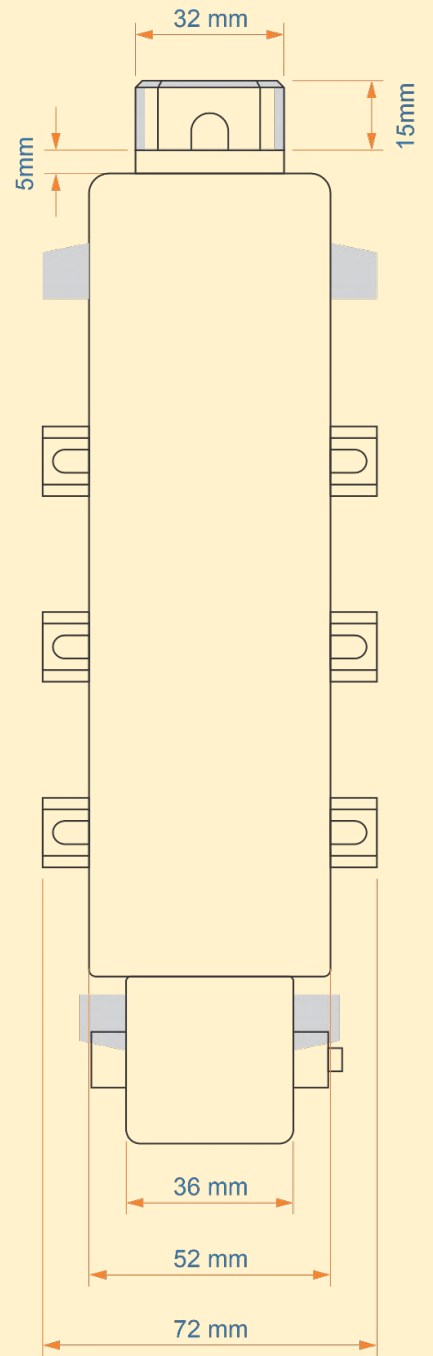
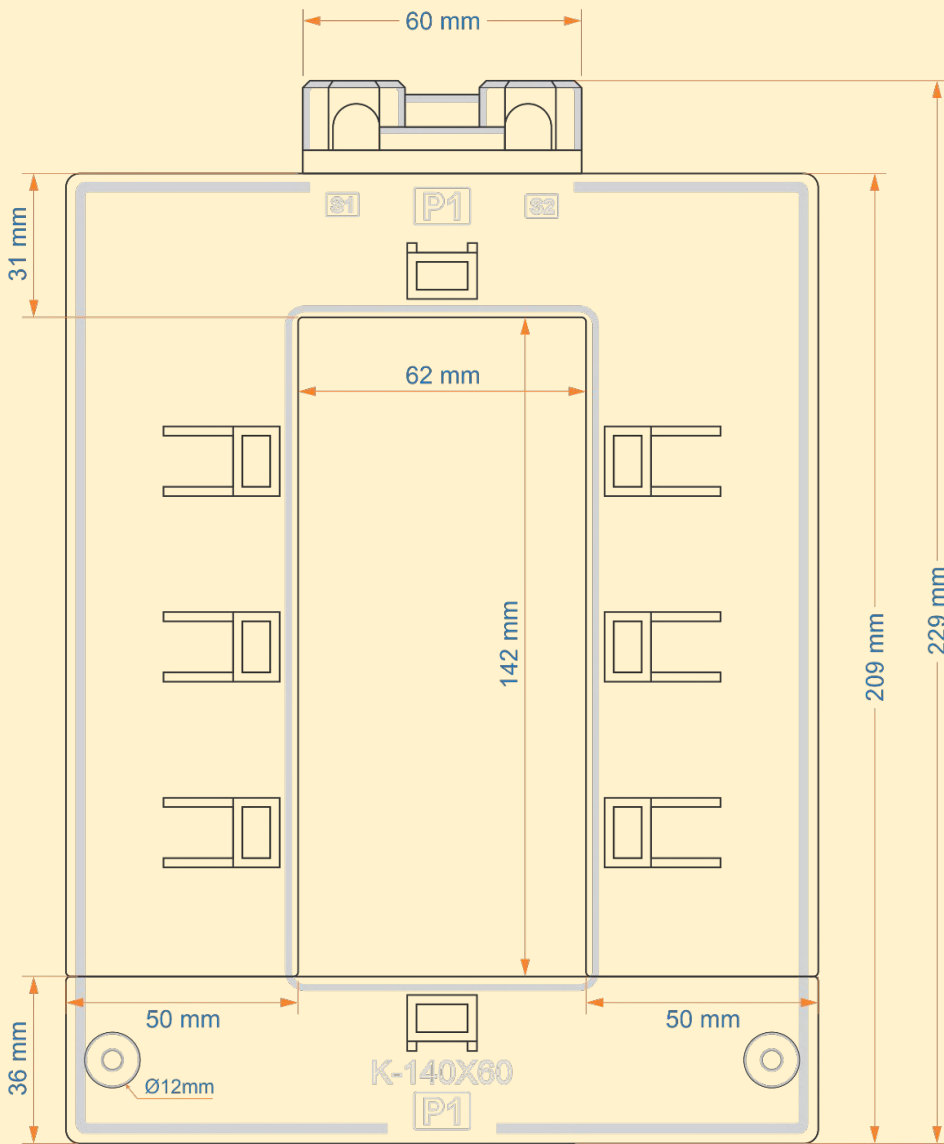
## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng JP-612 (500A ~ 6000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải (VA) CI 1.0	Tải (VA) CI 0.5	Kích thước trong
<b>JP-612</b>	JP-612-0500	500/5A	5.0VA	3.75VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-0600	600/5A	5.0VA	3.75VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-0800	800/5A	5.0VA	3.75VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-1000	1000/5A	7.5VA	5.0VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-1200	1200/5A	7.5VA	5.0VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-1600	1600/5A	10VA	7.5VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-2000	2000/5A	10VA	7.5VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-2500	2500/5A	15VA	10VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-3000	3000/5A	20VA	15VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-3200	3200/5A	20VA	15VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-4000	4000/5A	20VA	20VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-5000	5000/5A	20VA	20VA	62 x 126.5 mm
	JP-612-6000	6000/5A	20VA	20VA	62 x 126.5 mm

## CÁCH CHỌN CẤP



# KÍCH THƯỚC JP-614



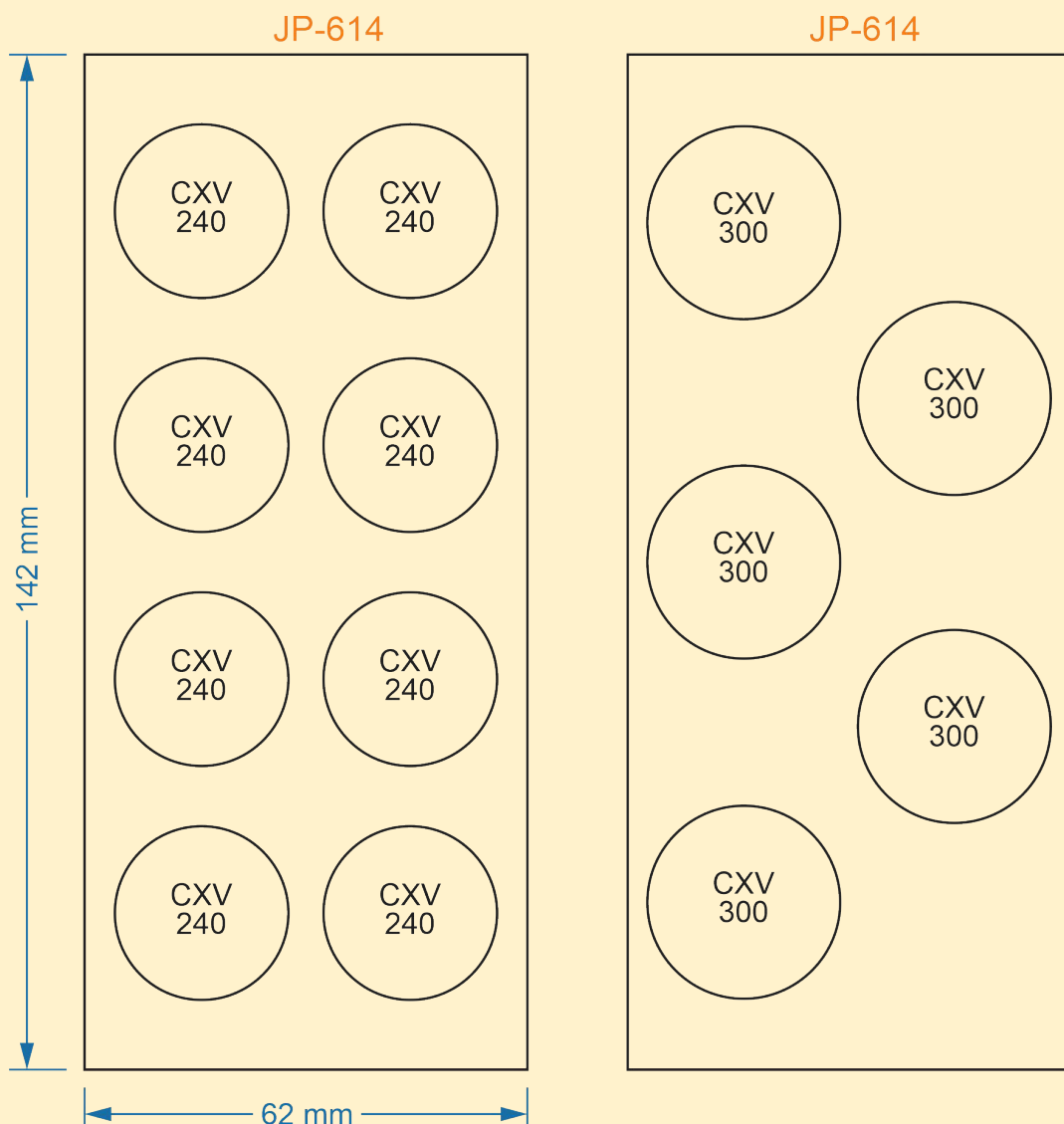
**JP-614**  
(Unit: mm ±0.5)

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (T)	Kích thước trong (MxN)	
<b>JP-614</b>	162	229	72	62	142

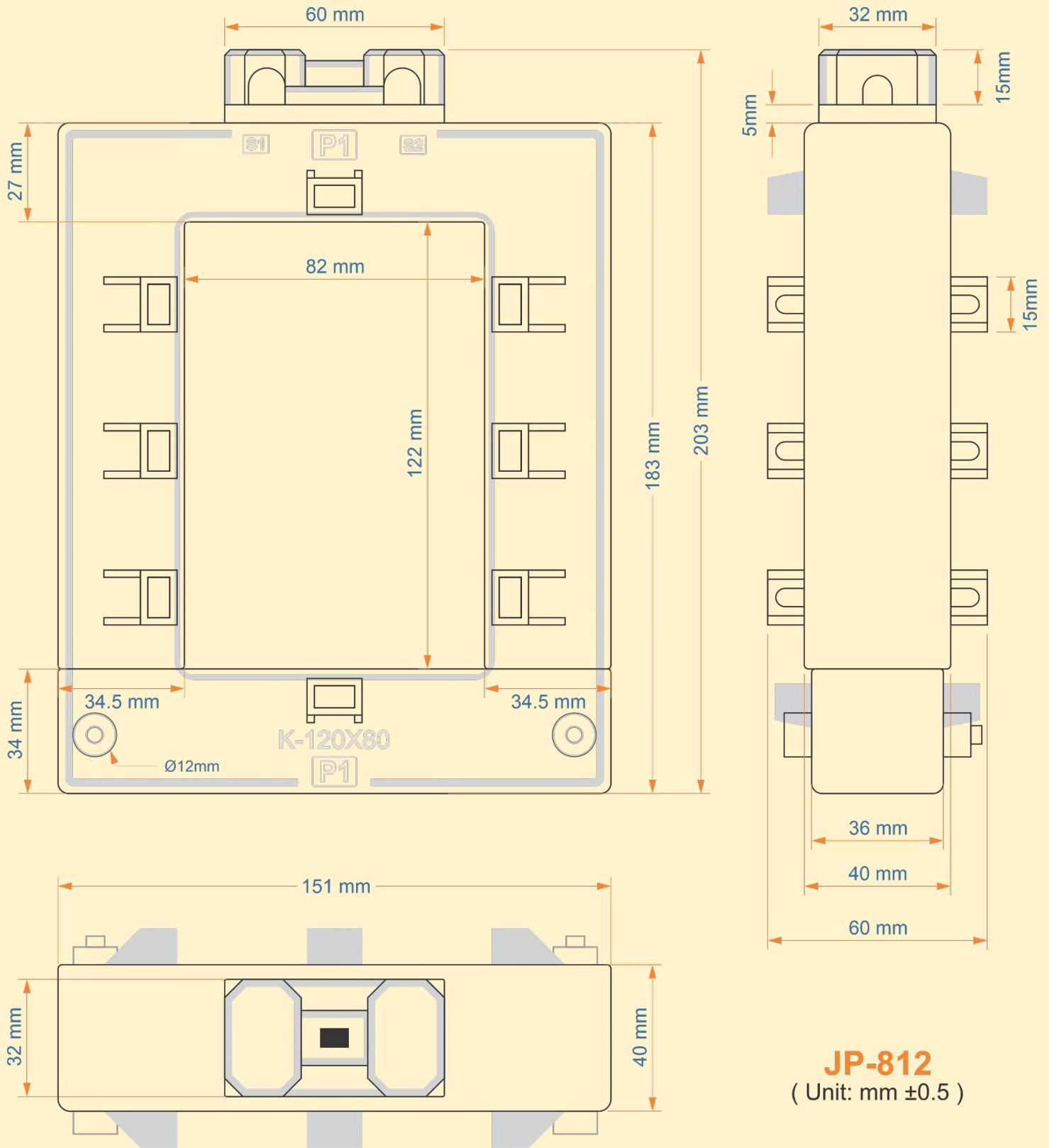
## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng JP-614 (800A ~ 6000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải (VA) CI 1.0	Tải (VA) CI 0.5	Kích thước trong
JP-614	JP-614-0800	800/5A	7.5VA	5.0VA	62 x 142 mm
	JP-614-1000	1000/5A	7.5VA	5.0VA	62 x 142 mm
	JP-614-1200	1200/5A	7.5VA	5.0VA	62 x 142 mm
	JP-614-1500	1500/5A	10VA	7.5VA	62 x 142 mm
	JP-614-1600	1600/5A	10VA	7.5VA	62 x 142 mm
	JP-614-2000	2000/5A	10VA	10VA	62 x 142 mm
	JP-614-2500	2500/5A	15VA	10VA	62 x 142 mm
	JP-614-3000	3000/5A	20VA	15VA	62 x 142 mm
	JP-614-3200	3200/5A	20VA	15VA	62 x 142 mm
	JP-614-4000	4000/5A	20VA	15VA	62 x 142 mm
	JP-614-5000	5000/5A	20VA	15VA	62 x 142 mm
	JP-614-6000	6000/5A	20VA	15VA	62 x 142 mm

## CÁCH CHỌN CẤP



# KÍCH THƯỚC JP-812



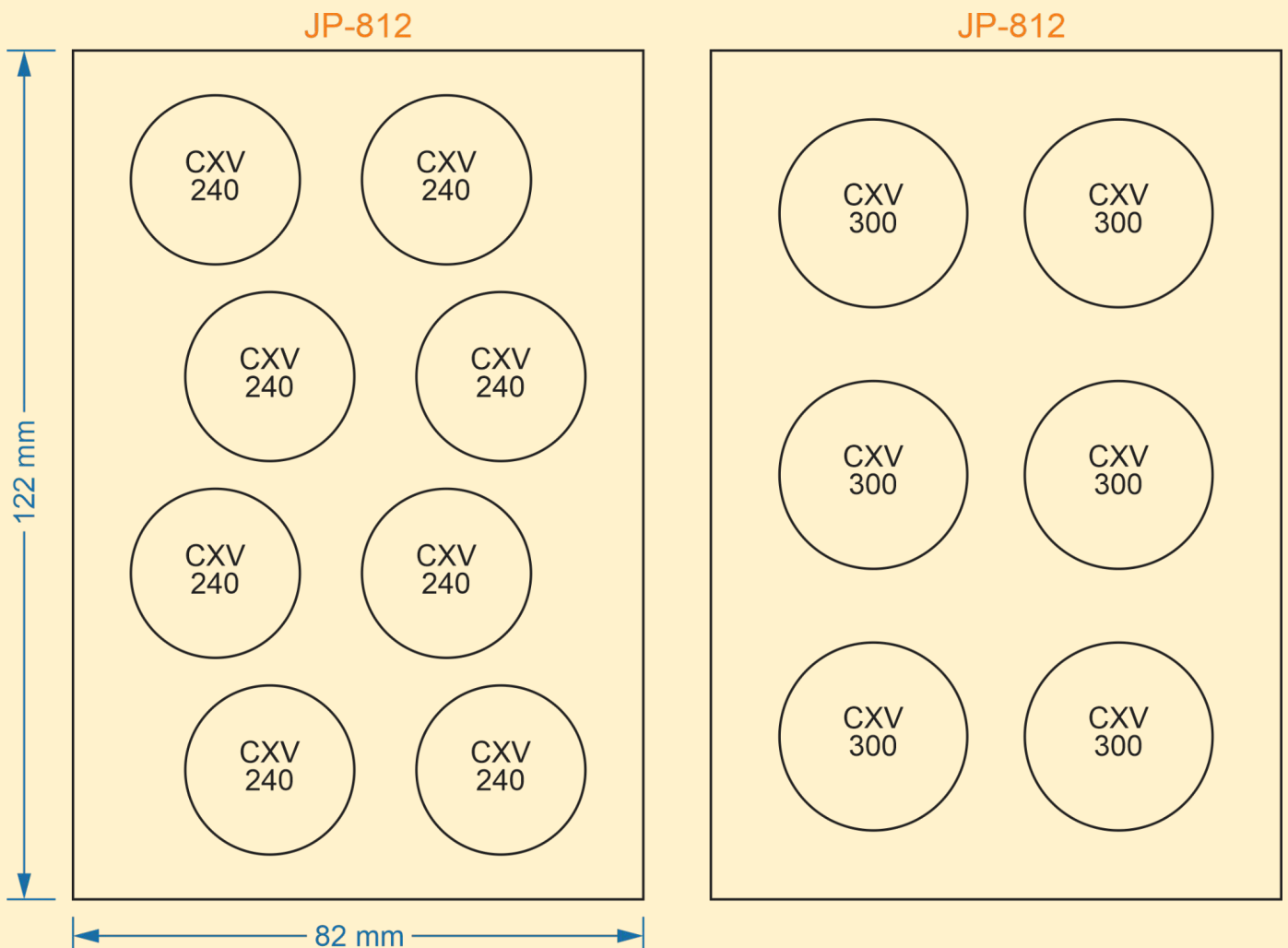
**JP-812**  
( Unit: mm  $\pm 0.5$  )

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (T)	Kích thước trong (MxN)	
<b>JP-812</b>	151	229	60	82	122

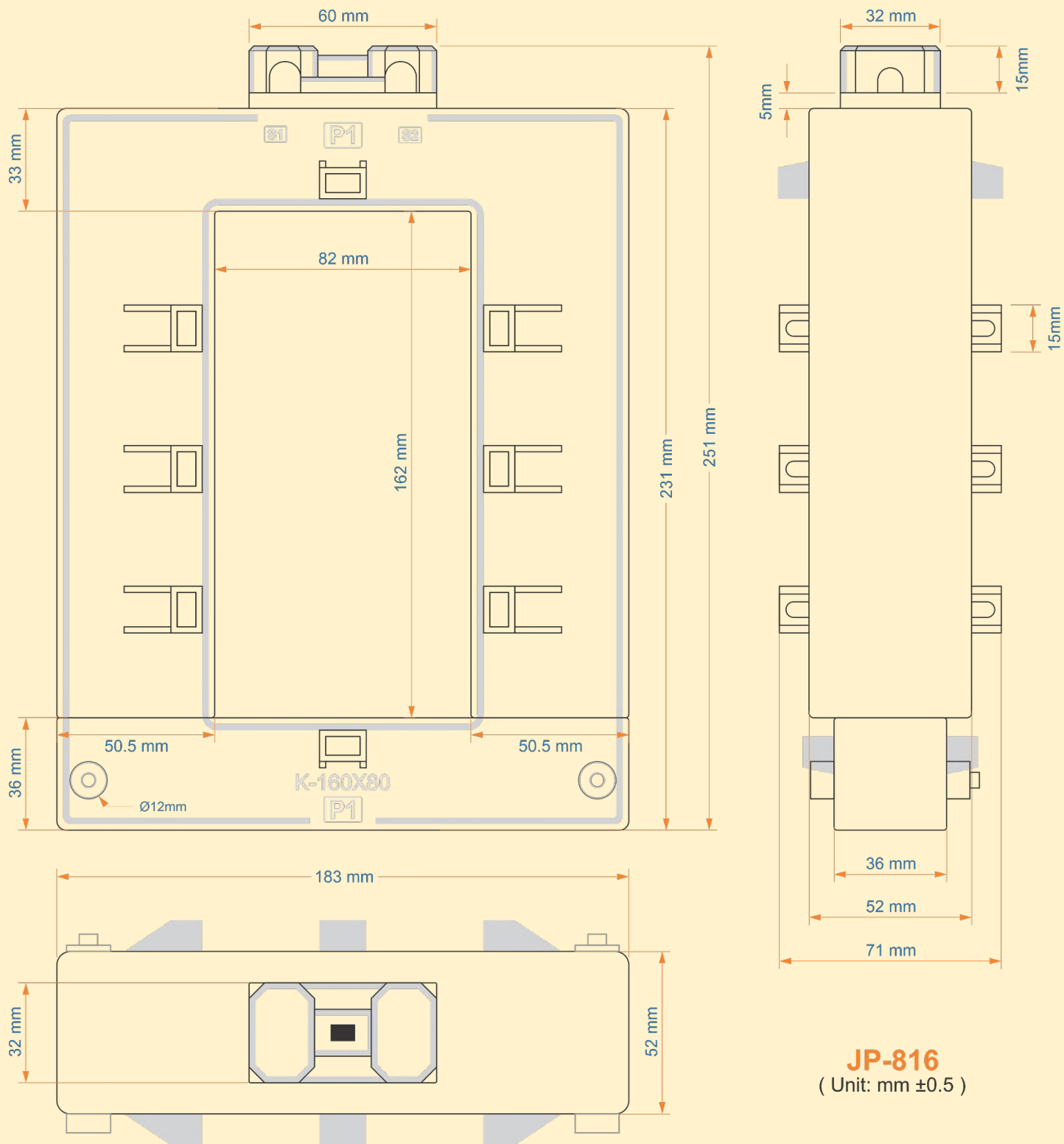
## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng JP-812 (800A ~ 6000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải (VA) CI 1.0	Tải (VA) CI 0.5	Kích thước trong
JP-812	JP-812-0500	500/5A	5.0VA	3.75VA	82 x 122 mm
	JP-812-0600	600/5A	5.0VA	3.75VA	82 x 122 mm
	JP-812-0800	800/5A	5.0VA	5.0VA	82 x 122 mm
	JP-812-1000	1000/5A	7.5VA	5.0VA	82 x 122 mm
	JP-812-1200	1200/5A	7.5VA	5.0VA	82 x 122 mm
	JP-812-1500	1500/5A	10VA	7.5VA	82 x 122 mm
	JP-812-1600	1600/5A	10VA	7.5VA	82 x 122 mm
	JP-812-2000	2000/5A	10VA	10VA	82 x 122 mm
	JP-812-2500	2500/5A	10VA	10VA	82 x 122 mm
	JP-812-3000	3000/5A	15VA	10VA	82 x 122 mm
	JP-812-3200	3200/5A	15VA	10VA	82 x 122 mm
	JP-812-4000	4000/5A	20VA	15VA	82 x 122 mm

### CÁCH CHỌN CẤP



# KÍCH THƯỚC JP-816



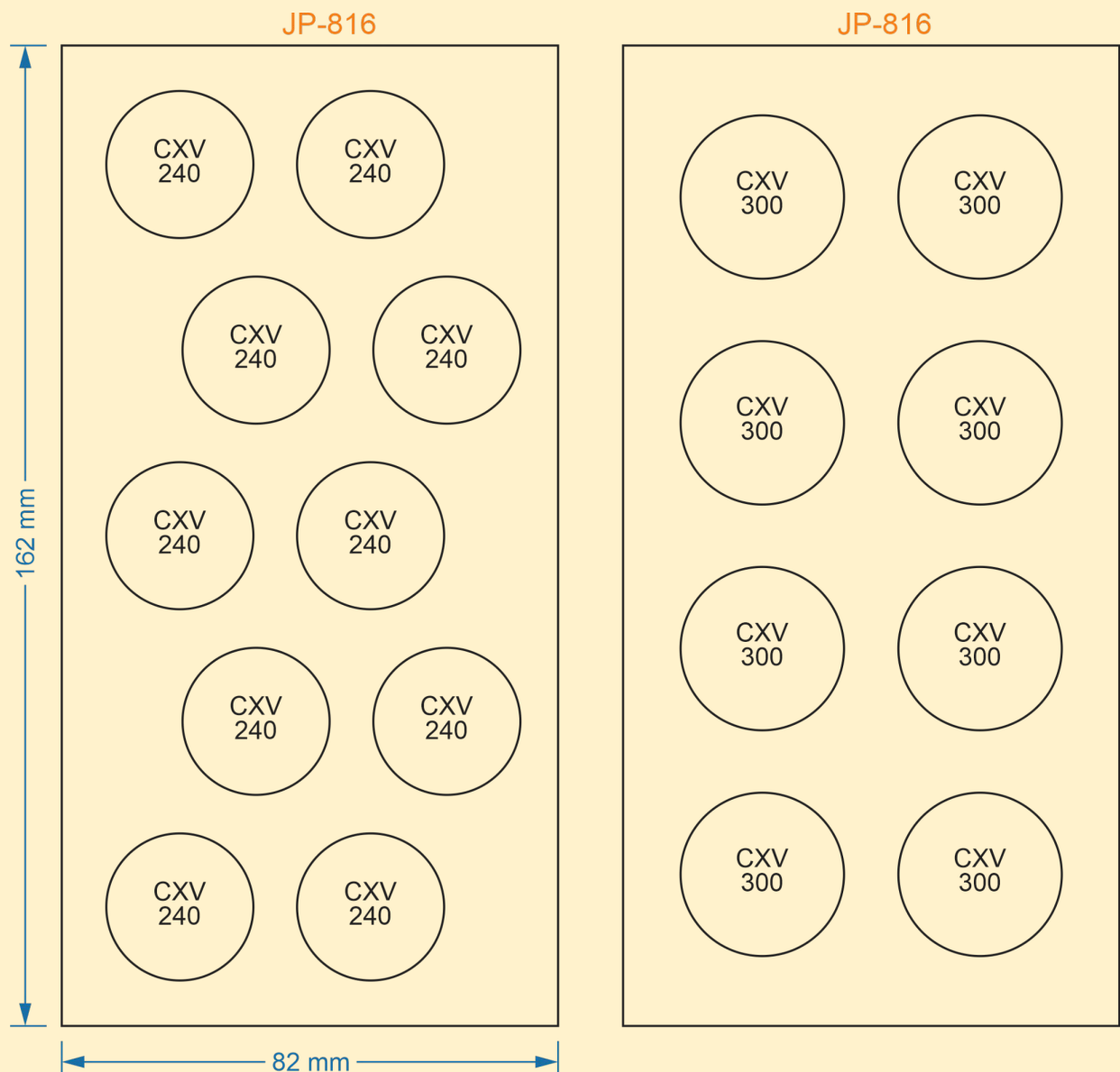
**JP-816**  
( Unit: mm ±0.5 )

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (T)	Kích thước trong (MxN)	
<b>JP-816</b>	183	251	71	82	162

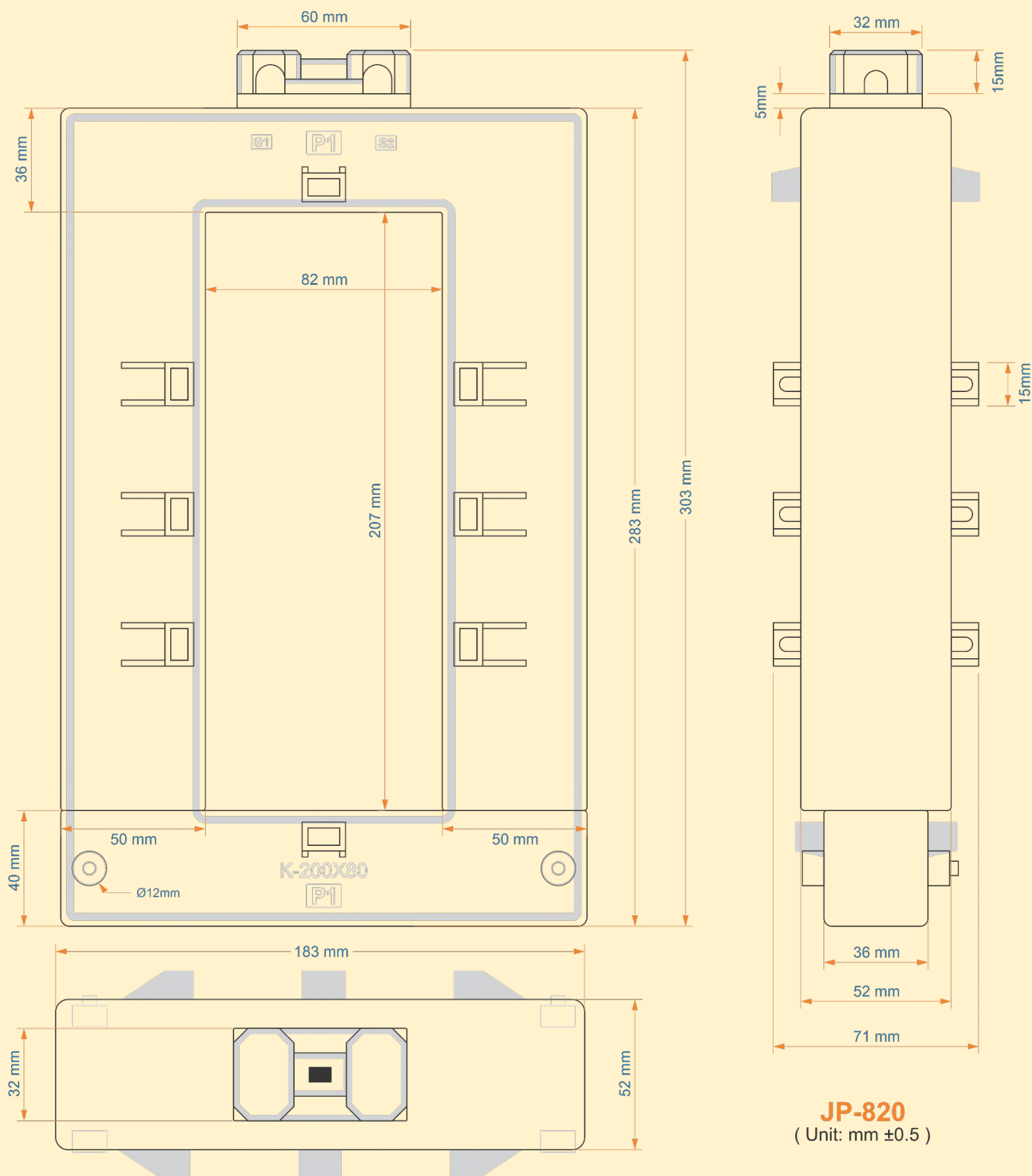
## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng JP-816 (800A ~ 6000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải (VA) CI 1.0	Tải (VA) CI 0.5	Kích thước trong
JP-816	JP-816-0800	800/5A	5	3.75	82 x 162 mm
	JP-816-1000	1000/5A	7.5	3.75	82 x 162 mm
	JP-816-1200	1200/5A	7.5	5	82 x 162 mm
	JP-816-1500	1500/5A	7.5	5	82 x 162 mm
	JP-816-1600	1600/5A	7.5	5	82 x 162 mm
	JP-816-2000	2000/5A	15	10	82 x 162 mm
	JP-816-2500	2500/5A	20	10	82 x 162 mm
	JP-816-3000	3000/5A	20	15	82 x 162 mm
	JP-816-3200	3200/5A	20	15	82 x 162 mm
	JP-816-4000	4000/5A	25	20	82 x 162 mm
	JP-816-5000	5000/5A	25	20	82 x 162 mm
	JP-816-6000	6000/5A	25	20	82 x 162 mm

## CÁCH CHỌN CẤP



# KÍCH THƯỚC JP-820



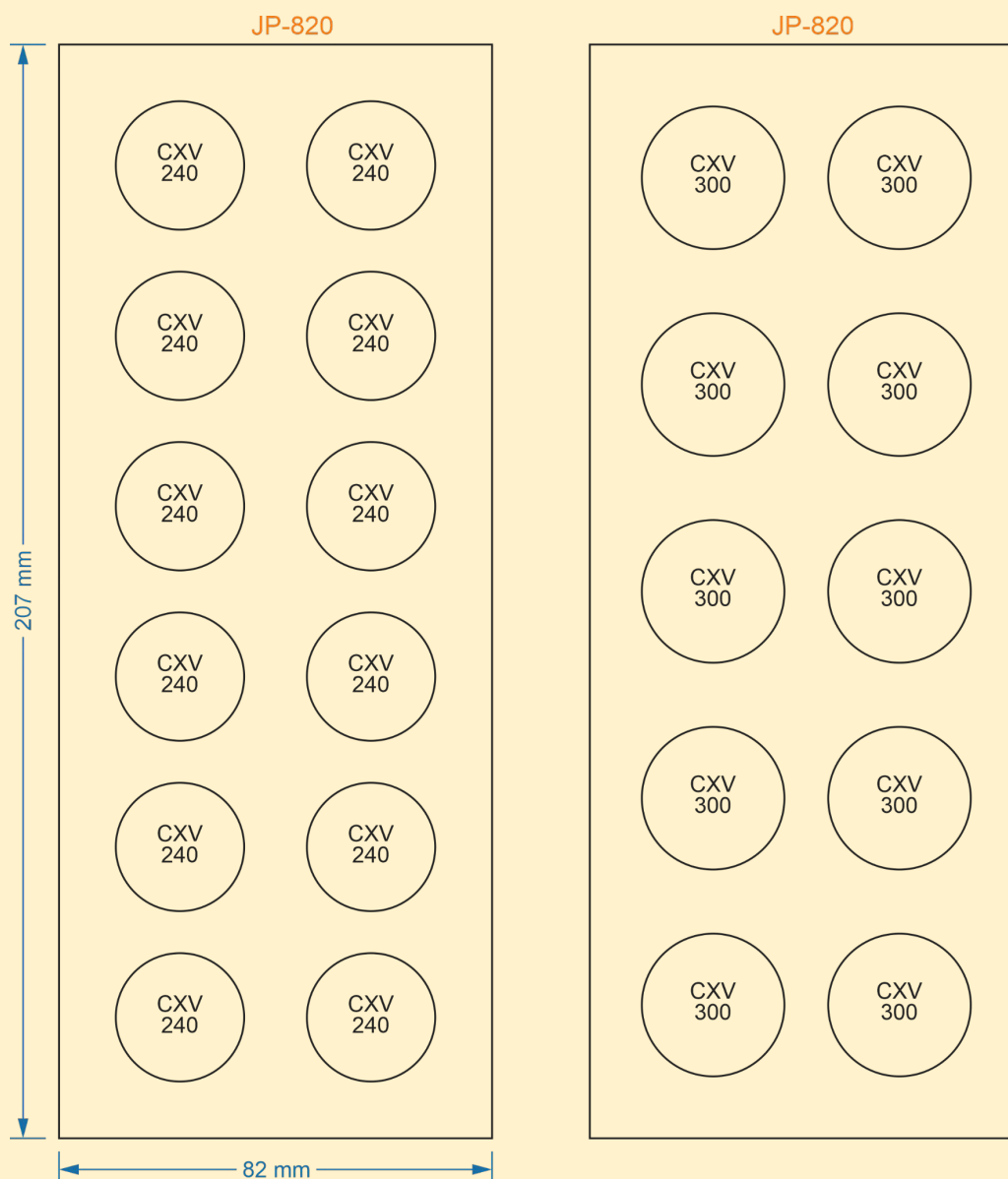
**JP-820**  
(Unit: mm  $\pm 0.5$ )

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Dày (T)	Kích thước trong (MxN)	
<b>JP-820</b>	183	303	71	82	207

## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng JP-820 (1000A ~ 10000A)

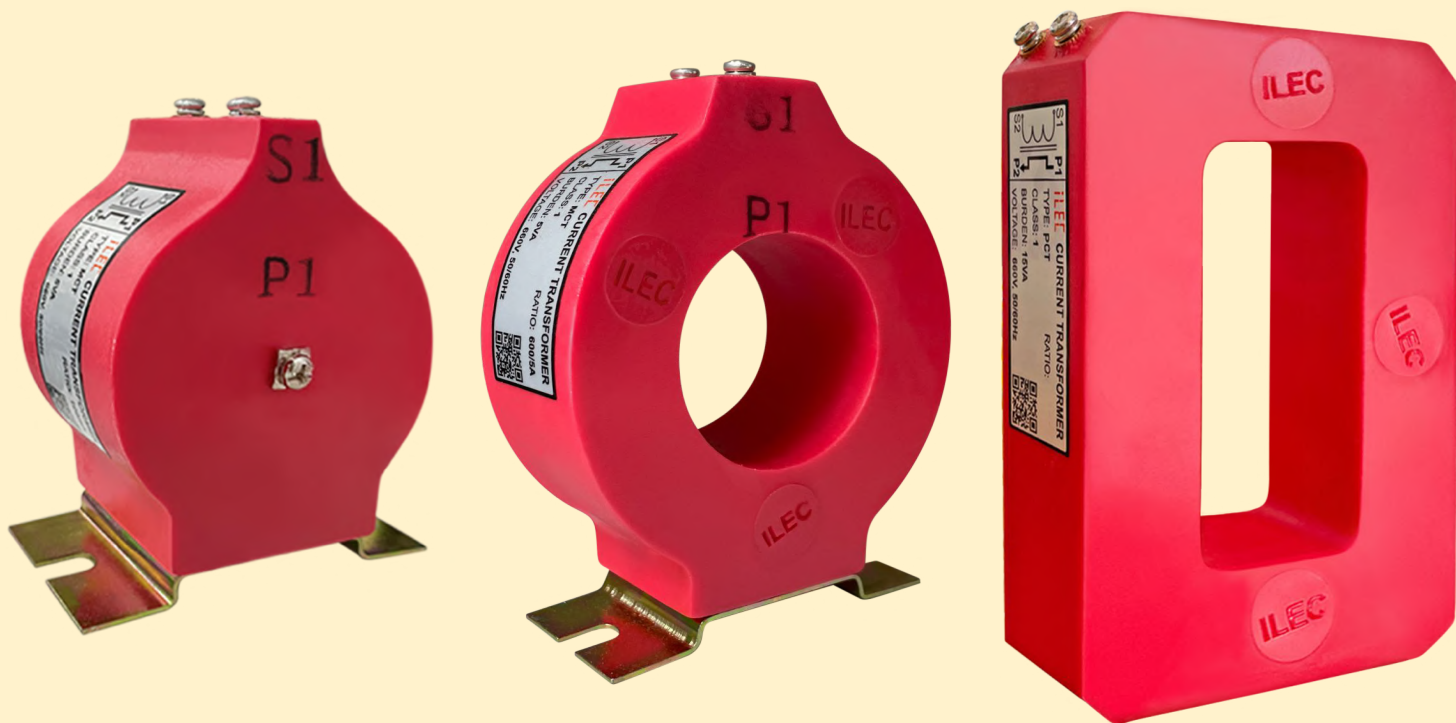
Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải (VA) CI 1.0	Tải (VA) CI 0.5	Kích thước trong
JP-820	JP-820-1000	1000/5A	7.5	5	82 x 207 mm
	JP-820-1200	1200/5A	7.5	5	82 x 207 mm
	JP-820-1600	1600/5A	10	7.5	82 x 207 mm
	JP-820-2000	2000/5A	10	7.5	82 x 207 mm
	JP-820-2500	2500/5A	15	10	82 x 207 mm
	JP-820-3000	3000/5A	15	10	82 x 207 mm
	JP-820-3200	3200/5A	15	10	82 x 207 mm
	JP-820-4000	4000/5A	20	15	82 x 207 mm
	JP-820-5000	5000/5A	20	15	82 x 207 mm
	JP-820-6000	6000/5A	20	15	82 x 207 mm
	JP-820-7000	7000/5A	25	20	82 x 207 mm
	JP-820-8000	8000/5A	25	20	82 x 207 mm
	JP-820-9000	9000/5A	30	25	82 x 207 mm
	JP-820-10000	10000/5A	30	25	82 x 207 mm

## CÁCH CHỌN CẤP



# BIẾN DÒNG ĐÚC EPOXY

## MCT – PCT – ZCT



Biến dòng đúc Epoxy là thiết bị dùng để biến đổi dòng điện lớn về giá trị nhỏ tiêu chuẩn (1A hoặc 5A) để phục vụ đo lường và bảo vệ trong hệ thống điện.

### Đặc điểm

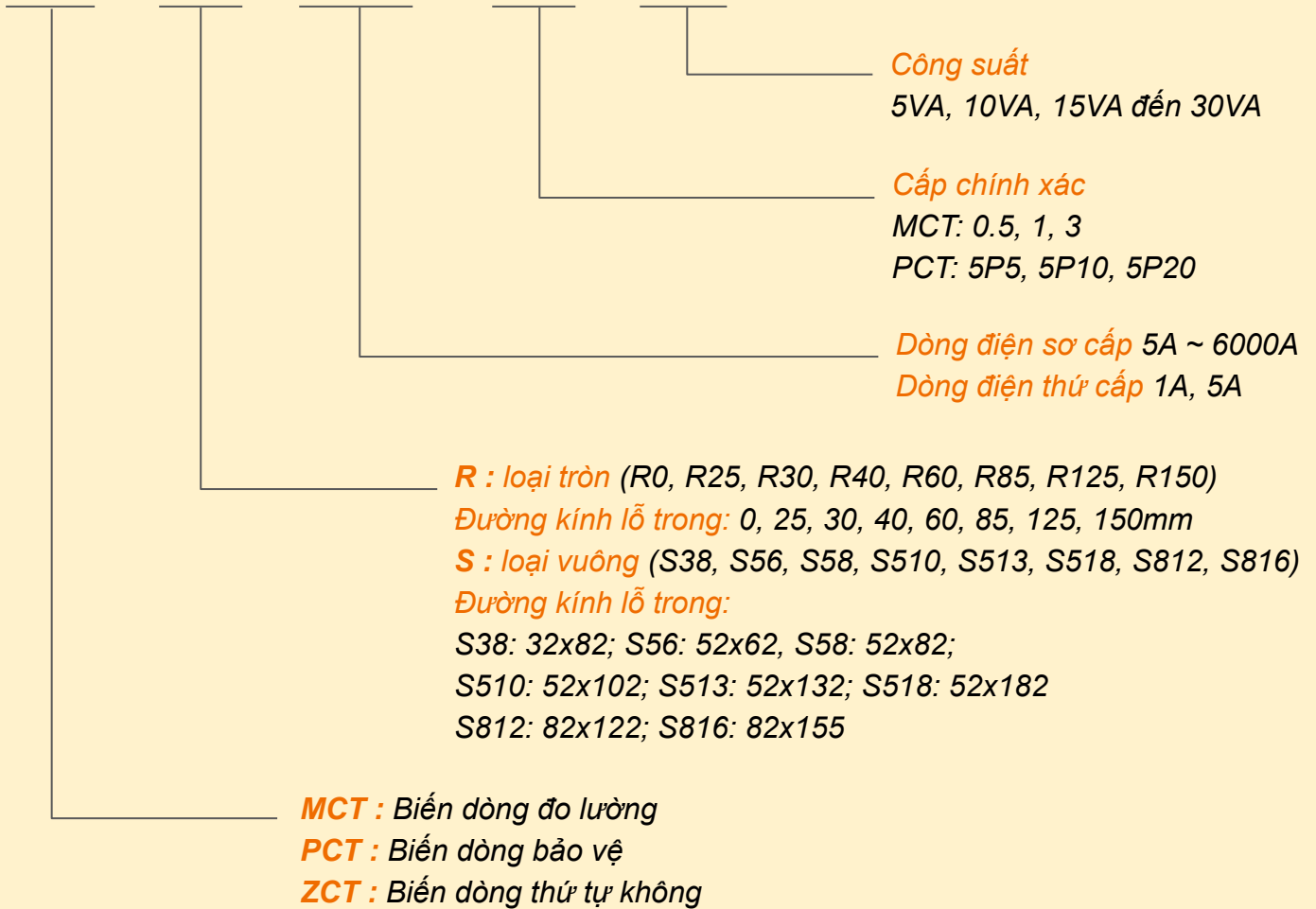
- ❖ Đúc Epoxy nguyên khối, cách điện tốt, chống ẩm, chống bụi.
- ❖ Độ bền cao, an toàn khi vận hành.
- ❖ Kích thước gọn, dễ lắp đặt trong tủ điện.
- ❖ Độ chính xác ổn định, tuổi thọ lâu dài.
- ❖ Phù hợp hệ thống điện hạ thế và trung thế.

### Phân loại

- ❖ **Biến dòng đo lường MCT:**  
Dùng cho đồng hồ đo (Ampe, công tơ, thiết bị giám sát). Độ chính xác cao (class 1).  
Làm việc ổn định trong điều kiện tải bình thường.
- ❖ **Biến dòng bảo vệ PCT:**  
Dùng cho Relay bảo vệ (quá dòng, ngắn mạch...). Chịu quá tải và dòng sự cố lớn.  
Đảm bảo tín hiệu chính xác khi xảy ra sự cố.
- ❖ **Biến dòng thứ tự không ZCT:**  
Phát hiện dòng rò / dòng sự cố chạm đất, thường kết hợp với relay rò.  
Dùng trong hệ thống bảo vệ chống giật, chống rò.

# CÁCH CHỌN MÃ

**MCT – R30  
S38 – 100/5A – CL.1 – 5VA**



<b>Dòng điện sơ cấp</b>	<b>5A - 6000A</b>
<b>Dòng điện thứ cấp</b>	<b>1A - 5A</b>
<b>Cấp chính xác (CI)</b>	<b>1 hoặc 3 (MCT); 5P10 (PCT)</b>
<b>Dung lượng (VA)</b>	<b>5 - 15VA</b>
<b>Điện áp danh định (Un)</b>	<b>≤ 600V</b>
<b>Tần số danh định (fn)</b>	<b>50/60 Hz</b>
<b>Thử cách điện</b>	<b>3 kV/phút</b>
<b>Dòng quá tải liên tục</b>	<b>1.2 In</b>
<b>Nhiệt độ làm việc cho phép</b>	<b>0°C ~ 50°C</b>
<b>Giới hạn nhiệt độ làm việc</b>	<b>60°C</b>

<b>LOẠI TRÒN</b>	<b>LOẠI CHỮ NHẬT</b>
–	S38: 32 x 82 mm
R25: Ø25 mm	S56: 52 x 62 mm
R30: Ø30 mm	S58: 52 x 82 mm
R40: Ø40 mm	S510: 52 x 102 mm
R60: Ø60 mm	S513: 52 x 132 mm
R85: Ø85 mm	S518: 52 x 182 mm
R125: Ø125 mm	S812: 82 x 122 mm
R150: Ø150 mm	S816: 82 x 155 mm
R180: Ø180 mm	–

Số: 230400267/TNĐMN-BD

## BIÊN BẢN THÍ NGHIỆM

Ngày: 05/04/2023  
Trang: 1 / 2

### I – ĐỐI TƯỢNG THỬ: MÁY BIẾN DÒNG ĐIỆN

### II – THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Kiểu : MCT

Nơi chế tạo: ILEC

Số lượng: 01 cái

Điện áp định mức: 660V

Tỉ số biến, tải định mức, cấp chính xác: 500/5A – 5VA – CCX: 1

Nơi lắp đặt: Việt Nam

Nơi yêu cầu: Việt Nam

Lý do thí nghiệm: Trước khi sử dụng

Ngày và nơi thí nghiệm: 05/04/2023 tại Trung Tâm Thí Nghiệm Điện Bình Dương

### III – SỐ LIỆU THÍ NGHIỆM:

1) Điện trở cách điện (  $M\Omega$  ):

Số chế tạo	Sơ – Thứ	Sơ – Vô	Thứ – Vô
230401	> 1000	-	> 1000

2) Kiểm tra cực tính: P1-P2, S1-S2

3) Tỉ số biến dòng:

Số chế tạo	Sơ cấp	Thứ cấp
230401	500	5

4) Thử điện áp xoay chiều tăng cao, tần số công nghiệp:

Số chế tạo	U <sub>tn</sub> (KV)	T <sub>tn</sub> (phút)
230401	3	1

5) Điện trở một chiều cuộn dây thứ cấp (  $\Omega$  ):

Số chế tạo	Thứ cấp
230401	0.92

6) Kết quả xác định sai số:

M01 – QTTN 03 – CA \*Tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm : QTTN 03, IEC 60044-1:2003, IEC 60044-2:2003, TCVN 60044-5:2004, TCVN 7697-1:2007, TCVN 7697-2:2007, TCN 48/NL/KHK, tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo .



Số: 230400267/TNĐMN-BD

**BIÊN BẢN THÍ NGHIỆM**

Ngày: 05/04/2023

Trang: 2 / 2

Tỷ số biến	Dung lượng (V.A)	5% I <sub>1n</sub>		20% I <sub>1n</sub>		100% I <sub>1n</sub>		120% I <sub>1n</sub>	
		Sai số tỷ số f (°)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỷ số f (°)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỷ số f (°)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỷ số f (°)	Sai số góc δ (°)
500/5A	100%	0.09	89	0.24	55	0.52	15	0.57	12
	25%	0.49	66	0.61	41	0.67	18	0.69	17

**IV – THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM:**

CA.6547. EZCT-2000C.HVT-70/50. WRM-10P. Kyoritsu 1021 R

**V – KẾT LUẬN:**

TI hạ thế đạt yêu cầu vận hành với thông số trên.

**THÍ NGHIỆM**

**TT. THÍ NGHIỆM ĐIỆN BÌNH DƯƠNG**

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phù Thị Kim Hồng





# CÔNG TY CỔ PHẦN THÍ NGHIỆM ĐIỆN SÀI GÒN MIỀN TÂY

Địa chỉ : 173/36 Đường TX52, Phường Thới An, TP. HỒ CHÍ MINH  
ĐT:09.6378.6378- (028) 6681.5224 ; Web: www.swc.vn ; Email: swc@swc.vn

Số: /BBTN-SWC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

## BIÊN BẢN THỬ NGHIỆM

### I. ĐỐI TƯỢNG THỬ NGHIỆM: CT

### II. KHÁCH HÀNG

- Tên khách hàng: Công ty CP Tập Đoàn VAS Nghi Sơn
- Địa chỉ: Khu liên hợp Gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, Phường Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
- Tên công trình: -
- Ngày thử nghiệm: 14/11/2025
- Lý do thử nghiệm: Trước vận hành theo yêu cầu khách hàng
- Địa điểm thử nghiệm: Công ty CP Thí nghiệm Điện Sài Gòn Miền Tây
- Nơi lắp đặt: Khu liên hợp Gang thép Nghi Sơn - Khu kinh tế Nghi Sơn, Phường Nghi Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

### III. THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Hiệu: ILEC

Kiểu: PCT-S818

Điện áp định mức: 0.95kV

Tem số: 1.497926

Số pha: 01

Tần số: 50/60Hz

	Cấp		Cấp cx	Tải (VA)
	Tên cuộn	Tên cuộn		
<b>Cuộn sơ cấp</b>	P1-P2	-	-	-
<b>Cuộn thứ cấp 1</b>	S1-S2	4000/5A	5P10	30

\*Thông số kỹ thuật, lý lịch dựa vào tài liệu kỹ thuật đơn vị yêu cầu thử nghiệm cung cấp.

### IV. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Kiểm tra bên ngoài: Bình thường

Kết quả: Đạt

2. Điện trở cách điện (MΩ):  $t = 32\text{ }^{\circ}\text{C}$

STT	Số máy	Đối tượng đo	
		Cuộn thứ	
01	251111111	>1000	

3. Thử độ bền điện áp tăng cao tần số 50Hz

STT	Số máy	Cuộn sơ		Cuộn thứ		Kết quả
		U <sub>thử</sub>	Tiêu chuẩn	U <sub>thử</sub>	Tiêu chuẩn	
01	251111111	-	-	3	3	Đạt

4. Tỉ số biến, cực tính

STT	Số máy	Cuộn	Tỉ số biến	K <sub>đm</sub>	K <sub>đo</sub>
01	251111111	S1-S2	4000/5	800	799.88

5. Điện trở các cuộn dây

STT	Số máy	Cuộn	Điện trở cuộn dây (Ω)
01	251111111	S1-S2	1.4639

\*\*Các kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

**V. THIẾT BỊ THỬ NGHIỆM:** KYORITSU 3025A, CPT 108, HVT 70/50

**VI. KẾT LUẬN:** 01 CT trên có các hạng mục thử nghiệm đạt yêu cầu vận hành.

**Thử nghiệm viên**

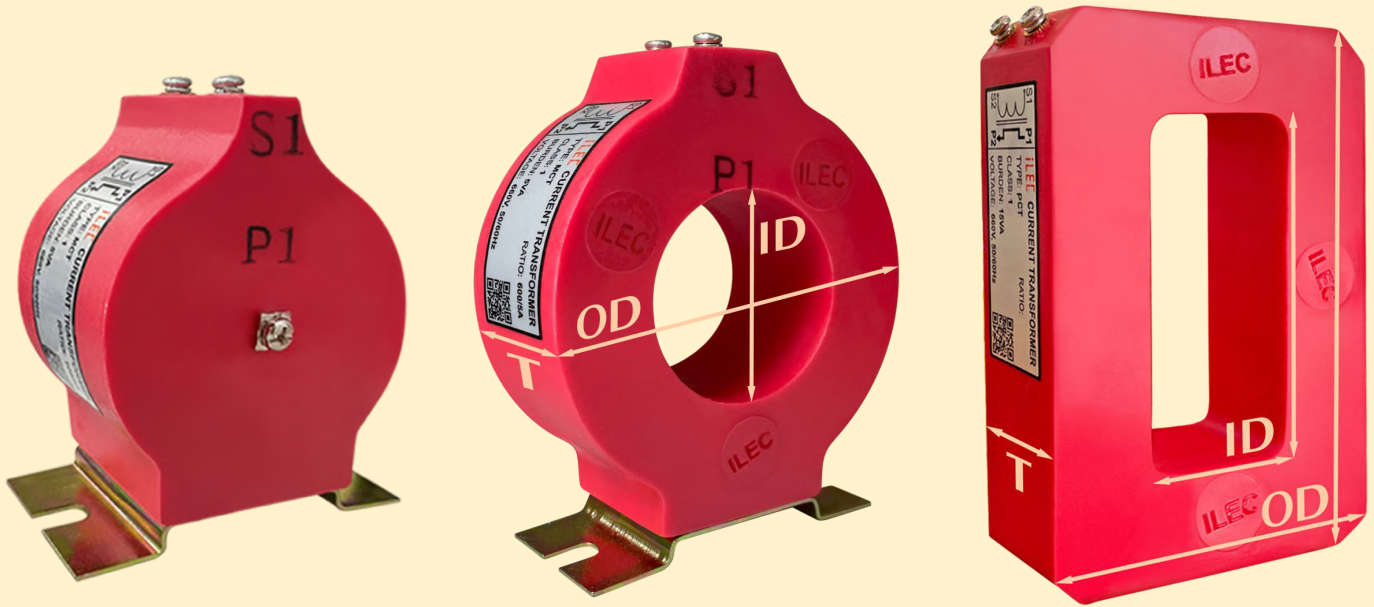
**Trưởng phòng kỹ thuật**

Lê Hoài Ân   
Phan Việt Định

  
Phan Thanh Tuấn

  
Giám đốc  
  
Trần Nguyễn Châu

# KÍCH THƯỚC BIẾN DÒNG MCT - PCT - ZCT

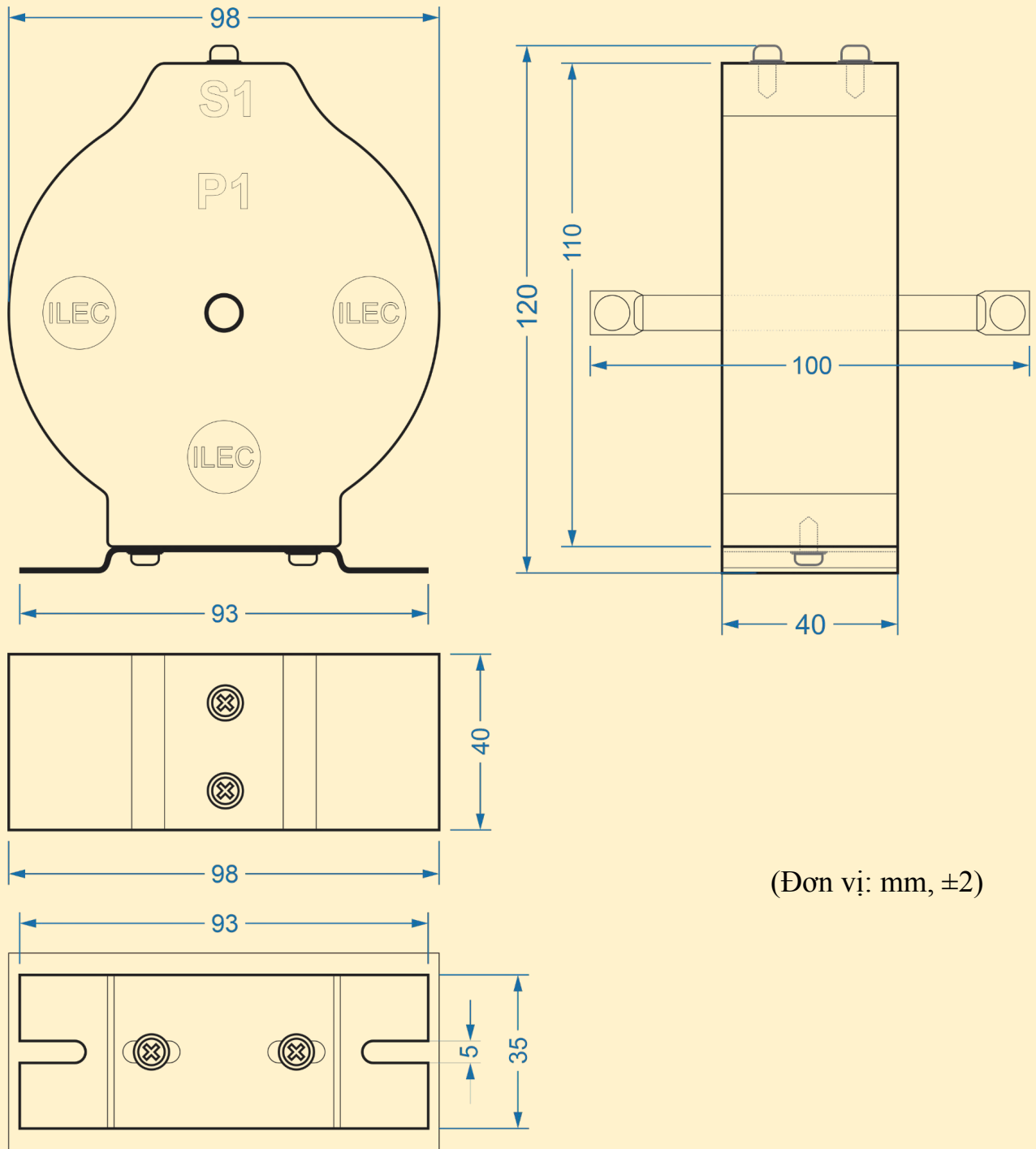


Kích thước	Kích thước Trong (ID)	MCT		PCT		ZCT	
		Kích thước Ngoài (OD)	Độ dày (T)	Kích thước Ngoài (OD)	Độ dày (T)	Kích thước Ngoài (OD)	Độ dày (T)
<b>Loại tròn đúc Epoxy</b>							
R0	-	Ø98	40	-	-	-	-
R25	Ø25	Ø78	50	-	-	-	-
R30	Ø30	Ø78	50	78x102	72	-	-
R40	Ø40	Ø98	35 / 45	98x120	72	98x120	35
R60	Ø60	Ø109	35	109x138	45	109x139	35
R85	Ø85	Ø141	35	141x171	45	141x166	35
R125	Ø125	Ø185	35	185x223	45	185x213	35
R150	Ø150	Ø210	35	210x243	45	210x242	35
R180	Ø180	Ø240	45	240x268	50	-	-
<b>Loại vuông đúc Epoxy</b>							
S38	32x82	87x138	35	87x138	45	87x138	35
S56	52x62	112x122	35	112x122	45	112x122	35
S58	52x82	112x142	35	112x142	45	112x142	35
S510	52x102	112x162	35	112x162	45	112x162	35
S513	52x132	112x192	35	112x192	45	112x192	35
S812	82x122	142x182	35	142x182	45	142x182	35
S816	82x155	156x229	45	156x229	50	156x229	40

\* Sai số kích thước đối với biến dòng đúc  $\pm 0.5 \sim \pm 2 \text{ mm}$

# KÍCH THƯỚC MCT-R0

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R0</b>	98	120	40	-	Ø98



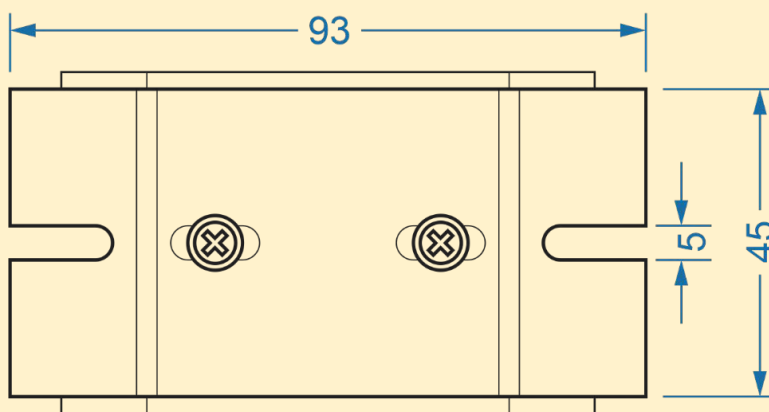
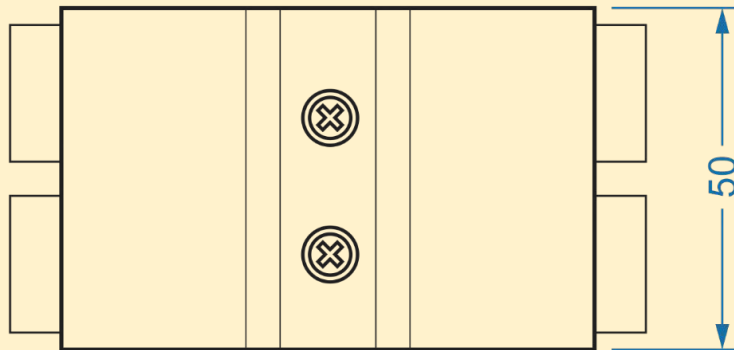
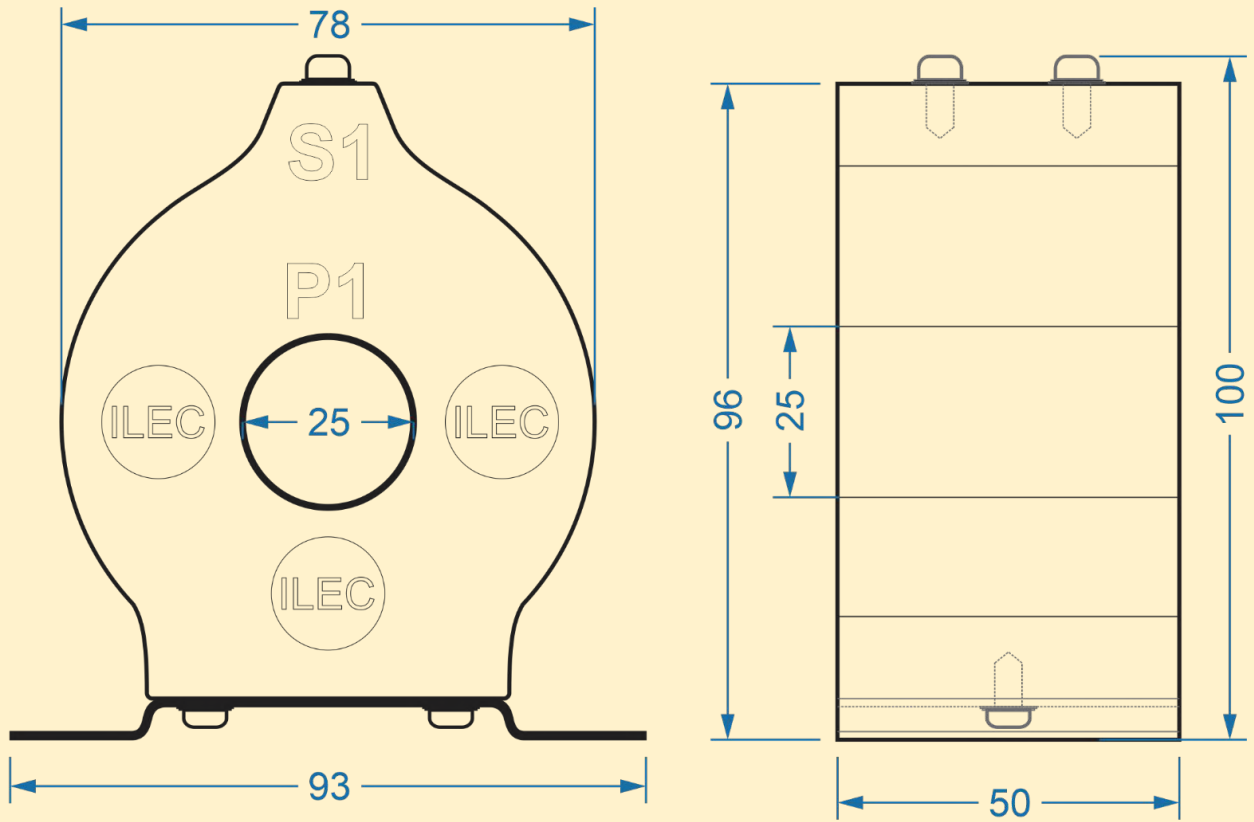
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R0 (5A ~ 50A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R0</b>	MCT-R0 - 5/5A - CL.1 - 5VA	5/5A	5VA	CL.1	-
	MCT-R0 - 10/5A - CL.1 - 5VA	10/5A	5VA	CL.1	-
	MCT-R0 - 15/5A - CL.1 - 5VA	15/5A	5VA	CL.1	-
	MCT-R0 - 20/5A - CL.1 - 5VA	20/5A	5VA	CL.1	-
	MCT-R0 - 30/5A - CL.1 - 5VA	30/5A	5VA	CL.1	-
	MCT-R0 - 40/5A - CL.1 - 5VA	40/5A	5VA	CL.1	-
	MCT-R0 - 50/5A - CL.1 - 5VA	50/5A	5VA	CL.1	-

# KÍCH THƯỚC MCT-R25

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R25</b>	93	100	50	Ø25	Ø78



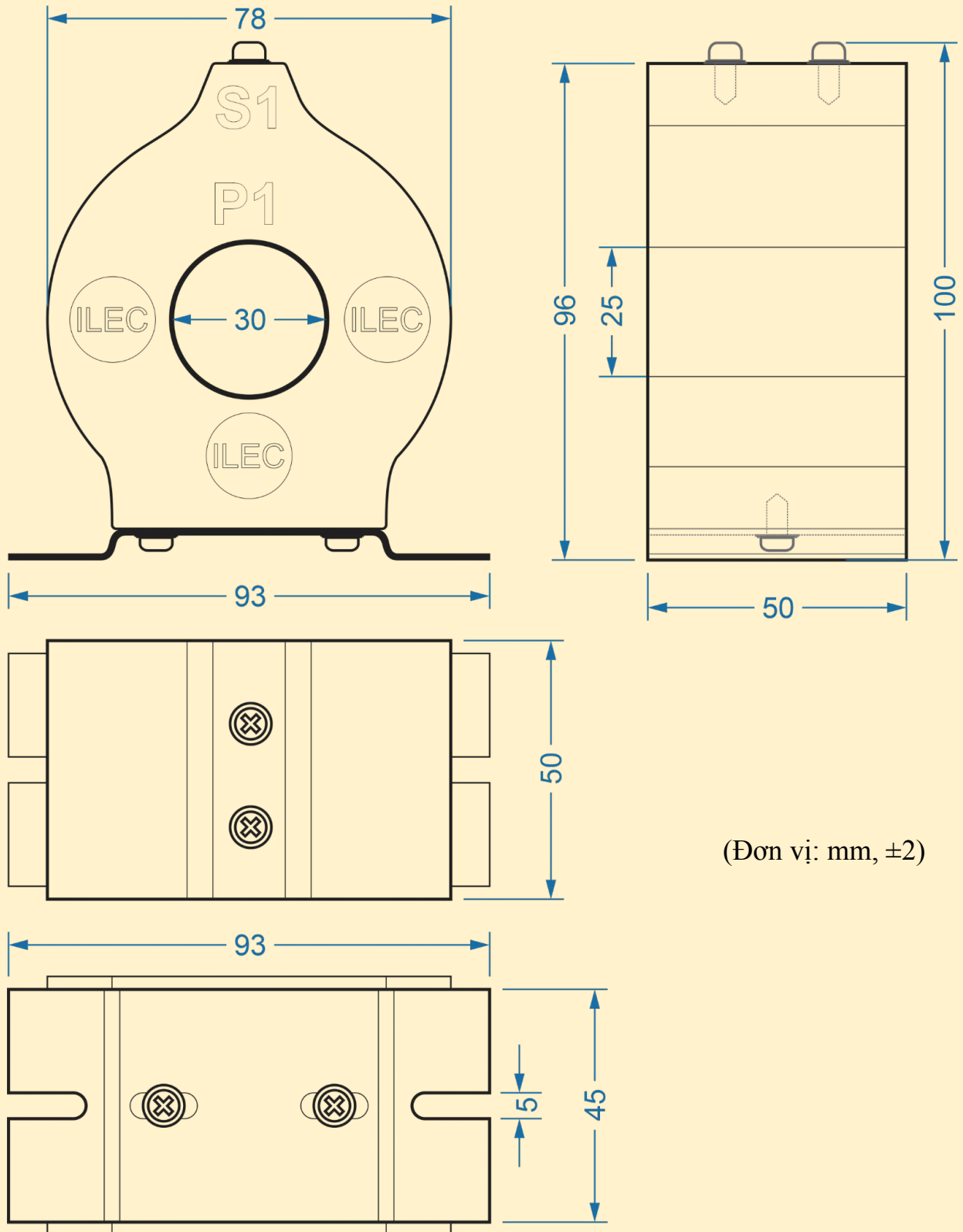
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R25 (50A ~ 100A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R25</b>	MCT-R25 - 50/5A - CL.1 - 5VA	50/5A	5VA	CL.1	Ø25 mm
	MCT-R25 - 75/5A - CL.1 - 5VA	75/5A	5VA	CL.1	Ø25 mm
	MCT-R25 - 100/5A - CL.1 - 5VA	100/5A	5VA	CL.1	Ø25 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-R30

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R30</b>	93	100	50	Ø30	Ø78



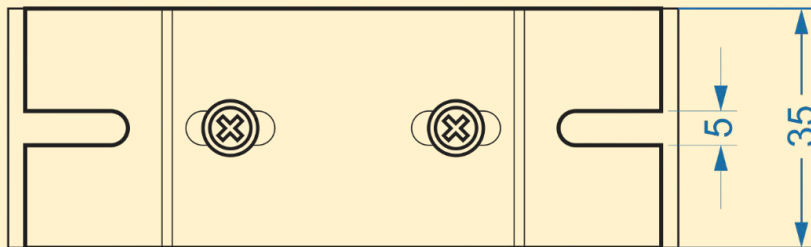
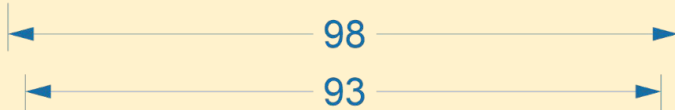
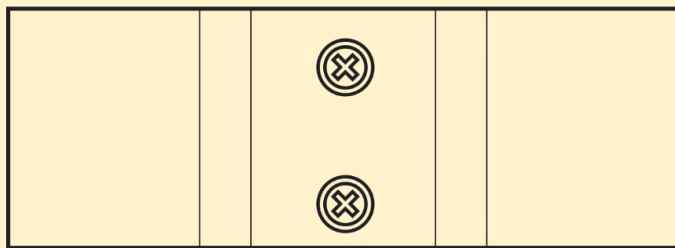
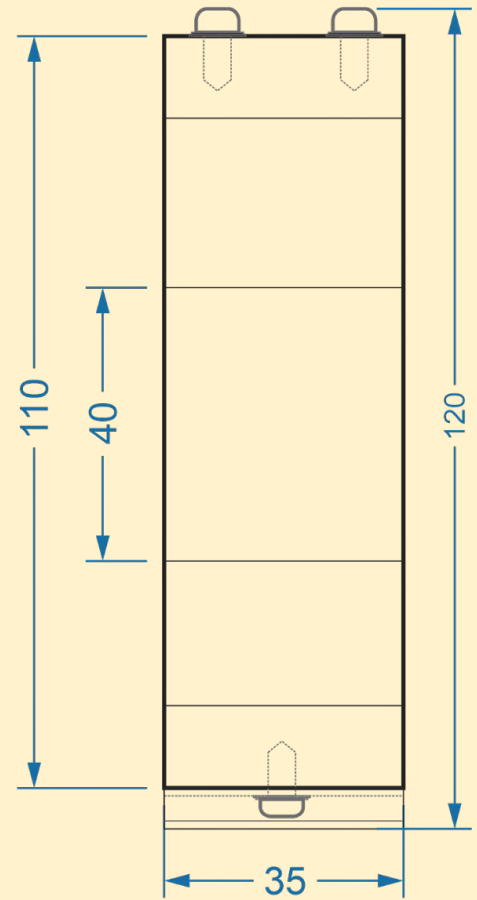
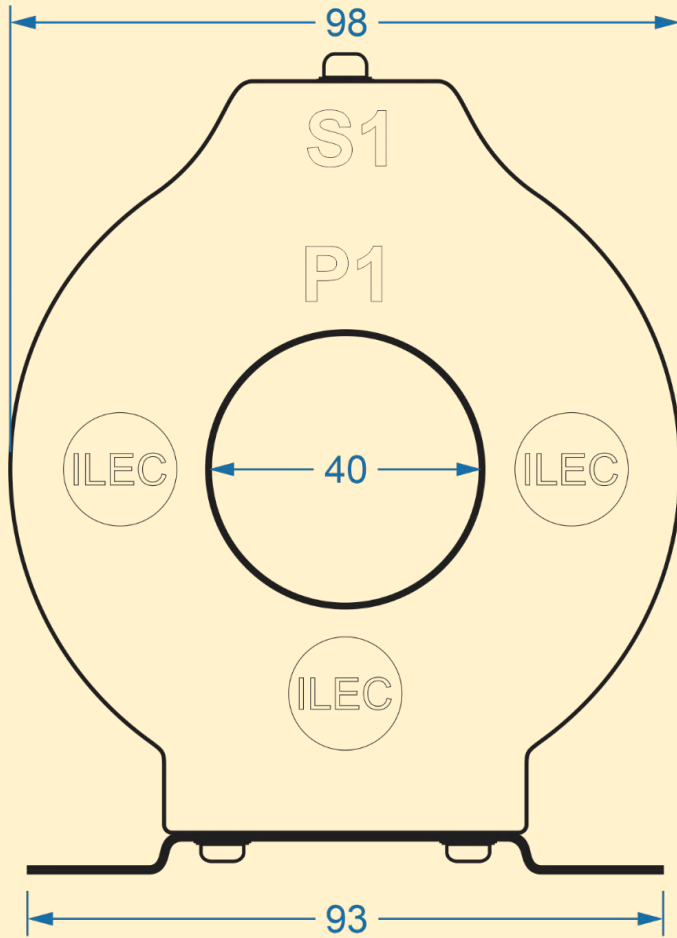
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R30 (150A ~ 300A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R30</b>	MCT-R30 - 150/5A - CL.1 - 5VA	150/5A	5VA	CL.1	Ø30 mm
	MCT-R30 - 200/5A - CL.1 - 5VA	200/5A	5VA	CL.1	Ø30 mm
	MCT-R30 - 250/5A - CL.1 - 5VA	250/5A	5VA	CL.1	Ø30 mm
	MCT-R30 - 300/5A - CL.1 - 5VA	300/5A	5VA	CL.1	Ø30 mm

**KÍCH THƯỚC MCT-R30**  
**(Loại dày 35mm)**

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R45</b>	98	120	35 / 45	Ø40	Ø98



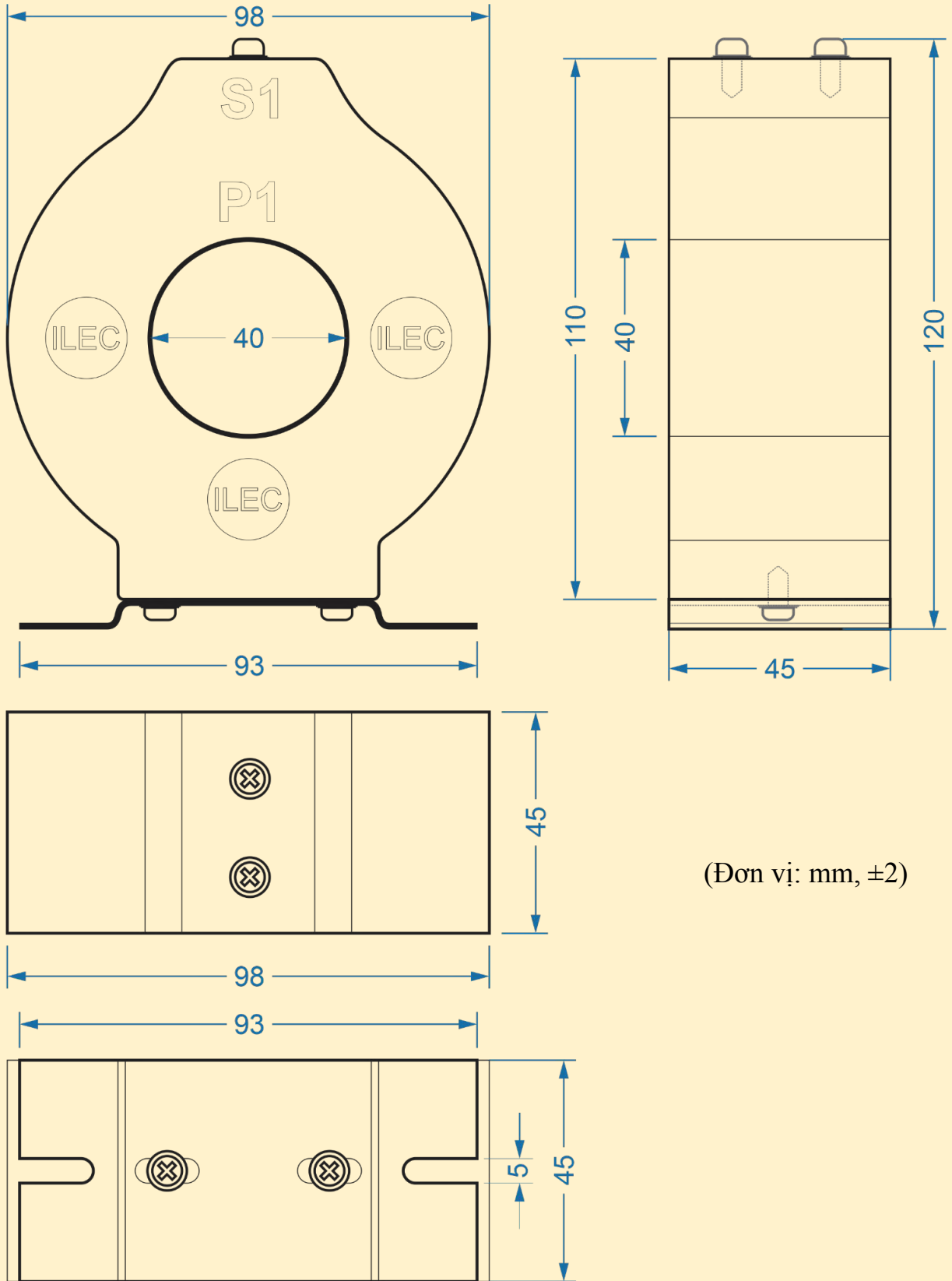
(Đơn vị: mm, ±2)

**Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R40 (250A ~ 500A)**

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R40</b>	MCT-R40 - 250/5A - CL.1 - 5VA	250/5A	5VA	CL.1	Ø40 mm
	MCT-R40 - 300/5A - CL.1 - 5VA	300/5A	5VA	CL.1	Ø40 mm
	MCT-R40 - 400/5A - CL.1 - 5VA	400/5A	5VA	CL.1	Ø40 mm
	MCT-R40 - 500/5A - CL.1 - 5VA	500/5A	5VA	CL.1	Ø40 mm

**KÍCH THƯỚC MCT-R30**  
**(Loại dày 45mm)**

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R45</b>	98	120	35 / 45	Ø40	Ø98



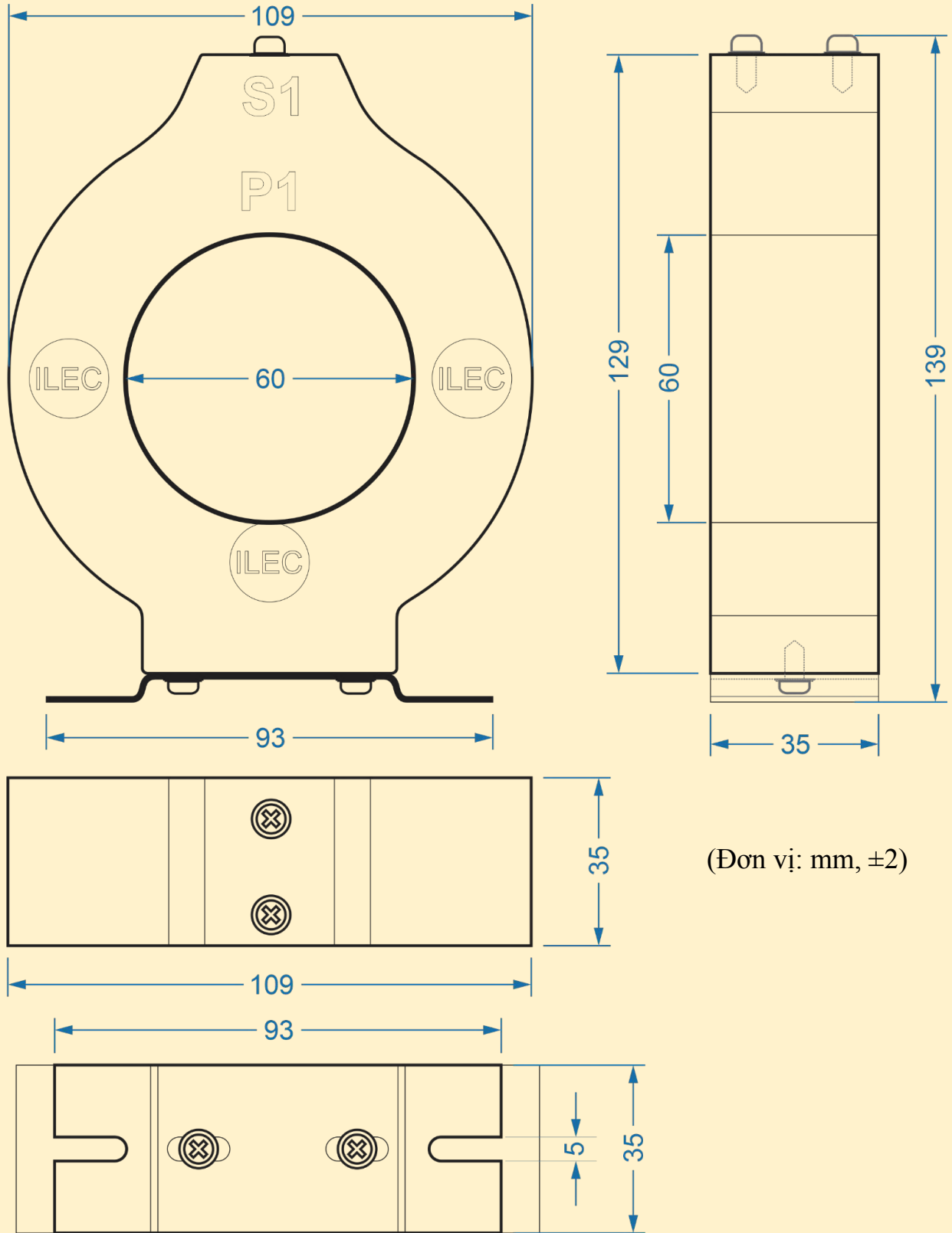
(Đơn vị: mm, ±2)

**Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R40 (250A ~ 500A)**

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R40</b>	MCT-R40 - 250/5A - CL.1 - 5VA	250/5A	5VA	CL.1	Ø40 mm
	MCT-R40 - 300/5A - CL.1 - 5VA	300/5A	5VA	CL.1	Ø40 mm
	MCT-R40 - 400/5A - CL.1 - 5VA	400/5A	5VA	CL.1	Ø40 mm
	MCT-R40 - 500/5A - CL.1 - 5VA	500/5A	5VA	CL.1	Ø40 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-R60

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R60</b>	109	139	35	Ø60	Ø109

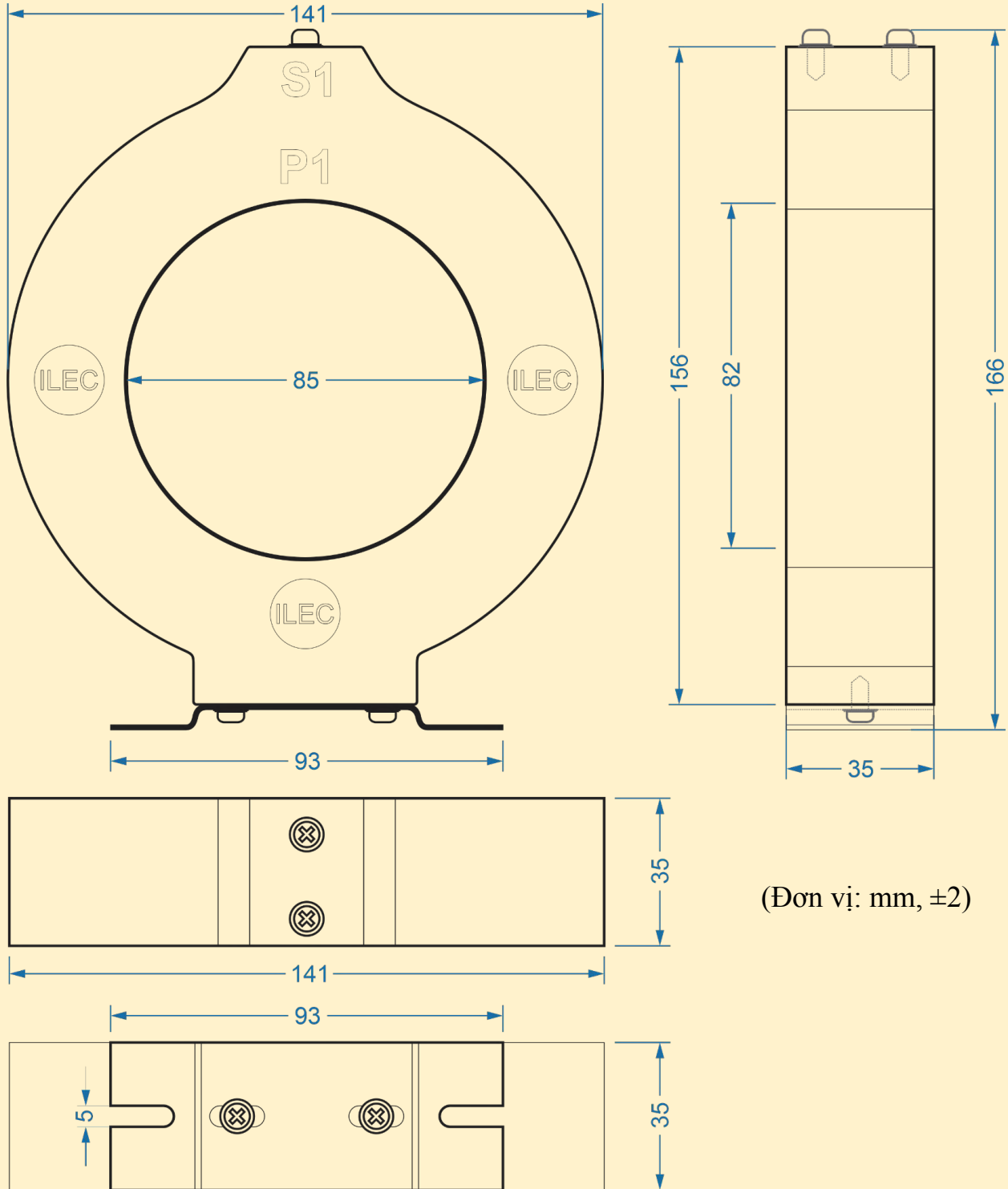


## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R60 (400A ~ 800A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R60</b>	MCT-R60 - 400/5A - CL.1 - 5VA	400/5A	5VA	CL.1	Ø60 mm
	MCT-R60 - 500/5A - CL.1 - 5VA	500/5A	5VA	CL.1	Ø60 mm
	MCT-R60 - 600/5A - CL.1 - 5VA	600/5A	5VA	CL.1	Ø60 mm
	MCT-R60 - 800/5A - CL.1 - 5VA	800/5A	5VA	CL.1	Ø60 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-R85

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R85</b>	141	166	35	Ø85	Ø141



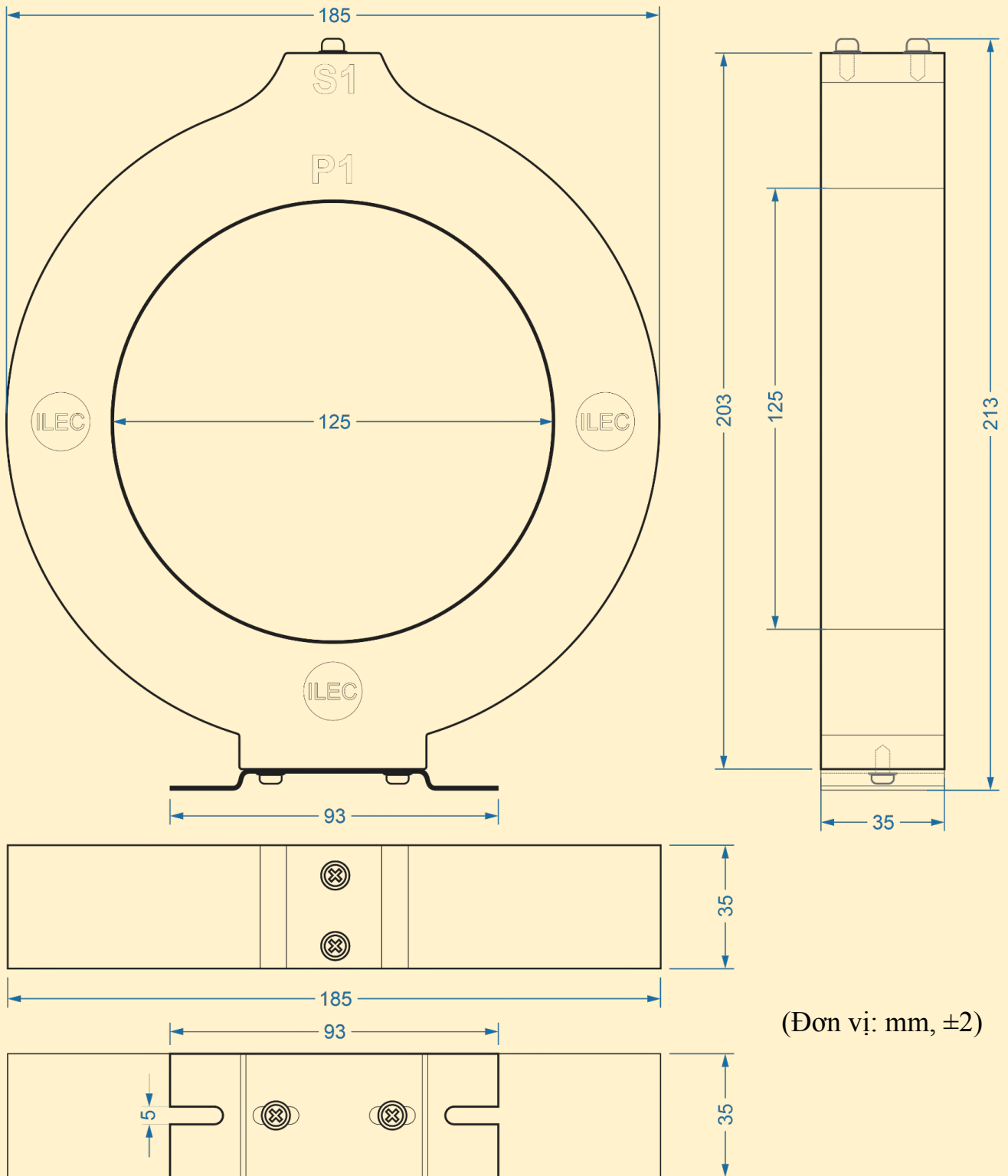
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R85 (800A ~ 2500A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R85</b>	MCT-R60 - 800/5A - CL.1 - 15VA	800/5A	15VA	CL.1	Ø85 mm
	MCT-R60 - 1000/5A - CL.1 - 15VA	1000/5A	15VA	CL.1	Ø85 mm
	MCT-R60 - 1200/5A - CL.1 - 15VA	1200/5A	15VA	CL.1	Ø85 mm
	MCT-R60 - 1500/5A - CL.1 - 15VA	1500/5A	15VA	CL.1	Ø85 mm
	MCT-R60 - 1600/5A - CL.1 - 15VA	1600/5A	15VA	CL.1	Ø85 mm
	MCT-R60 - 2000/5A - CL.1 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	Ø85 mm
	MCT-R60 - 2500/5A - CL.1 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	Ø85 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-R125

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R125</b>	185	213	35	Ø125	Ø185



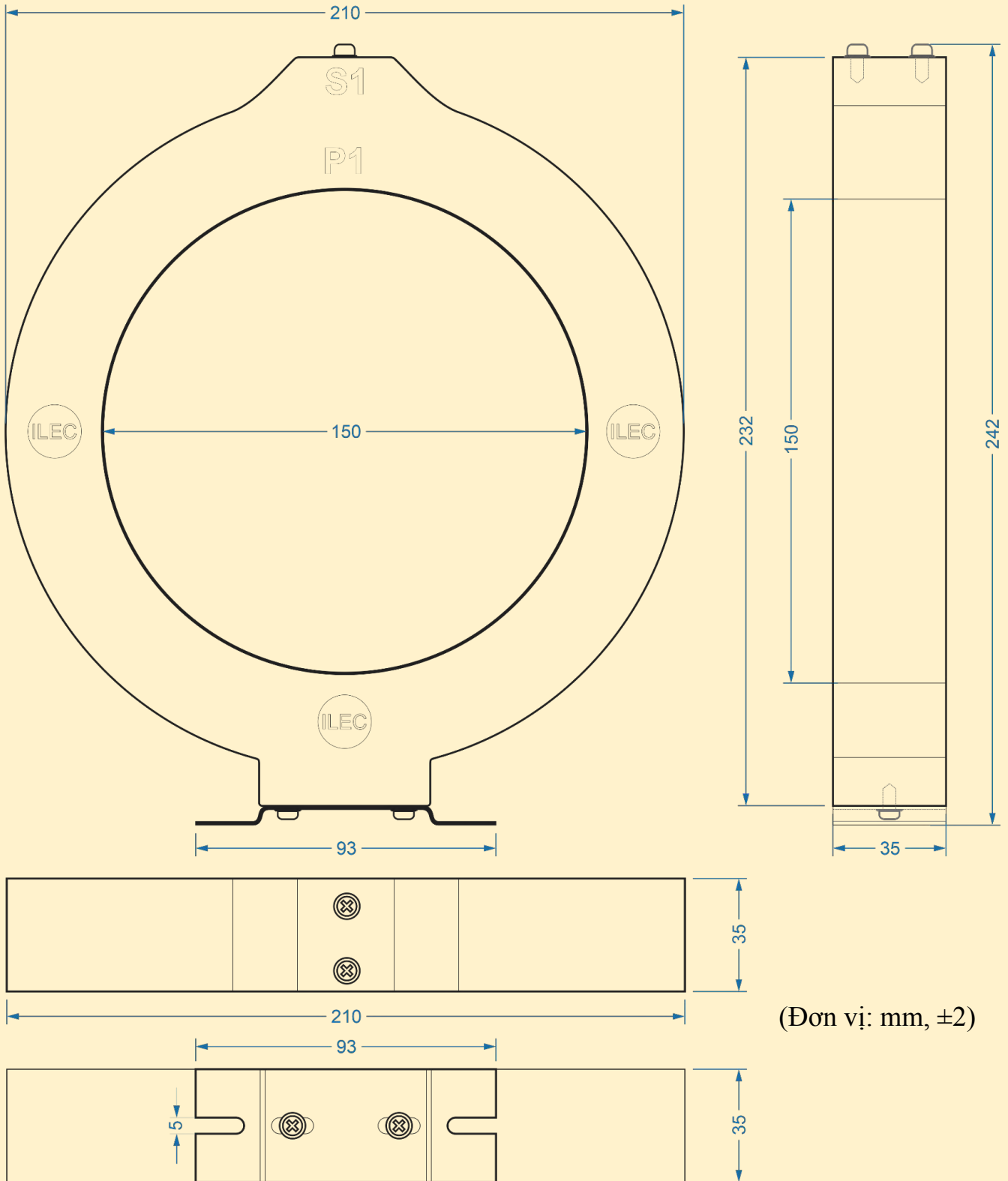
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R125 (2000A ~ 4000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R125</b>	MCT-R125 - 2000/5A - CL.1 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	Ø125 mm
	MCT-R125 - 2500/5A - CL.1 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	Ø125 mm
	MCT-R125 - 3000/5A - CL.1 - 15VA	3000/5A	15VA	CL.1	Ø125 mm
	MCT-R125 - 3200/5A - CL.1 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.1	Ø125 mm
	MCT-R125 - 4000/5A - CL.1 - 15VA	4000/5A	15VA	CL.1	Ø125 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-R150

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R150</b>	210	242	35	Ø150	Ø210



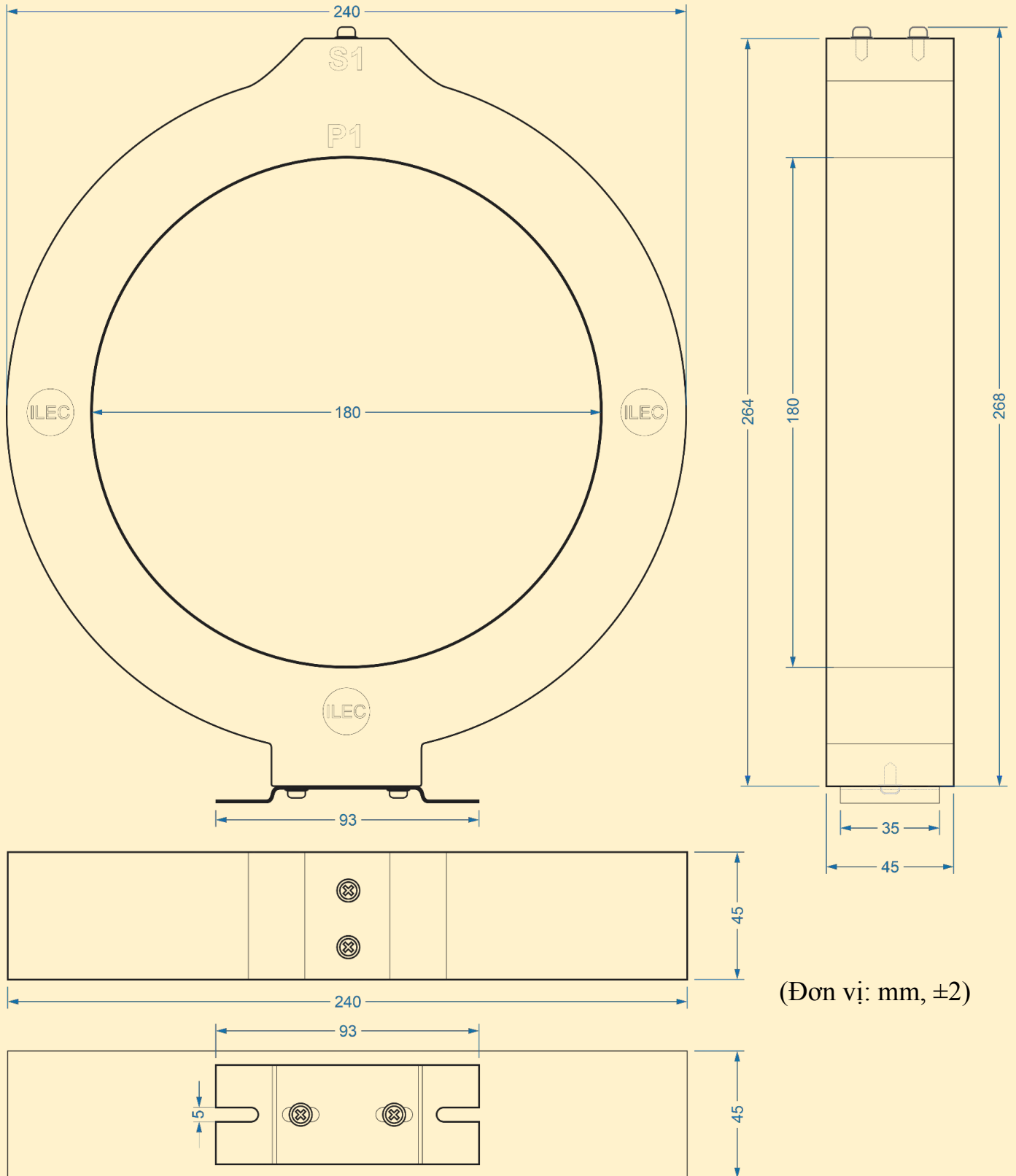
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R150 (2000A ~ 4000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R150</b>	MCT-R150 - 3000/5A - CL.1 - 10VA	3000/5A	10VA	CL.1	Ø150 mm
	MCT-R150 - 3200/5A - CL.1 - 10VA	3200/5A	10VA	CL.1	Ø150 mm
	MCT-R150 - 4000/5A - CL.1 - 15VA	4000/5A	15VA	CL.1	Ø150 mm
	MCT-R150 - 5000/5A - CL.1 - 15VA	5000/5A	15VA	CL.1	Ø150 mm
	MCT-R150 - 6000/5A - CL.1 - 15VA	6000/5A	15VA	CL.1	Ø150 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-R180

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>MCT-R180</b>	240	268	45	Ø180	Ø240



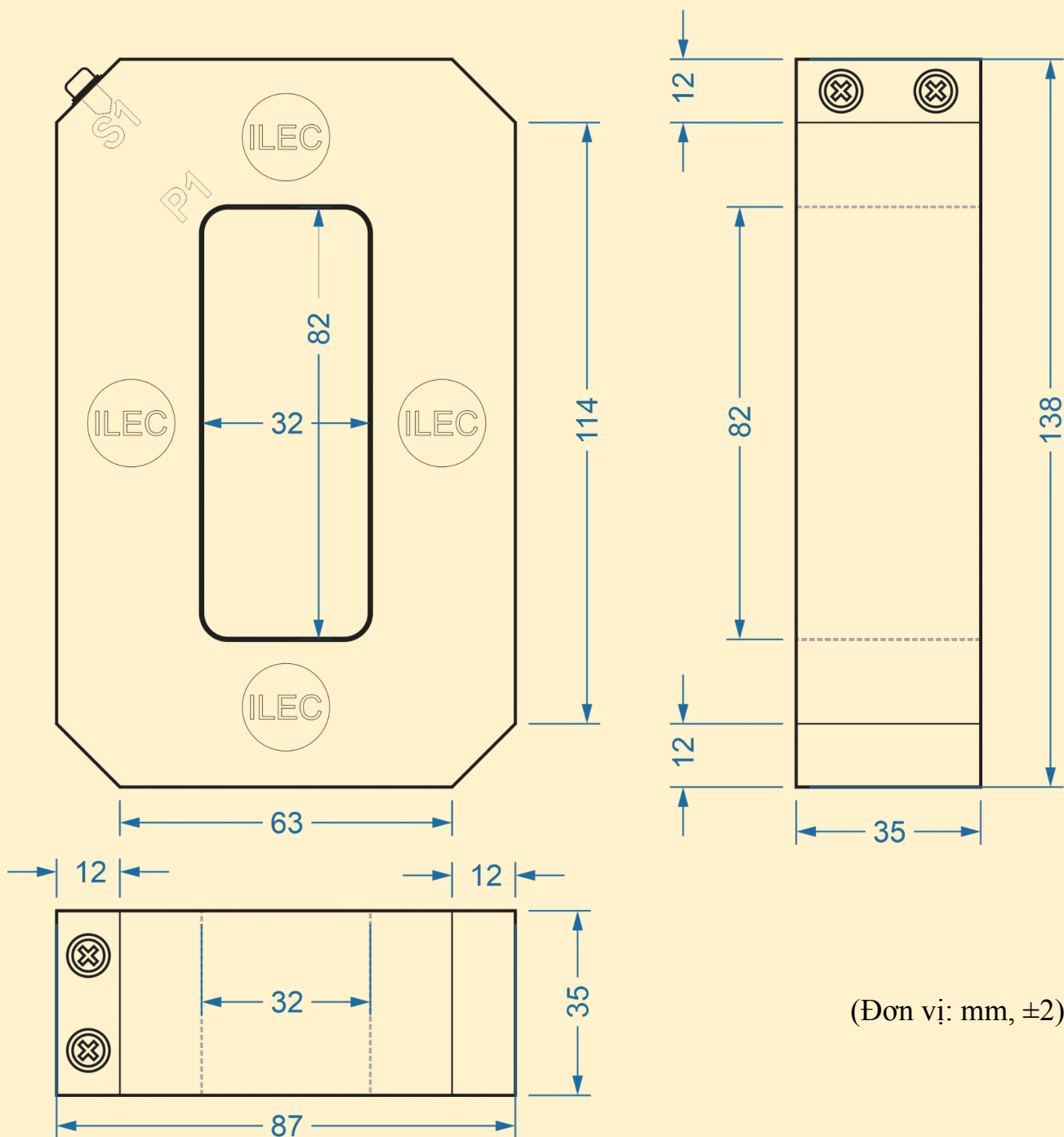
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-R180 (2000A ~ 4000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-R180</b>	MCT-R180 - 3000/5A - CL.1 - 10VA	3000/5A	10VA	CL.1	Ø180 mm
	MCT-R180 - 3200/5A - CL.1 - 10VA	3200/5A	10VA	CL.1	Ø180 mm
	MCT-R180 - 4000/5A - CL.1 - 15VA	4000/5A	15VA	CL.1	Ø180 mm
	MCT-R180 - 5000/5A - CL.1 - 15VA	5000/5A	15VA	CL.1	Ø180 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-S38

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
<b>MCT-S38</b>	78	138	35	32 x 82



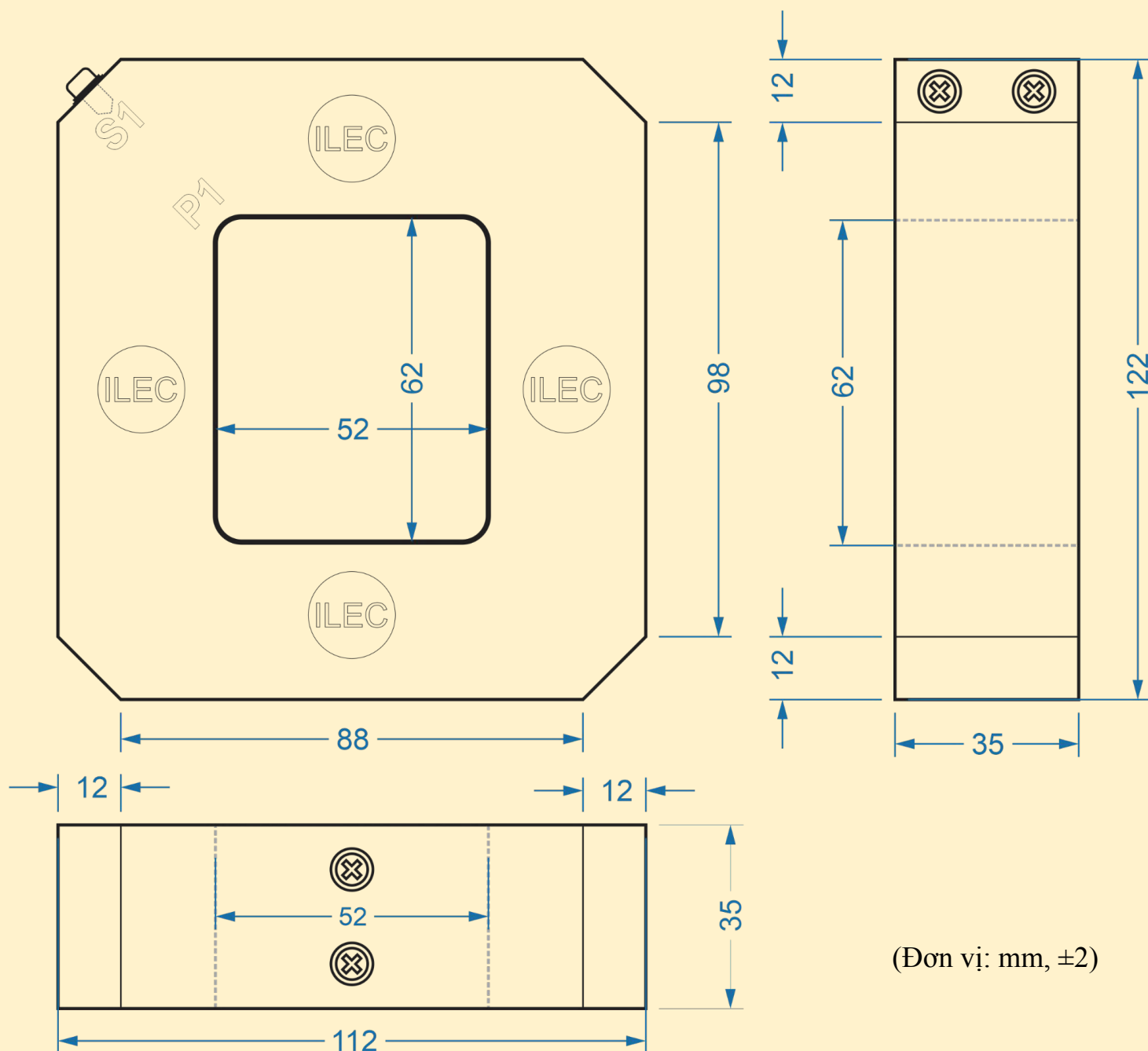
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-S38 (300A ~ 2000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-S38</b>	MCT-S38 - 300/5A - CL.1- 5VA	300/5A	5VA	CL.1	32 x 82 mm
	MCT-S38 - 400/5A - CL.1- 5VA	400/5A	5VA	CL.1	32 x 82 mm
	MCT-S38 - 500/5A - CL.1- 5VA	500/5A	5VA	CL.1	32 x 82 mm
	MCT-S38 - 600/5A - CL.1- 5VA	600/5A	5VA	CL.1	32 x 82 mm
	MCT-S38 - 800/5A - CL.1- 15VA	800/5A	15VA	CL.1	32 x 82 mm
	MCT-S38 - 1000/5A - CL.1- 15VA	1000/5A	15VA	CL.1	32 x 82 mm
	MCT-S38 - 1200/5A - CL.1- 15VA	1200/5A	15VA	CL.1	32 x 82 mm
	MCT-S38 - 1500/5A - CL.1 - 15VA	1500/5A	15VA	CL.1	32 x 82 mm
	MCT-S38 - 1600/5A - CL.1- 15VA	1600/5A	15VA	CL.1	32 x 82 mm
	MCT-S38 - 2000/5A - CL.1- 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	32 x 82 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-S56

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
<b>MCT-S56</b>	112	122	35	52 x 62



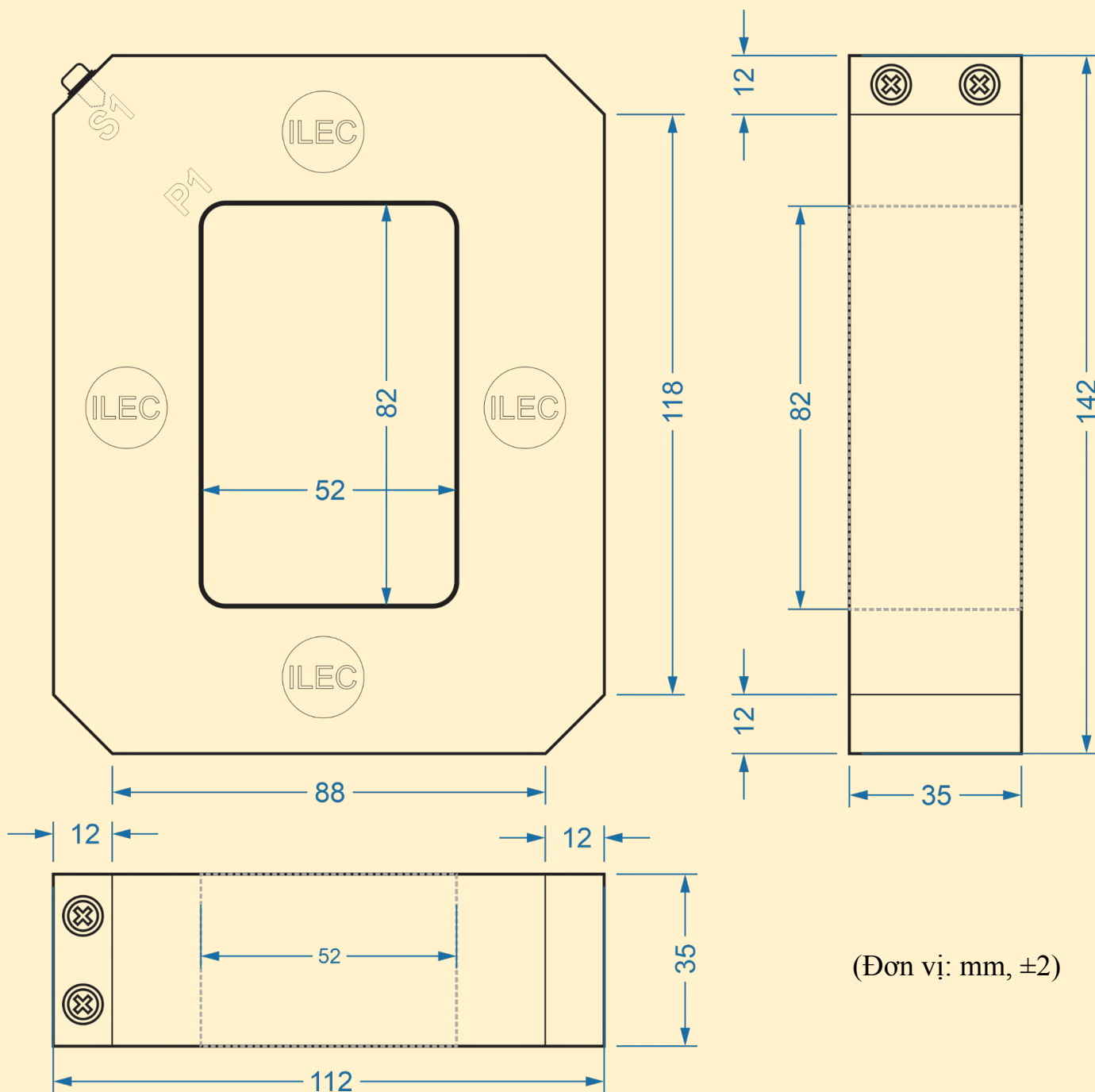
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-S56 (300A ~ 2000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-S56</b>	MCT-S56 - 300/5A - CL.1 - 5VA	300/5A	5VA	CL.1	52 x 62 mm
	MCT-S56 - 400/5A - CL.1 - 5VA	400/5A	5VA	CL.1	52 x 62 mm
	MCT-S56 - 500/5A - CL.1 - 5VA	500/5A	5VA	CL.1	52 x 62 mm
	MCT-S56 - 600/5A - CL.1 - 5VA	600/5A	5VA	CL.1	52 x 62 mm
	MCT-S56 - 800/5A - CL.1 - 15VA	800/5A	15VA	CL.1	52 x 62 mm
	MCT-S56 - 1000/5A - CL.1 - 15VA	1000/5A	15VA	CL.1	52 x 62 mm
	MCT-S56 - 1200/5A - CL.1 - 15VA	1200/5A	15VA	CL.1	52 x 62 mm
	MCT-S56 - 1500/5A - CL.1 - 15VA	1500/5A	15VA	CL.1	52 x 62 mm
	MCT-S56 - 1600/5A - CL.1 - 15VA	1600/5A	15VA	CL.1	52 x 62 mm
	MCT-S56 - 2000/5A - CL.1 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	52 x 62 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-S58

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
<b>MCT-S58</b>	112	142	35	52 x 82



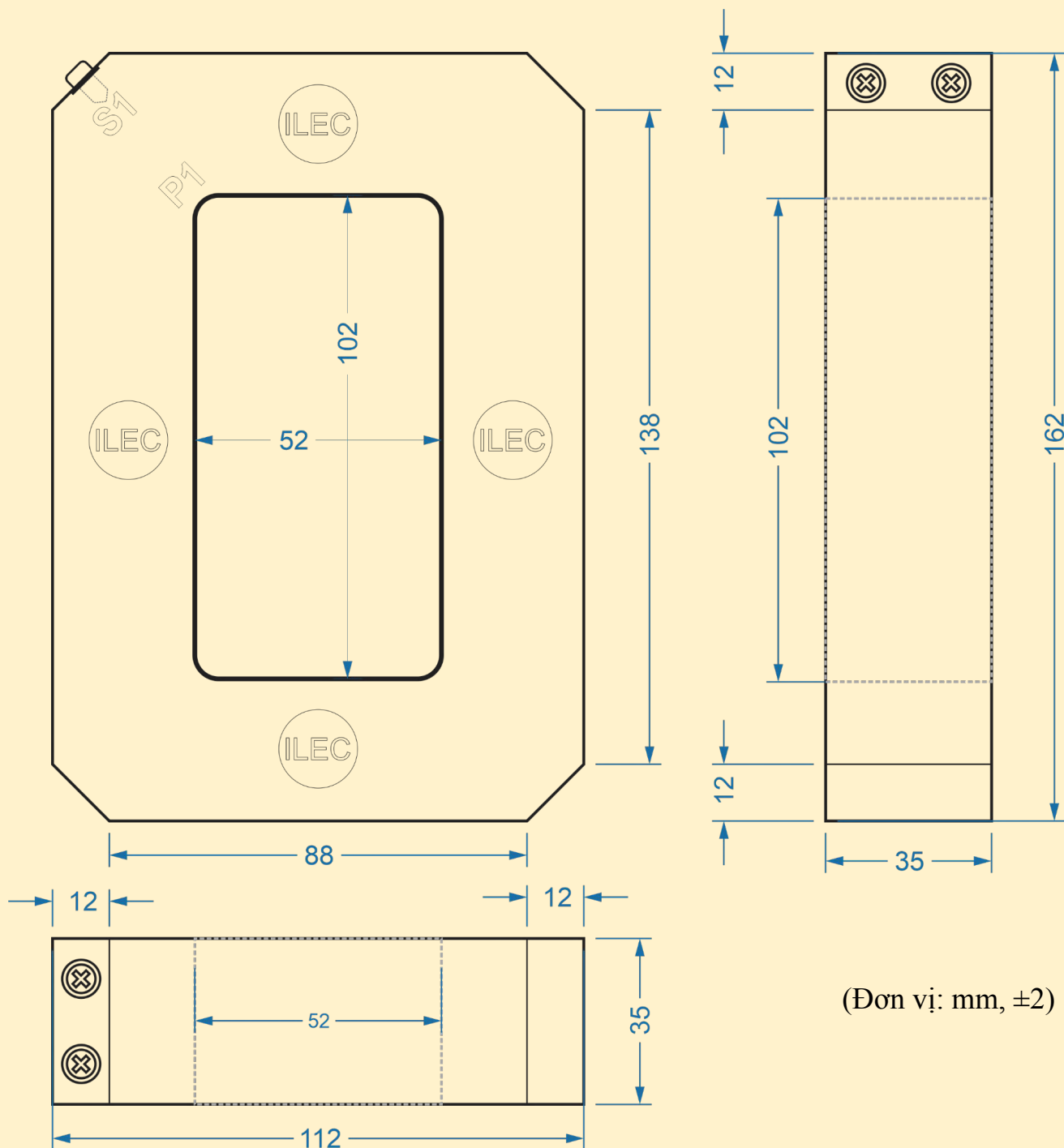
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-S58 (400A ~ 2000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-S58</b>	MCT-S58 - 400/5A - CL.1 - 5VA	400/5A	5VA	CL.1	52 x 82 mm
	MCT-S58 - 500/5A - CL.1 - 5VA	500/5A	5VA	CL.1	52 x 82 mm
	MCT-S58 - 600/5A - CL.1 - 5VA	600/5A	5VA	CL.1	52 x 82 mm
	MCT-S58 - 800/5A - CL.1 - 15VA	800/5A	15VA	CL.1	52 x 82 mm
	MCT-S58 - 1000/5A - CL.1 - 15VA	1000/5A	15VA	CL.1	52 x 82 mm
	MCT-S58 - 1200/5A - CL.1 - 15VA	1200/5A	15VA	CL.1	52 x 82 mm
	MCT-S58 - 1500/5A - CL.1 - 15VA	1500/5A	15VA	CL.1	52 x 82 mm
	MCT-S58 - 1600/5A - CL.1 - 15VA	1600/5A	15VA	CL.1	52 x 82 mm
	MCT-S58 - 2000/5A - CL.1 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	52 x 82 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-S510

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
<b>MCT-S510</b>	112	162	35	52 x 102



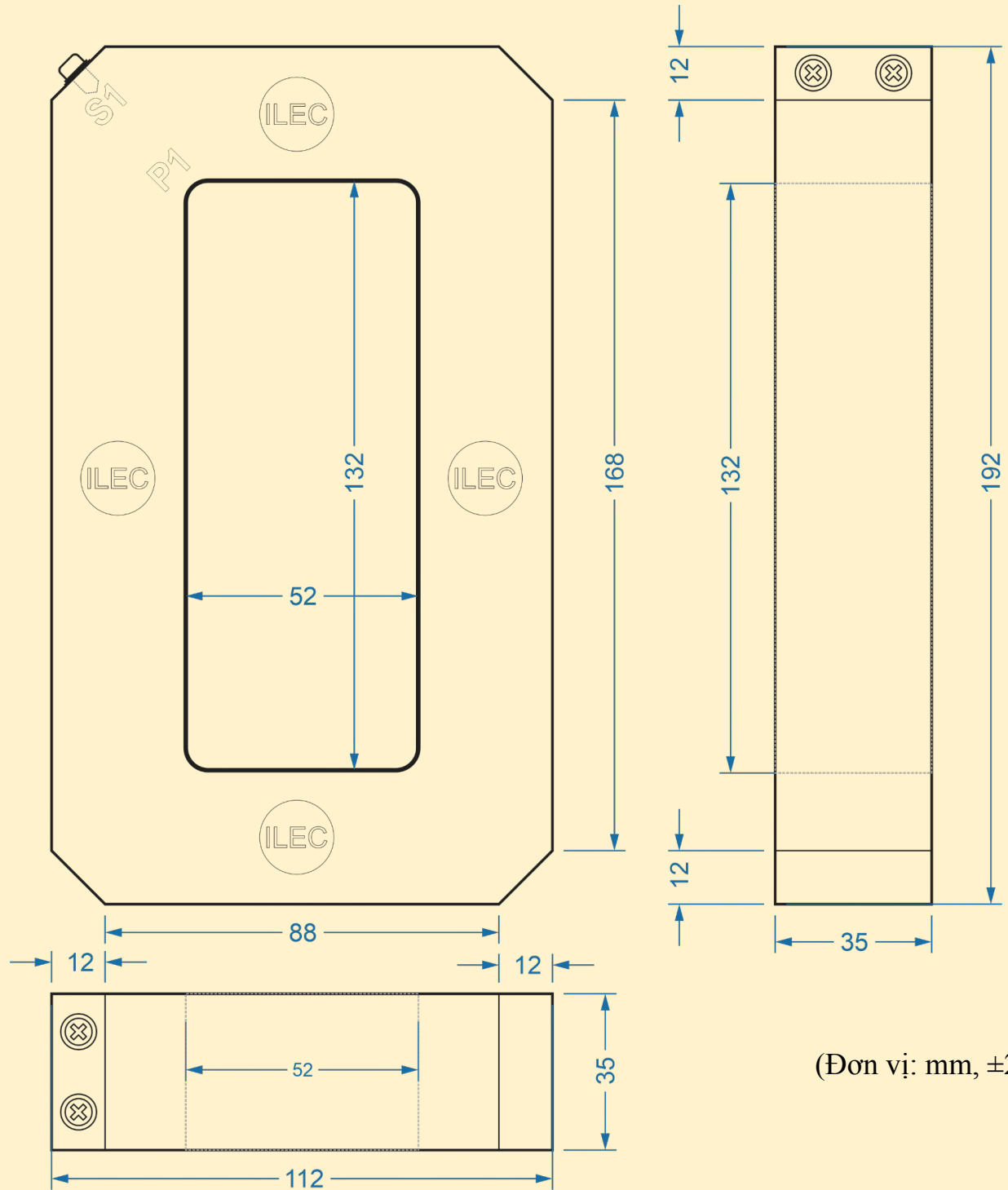
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-S510 (800A ~ 3200A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-S510</b>	MCT-S510 - 800/5A - CL.1 - 10VA	800/5A	10VA	CL.1	52 x 102 mm
	MCT-S510 - 1000/5A - CL.1 - 10VA	1000/5A	10VA	CL.1	52 x 102 mm
	MCT-S510 - 1200/5A - CL.1 - 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	52 x 102 mm
	MCT-S510 - 1500/5A - CL.1 - 10VA	1500/5A	10VA	CL.1	52 x 102 mm
	MCT-S510 - 1600/5A - CL.1 - 10VA	1600/5A	10VA	CL.1	52 x 102 mm
	MCT-S510 - 2000/5A - CL.1 - 10VA	2000/5A	10VA	CL.1	52 x 102 mm
	MCT-S510 - 2500/5A - CL.1 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	52 x 102 mm
	MCT-S510 - 3000/5A - CL.1 - 15VA	3000/5A	15VA	CL.1	52 x 102 mm
	MCT-S510 - 3200/5A - CL.1 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.1	52 x 102 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-S513

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
<b>MCT-S513</b>	112	192	35	52 x 132



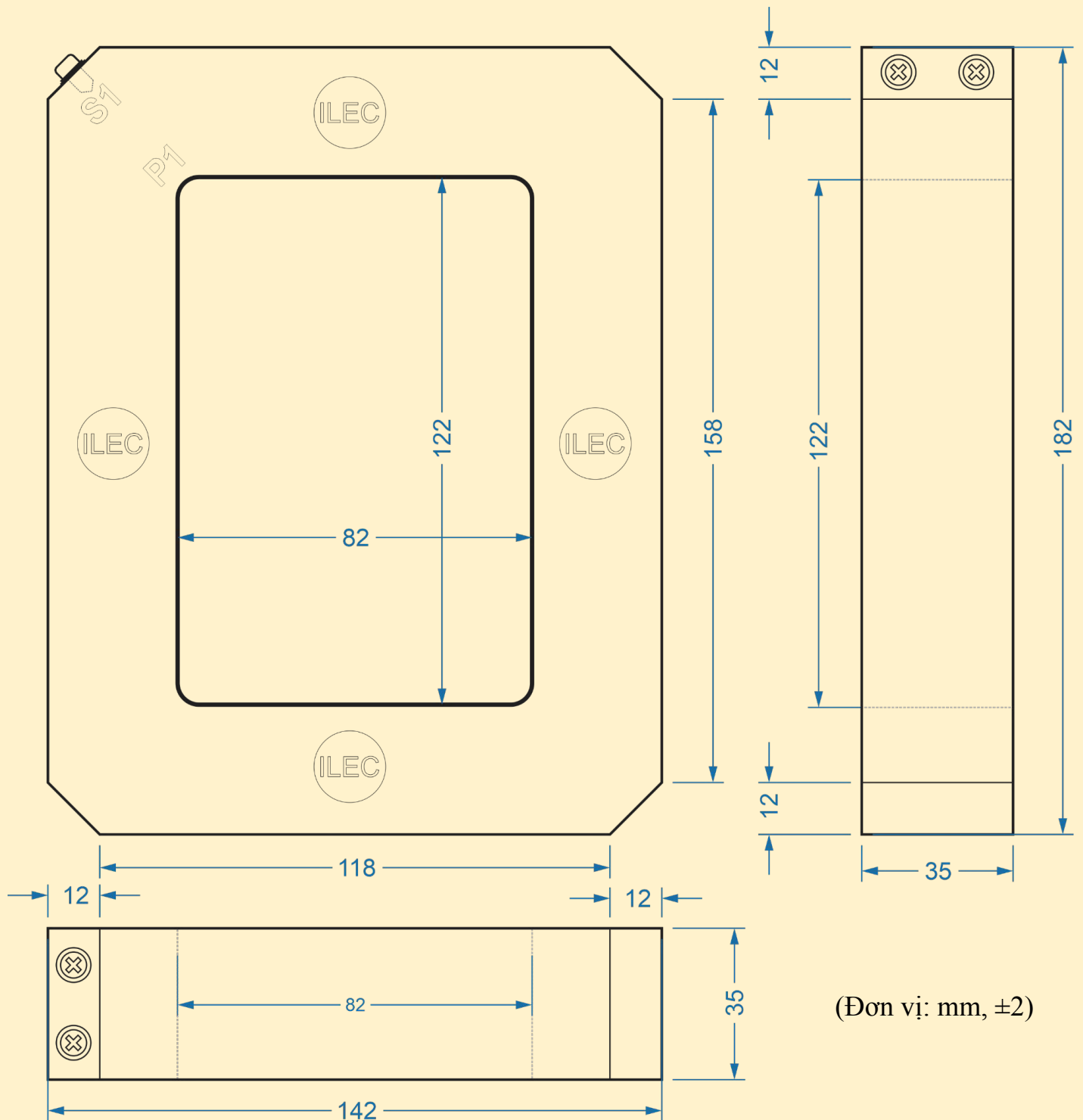
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-S513 (1200A ~ 4000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-S513</b>	MCT-S513 - 1200/5A - CL.1 - 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	52 x 132 mm
	MCT-S513 - 1500/5A - CL.1 - 10VA	1500/5A	10VA	CL.1	52 x 132 mm
	MCT-S513 - 1600/5A - CL.1 - 10VA	1600/5A	10VA	CL.1	52 x 132 mm
	MCT-S513 - 2000/5A - CL.1 - 10VA	2000/5A	10VA	CL.1	52 x 132 mm
	MCT-S513 - 2500/5A - CL.1 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	52 x 132 mm
	MCT-S513 - 3000/5A - CL.1 - 15VA	3000/5A	15VA	CL.1	52 x 132 mm
	MCT-S513 - 3200/5A - CL.1 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.1	52 x 132 mm
	MCT-S513 - 4000/5A - CL.1 - 15VA	4000/5A	15VA	CL.1	52 x 132 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-S812

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
<b>MCT-S812</b>	142	182	35	82 x 122



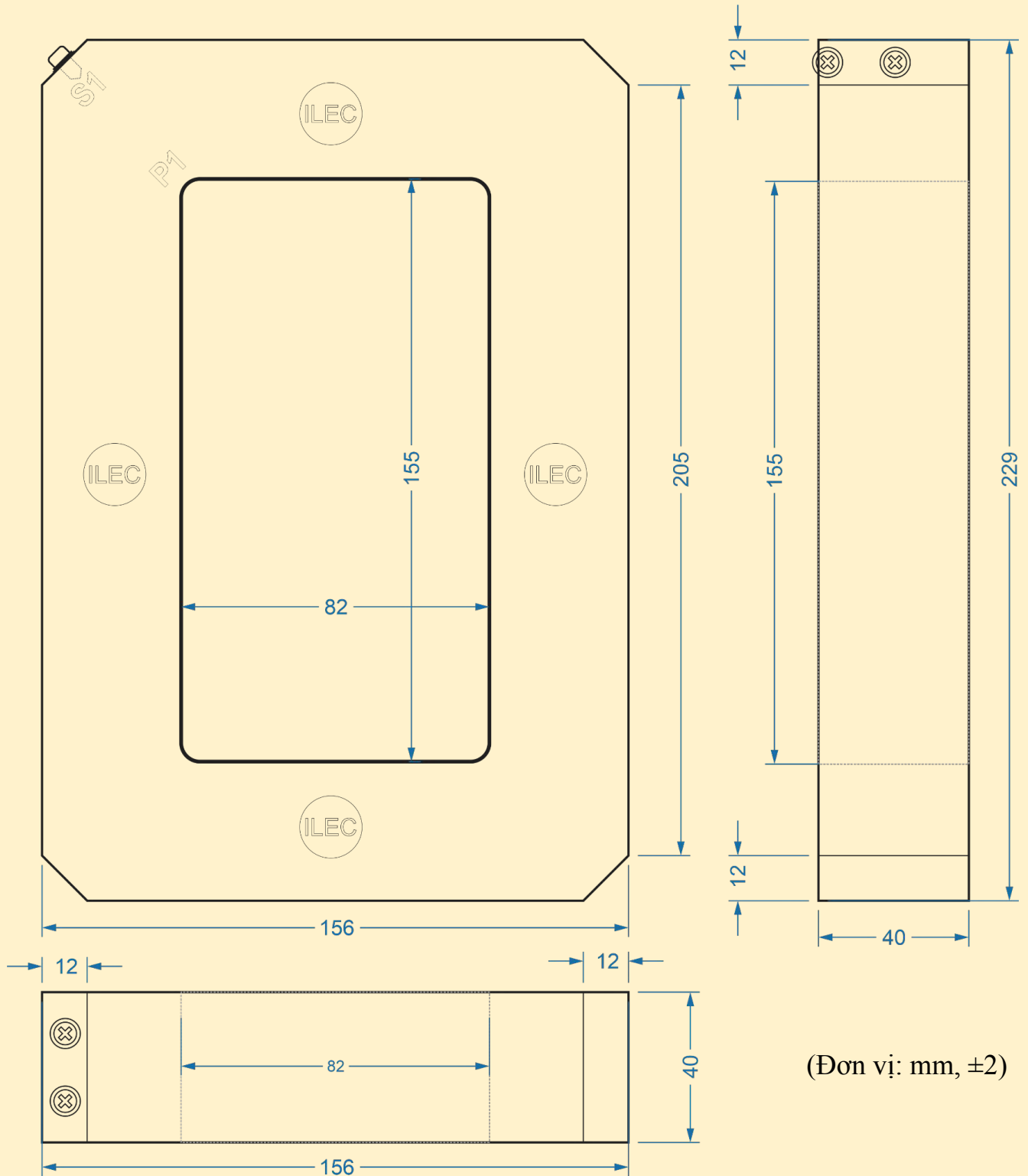
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-S812 (1200A ~ 3200A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-S812</b>	MCT-S812 - 1200/5A - CL.1 - 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	82 x 122 mm
	MCT-S812 - 1500/5A - CL.1 - 10VA	1500/5A	10VA	CL.1	82 x 122 mm
	MCT-S812 - 1600/5A - CL.1 - 10VA	1600/5A	10VA	CL.1	82 x 122 mm
	MCT-S812 - 2000/5A - CL.1 - 10VA	2000/5A	10VA	CL.1	82 x 122 mm
	MCT-S812 - 2500/5A - CL.1 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	82 x 122 mm
	MCT-S812 - 3000/5A - CL.1 - 15VA	3000/5A	15VA	CL.1	82 x 122 mm
	MCT-S812 - 3200/5A - CL.1 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.1	82 x 122 mm

# KÍCH THƯỚC MCT-S820

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
<b>MCT-S816</b>	156	229	40	82 x 155

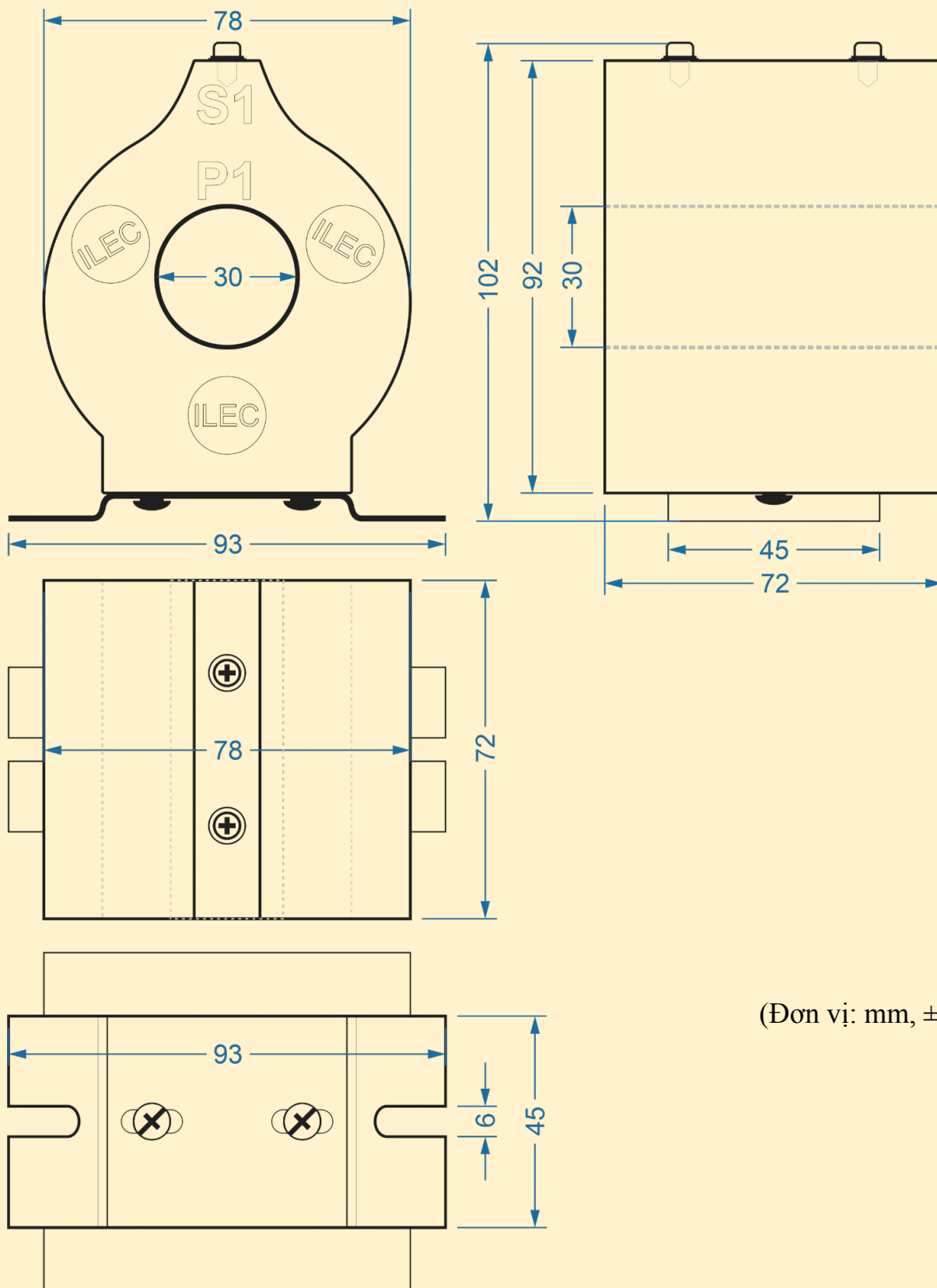


## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng MCT-S820 (2000A ~ 6000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>MCT-S816</b>	MCT-S816 - 2000/5A - CL.1 - 10VA	2000/5A	10VA	CL.1	82 x 155 mm
	MCT-S816 - 2500/5A - CL.1 - 10VA	2500/5A	10VA	CL.1	82 x 155 mm
	MCT-S816 - 3200/5A - CL.1 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.1	82 x 155 mm
	MCT-S816 - 4000/5A - CL.1 - 15VA	4000/5A	15VA	CL.1	82 x 155 mm
	MCT-S816 - 5000/5A - CL.1 - 15VA	5000/5A	15VA	CL.1	82 x 155 mm
	MCT-S816 - 6000/5A - CL.1 - 15VA	6000/5A	15VA	CL.1	82 x 155 mm

# KÍCH THƯỚC PCT-R30

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>PCT-R30</b>	93	102	72	Ø30	Ø78



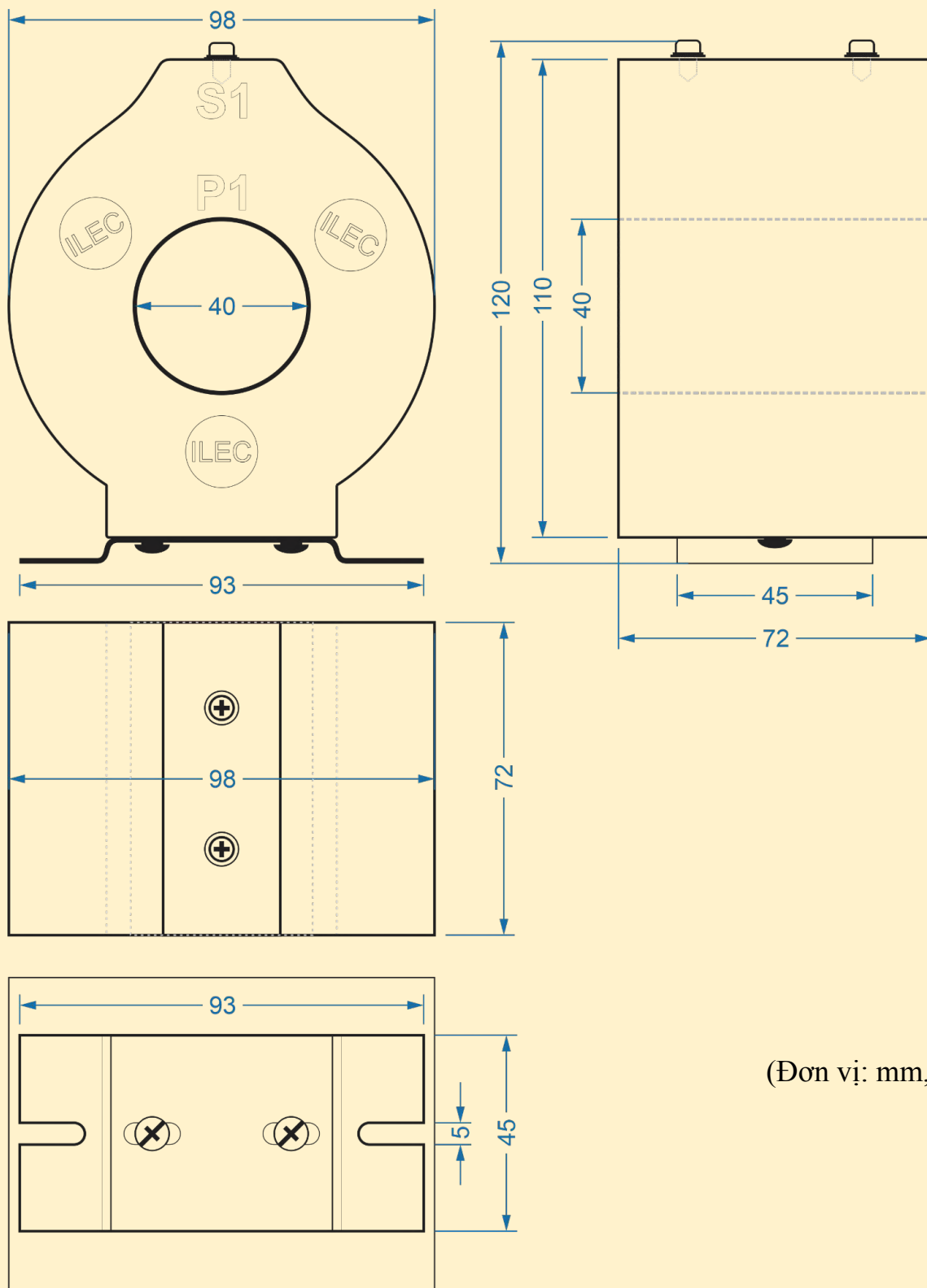
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-R30 (100A ~ 200A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-R30</b>	PCT-R30 - 100/5A - CL.5P10 - 5VA	100/5A	5VA	CL.5P10	Ø30 mm
	PCT-R30 - 150/5A - CL.5P10 - 5VA	150/5A	5VA	CL.5P10	Ø30 mm
	PCT-R30 - 200/5A - CL.5P10 - 5VA	200/5A	5VA	CL.5P10	Ø30 mm

# KÍCH THƯỚC PCT-R40

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>PCT-R40</b>	98	120	72	Ø40	Ø98



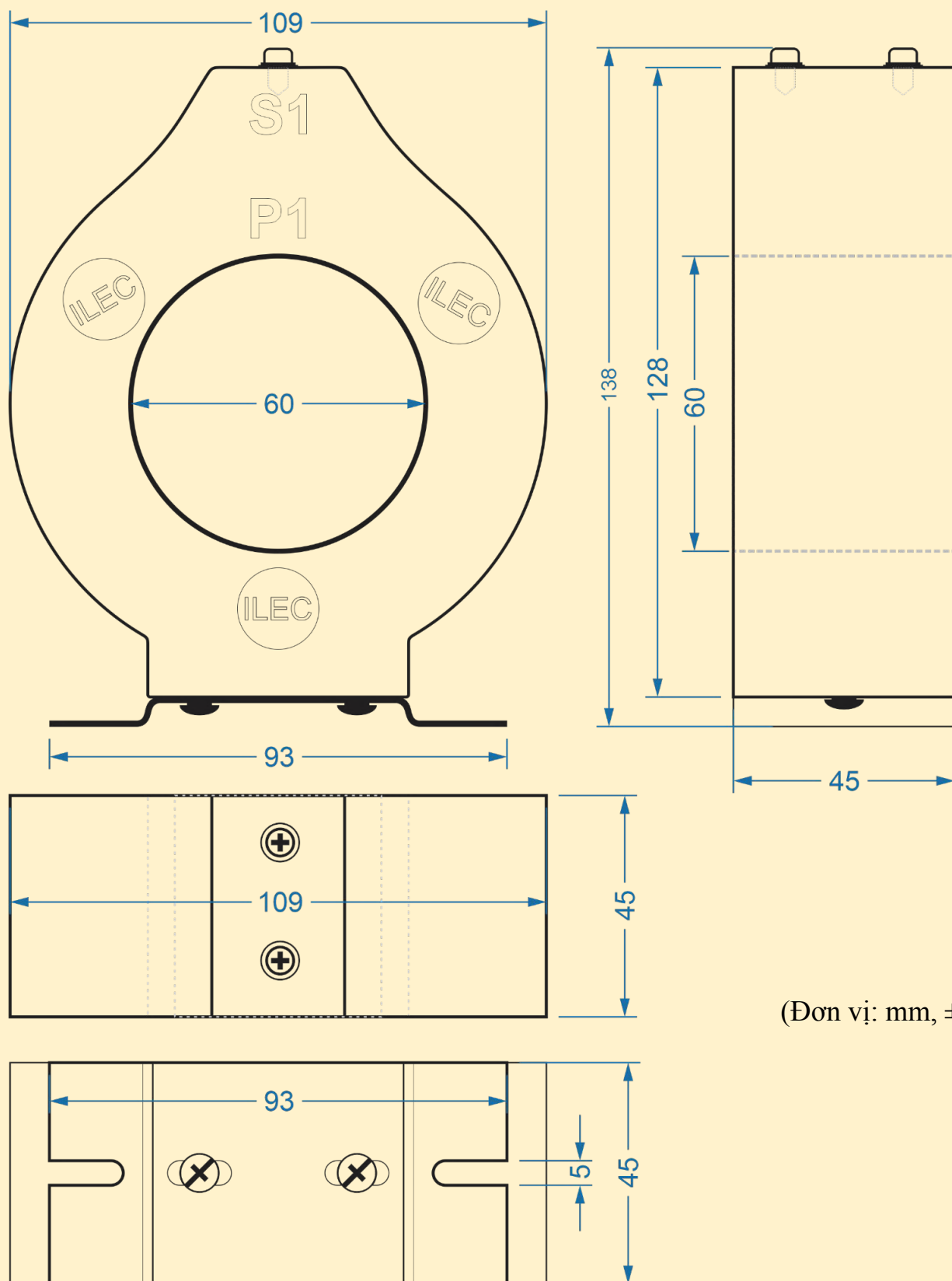
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-R40 (150A ~ 400A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-R40</b>	PCT-R40 - 150/5A - CL.5P10 - 5VA	150/5A	5VA	CL.5P10	Ø40 mm
	PCT-R40 - 200/5A - CL.5P10 - 5VA	200/5A	5VA	CL.5P10	Ø40 mm
	PCT-R40 - 250/5A - CL.5P10 - 5VA	250/5A	5VA	CL.5P10	Ø40 mm
	PCT-R40 - 300/5A - CL.5P10 - 5VA	300/5A	5VA	CL.5P10	Ø40 mm
	PCT-R40 - 400/5A - CL.5P10 - 5VA	400/5A	5VA	CL.5P10	Ø40 mm

# KÍCH THƯỚC PCT-R60

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>PCT-R60</b>	109	138	45	Ø60	Ø109



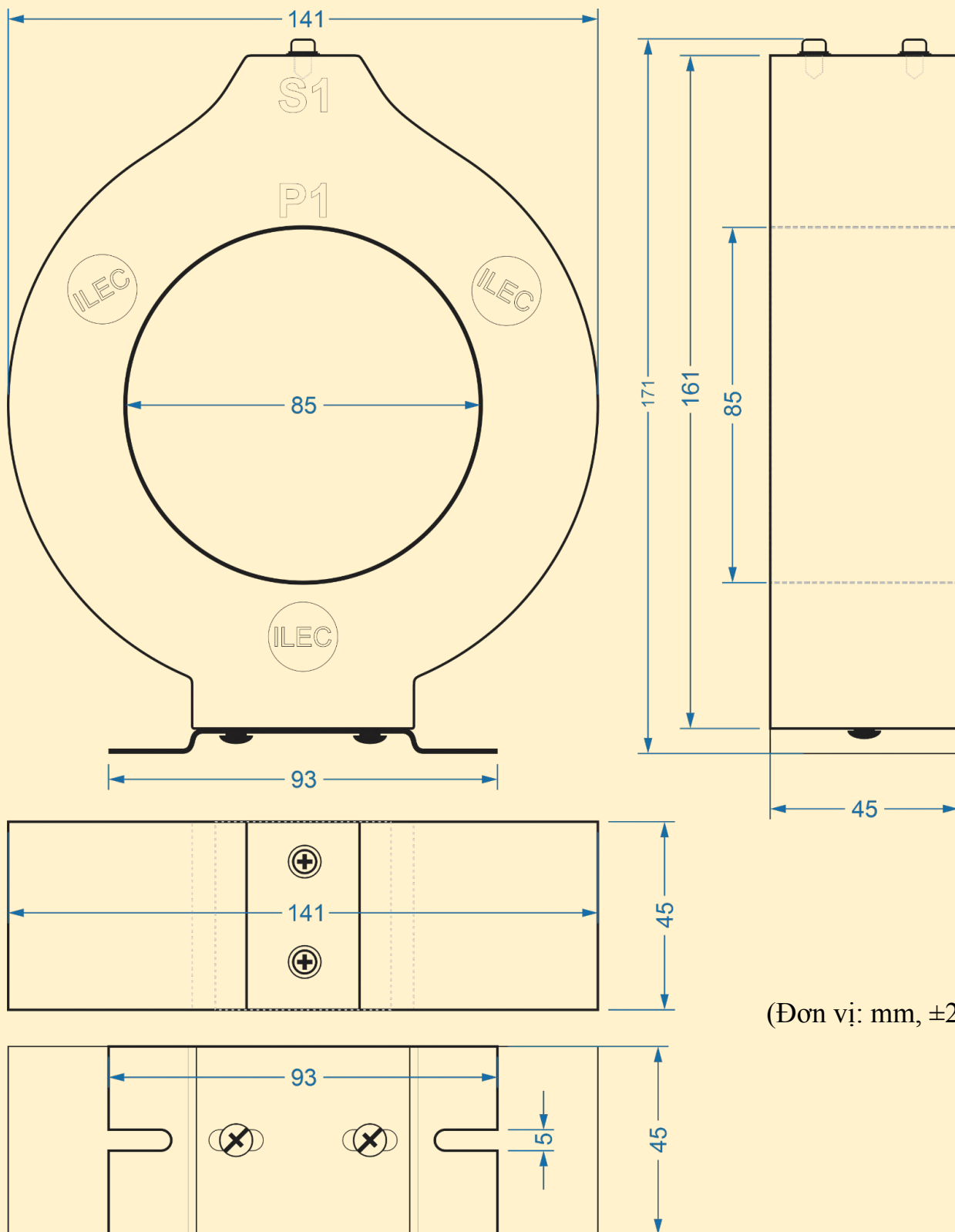
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-R60 (500A ~ 800A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-R60</b>	PCT-R60 - 500/5A - CL.5P10 - 5VA	500/5A	5VA	CL.5P10	Ø60 mm
	PCT-R60 - 600/5A - CL.5P10 - 5VA	600/5A	5VA	CL.5P10	Ø60 mm
	PCT-R60 - 800/5A - CL.5P10 - 15VA	800/5A	15VA	CL.5P10	Ø60 mm

# KÍCH THƯỚC PCT-R85

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>PCT-R85</b>	141	171	45	Ø85	Ø141



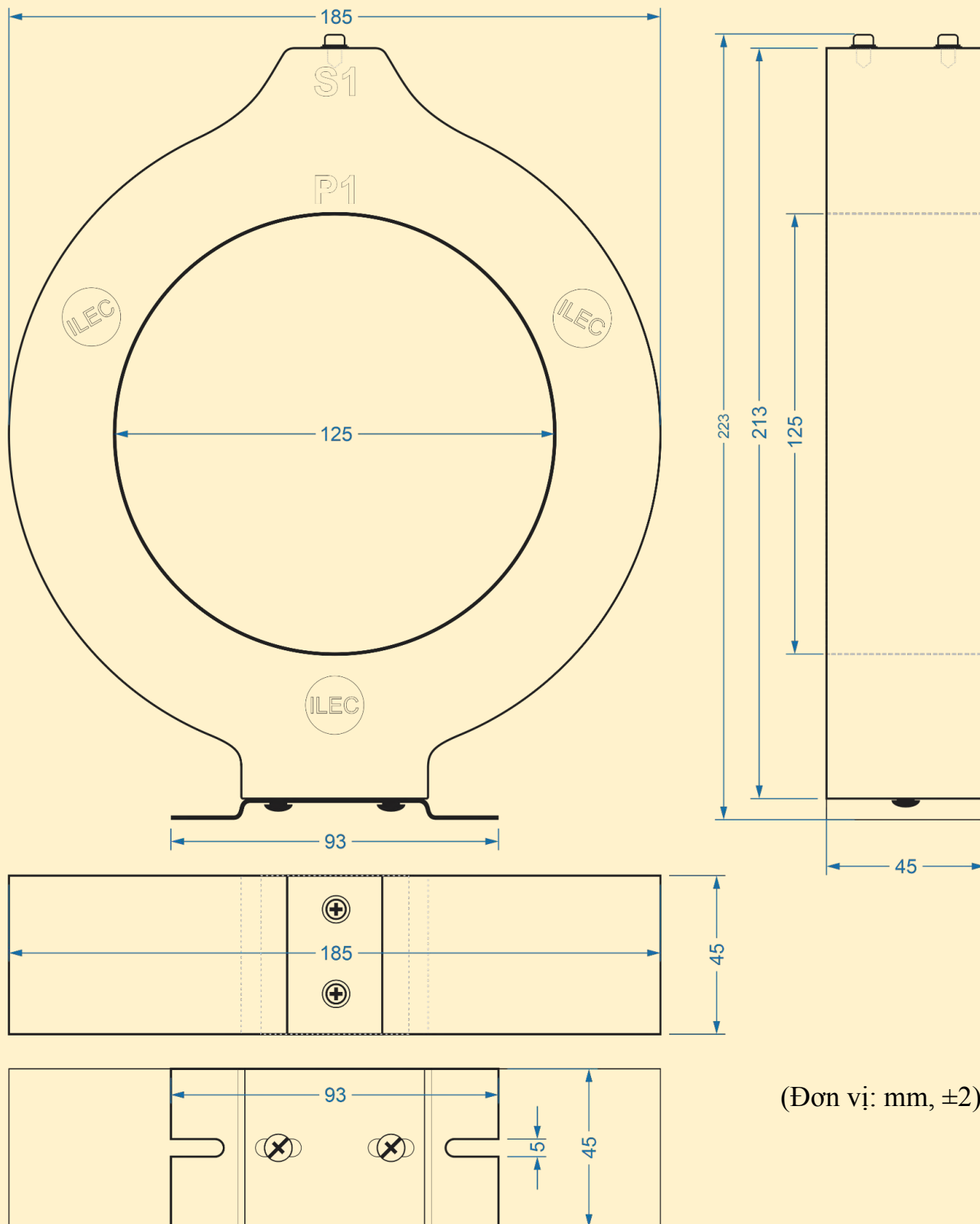
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-R85 (1000A ~ 1600A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-R85</b>	PCT-R85 - 1000/5A - CL.5P10 - 15VA	1000/5A	15VA	CL.5P10	Ø85 mm
	PCT-R85 - 1200/5A - CL.5P10 - 15VA	1200/5A	15VA	CL.5P10	Ø85 mm
	PCT-R85 - 1500/5A - CL.5P10 - 15VA	1500/5A	15VA	CL.5P10	Ø85 mm
	PCT-R85 - 1600/5A - CL.5P10 - 15VA	1600/5A	15VA	CL.5P10	Ø85 mm

# KÍCH THƯỚC PCT-R125

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>PCT-R125</b>	185	223	45	Ø125	Ø185



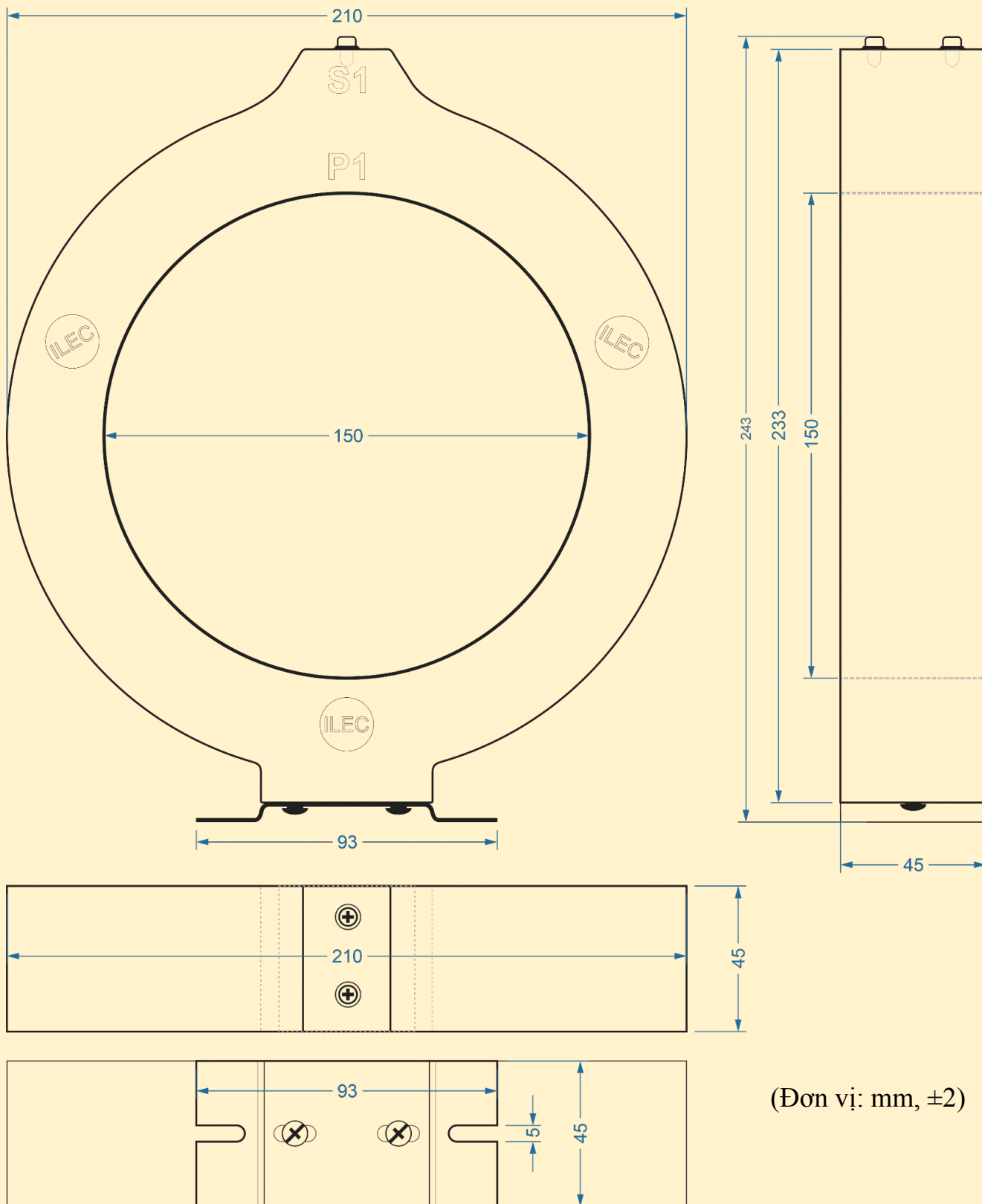
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-R125 (2000A ~ 3200A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-R125</b>	PCT-R125 - 2000/5A - CL.5P10 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.5P10	Ø125 mm
	PCT-R125 - 2500/5A - CL.5P10 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.5P10	Ø125 mm
	PCT-R125 - 3000/5A - CL.5P10 - 15VA	3000/5A	15VA	CL.5P10	Ø125 mm
	PCT-R125 - 3200/5A - CL.5P10 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.5P10	Ø125 mm

# KÍCH THƯỚC PCT-R150

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>PCT-R150</b>	210	243	45	Ø150	Ø210



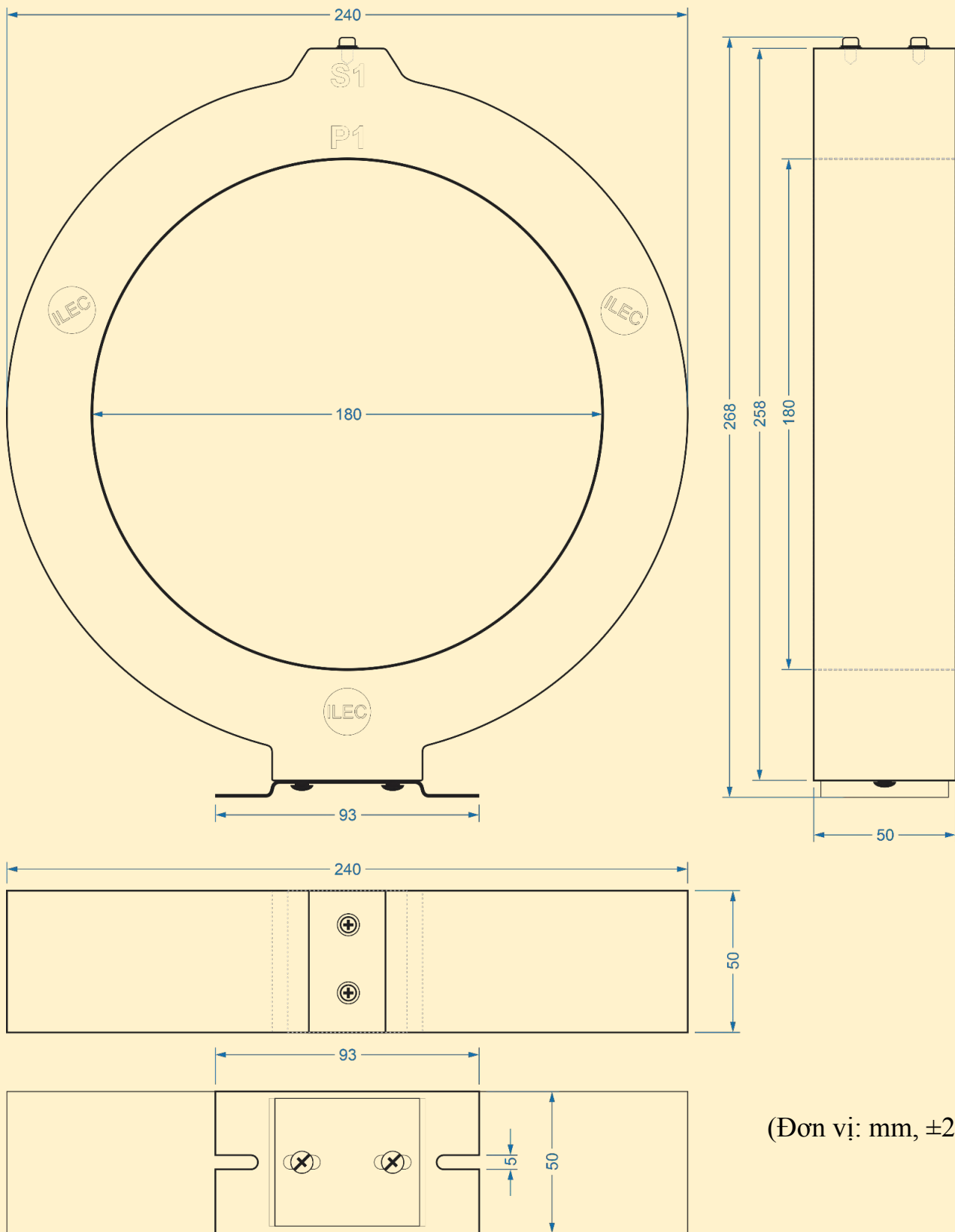
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-R150 (4000A ~ 6000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-R150</b>	PCT-R150 - 4000/5A - CL.5P10 - 15VA	4000/5A	15VA	CL.5P10	Ø150 mm
	PCT-R150 - 5000/5A - CL.5P10 - 15VA	5000/5A	15VA	CL.5P10	Ø150 mm
	PCT-R150 - 6000/5A - CL.5P10 - 15VA	6000/5A	15VA	CL.5P10	Ø150 mm

# KÍCH THƯỚC PCT-R180

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>PCT-R180</b>	240	268	50	Ø180	Ø240



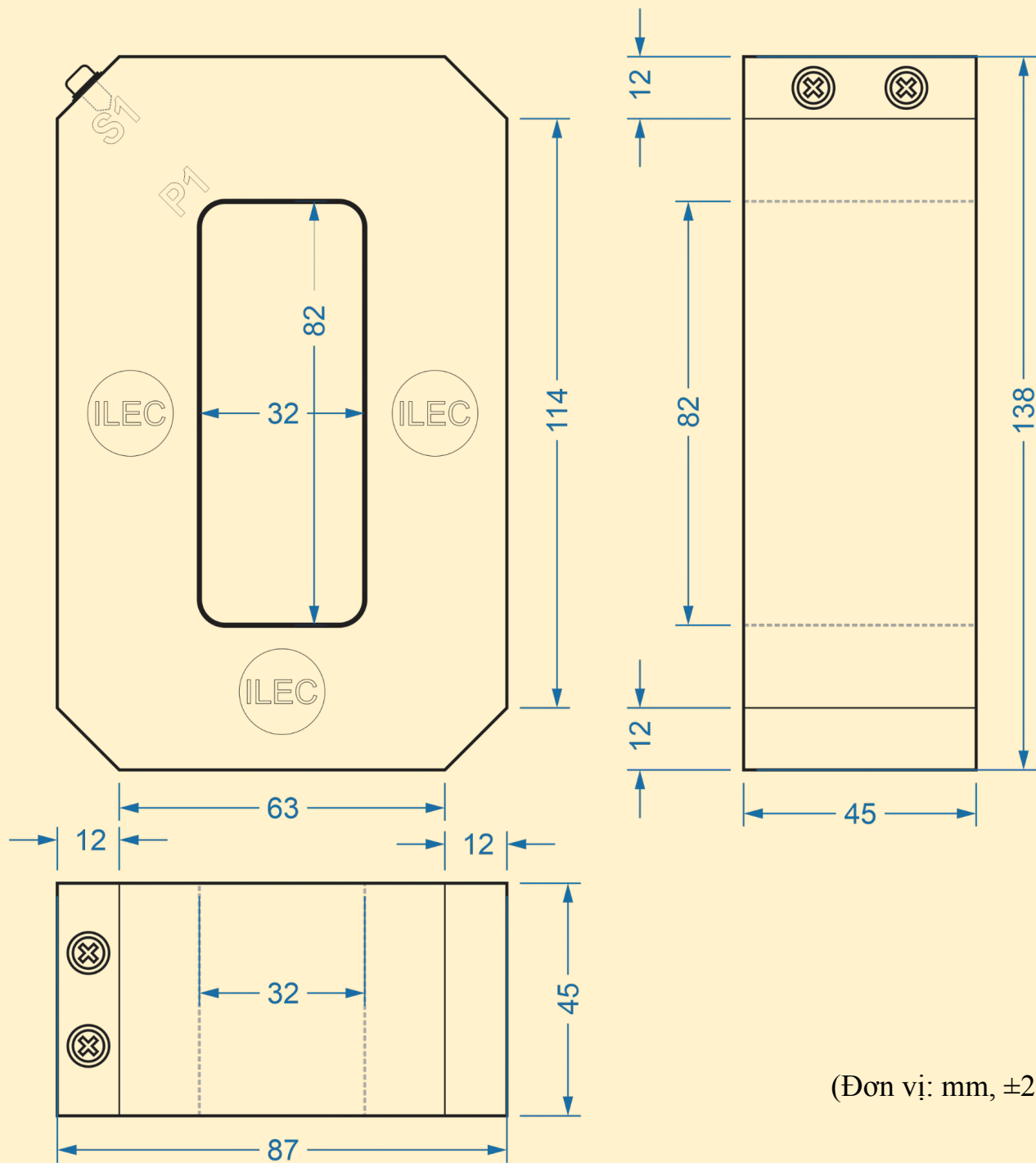
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-R180 (4000A ~ 6000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-R180</b>	PCT-R180 - 4000/5A - CL.5P10 - 15VA	4000/5A	15VA	CL.5P10	Ø180 mm
	PCT-R180 - 5000/5A - CL.5P10 - 15VA	5000/5A	15VA	CL.5P10	Ø180 mm
	PCT-R180 - 6000/5A - CL.5P10 - 15VA	6000/5A	15VA	CL.5P10	Ø180 mm

# KÍCH THƯỚC PCT-S38

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PCT-S38</b>	87	138	45	32 x 82



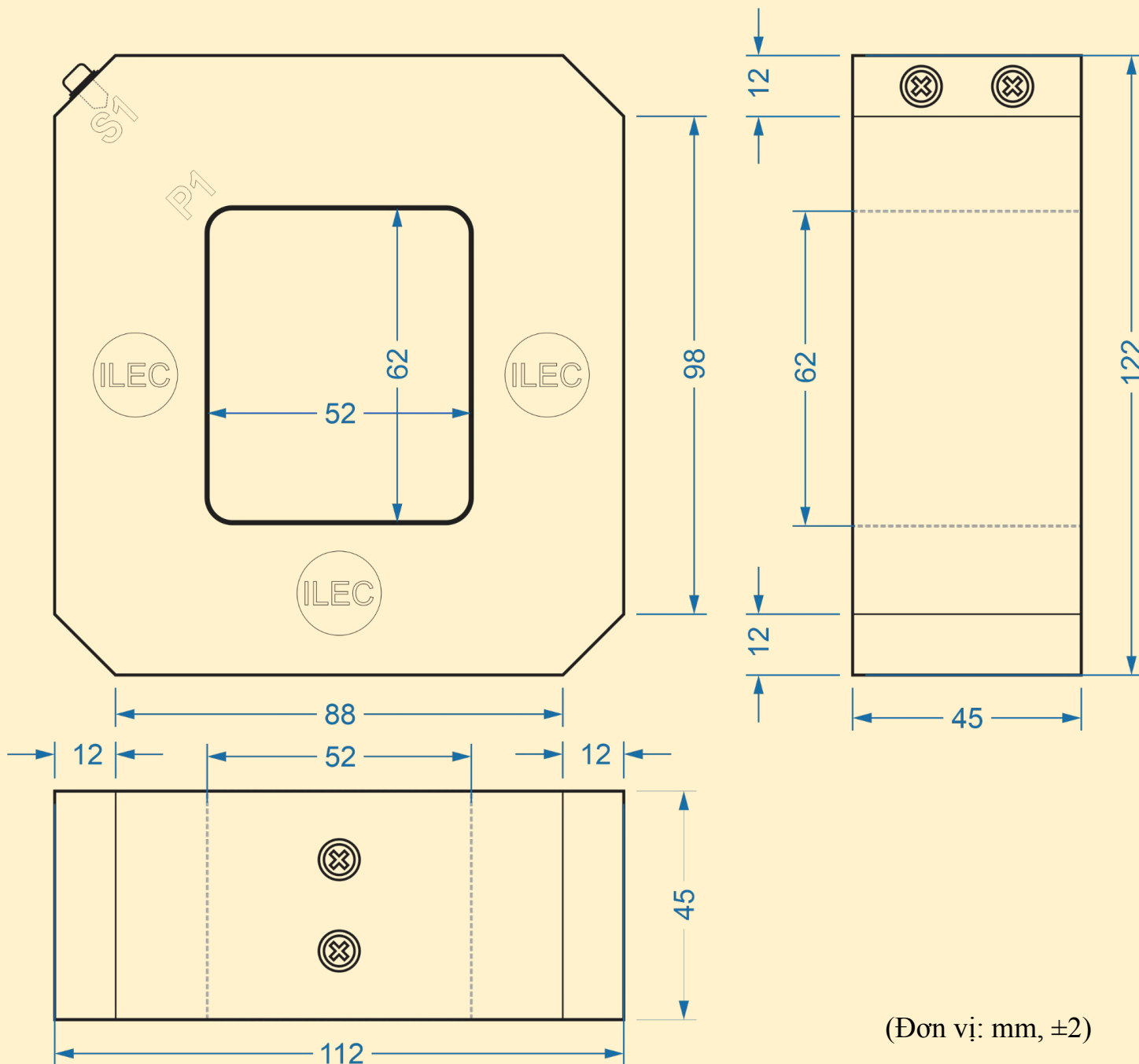
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-S38 (4000A ~ 6000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-S38</b>	400/5A - CL.5P10 - 5VA	400/5A	5VA	CL.5P10	32 x 82
	500/5A - CL.5P10 - 5VA	500/5A	5VA	CL.5P10	32 x 82
	600/5A - CL.5P10 - 5VA	600/5A	5VA	CL.5P10	32 x 82
	800/5A - CL.5P10 - 5VA	800/5A	5VA	CL.5P10	32 x 82
	1000/5A - CL.5P10 - 5VA	1000/5A	5VA	CL.5P10	32 x 82
	1200/5A - CL.5P10 - 5VA	1200/5A	5VA	CL.5P10	32 x 82
	1500/5A - CL.5P10 - 5VA	1500/5A	5VA	CL.5P10	32 x 82
	1600/5A - CL.5P10 - 5VA	1600/5A	5VA	CL.5P10	32 x 82
	2000/5A - CL.5P10 - 5VA	2000/5A	5VA	CL.5P10	32 x 82

# KÍCH THƯỚC PCT-S56

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PCT-S56</b>	112	122	45	52 x 62



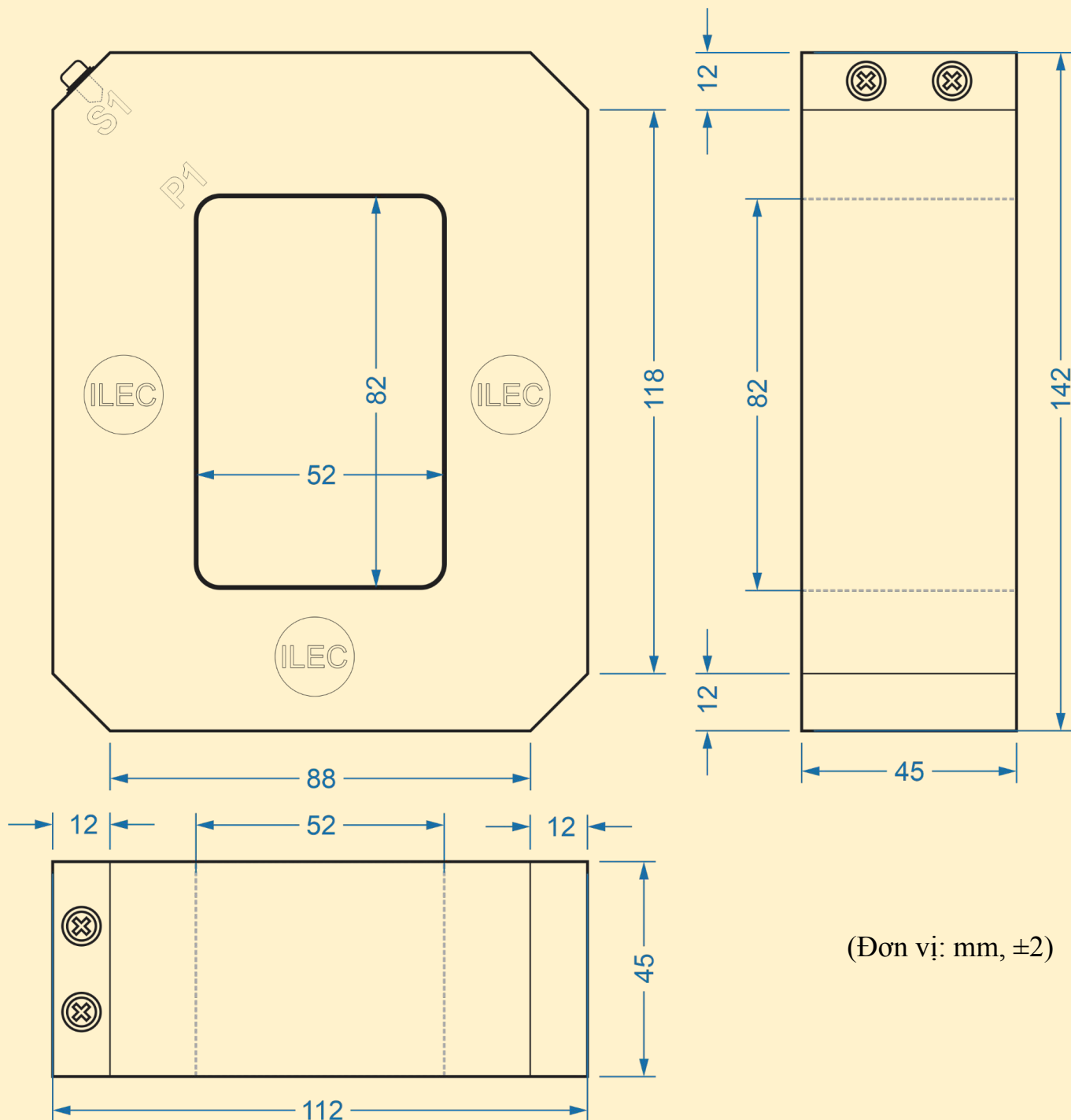
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-S56 (400A ~ 2000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-S56</b>	400/5A - CL.5P10 - 5VA	400/5A	5VA	CL.5P10	52 x 62
	500/5A - CL.5P10 - 5VA	500/5A	5VA	CL.5P10	52 x 62
	600/5A - CL.5P10 - 5VA	600/5A	5VA	CL.5P10	52 x 62
	800/5A - CL.5P10 - 5VA	800/5A	5VA	CL.5P10	52 x 62
	1000/5A - CL.5P10 - 5VA	1000/5A	5VA	CL.5P10	52 x 62
	1200/5A - CL.5P10 - 5VA	1200/5A	5VA	CL.5P10	52 x 62
	1500/5A - CL.5P10 - 5VA	1500/5A	5VA	CL.5P10	52 x 62
	1600/5A - CL.5P10 - 5VA	1600/5A	5VA	CL.5P10	52 x 62
	2000/5A - CL.5P10 - 5VA	2000/5A	5VA	CL.5P10	52 x 62

# KÍCH THƯỚC PCT-S58

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PCT-S58</b>	112	142	45	52 x 82



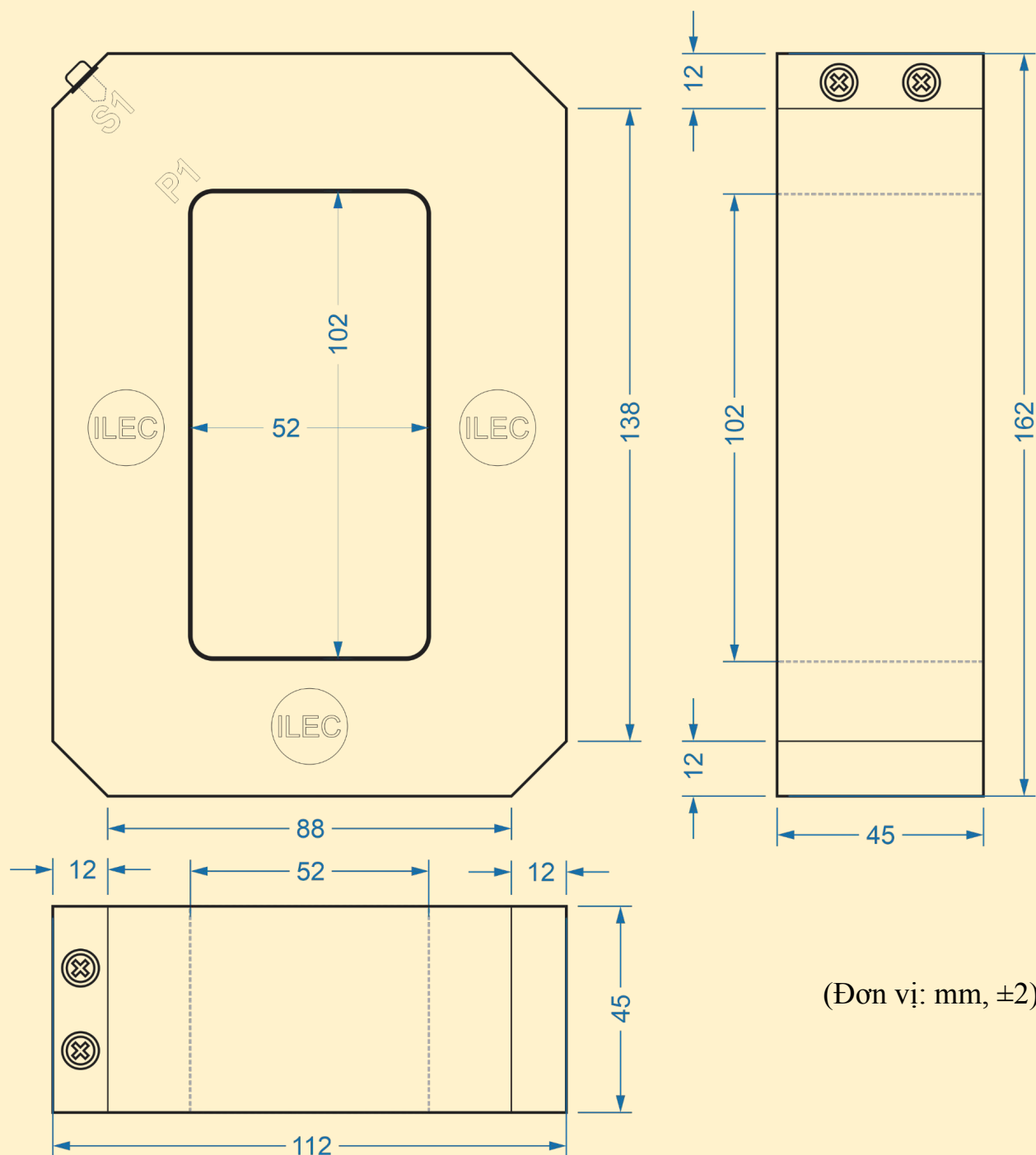
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-S56 (400A ~ 2000A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-S58</b>	400/5A - CL.5P10 - 5VA	400/5A	5VA	CL.5P10	52 x 82
	500/5A - CL.5P10 - 5VA	500/5A	5VA	CL.5P10	52 x 82
	600/5A - CL.5P10 - 5VA	600/5A	5VA	CL.5P10	52 x 82
	800/5A - CL.5P10 - 15VA	800/5A	15VA	CL.5P10	52 x 82
	1000/5A - CL.5P10 - 15VA	1000/5A	15VA	CL.5P10	52 x 82
	1200/5A - CL.5P10 - 15VA	1200/5A	15VA	CL.5P10	52 x 82
	1500/5A - CL.5P10 - 15VA	1500/5A	15VA	CL.5P10	52 x 82
	1600/5A - CL.5P10 - 15VA	1600/5A	15VA	CL.5P10	52 x 82
2000/5A - CL.5P10 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.5P10	52 x 82	

# KÍCH THƯỚC PCT-S510

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PCT-S510</b>	112	162	45	52 x 102

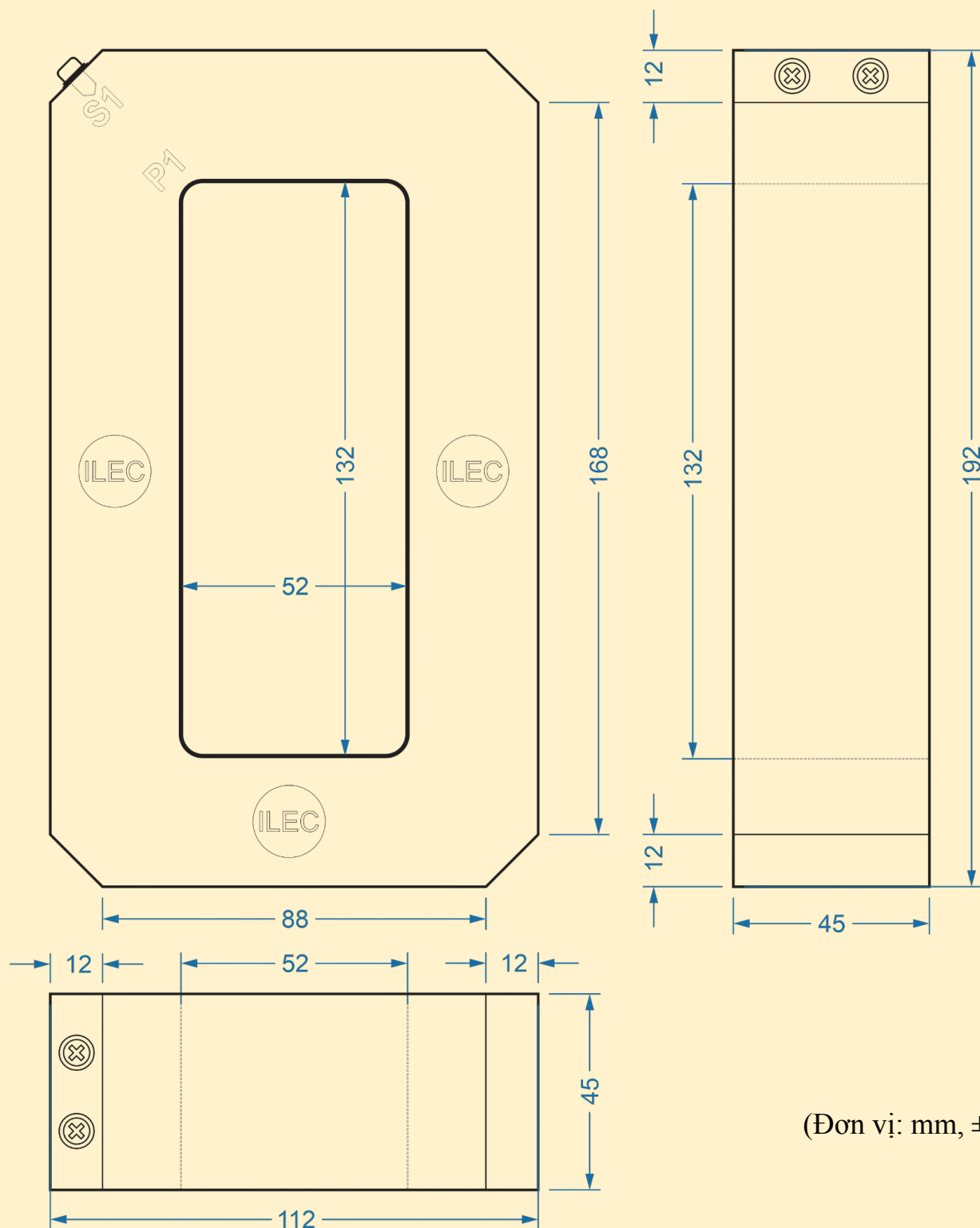


## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-S510 (800A ~ 3200A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-S510</b>	800/5A - CL.5P10 - 15VA	800/5A	15VA	CL.5P10	52 x 102
	1000/5A - CL.5P10 - 15VA	1000/5A	15VA	CL.5P10	52 x 102
	1200/5A - CL.5P10 - 15VA	1200/5A	15VA	CL.5P10	52 x 102
	1500/5A - CL.5P10 - 15VA	1500/5A	15VA	CL.5P10	52 x 102
	1600/5A - CL.5P10 - 15VA	1600/5A	15VA	CL.5P10	52 x 102
	2000/5A - CL.5P10 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.5P10	52 x 102
	2500/5A - CL.5P10 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.5P10	52 x 102
	3000/5A - CL.5P10 - 15VA	3000/5A	15VA	CL.5P10	52 x 102
	3200/5A - CL.5P10 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.5P10	52 x 102

# KÍCH THƯỚC PCT-S513

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PCT-S513</b>	112	192	45	52 x 132



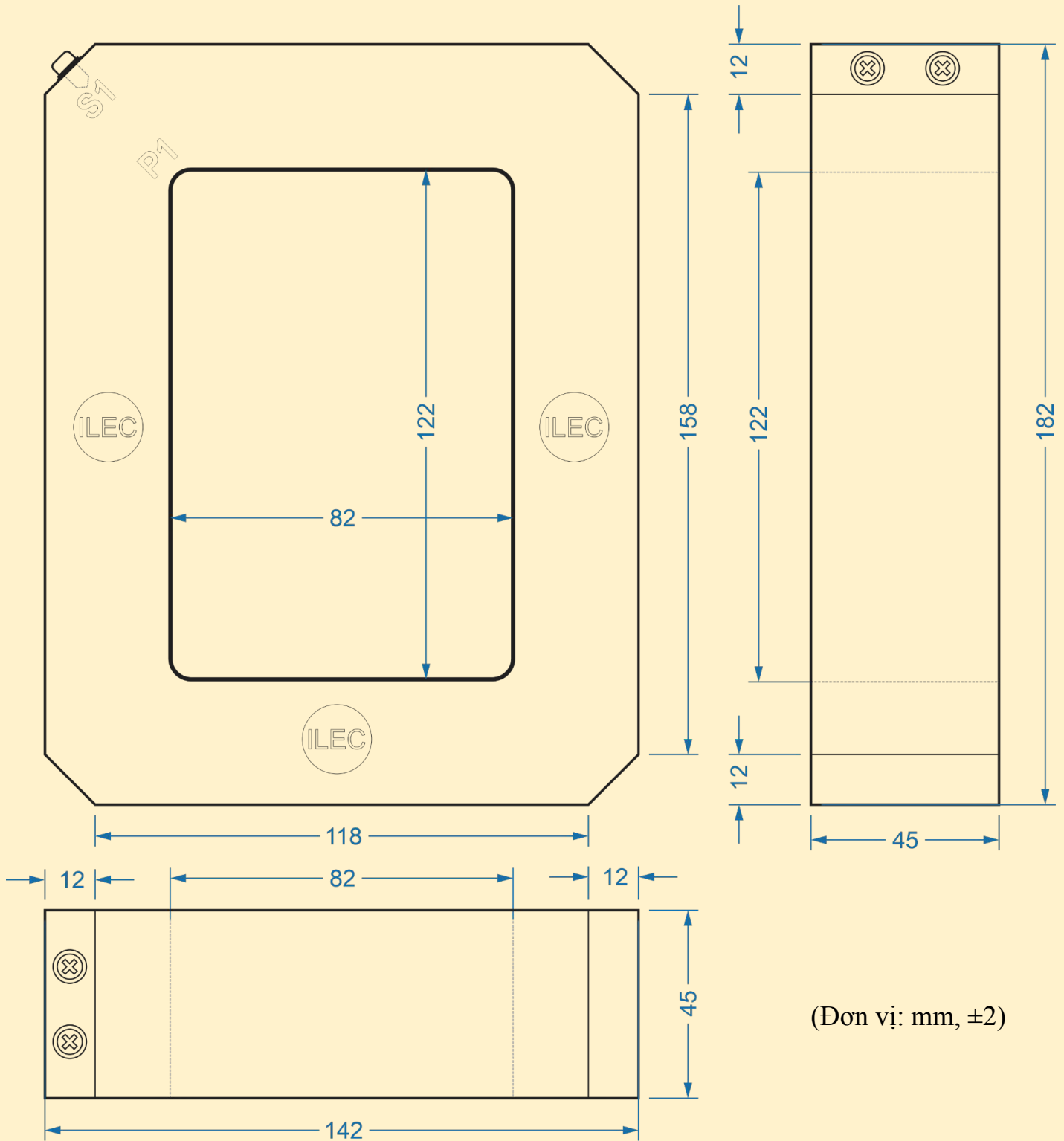
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-S510 (800A ~ 3200A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-S513</b>	1200/5A - CL.5P10 - 15VA	1200/5A	15VA	CL.5P10	52 x 132
	1500/5A - CL.5P10 - 15VA	1500/5A	15VA	CL.5P10	52 x 132
	1600/5A - CL.5P10 - 15VA	1600/5A	15VA	CL.5P10	52 x 132
	2000/5A - CL.5P10 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.5P10	52 x 132
	2500/5A - CL.5P10 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.5P10	52 x 132
	3200/5A - CL.5P10 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.5P10	52 x 132

# KÍCH THƯỚC PCT-S812

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PCT-S812</b>	142	182	45	82 x 122



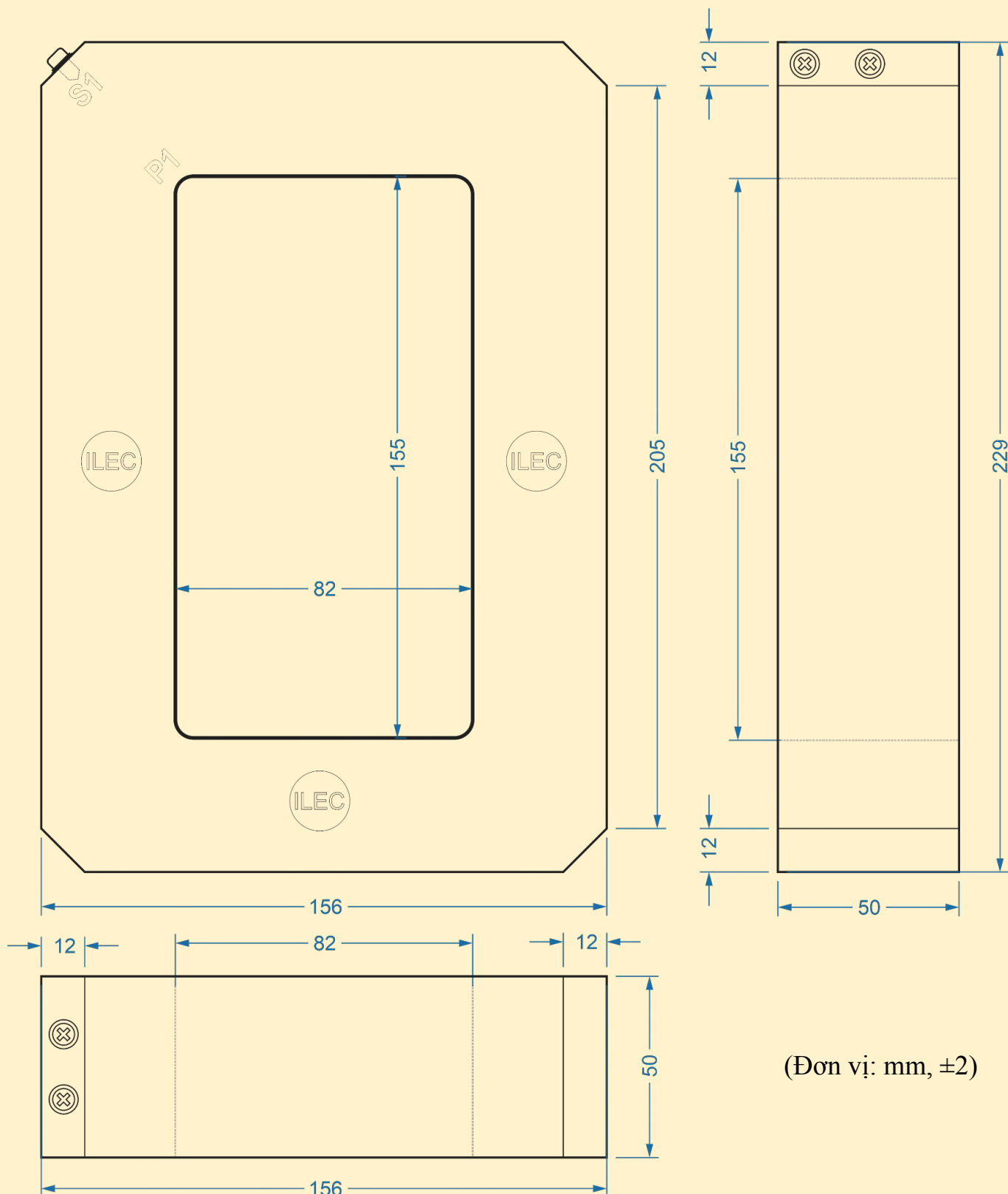
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PCT-S812 (2000A ~ 3200A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-S812</b>	2000/5A - CL.5P10 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.5P10	82 x 122
	2500/5A - CL.5P10 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.5P10	82 x 122
	3000/5A - CL.5P10 - 15VA	3000/5A	15VA	CL.5P10	82 x 122
	3200/5A - CL.5P10 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.5P10	82 x 122

# KÍCH THƯỚC PCT-S816

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PCT-S816</b>	156	229	50	82 x 155



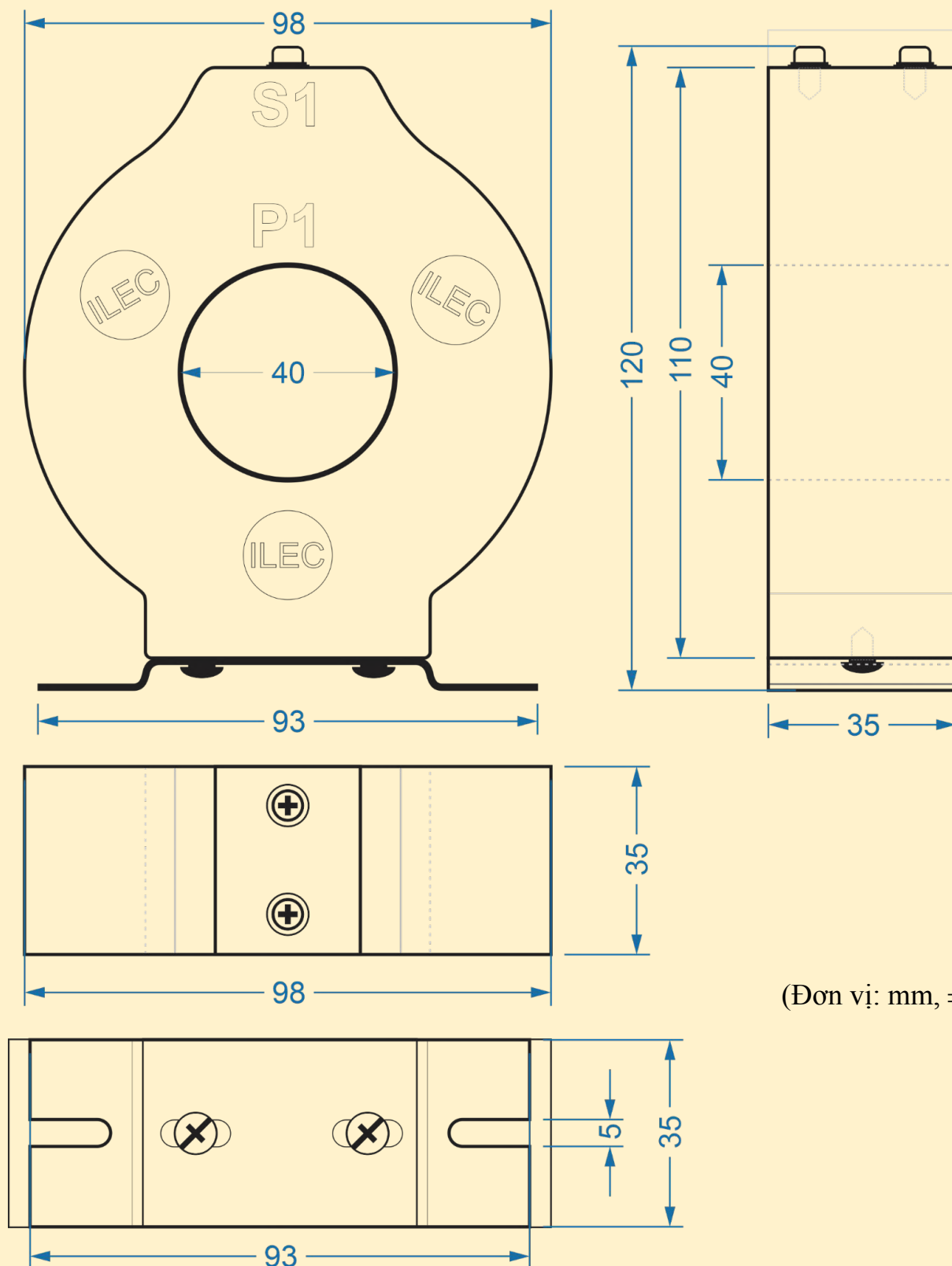
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số– Biến dòng PCT-S816 (2000A ~ 3200A)

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>PCT-S816</b>	4000/5A - CL.5P10 - 15VA	4000/5A	15VA	CL.5P10	82 x 155
	5000/5A - CL.5P10 - 15VA	5000/5A	15VA	CL.5P10	82 x 155
	6000/5A - CL.5P10 - 15VA	6000/5A	15VA	CL.5P10	82 x 155

## KÍCH THƯỚC ZCT-R40

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>ZCT-R40</b>	98	120	35	Ø40	Ø98



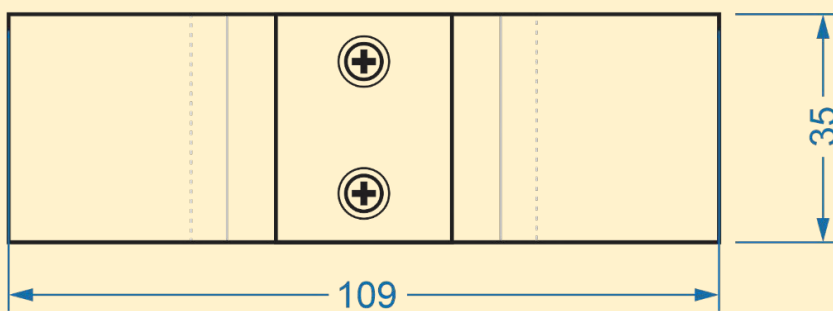
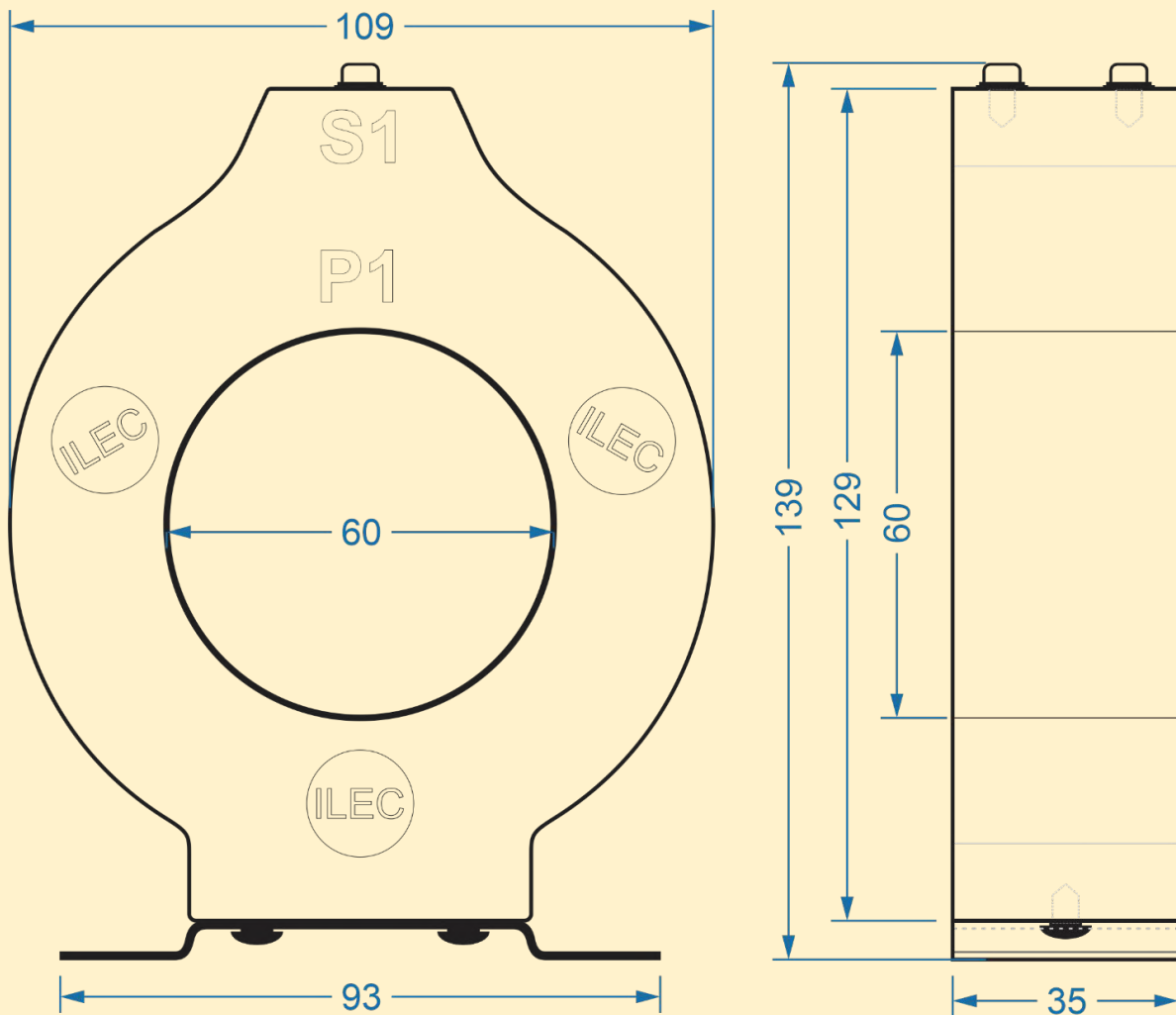
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S40

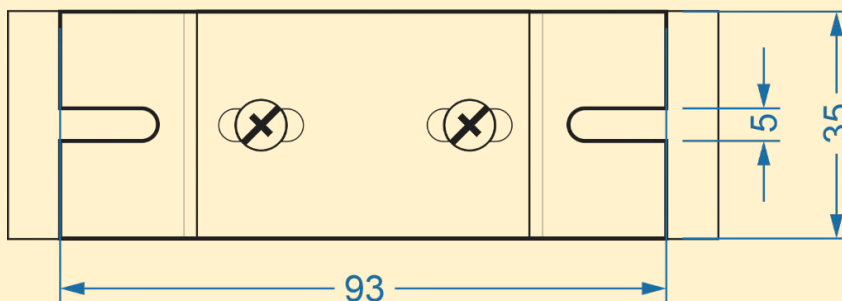
Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>ZCT-R40</b>	ZCT-R40 cho ELR Mikro ZCT-R40 cho ELR Selec	-	5VA	CL.1	Ø40

# KÍCH THƯỚC ZCT-R60

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>ZCT-R60</b>	109	139	35	Ø60	Ø109



(Đơn vị: mm, ±2)

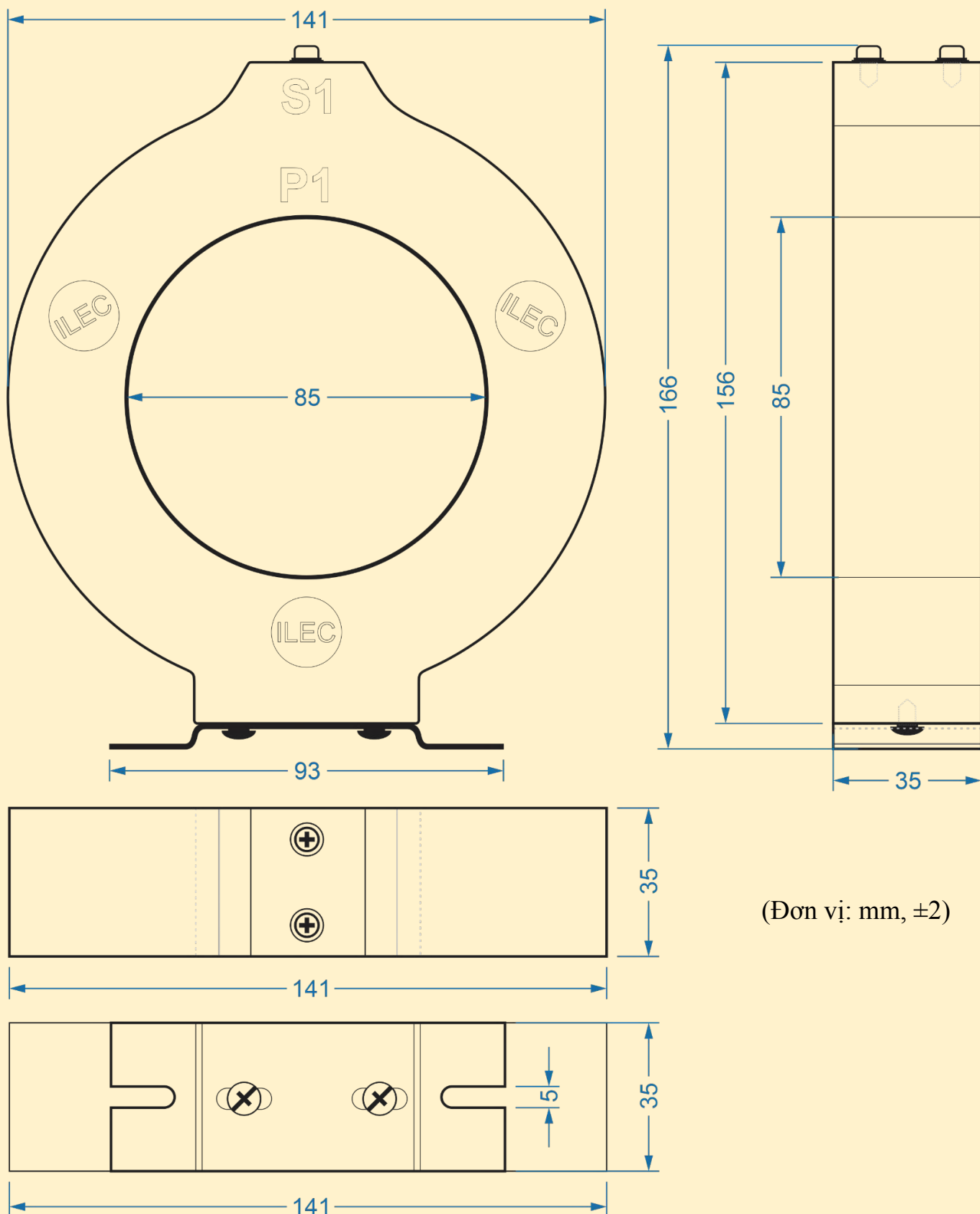


## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S60

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>ZCT-R60</b>	ZCT-R60 cho ELR Mikro ZCT-R60 cho ELR Selec	-	5VA	CL.1	Ø60

# KÍCH THƯỚC ZCT-R85

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>ZCT-R85</b>	141	166	35	Ø85	Ø141



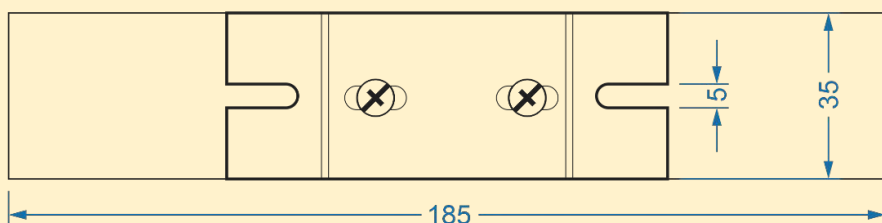
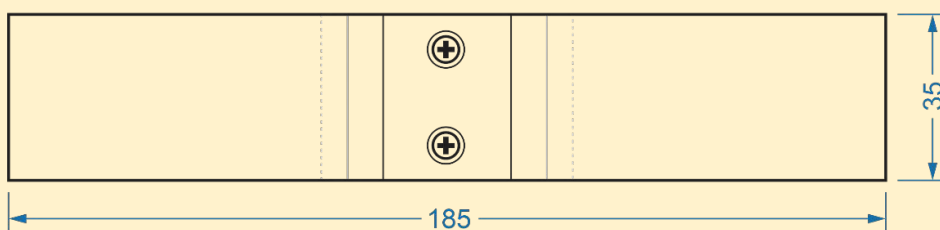
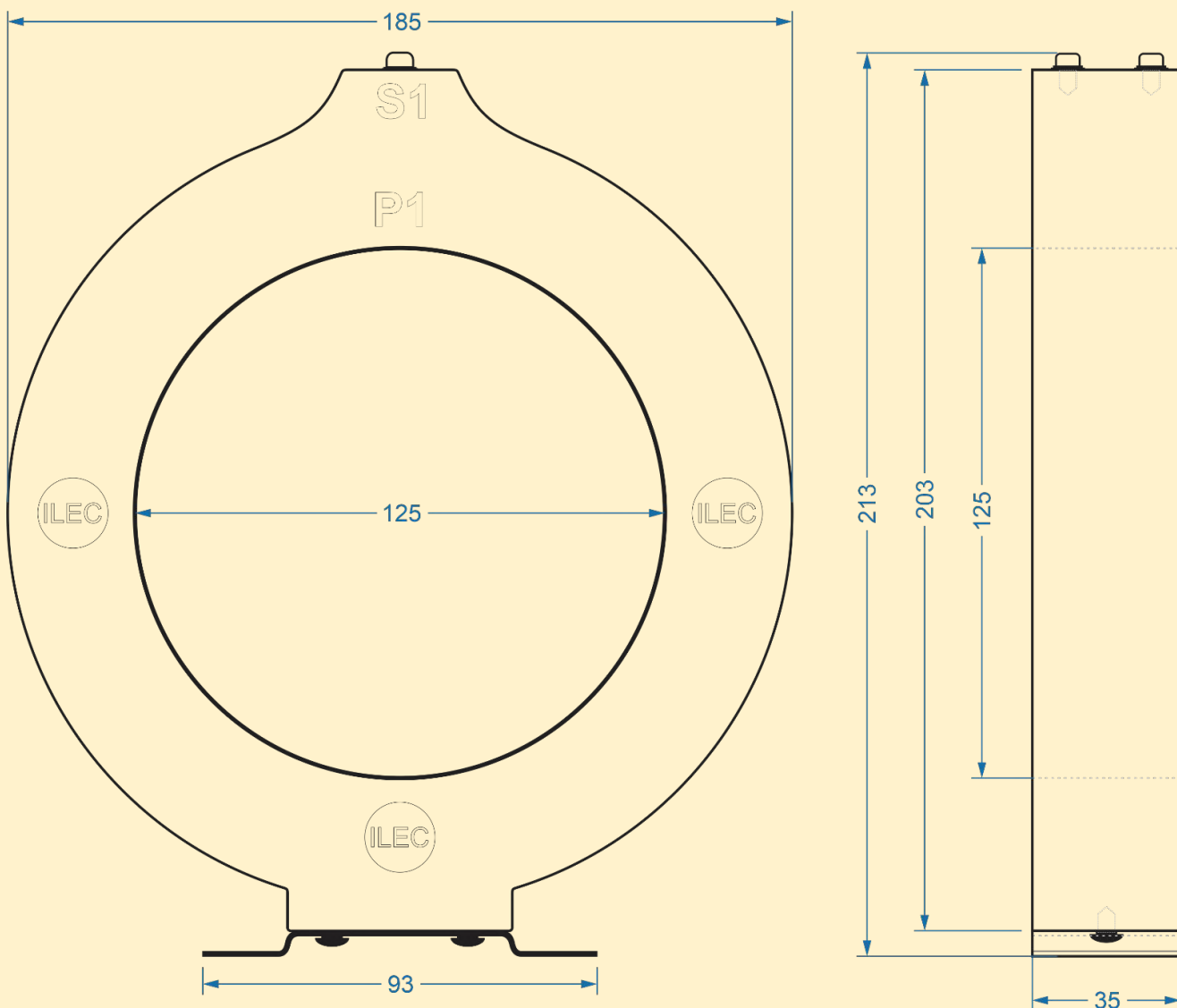
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S85

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>ZCT-R85</b>	ZCT-R85 cho ELR Selec	-	5VA	CL.1	Ø85

# KÍCH THƯỚC ZCT-R125

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>ZCT-R125</b>	185	213	35	Ø125	Ø185



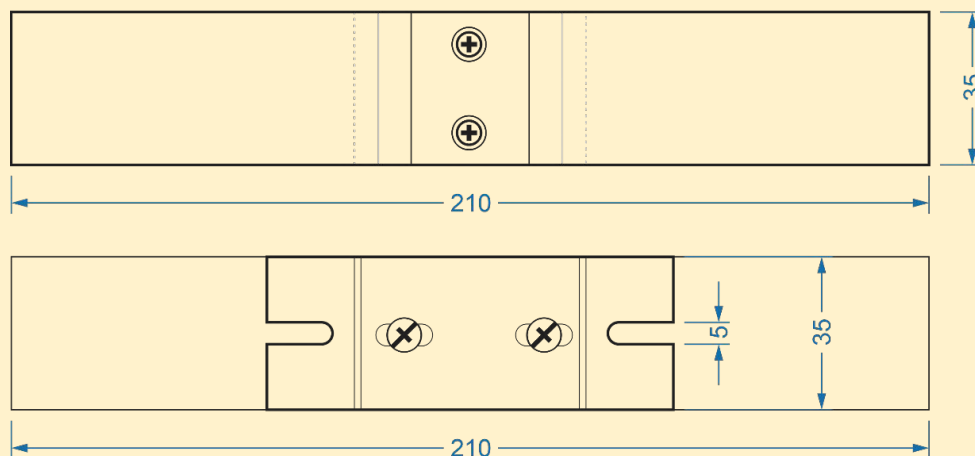
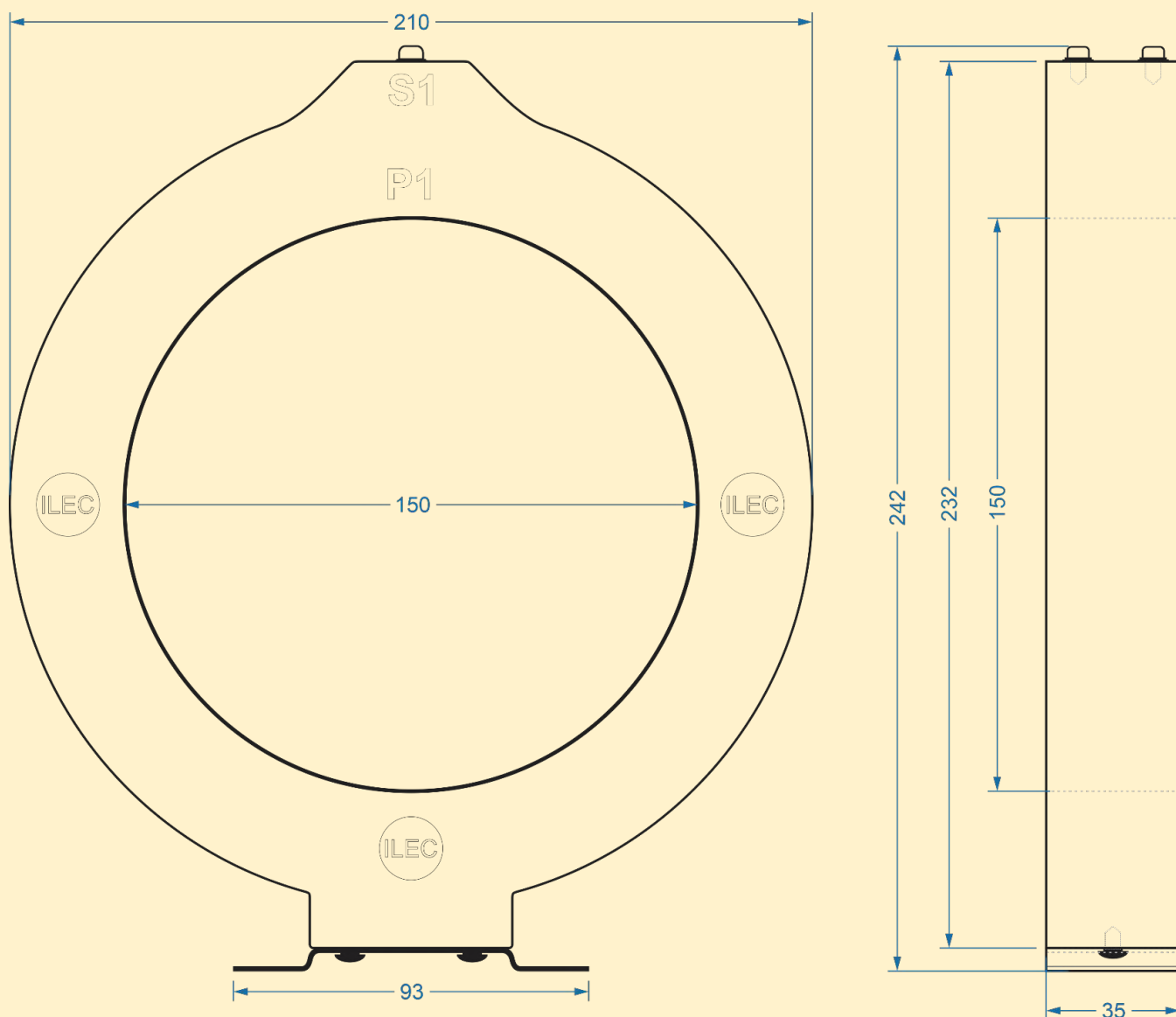
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S125

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>ZCT-R125</b>	ZCT-R125 cho ELR Selec	-	5VA	CL.1	Ø125

# KÍCH THƯỚC ZCT-R150

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>ZCT-R150</b>	210	242	35	Ø150	Ø210



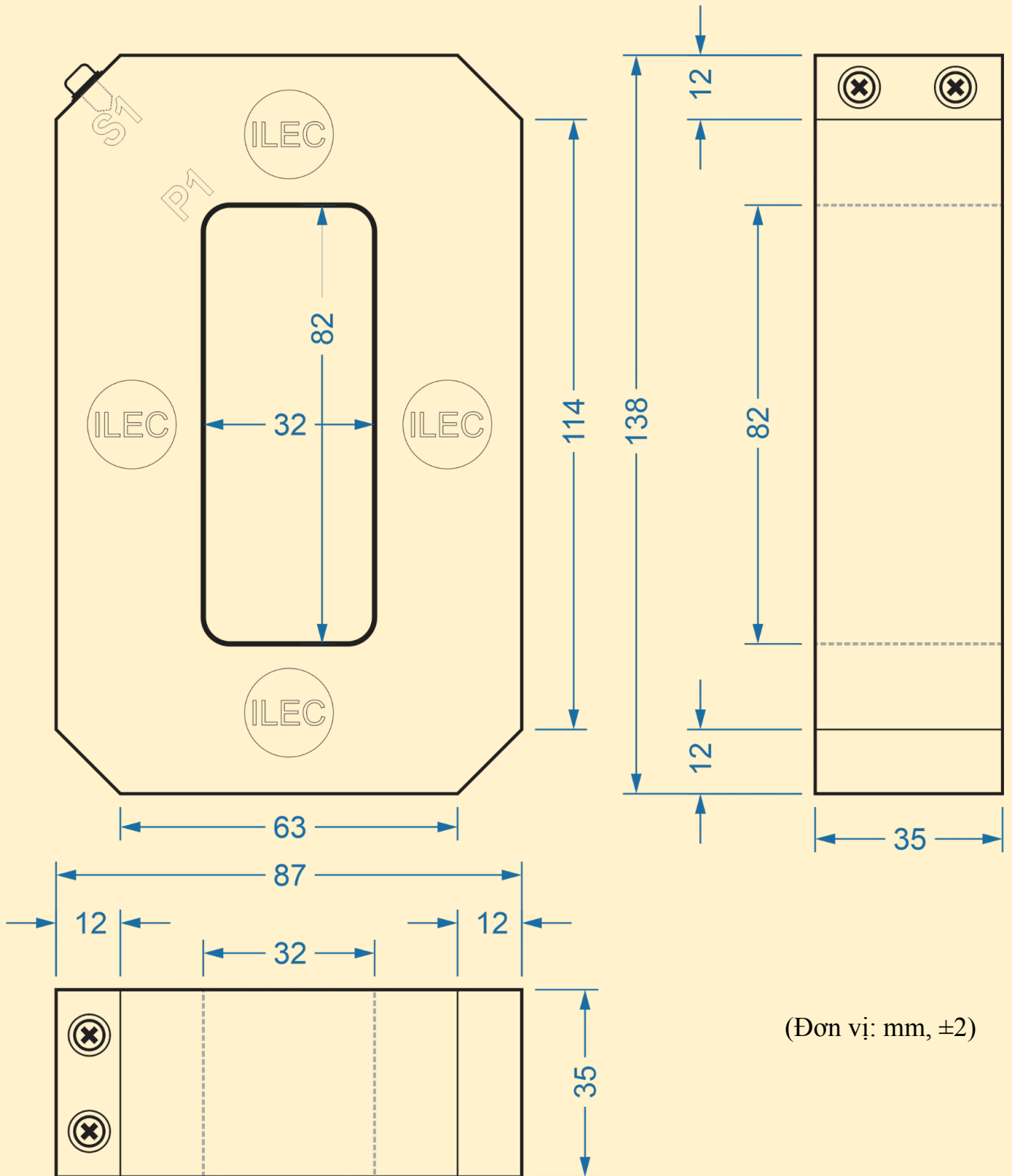
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S150

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Đường kính trong (ID)
<b>ZCT-R150</b>	ZCT-R150 cho ELR Selec	-	5VA	CL.1	Ø150

# KÍCH THƯỚC ZCT-S38

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
ZCT-S38	87	138	35	32 x 82



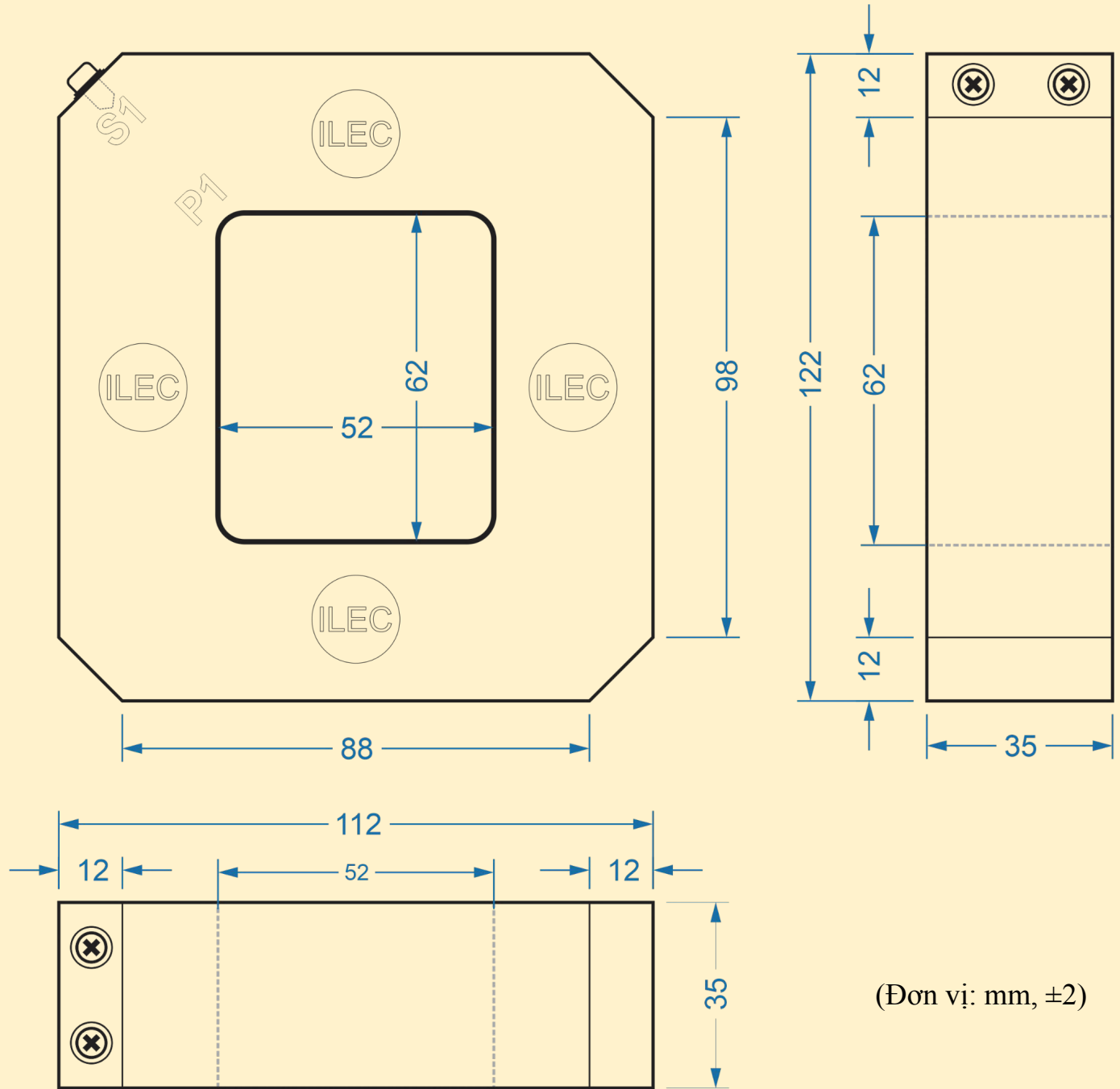
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S38

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
ZCT-S38	ZCT-S38 cho ELR Selec	-	15VA	CL.1	32 x 82

# KÍCH THƯỚC ZCT-S56

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-S56</b>	112	122	35	52 x 62

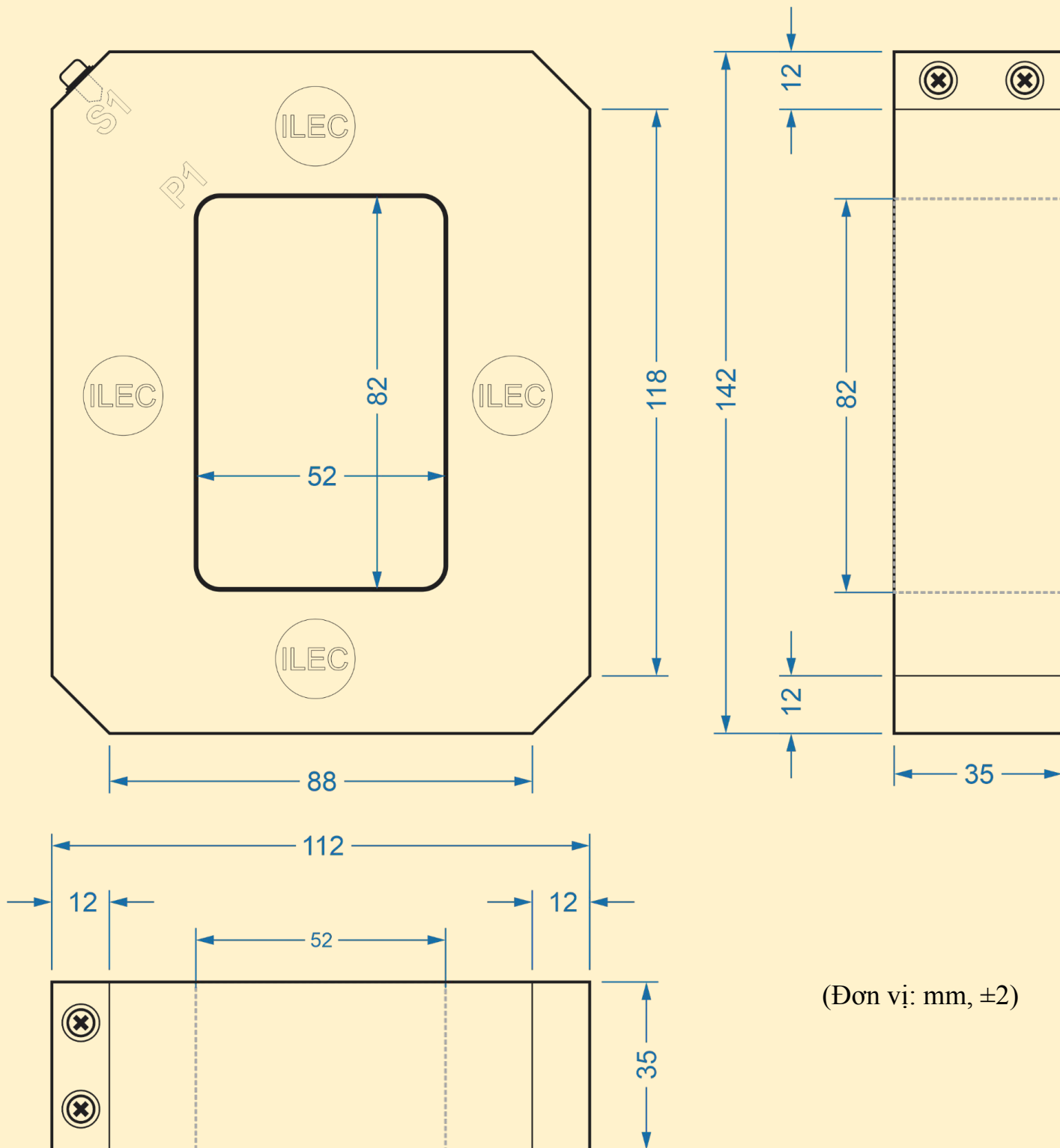


## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S56

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-S56</b>	ZCT-S56 cho ELR Selec	-	15VA	CL.1	52 x 62

# KÍCH THƯỚC ZCT-S58

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-S58</b>	112	142	35	52 x 82



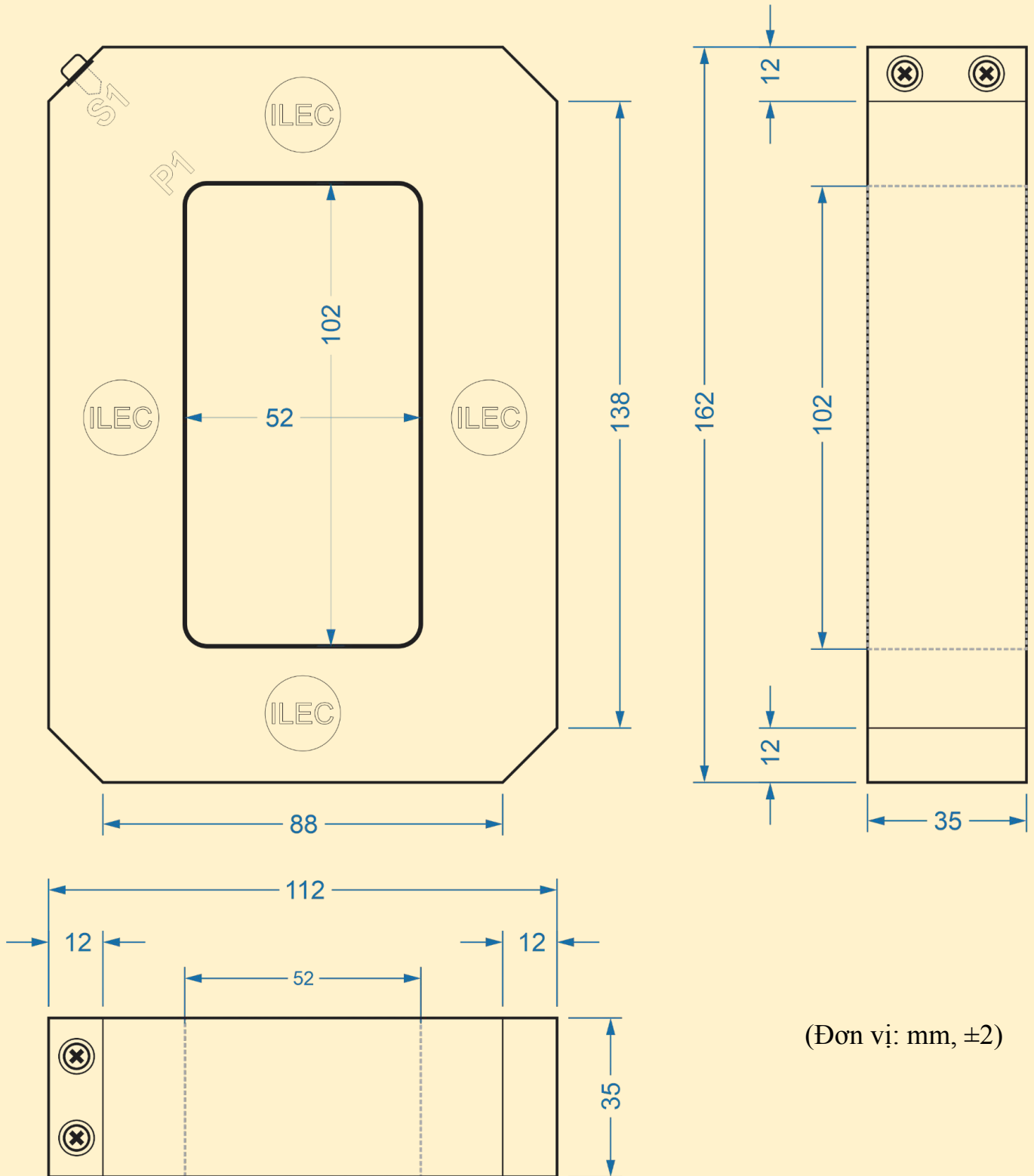
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S58

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-S58</b>	ZCT-S58 cho ELR Selec	-	15VA	CL.1	52 x 82

# KÍCH THƯỚC ZCT-S510

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-510</b>	112	162	35	52 x 102



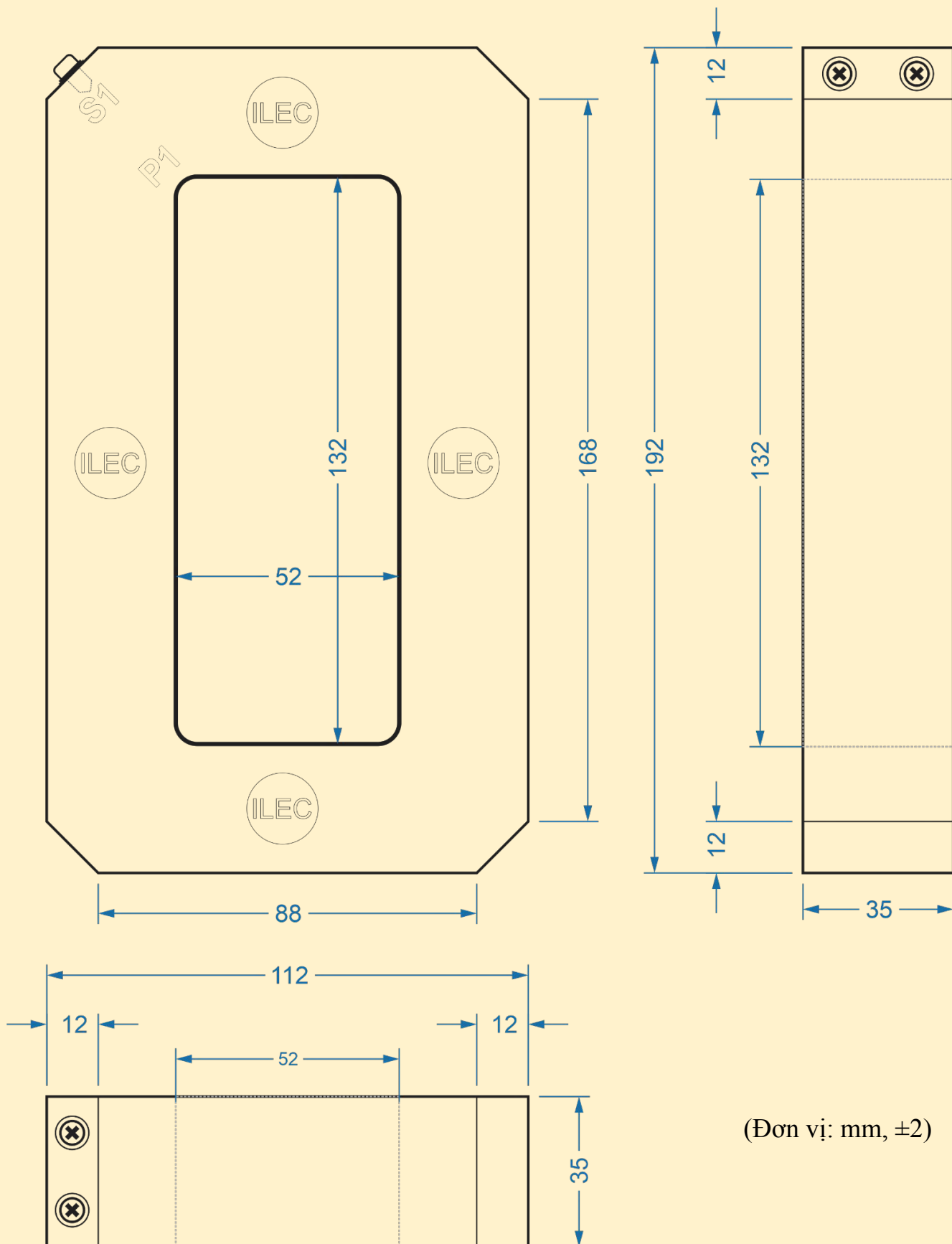
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S510

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-S510</b>	ZCT-S510 cho ELR Selec	-	15VA	CL.1	52 x 102

# KÍCH THƯỚC ZCT-S513

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
ZCT-513	112	192	35	52 x 132



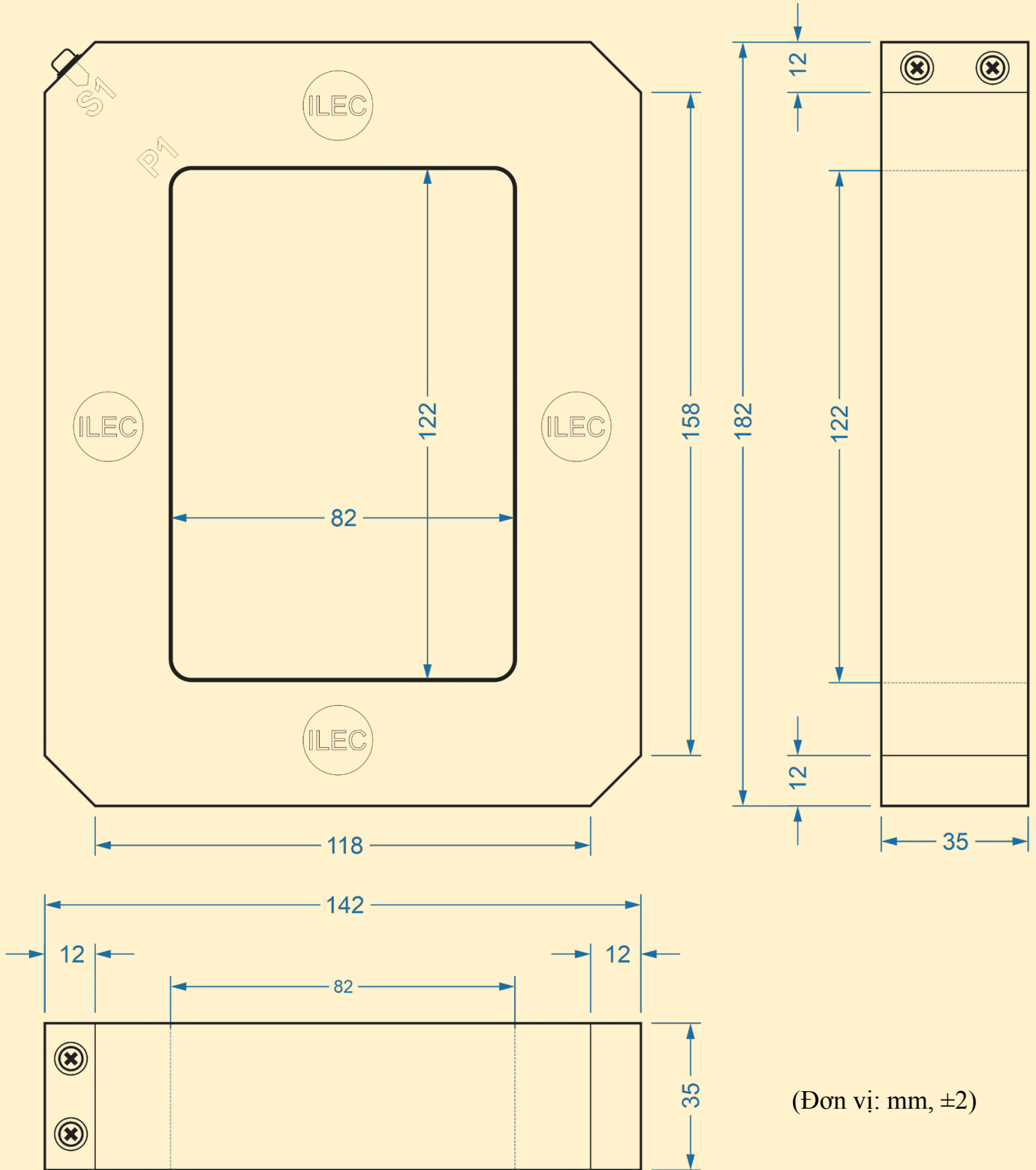
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S513

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
ZCT-S513	ZCT-S513 cho ELR Selec	-	15VA	CL.1	52 x 132

# KÍCH THƯỚC ZCT-S812

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-812</b>	142	182	35	82 x 122

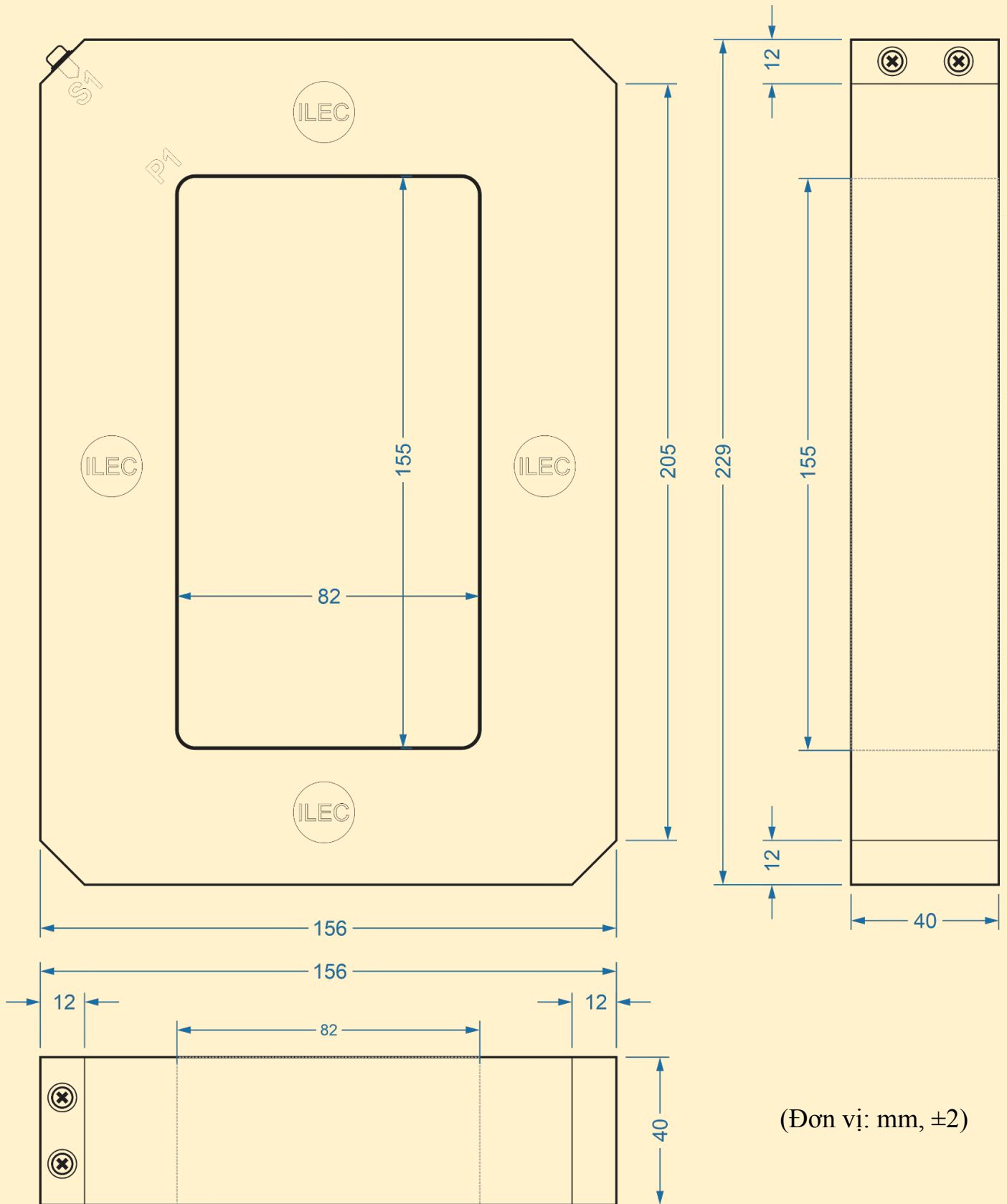


## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S812

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-S812</b>	ZCT-S812 cho ELR Selec	-	15VA	CL.1	82 x 122

# KÍCH THƯỚC ZCT-S816

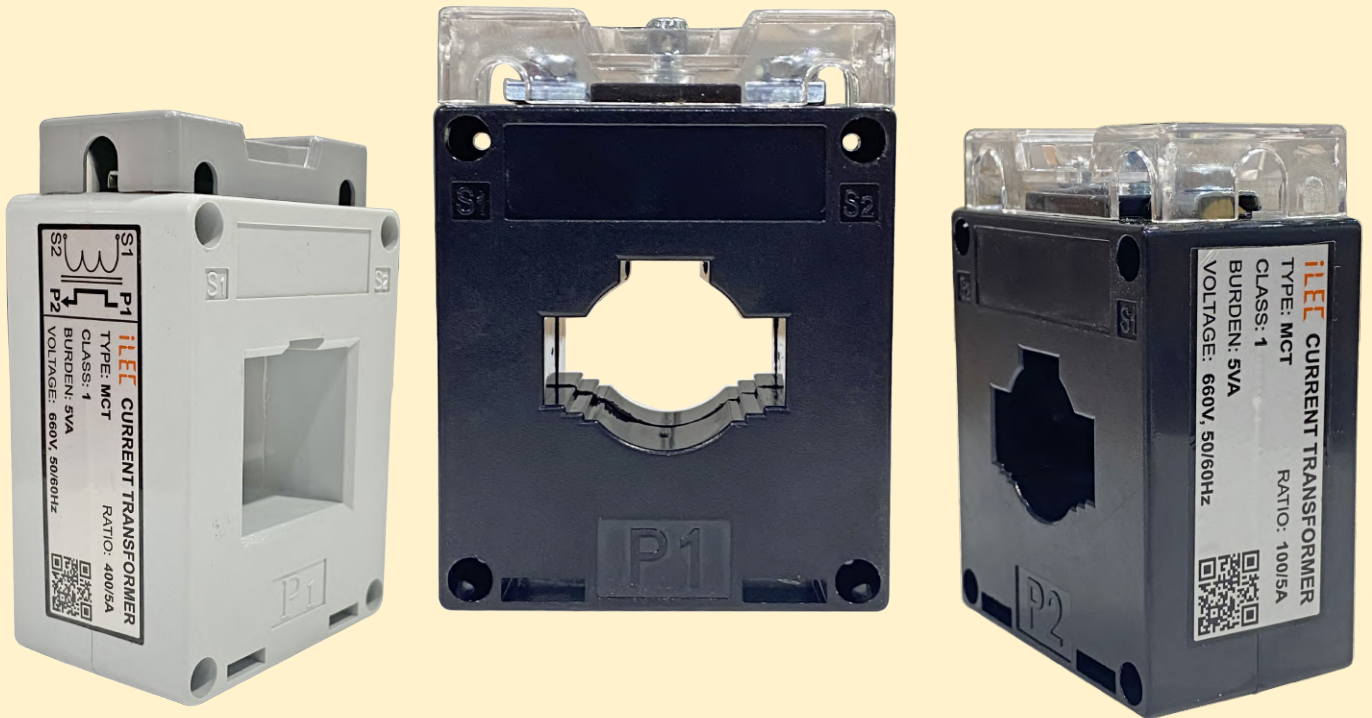
Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-816</b>	156	229	40	52 x 155



## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng ZCT-S816

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>ZCT-S816</b>	ZCT-S816 cho ELR Selec	-	15VA	CL.1	82 x 155

# BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG HỘP NHỰA PMCT



Biến dòng PMCT là thiết bị đo lường dùng để chuyển đổi dòng điện xoay chiều lớn (hàng nghìn A) thành dòng điện nhỏ tiêu chuẩn (thường 5A hoặc 1A). Biến dòng PMCT giúp đo lường, giám sát, bảo vệ thiết bị trong hệ thống điện công nghiệp, tủ điện và trạm biến áp.

## Đặc điểm

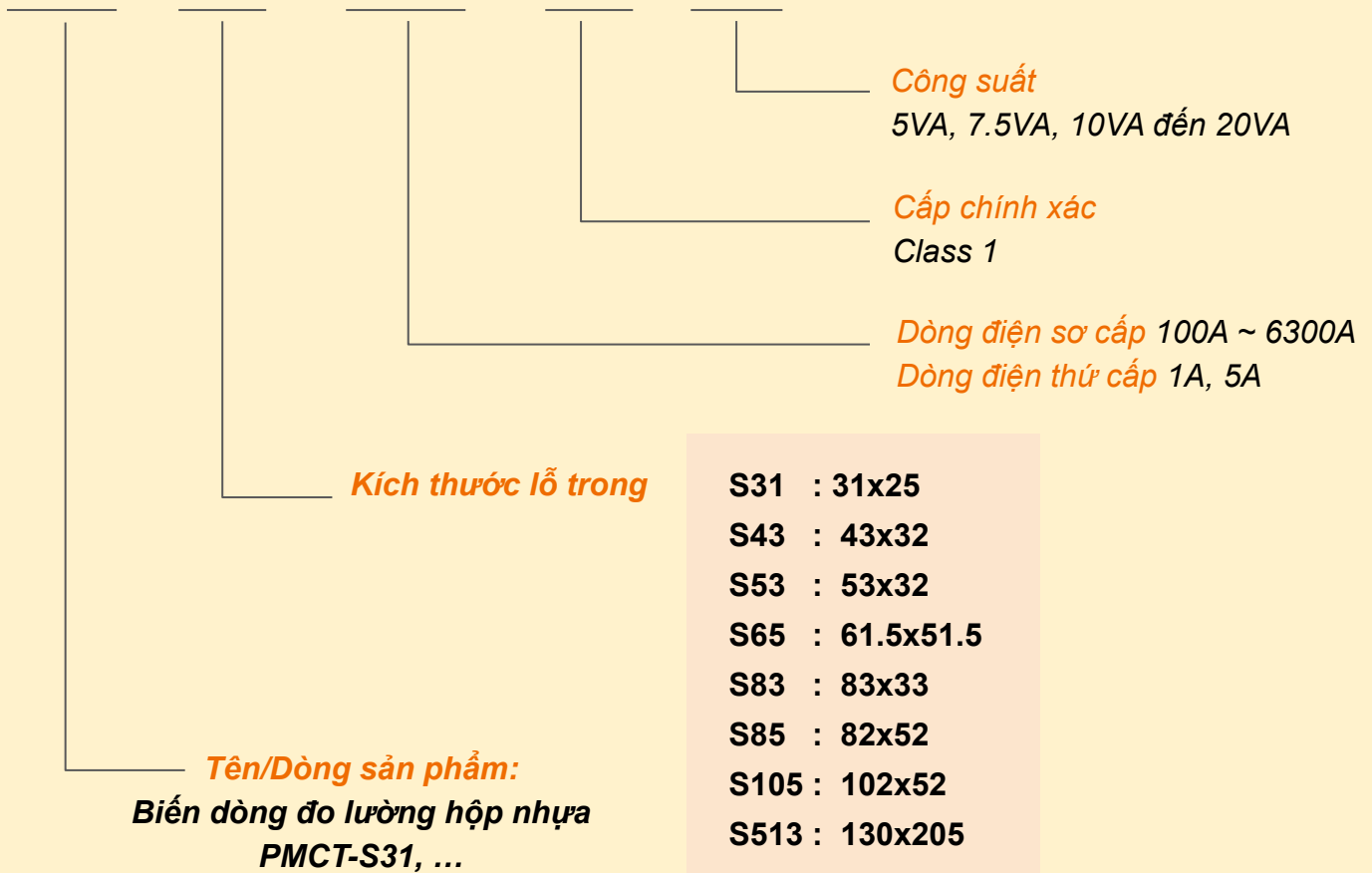
- ❖ Thiết kế đơn giản, gọn nhẹ, chắc chắn và chuyên dụng để lắp trên thanh cái, giúp thi công nhanh chóng, thuận tiện và an toàn.
- ❖ Vỏ hộp nhựa ABS cách điện, có khả năng chống cháy.
- ❖ Hoạt động tốt ở nhiệt độ cao, vận hành bền bỉ, hiệu suất tối ưu.
- ❖ Độ chính xác cao (class 1), phù hợp để đo lường và giám sát.
- ❖ Dễ lắp đặt, bảo trì và thay thế.
- ❖ Thiết bị được sản xuất trong nước, nguồn cung ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.

## Ứng dụng

- ❖ Dùng trong hệ thống giám sát và các trạm cung cấp điện.
- ❖ Thường được sử dụng trong tủ mạch nguồn hay tủ điều khiển ở các nhà máy.
- ❖ Cấp tín hiệu dòng điện cho các thiết bị đo lường như đồng hồ Ampe, công tơ điện, bộ điều khiển tự bù, PLC.

## CÁCH CHỌN MÃ

### PMCT – S31 – 100/5A – CL.1 – 5VA



## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tần số định mức	50/60Hz
Điện áp cách điện định mức (Ui)	3kV AC /1 phút
Dòng nhiệt ngắn hạn định mức (Ith)	50In
Dòng điện động định mức (Idyn)	2,5Ith
Điện áp định mức (Un)	0,72kV AC
Quá tải liên tục (Id)	1.2In
Nhiệt độ hoạt động	-10C~50C
Lớp tự chữa cháy (vỏ hộp)	V0
Hệ số an toàn	FS 5
Dòng điện sơ cấp	100 đến 600A
Dòng điện thứ cấp	5A hoặc 1A
Tiêu chuẩn	60044-1, 61869-2

Số: 230900808/TNĐMN-BD

**BIÊN BẢN THÍ NGHIỆM**

Ngày: 19/09/2023

Trang: 1 / 2

**I – ĐỐI TƯỢNG THỬ: MÁY BIẾN DÒNG ĐIỆN**

**II – THÔNG SỐ KỸ THUẬT:**

Kiểu: PMCT-S65

Nơi chế tạo: ILEC

Số lượng: 01 cái

Điện áp định mức: 720 V

Tỉ số biến, tải định mức, cấp chính xác: 1200/5A – 10VA – CCX:1

Nơi lắp đặt: Việt Nam

Nơi yêu cầu: Việt Nam

Lý do thí nghiệm: Trước khi sử dụng

Ngày và nơi thí nghiệm: 18/09/2023 tại Trung Tâm Thí Nghiệm Điện Bình Dương

**III – SỐ LIỆU THÍ NGHIỆM:**

1) Điện trở cách điện ( M Ω ):

Số chế tạo	Sơ – Thứ	Sơ – Vô	Thứ – Vô
23650778	> 1000	-	> 1000

2) Kiểm tra cực tính: P1-P2, S1-S2

3) Tỉ số biến dòng:

Số chế tạo	Sơ cấp	Thứ cấp
23650778	1200	5

4) Thử điện áp xoay chiều tăng cao, tần số công nghiệp:

Số chế tạo	U <sub>tn</sub> (KV)	T <sub>tn</sub> ( phút )
23650778	3	1

5) Điện trở một chiều cuộn dây thứ cấp ( Ω ):

Số chế tạo	Thứ cấp
23650778	0.96

M01– QTTN03 – CA \*Tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm : QTTN 03, IEC 60044-1:2003, IEC 60044-2:2003, TCVN 60044-5:2004, TCVN 7697-1:2007, TCVN 7697-2:2007, TCN 48/NL/KHK, tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo .



Số: 230900808/TNĐMN-BD

**BIÊN BẢN THÍ NGHIỆM**

Ngày: 19/09/2023  
Trang: 2 / 2

6) Kết quả xác định sai số:

Tỷ số biến	Dung lượng (V.A)	5% I <sub>1n</sub>		20% I <sub>1n</sub>		100% I <sub>1n</sub>		120% I <sub>1n</sub>	
		Sai số tỷ số f (°)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỷ số f (°)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỷ số f (°)	Sai số góc δ (°)	Sai số tỷ số f (°)	Sai số góc δ (°)
1200/5A	100%	-0.22	16	-0.01	11	0.23	12	0.25	13
	25%	-0.17	24	0.06	19	0.26	16	0.25	16

**IV – THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM:**

CA.6547. EZCT-2000C. HVT-70/50. WRM-10P. Kyoritsu 1021 R

**V – KẾT LUẬN:**

TI hạ thế đạt yêu cầu vận hành với thông số trên.

**THÍ NGHIỆM**

Phù Ngọc Tài  
Nguyễn Đình Huy



**TT. THÍ NGHIỆM ĐIỆN BÌNH DƯƠNG**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phù Thị Kim Hồng

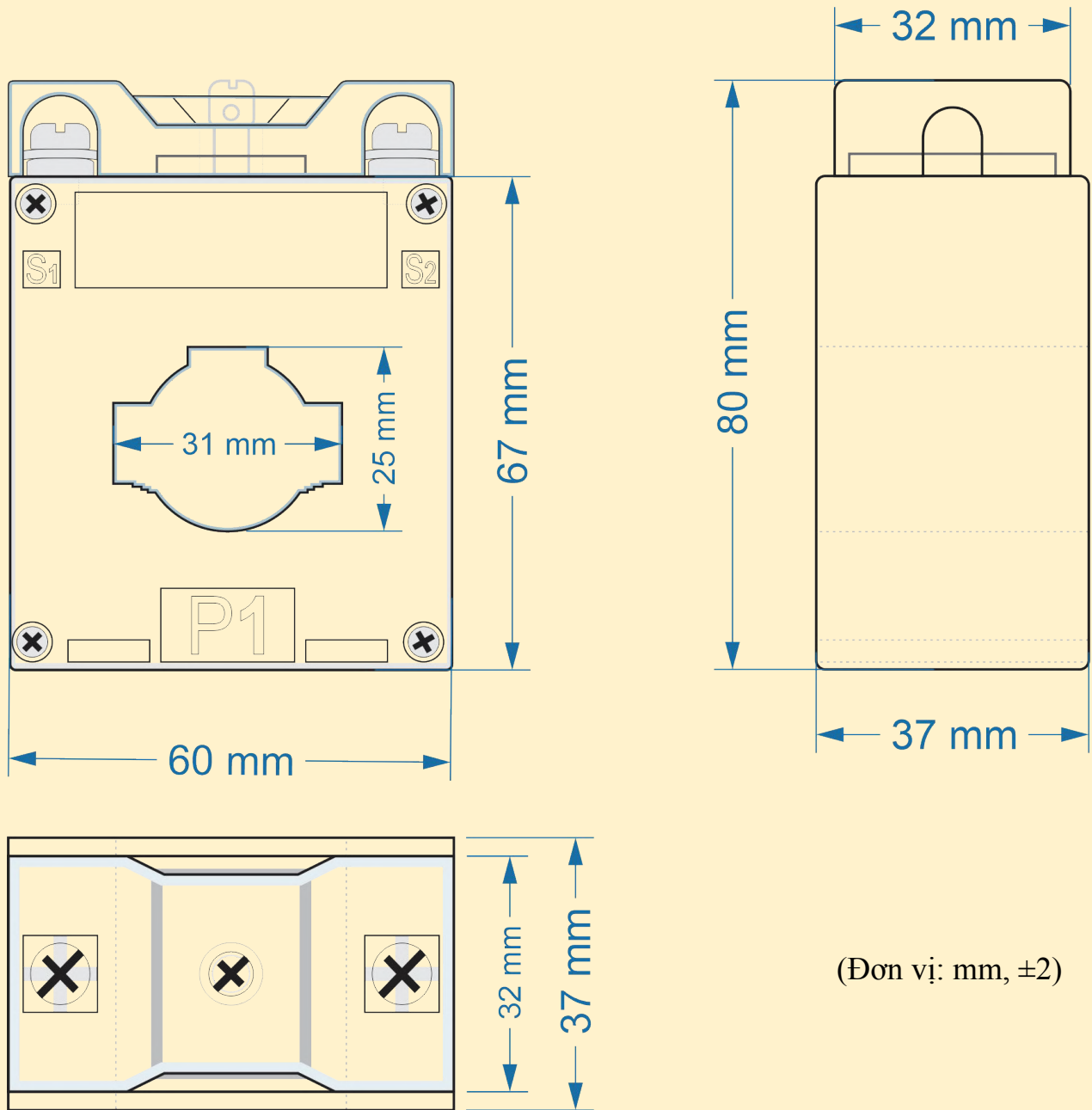


M01– QTTN03 – CA \*Tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm : QTTN 03, IEC 60044-1:2003, IEC 60044-2:2003, TCVN 60044-5:2004, TCVN 7697-1:2007, TCVN 7697-2:2007, TCN 48/NL/KHK, tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo .



# KÍCH THƯỚC PMCT-S31

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S31	60	80	37	31 x 25



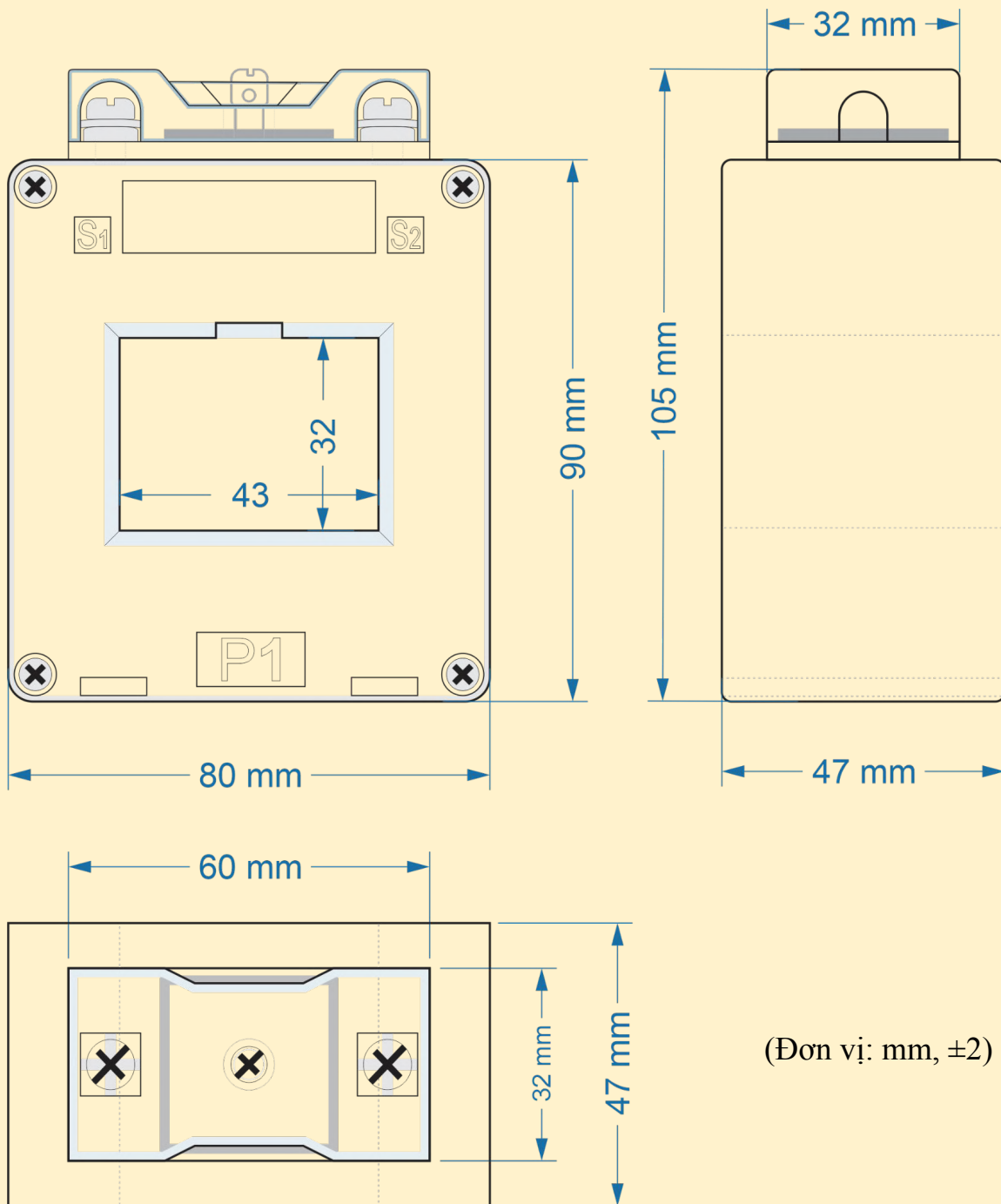
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PMCT-S31

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PMCT-S31</b>	PMCT-S31 50/5A - CL.3 - 1VA	50/5A	1VA	CL.3	31 x 25 mm
	PMCT-S31 100/5A - CL.1 - 2.5VA	100/5A	2.5VA	CL.1	31 x 25 mm
	PMCT-S31 150/5A - CL.1 - 2.5VA	150/5A	2.5VA	CL.1	31 x 25 mm
	PMCT-S31 200/5A - CL.1 - 5VA	200/5A	5VA	CL.1	31 x 25 mm
	PMCT-S31 250/5A - CL.1 - 5VA	250/5A	5VA	CL.1	31 x 25 mm
	PMCT-S31 300/5A - CL.1 - 5VA	300/5A	5VA	CL.1	31 x 25 mm
	PMCT-S31 400/5A - CL.1 - 5VA	400/5A	5VA	CL.1	31 x 25 mm
	PMCT-S31 500/5A - CL.1 - 7.5VA	500/5A	7.5VA	CL.1	31 x 25 mm
	PMCT-S31 600/5A - CL.1 - 7.5VA	600/5A	7.5VA	CL.1	31 x 25 mm

# KÍCH THƯỚC PMCT-S43

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S43	80	105	47	43 x 32



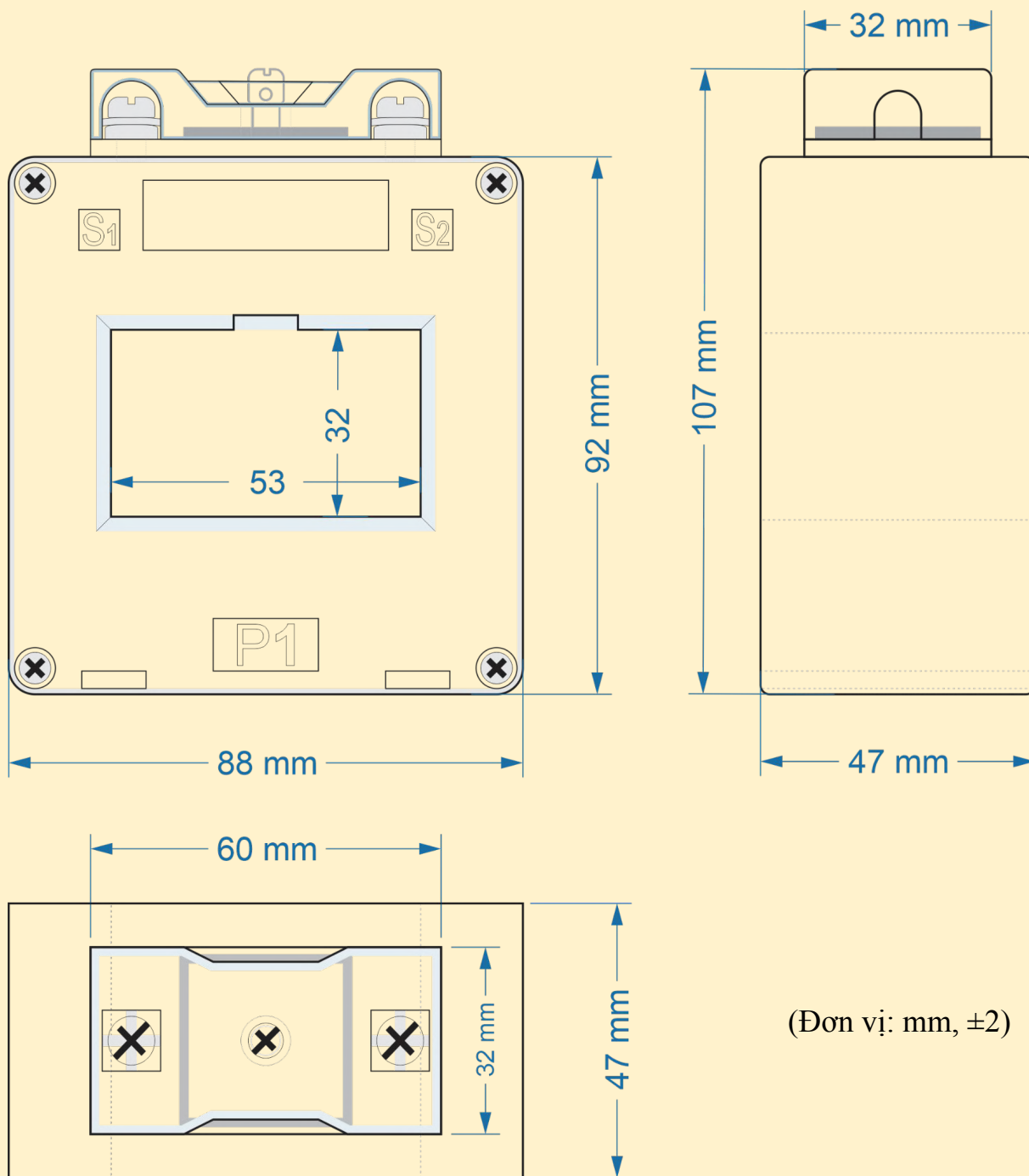
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PMCT-S43

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S43	PMCT-S43 250/5A - CL.1- 5VA	250/5A	5VA	CL.1	43 x 32 mm
	PMCT-S43 300/5A - CL.1- 5VA	300/5A	5VA	CL.1	43 x 32 mm
	PMCT-S43 400/5A - CL.1- 5VA	400/5A	5VA	CL.1	43 x 32 mm
	PMCT-S43 500/5A - CL.1- 10VA	500/5A	10VA	CL.1	43 x 32 mm
	PMCT-S43 600/5A - CL.1- 10VA	600/5A	10VA	CL.1	43 x 32 mm
	PMCT-S43 800/5A - CL.1 - 10VA	800/5A	10VA	CL.1	43 x 32 mm
	PMCT-S43 1000/5A - CL.1- 10VA	1000/5A	10VA	CL.1	43 x 32 mm
	PMCT-S43 1200/5A - CL.1- 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	43 x 32 mm

# KÍCH THƯỚC PMCT-S53

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S53	88	107	47	53 x 32



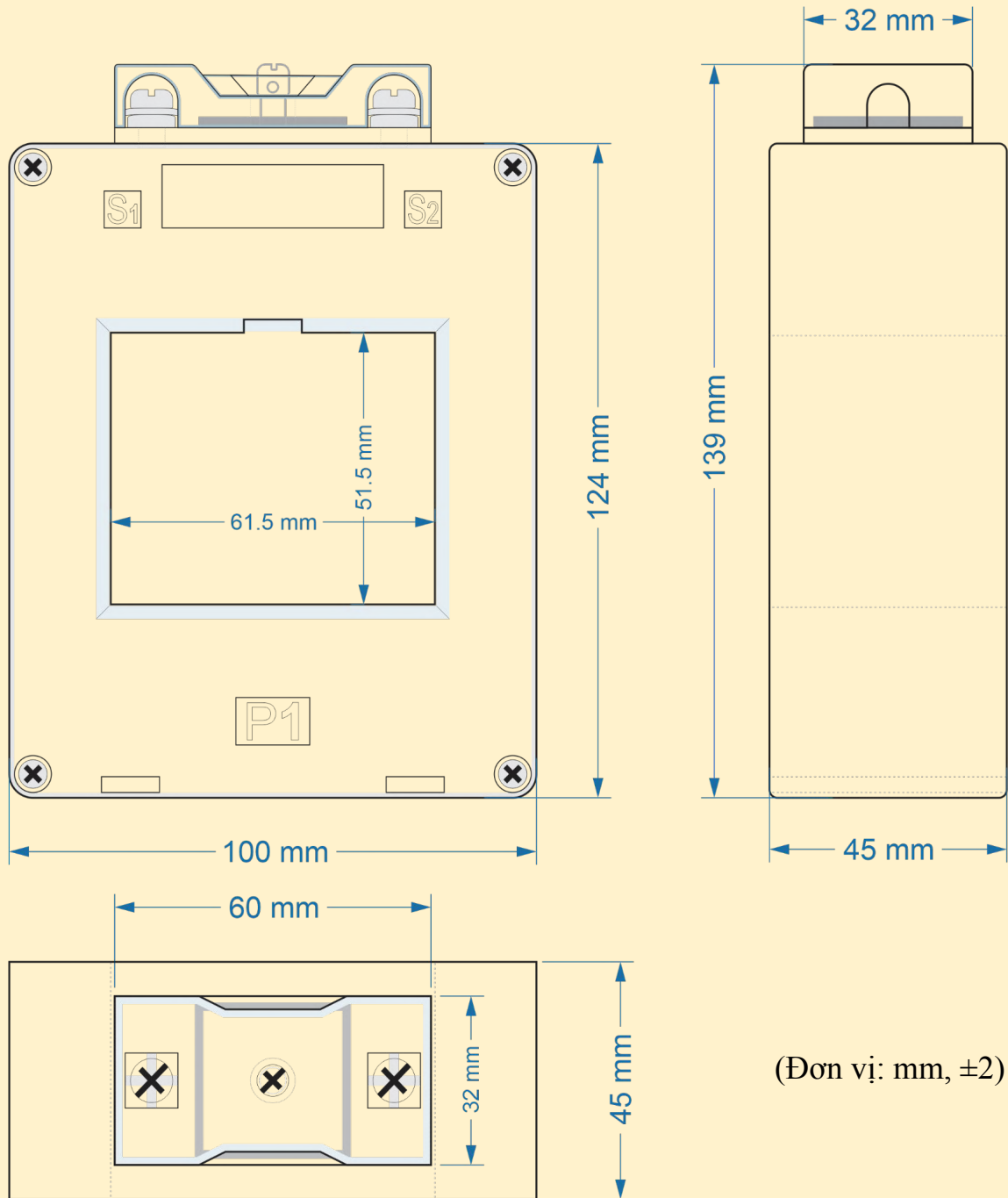
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PMCT-S53

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S53	PMCT-S53 500/5A - CL.1- 5VA	500/5A	50VA	CL.1	53 x 32 mm
	PMCT-S53 600/5A - CL.1- 5VA	600/5A	5VA	CL.1	53 x 32 mm
	PMCT-S53 800/5A - CL.1- 7.5VA	800/5A	7.5VA	CL.1	53 x 32 mm
	PMCT-S53 1000/5A - CL.1- 10VA	1000/5A	10VA	CL.1	53 x 32 mm
	PMCT-S53 1200/5A - CL.1- 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	53 x 32 mm
	PMCT-S53 1500/5A - CL.1 - 10VA	1500/5A	10VA	CL.1	53 x 32 mm
	PMCT-S53 1600/5A - CL.1- 10VA	1600/5A	10VA	CL.1	53 x 32 mm
	PMCT-S53 2000/5A - CL.1- 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	53 x 32 mm

# KÍCH THƯỚC PMCT-S65

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S65	100	139	45	61.5 x 51.5



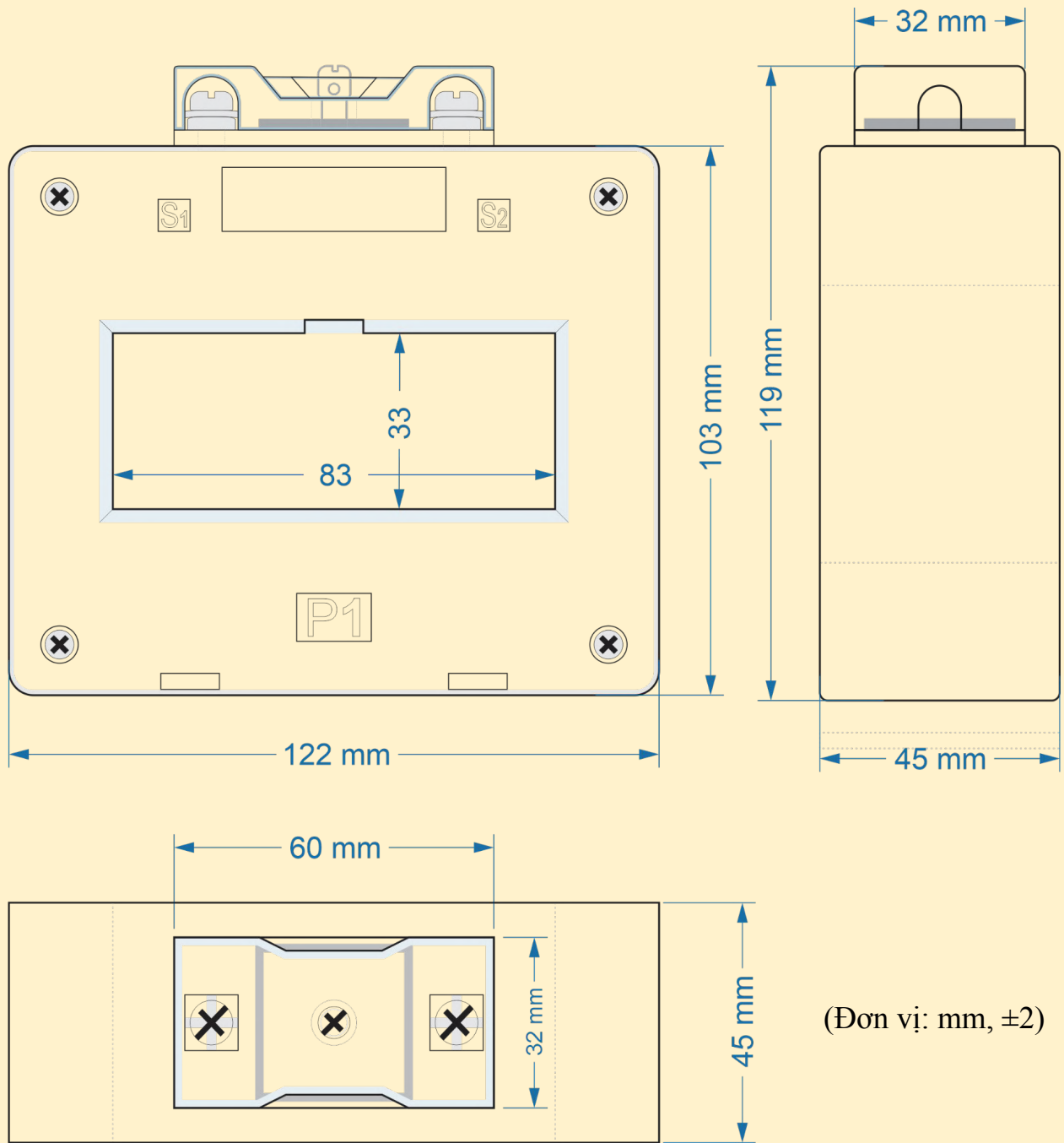
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PMCT-S65

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S65	PMCT-S65 500/5A - CL.1- 5VA	500/5A	5VA	CL.1	61.5 x 51.5
	PMCT-S65 600/5A - CL.1- 5VA	600/5A	5VA	CL.1	61.5 x 51.5
	PMCT-S65 800/5A - CL.1- 7.5VA	800/5A	7.5VA	CL.1	61.5 x 51.5
	PMCT-S65 1000/5A - CL.1- 10VA	1000/5A	10VA	CL.1	61.5 x 51.5
	PMCT-S65 1200/5A - CL.1- 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	61.5 x 51.5
	PMCT-S65 1500/5A - CL.1 - 10VA	1500/5A	10VA	CL.1	61.5 x 51.5
	PMCT-S65 1600/5A - CL.1- 10VA	1600/5A	10VA	CL.1	61.5 x 51.5
	PMCT-S65 2000/5A - CL.1- 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	61.5 x 51.5
	PMCT-S65 2500/5A - CL.1- 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	61.5 x 51.5

# KÍCH THƯỚC PMCT-S83

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S83	122	119	45	83 x 33



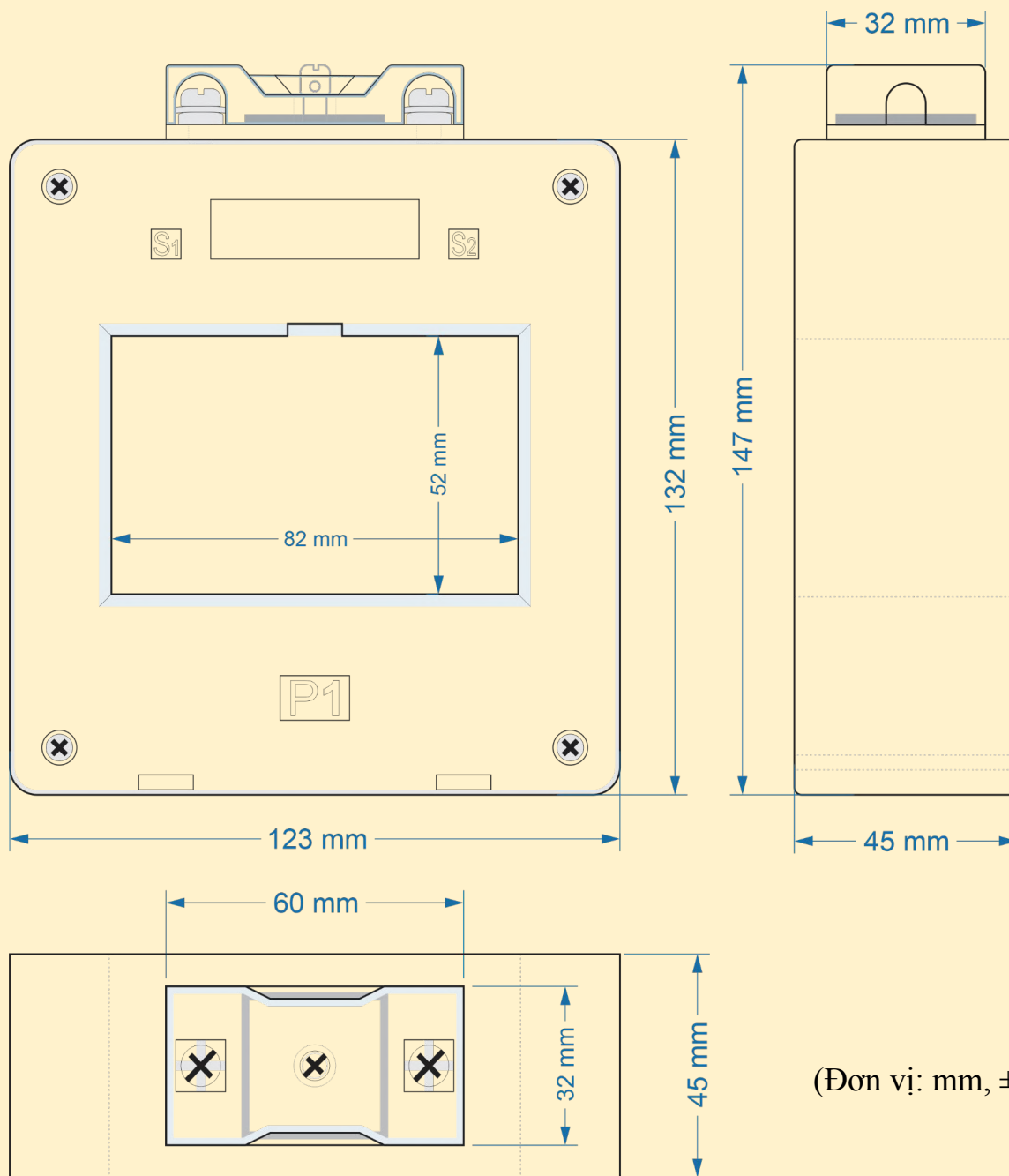
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PMCT-S83

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S83	PMCT-S83 500/5A - CL.1 - 5VA	500/5A	5VA	CL.1	83 x 33 mm
	PMCT-S83 600/5A - CL.1 - 5VA	600/5A	5VA	CL.1	83 x 33 mm
	PMCT-S83 800/5A - CL.1 - 7.5VA	800/5A	7.5VA	CL.1	83 x 33 mm
	PMCT-S83 1000/5A - CL.1 - 10VA	1000/5A	10VA	CL.1	83 x 33 mm
	PMCT-S83 1200/5A - CL.1 - 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	83 x 33 mm
	PMCT-S83 1500/5A - CL.1 - 10VA	1500/5A	10VA	CL.1	83 x 33 mm
	PMCT-S83 1600/5A - CL.1 - 10VA	1600/5A	10VA	CL.1	83 x 33 mm
	PMCT-S83 2000/5A - CL.1 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	83 x 33 mm
	PMCT-S83 2500/5A - CL.1 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	83 x 33 mm

# KÍCH THƯỚC PMCT-S85

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S85	123	147	45	82 x 52



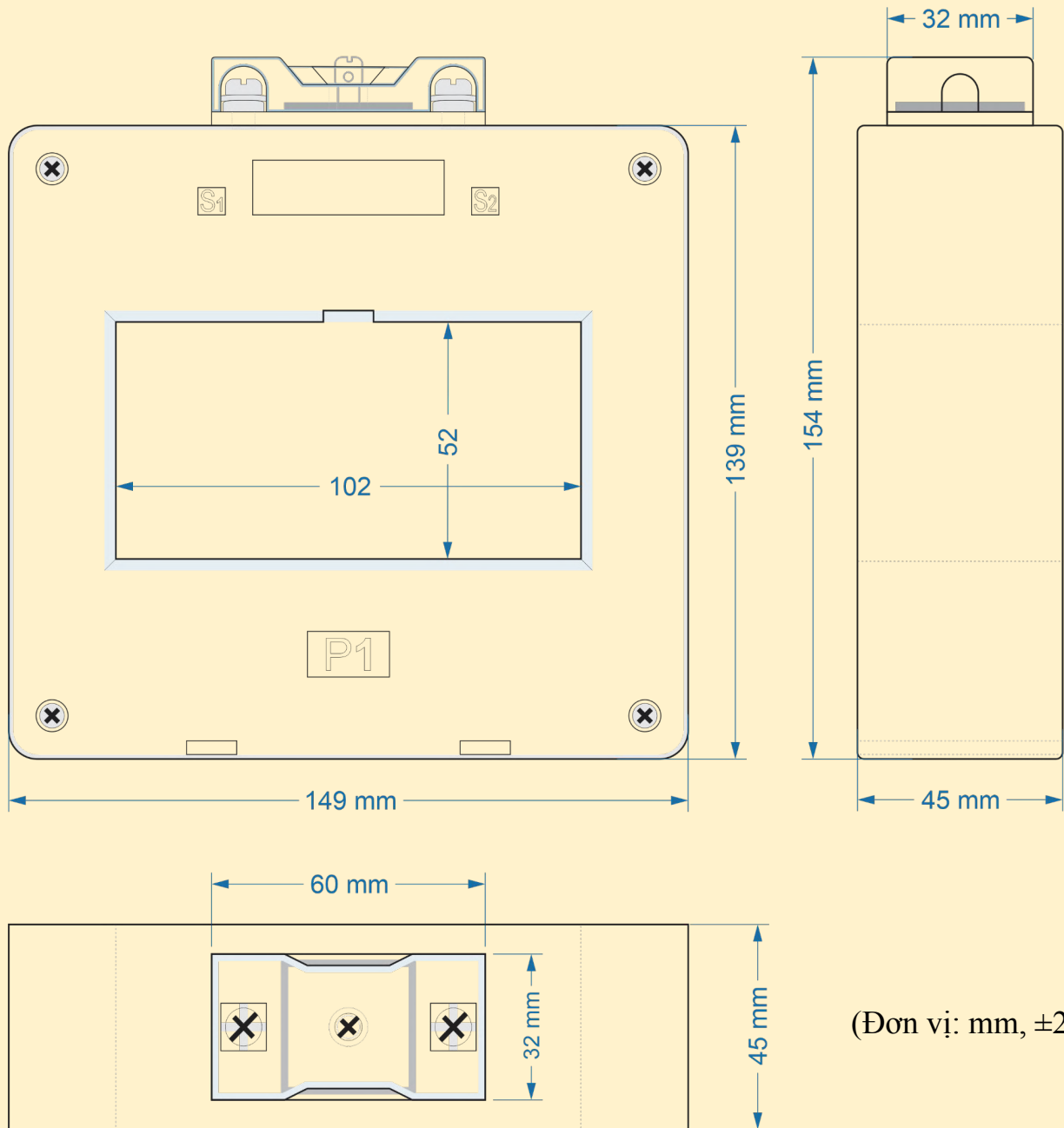
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số – Biến dòng PMCT-S85

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
PMCT-S85	PMCT-S85 500/5A - CL.1 - 5VA	500/5A	5VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 600/5A - CL.1 - 5VA	600/5A	5VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 800/5A - CL.1 - 7.5VA	800/5A	7.5VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 1000/5A - CL.1 - 10VA	1000/5A	10VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 1200/5A - CL.1 - 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 1500/5A - CL.1 - 10VA	1500/5A	10VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 1600/5A - CL.1 - 10VA	1600/5A	10VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 2000/5A - CL.1 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 2500/5A - CL.1 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 3000/5A - CL.1 - 15VA	3000/5A	15VA	CL.1	82 x 52
	PMCT-S85 3200/5A - CL.1 - 15VA	3200/5A	15VA	CL.1	82 x 52

# KÍCH THƯỚC PMCT-S105

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PMCT-S105</b>	<b>149</b>	<b>154</b>	<b>45</b>	<b>102 x 52</b>



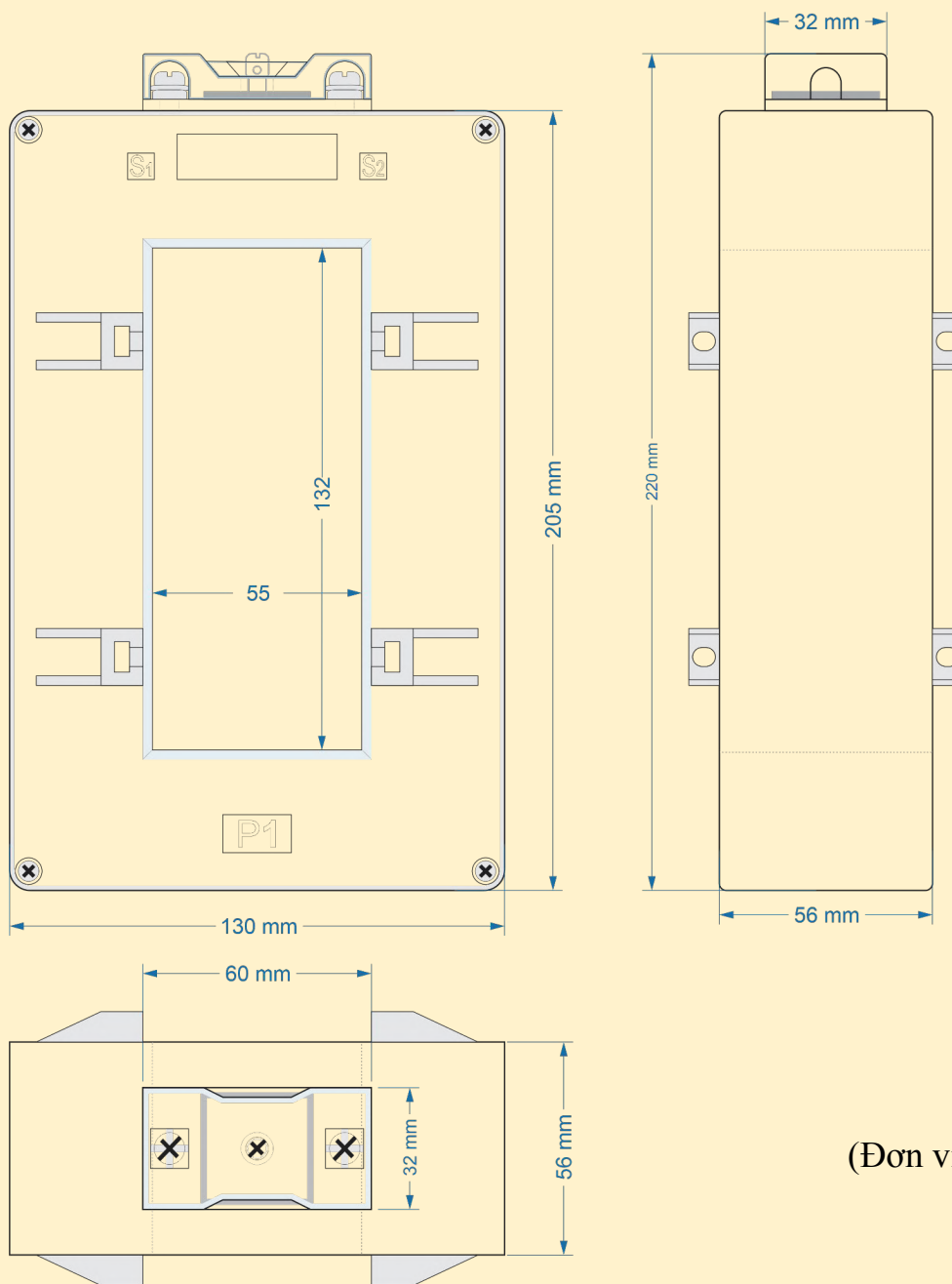
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PMCT-S105

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PMCT-S105</b>	PMCT-S105 800/5A - CL.1 - 10VA	800/5A	10VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 1000/5A - CL.1 - 10VA	1000/5A	10VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 1200/5A - CL.1 - 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 1500/5A - CL.1 - 10VA	1500/5A	10VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 1600/5A - CL.1 - 10VA	1600/5A	10VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 2000/5A - CL.1 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 2500/5A - CL.1 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 3000/5A - CL.1 - 20VA	3000/5A	20VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 3200/5A - CL.1 - 20VA	3200/5A	20VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 4000/5A - CL.1 - 20VA	4000/5A	20VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 5000/5A - CL.1 - 20VA	5000/5A	20VA	CL.1	102 x 52
	PMCT-S105 6000/5A - CL.1 - 20VA	6000/5A	20VA	CL.1	102 x 52

# KÍCH THƯỚC PMCT-S513

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PMCT-S513</b>	<b>130</b>	<b>220</b>	<b>56</b>	<b>55 x 132</b>



(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng PMCT-S513

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>PMCT-S513</b>	PMCT-S513 1000/5A - CL.1 - 10VA	1000/5A	10VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 1200/5A - CL.1 - 10VA	1200/5A	10VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 1500/5A - CL.1 - 10VA	1500/5A	10VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 1600/5A - CL.1 - 10VA	1600/5A	10VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 2000/5A - CL.1 - 15VA	2000/5A	15VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 2500/5A - CL.1 - 15VA	2500/5A	15VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 3000/5A - CL.1 - 20VA	3000/5A	20VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 3200/5A - CL.1 - 20VA	3200/5A	20VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 4000/5A - CL.1 - 20VA	4000/5A	20VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 5000/5A - CL.1 - 20VA	5000/5A	20VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 6000/5A - CL.1 - 20VA	6000/5A	20VA	CL.1	55 x 132
	PMCT-S513 6300/5A - CL.1 - 20VA	6300/5A	20VA	CL.1	55 x 132

# BIẾN DÒNG HỘP ĐÚC 3 PHA TPCT



Biến dòng TPCT là biến dòng hộp đúc, với thiết kế liền khối, nhỏ gọn, tích hợp đo lường dòng điện cho cả 3 pha trong một hộp vỏ nhựa duy nhất, tiết kiệm không gian tủ điện, tăng tính thẩm mỹ và dễ dàng lắp đặt cho các hệ thống điện công nghiệp. Tiện lợi khi lắp đặt 3 pha cạnh nhau, thay thế cho 3 biến dòng đơn lẻ.

## Đặc điểm

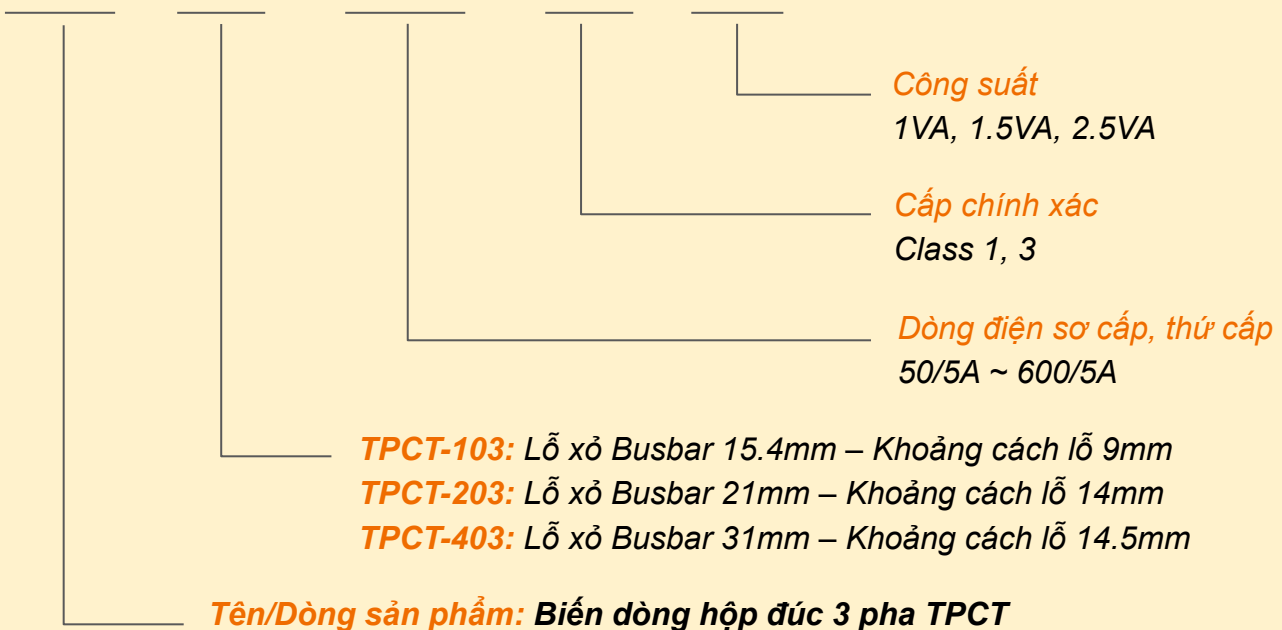
- ❖ Thiết kế đơn giản, nhỏ gọn, chắc chắn và chuyên dụng để giám sát dòng điện 3 pha đồng thời trong một thiết bị duy nhất.
- ❖ Vỏ hộp nhựa kỹ thuật, chịu nhiệt và cách điện tốt, độ bền cao.
- ❖ Hoạt động tốt ở nhiệt độ cao, vận hành bền bỉ, hiệu suất tối ưu.
- ❖ Độ chính xác cao (class 1), phù hợp để đo lường và giám sát.
- ❖ Dễ lắp đặt, bảo trì và thay thế.
- ❖ Thiết bị được sản xuất trong nước, nguồn cung ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.

## Ứng dụng

- ❖ Dùng trong hệ thống quản lý năng lượng, BMS, SCADA.
- ❖ Thường được sử dụng cho MCCB tổng và nhánh.
- ❖ Tủ điện phân phối, tủ điều khiển công nghiệp.

## CÁCH CHỌN MÃ

### TPCT – 103 – 100/5A – CL.1 – 5VA



## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Tần số định mức	50/60Hz
Điện áp cách điện định mức (Ui)	3kV AC /1 phút
Dòng nhiệt định mức thời gian ngắn(Ith)	50In/1min
Dòng điện động định mức,(Idyn)	2,5Ith
Điện áp định mức,(Un)	0,72kV AC
Quá tải liên tục (Id)	1.2In
Nhiệt độ hoạt động	-10C~50C
Lớp tự chữa cháy của vỏ	V0
Hệ số an toàn	FS 5
Dòng điện sơ cấp	50, 75, 100, 125, 150A
Dòng điện thứ cấp	5A hoặc 1A

### Kích thước biến dòng TPCT (đơn vị: mm, độ sai số ±1)

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)	Trọng lượng
TPCT-103	77	63	75	15 x 15 mm	308 gr.
TPCT-203	106	81	53	21 x 25 mm	510 gr.
TPCT-403	143	97	56	31 x 31 mm	670 gr.

Số: 210900090/TNĐMN-BD

## BIÊN BẢN THÍ NGHIỆM

Ngày: 07/09/2021  
Trang: 1 / 1

I – ĐỐI TƯỢNG THỬ: MÁY BIẾN DÒNG ĐIỆN

II – THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Kiểu: TI hạ thế 3 pha – TPCT-103

Nơi chế tạo: iLEC

Số lượng: 01 cái

Điện áp định mức: 660V

Tỉ số biến, tải định mức, cấp chính xác: 3x50/5A; 1 VA; CCX: 3

Nơi lắp đặt: Việt Nam

Nơi yêu cầu : Việt Nam

Lý do thí nghiệm: Mới

Ngày và nơi thí nghiệm: 30/08/2021 tại Trung Tâm Thí Nghiệm Điện Bình Dương

III – SỐ LIỆU THÍ NGHIỆM:

1) Điện trở cách điện (MΩ):

Số chế tạo	Thứ – Vô	Thứ – Vô	Thứ – Vô
210806	>1000	>1000	>1000

2) Kiểm tra cực tính: P1-P2; S1-S2

3) Tỉ số biến dòng: S<sub>o</sub>/Thứ A

Số chế tạo	A	B	C
210806	50/5	50/5	50/5

4) Điện trở một chiều cuộn dây thứ cấp (Ω):

Số chế tạo	A	B	C
210806	0.097	0.097	0.097

IV – THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM:

V – KẾT LUẬN:

**THÍ NGHIỆM**  
Phù Ngọc Tài  
Nguyễn Đình Huy

**TT. THÍ NGHIỆM ĐIỆN BÌNH DƯƠNG**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phù Thị Kim Hồng

M01 – QTTN 03 – CA \*Tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm : QTTN 03, IEC 60044-1:2003, IEC 60044-2:2003, TCVN 60044-5:2004, TCVN 7697-1:2007, TCVN 7697-2:2007, TCN 48/NL/KHK, tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo .



Số: 2/210900080/TNĐMN-BD

**BIÊN BẢN THÍ NGHIỆM**

Ngày: 07/09/2021  
Trang: 1 / 1

I – ĐỐI TƯỢNG THỬ: MÁY BIẾN DÒNG ĐIỆN

II – THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Kiểu: TI hạ thế 3 pha – TPCT-203

Nơi chế tạo: iLEC

Số lượng: 01 cái

Điện áp định mức: 660V

Tỉ số biến, tải định mức, cấp chính xác: 3x150/5A; 1.5VA; CCX: 1

Nơi lắp đặt: Việt Nam

Nơi yêu cầu: Việt Nam

Lý do thí nghiệm: Mới

Ngày và nơi thí nghiệm: 30/08/2021 tại Trung Tâm Thí Nghiệm Điện Bình Dương

III – SỐ LIỆU THÍ NGHIỆM:

1) Điện trở cách điện (MΩ):

Số chế tạo	Thứ – Vô	Thứ – Vô	Thứ – Vô
210809	>1000	>1000	>1000

2) Kiểm tra cực tính: P1-P2; S1-S2

3) Tỉ số biến dòng: Sơ/Thứ A

Số chế tạo	A	B	C
210809	150/5	150/5	150/5

4) Điện trở một chiều cuộn dây thứ cấp (Ω):

Số chế tạo	A	B	C
210809	0.098	0.098	0.098

IV – THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM:

Máy đo cách điện CA.6547. điện trở cuộn dây WRM-10. Tỉ số biến EZCT-2000C

V – KẾT LUẬN:

Đạt yêu cầu vận hành theo thông số trên.

**THÍ NGHIỆM**  
Phù Ngọc Tài  
Nguyễn Đình Huy

**TT. THÍ NGHIỆM ĐIỆN BÌNH DƯƠNG**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



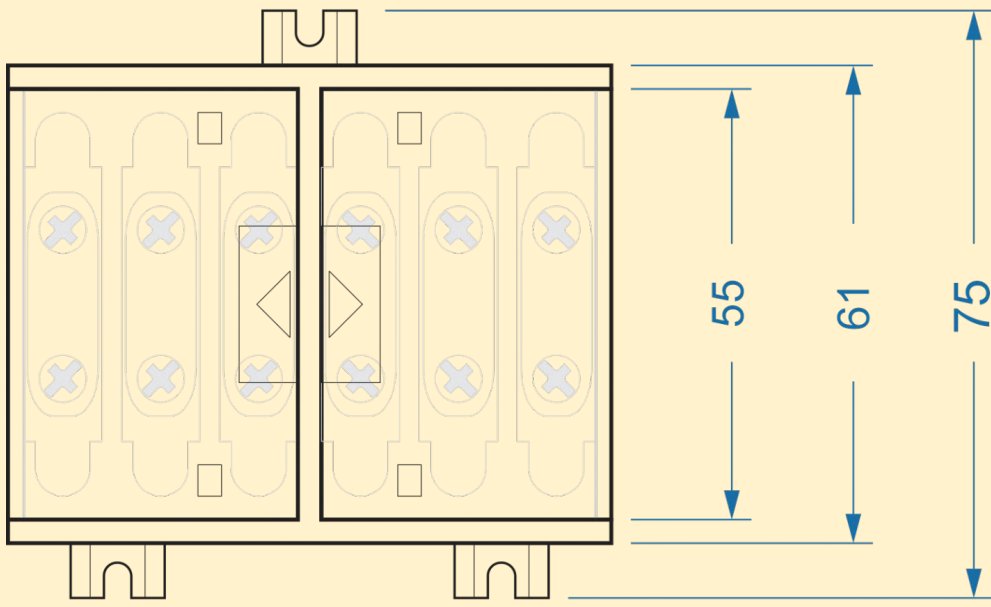
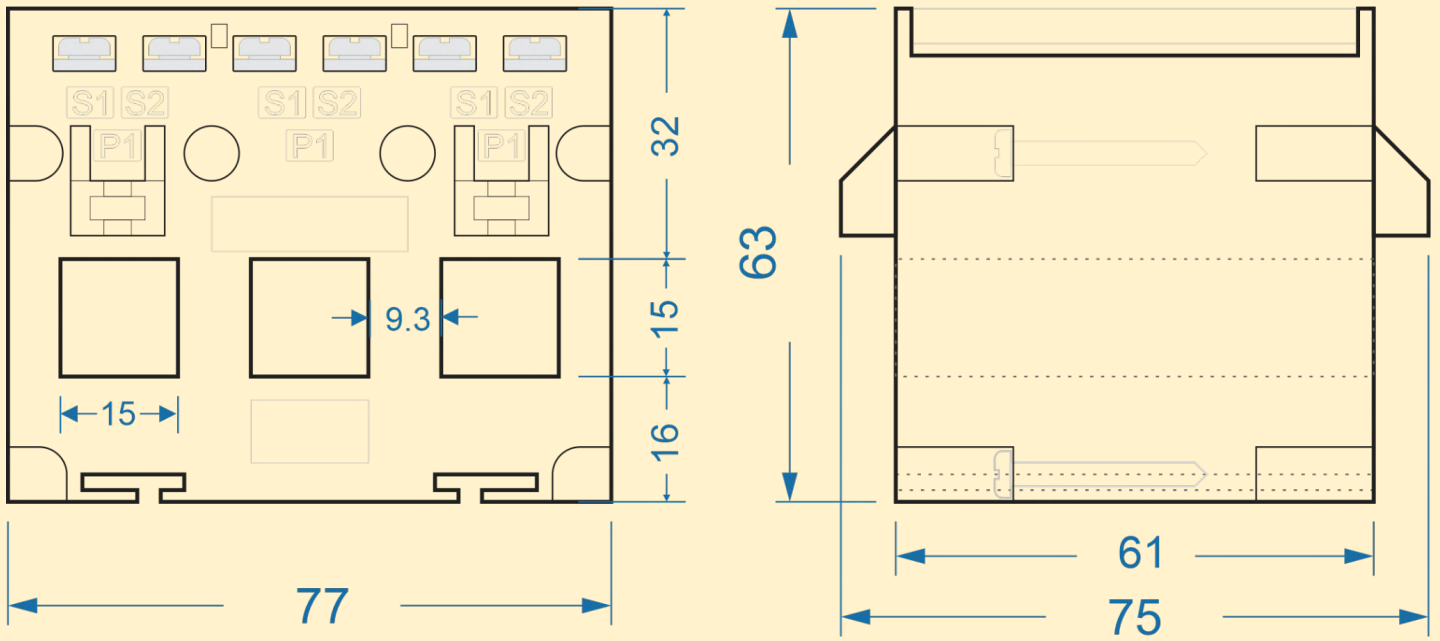
Phù Thị Kim Hồng

M01 – QTTN 03 – CA \*Tiêu chuẩn, phương pháp thử nghiệm: QTTN 03, IEC 60044-1:2003, IEC 60044-2:2003, TCVN 60044-5:2004, TCVN 7697-1:2007, TCVN 7697-2:2007, TCN 48/NL/KHK, tài liệu kỹ thuật của nhà chế tạo.



# KÍCH THƯỚC TPCT-103

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
<b>TPCT-103</b>	77	63	75	15 x 15 mm



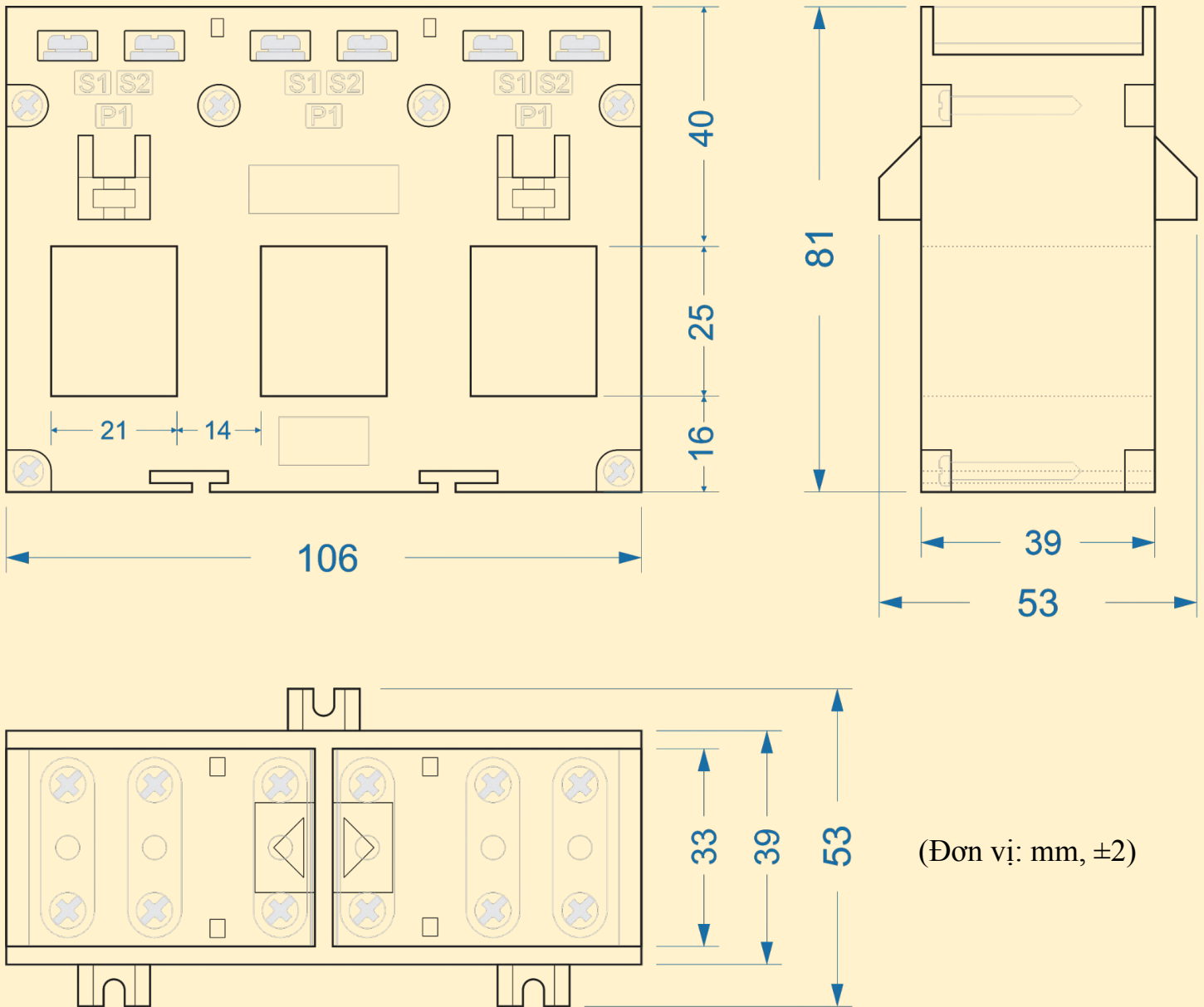
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng TPCT-S103

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>TPCT-103</b>	TPCT-103 50/5A-CL.3 - 1VA	3 x 50/5A	1VA	CL.3	15 x 15 mm
	TPCT-103 100/5A-CL.1 - 1VA	3 x 100/5A	1VA	CL.1	15 x 15 mm

## KÍCH THƯỚC TPCT-203

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
TPCT-203	106	81	53	21 x 25 mm



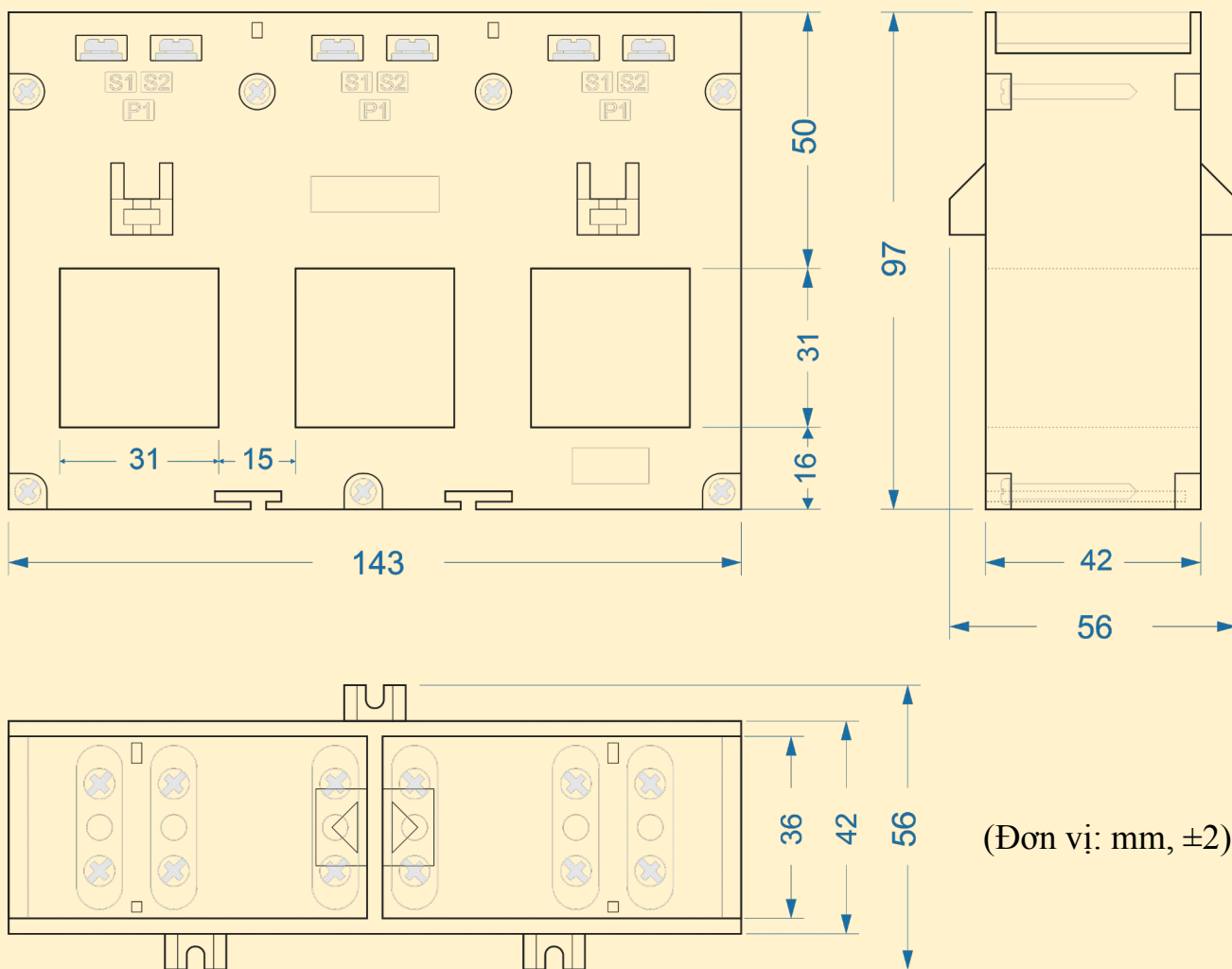
(Đơn vị: mm, ±2)

## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng TPCT-S203

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
TPCT-203	TPCT-203 100/5A-CL.1 - 1VA	3 x 100/5A	1VA	CL.1	21 x 25 mm
	TPCT-203 150/5A-CL.1 - 1.5VA	3 x 150/5A	1.5VA	CL.1	21 x 25 mm
	TPCT-203 200/5A-CL.1 - 1.5VA	3 x 200/5A	1.5VA	CL.1	21 x 25 mm
	TPCT-203 250/5A-CL.1 - 1.5VA	3 x 250/5A	1.5VA	CL.1	21 x 25 mm

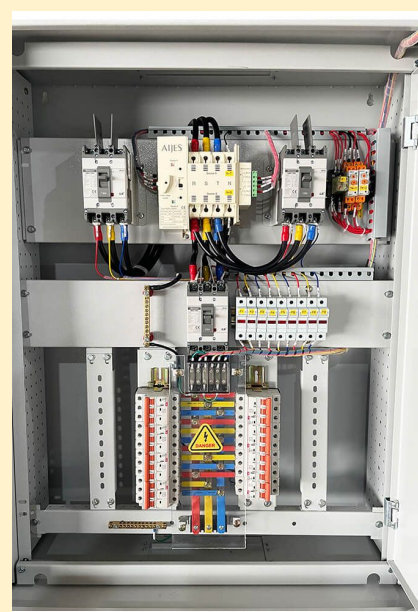
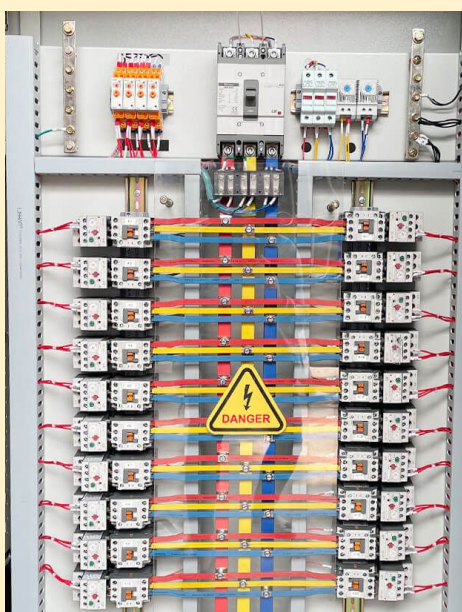
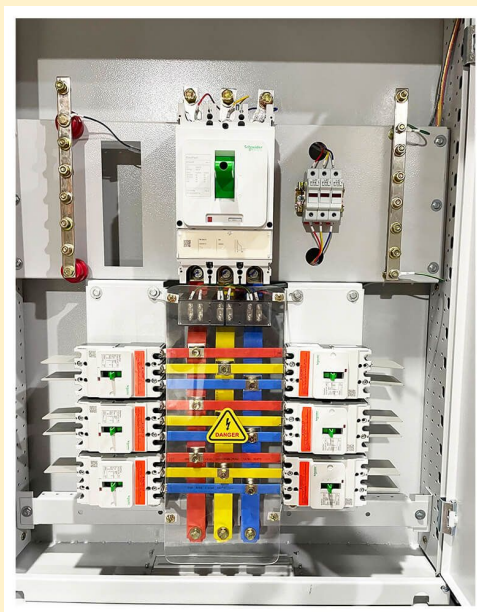
# KÍCH THƯỚC TPCT-403

Model	Rộng (W)	Cao (H)	Độ dày (T)	Kích thước trong (ID)
TPCT-403	143	97	56	31 x 31 mm



## Mã đặt hàng & thông số- Biến dòng TPCT-S403

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
TPCT-403	TPCT-403 250/5A-CL.1 - 2.5VA	3 x 250/5A	2.5VA	CL.1	31 x 31 mm
	TPCT-403 300/5A-CL.1 - 2.5VA	3 x 300/5A	2.5VA	CL.1	31 x 31 mm
	TPCT-403 400/5A-CL.1 - 2.5VA	3 x 400/5A	2.5VA	CL.1	31 x 31 mm
	TPCT-403 600/5A-CL.1 - 2.5VA	3 x 600/5A	2.5VA	CL.1	31 x 31 mm



# BIẾN DÒNG ĐO LƯỜNG ĐỂ SẮT RCT



## ĐẶC ĐIỂM

- ❖ Thiết kế nhỏ gọn, vỏ nhựa chống cháy, khả năng cách điện tốt, độ bền cao.
- ❖ Kết cấu được làm từ một hoặc nhiều cuộn dây tráng men phân bố đều xung quanh lõi.
- ❖ Cuộn dây thứ cấp có khả năng dẫn từ tốt, tiêu thụ điện năng thấp, rò rỉ từ thông nhỏ.
- ❖ Dễ dàng lắp đặt và thích hợp sử dụng cho cả dây cáp và thanh cái.
- ❖ Sản phẩm đa dạng kích cỡ và tỷ lệ biến dòng, sản xuất trong nước, phân phối linh hoạt.

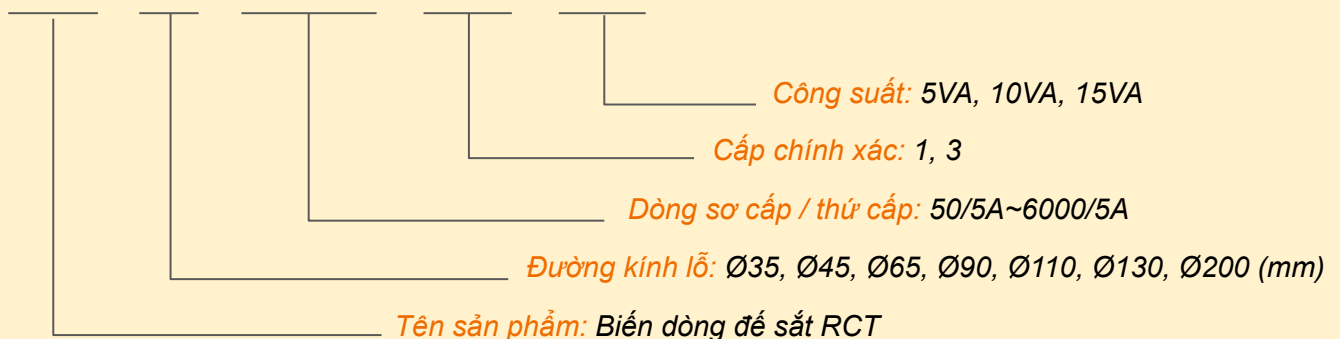
## ỨNG DỤNG

*Biến dòng RCT được thiết kế tương thích hoàn toàn cho các hệ thống:*

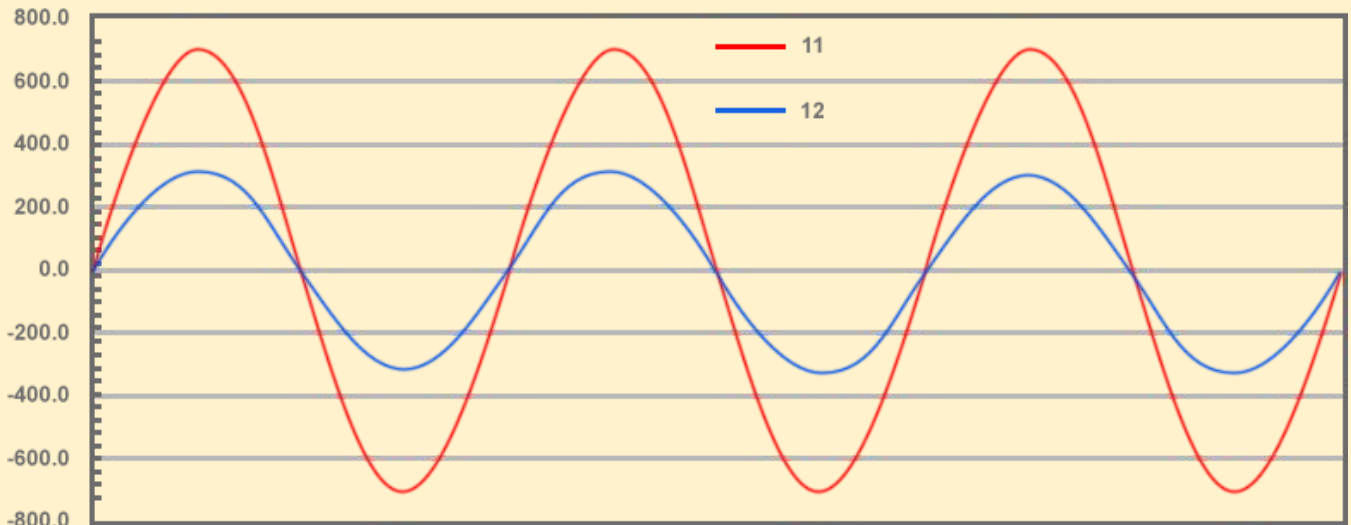
- ❖ Đo lường dòng điện: Kết hợp với **Ampe kế** để giám sát dòng tải.
- ❖ Quản lý năng lượng (kW/kWh): Sử dụng cho **Công tơ điện** và hệ thống **đo đếm điện năng nội bộ** (giám sát tiêu thụ theo từng khu vực, phân xưởng).
- ❖ Bù công suất phản kháng: Cung cấp tín hiệu dòng điện chính xác cho **Rơ le điều khiển hệ số công suất (Cosφ)**.

## CÁCH CHỌN MÃ

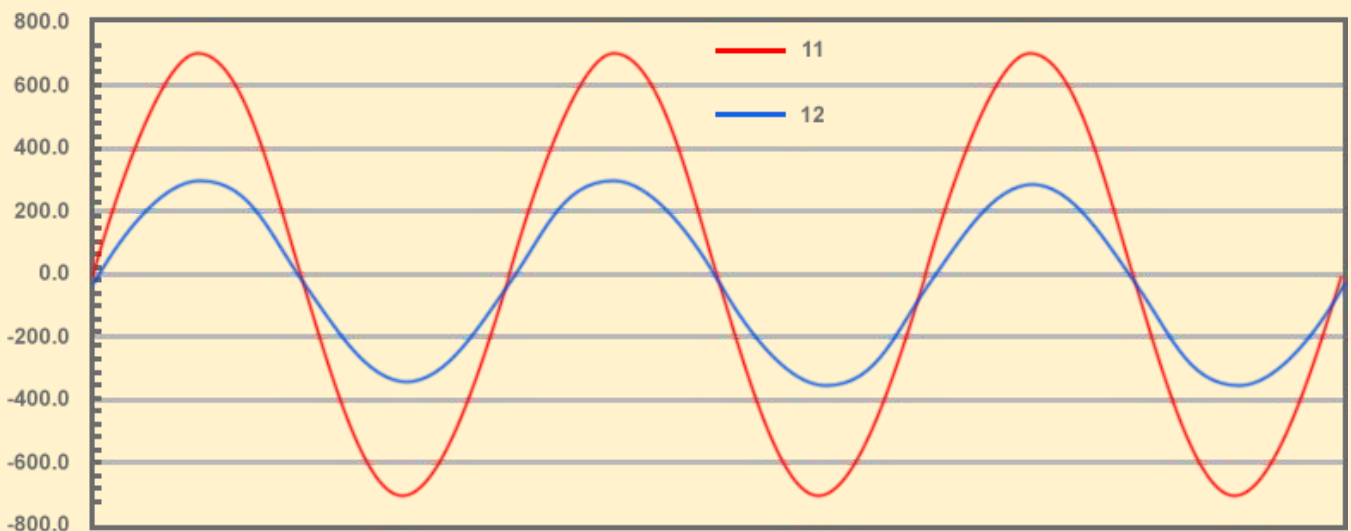
**RCT – 35 – 100/5A – CL.1 – 5VA**



## BIỂU ĐỒ BIÊN ĐỘ DẠNG SÓNG và PHA



**Dạng sóng lý tưởng của biến dòng**



**Dạng sóng thực tế của biến dòng**

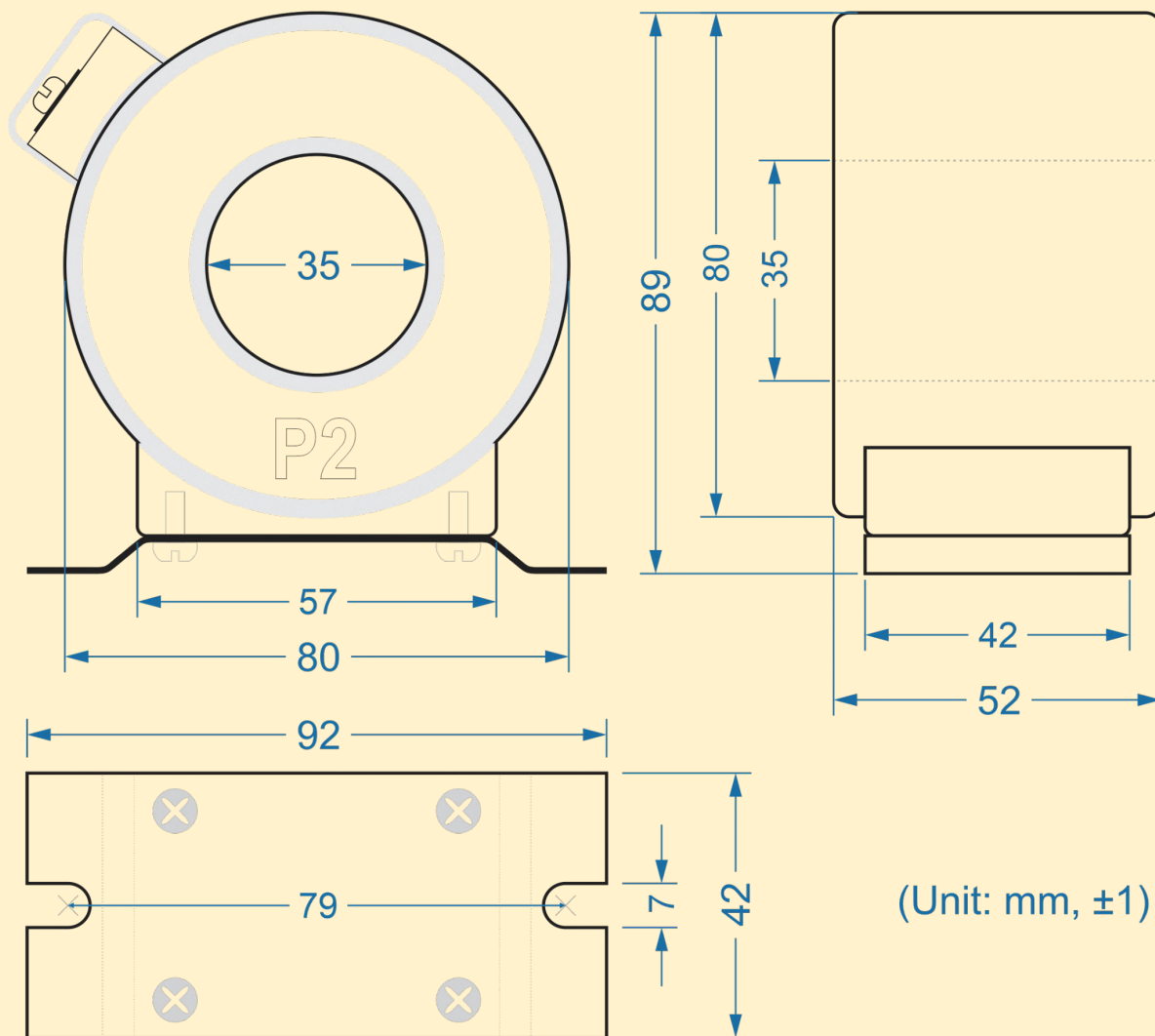
### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Điện áp định mức (Un)	600V
Tần số (fn)	50/60Hz
Điện áp thử nghiệm	3kV/phút
Dòng quá tải liên tục	1.2In
Cấp chính xác	CL.1
Biên nhiệt hoạt động	0°C ~ 50°C
Giới hạn nhiệt độ làm việc	60°C
Tiêu chuẩn	IEC 60044-1
Lắp đặt	Lắp thanh cái hoặc lắp cố định bằng vít

Model	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (OD)	Đường kính ngoài (OD)	Trọng lượng
<b>RCT-35</b>	89	52	Ø35	Ø80	0.62 Kg
<b>RCT-65</b>	120	47	Ø65	Ø110	0.78 Kg
<b>RCT-90</b>	144	47	Ø90	Ø133	1.07 Kg
<b>RCT-110</b>	160	47	Ø110	Ø150	1.2 Kg
<b>RCT-125</b>	190	45	Ø125	Ø175	
<b>RCT-200</b>	255	45	Ø195	Ø243	

# KÍCH THƯỚC RCT-35

Model	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>RCT-35</b>	89	52	Ø35	Ø80

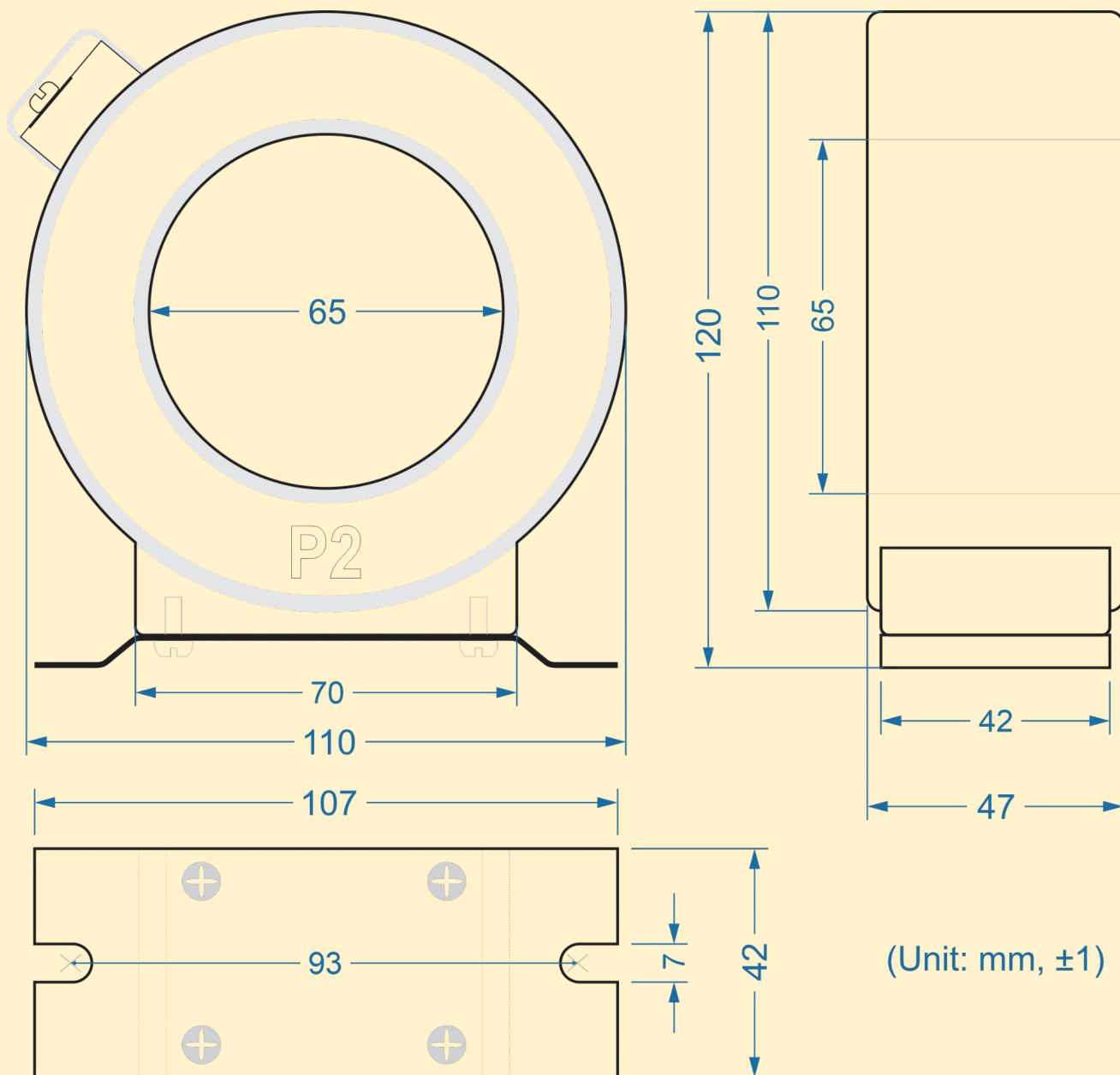


## Mã hàng & thông số – Biến dòng để sắt RCT-35

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>RCT-35</b>	RCT-35-0050	50/5A	CL.3	2.5VA	Ø35
	RCT-35-0075	75/5A	CL.3	2.5VA	Ø35
	RCT-35-0100	100/5A	CL.3	2.5VA	Ø35
	RCT-35-0150	150/5A	CL.1	5VA	Ø35
	RCT-35-0200	200/5A	CL.1	5VA	Ø35
	RCT-35-0250	250/5A	CL.1	5VA	Ø35
	RCT-35-0300	300/5A	CL.1	5VA	Ø35

## KÍCH THƯỚC RCT-65

Model	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>RCT-65</b>	120	47	Ø65	Ø110

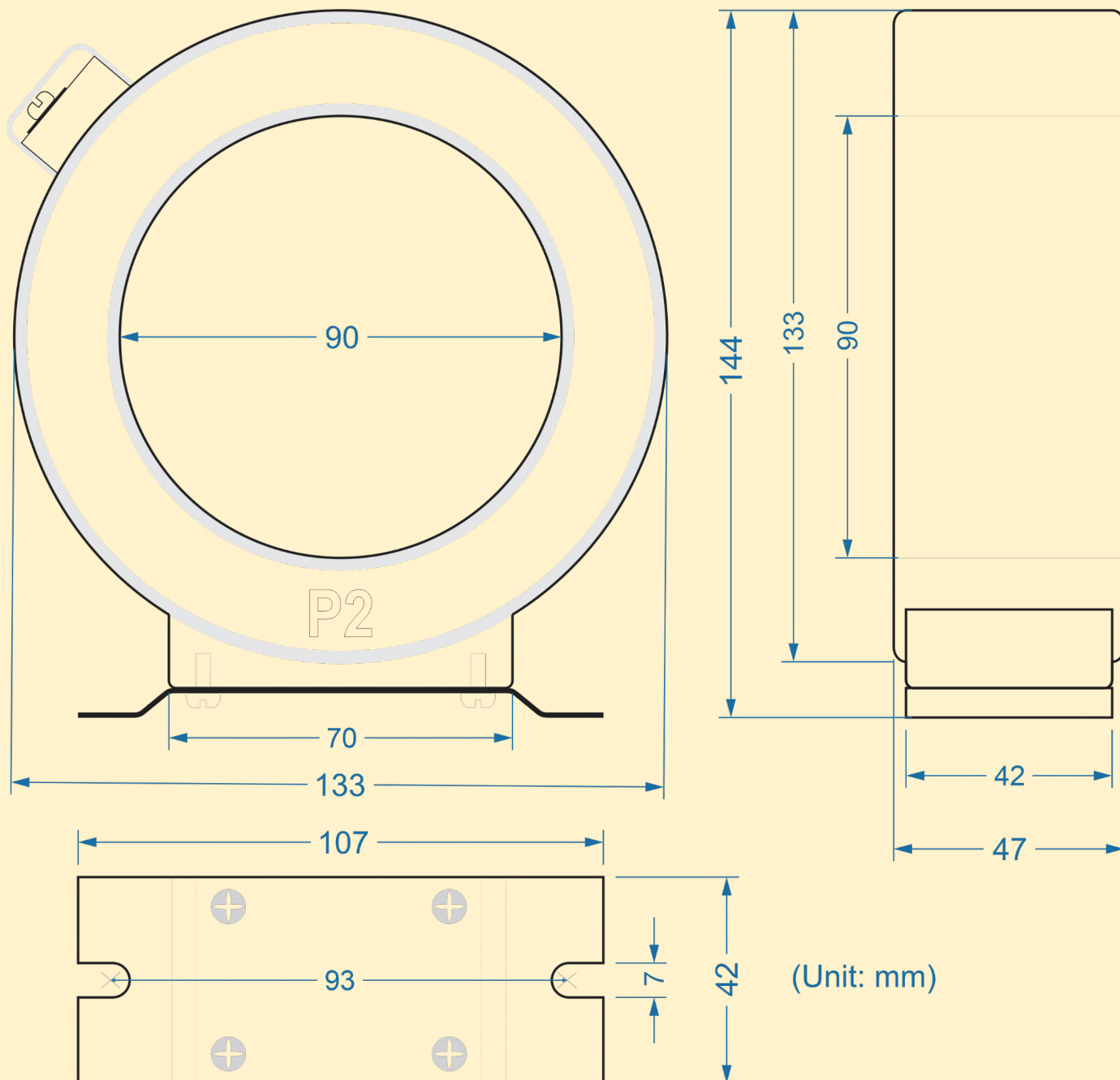


### Mã hàng & thông số – Biến dòng để sắt RCT-65

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>RCT-65</b>	RCT-65-0400	400/5A	CL.1	10VA	Ø65
	RCT-65-0500	500/5A	CL.1	10VA	Ø65
	RCT-65-0600	600/5A	CL.1	10VA	Ø65

## KÍCH THƯỚC RCT-90

Model	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>RCT-90</b>	144	47	Ø90	Ø133

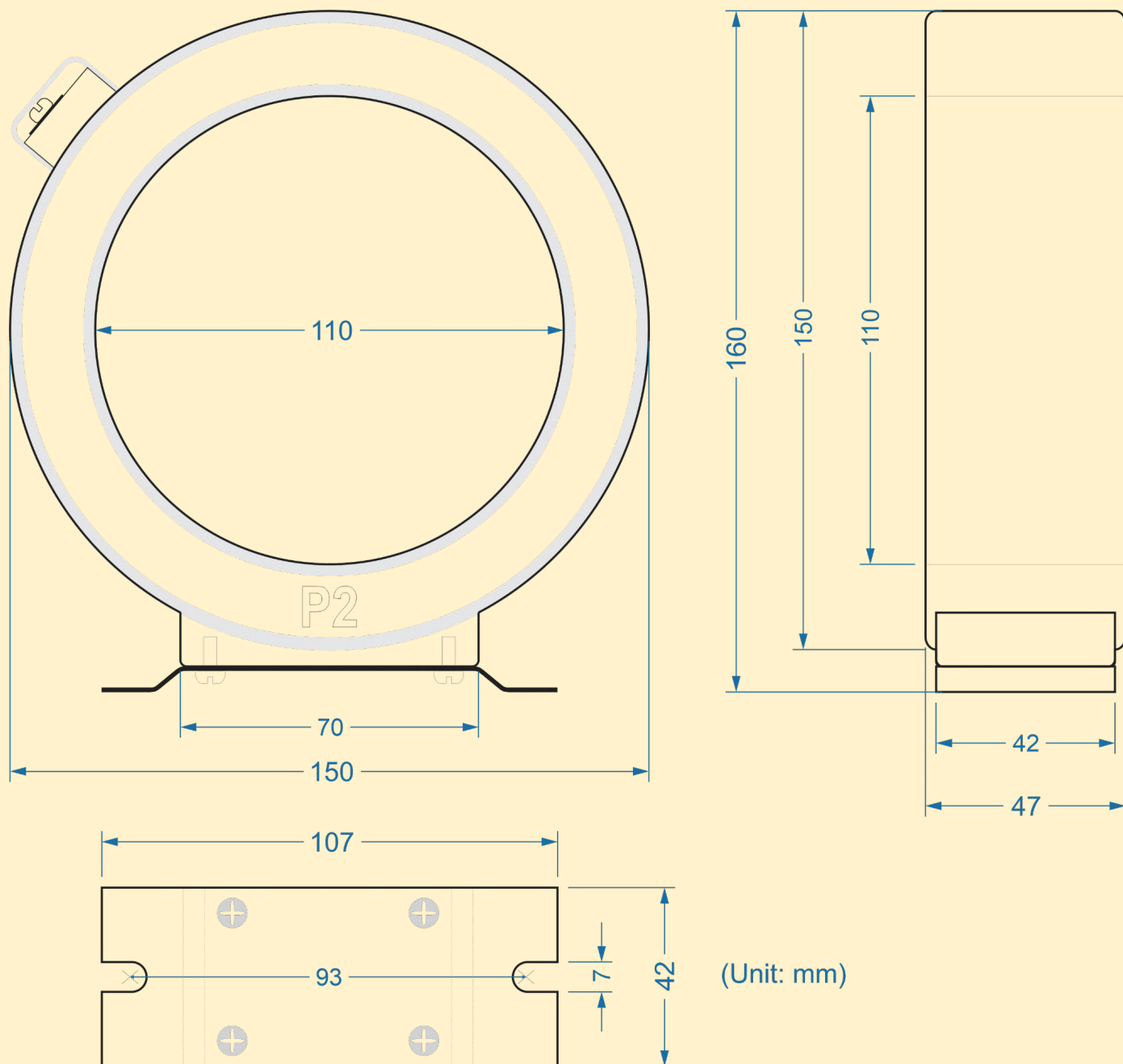


### Mã hàng & thông số – Biến dòng để sắt RCT-90

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>RCT-90</b>	RCT-90-0800	800/5A	CL.1	15VA	Ø90
	RCT-90-1000	1000/5A	CL.1	15VA	Ø90
	RCT-90-1200	1200/5A	CL.1	15VA	Ø90

## KÍCH THƯỚC RCT-110

Model	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>RCT-110</b>	160	47	Ø110	Ø150

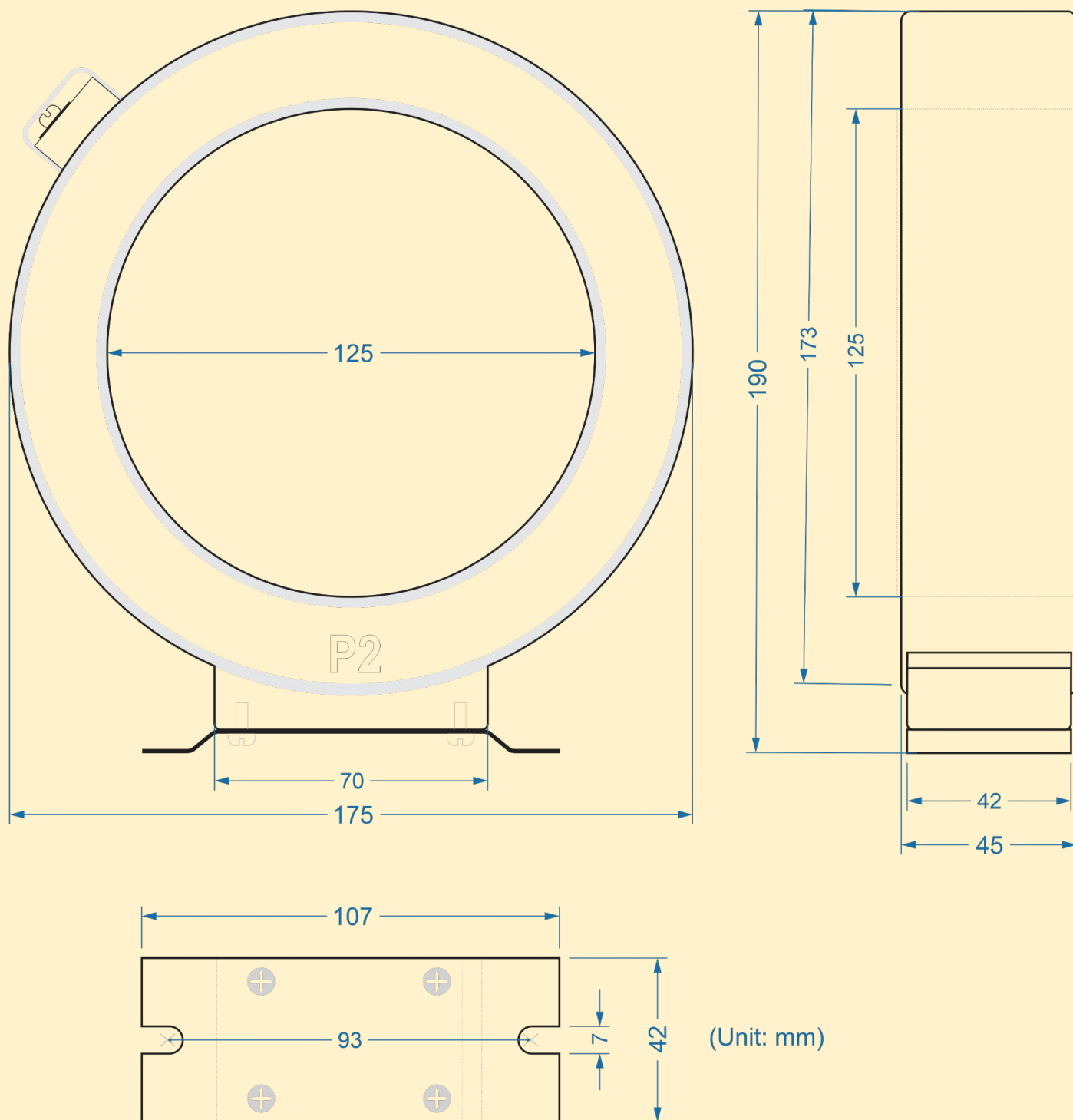


### Mã hàng & thông số – Biến dòng để sắt RCT-110

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>RCT-110</b>	RCT-110-1000	1000/5A	CL.1	15VA	Ø110
	RCT-110-1200	1200/5A	CL.1	15VA	Ø110
	RCT-110-1600	1600/5A	CL.1	20VA	Ø110
	RCT-110-2000	2000/5A	CL.1	20VA	Ø110
	RCT-110-2500	2500/5A	CL.1	20VA	Ø110

## KÍCH THƯỚC RCT-125

Model	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>RCT-125</b>	190	45	Ø125	Ø175

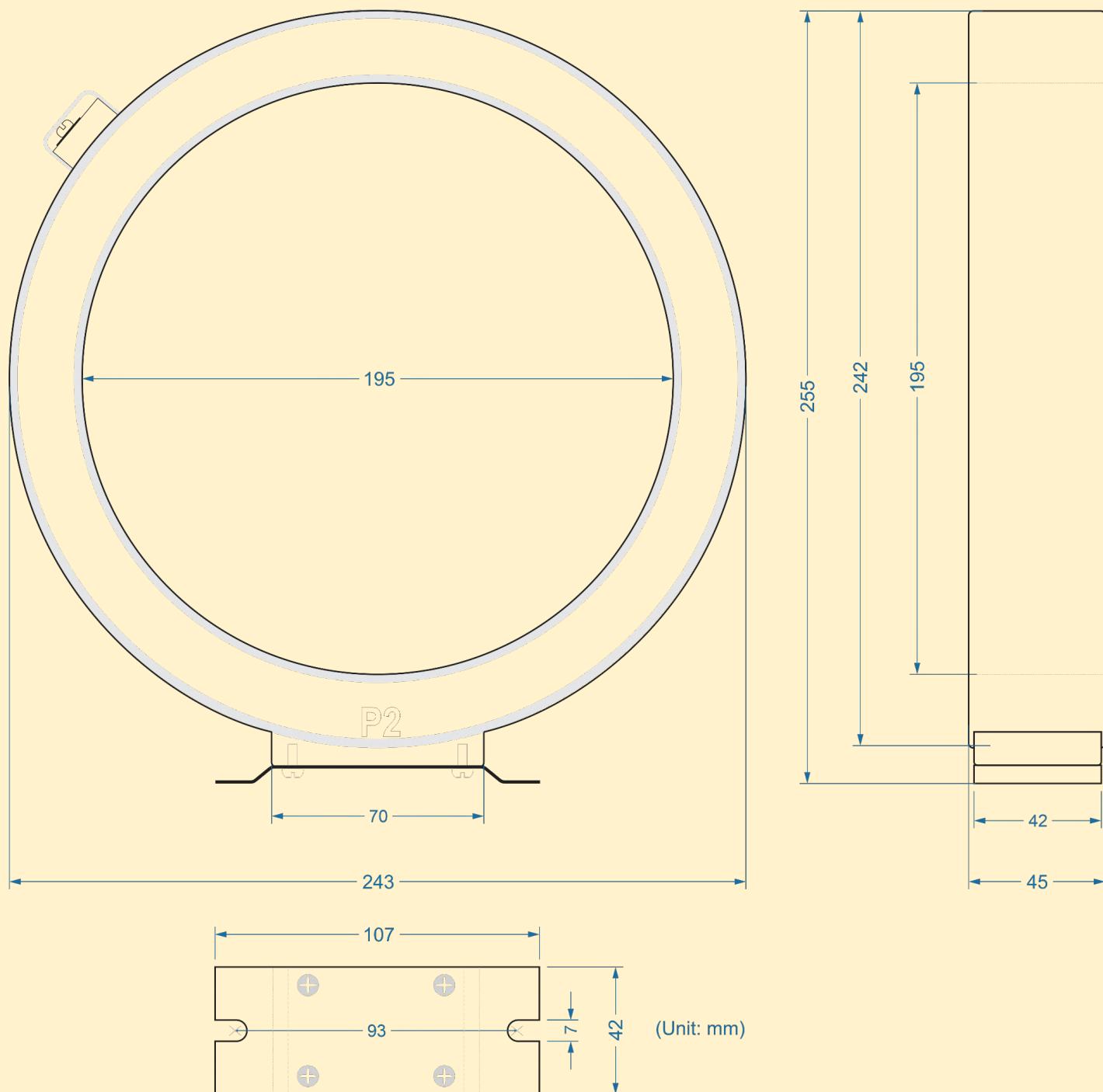


### Mã hàng & thông số – Biến dòng để sắt RCT-125

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>RCT-125</b>	RCT-125-2500	2500/5A	CL.1	20VA	Ø125
	RCT-125-3000	3000/5A	CL.1	20VA	Ø125
	RCT-125-4000	4000/5A	CL.1	20VA	Ø125

# KÍCH THƯỚC RCT-200

Model	Cao (H)	Độ dày (T)	Đường kính trong (ID)	Đường kính ngoài (OD)
<b>RCT-200</b>	255	45	Ø195	Ø243



## Mã hàng & thông số – Biến dòng để sắt RCT-200

Model	Mã đặt hàng	Tỷ số biến dòng	Tải định mức	Cấp chính xác	Kích thước cửa sổ (ID)
<b>RCT-200</b>	RCT-200-5000	5000/5A	CL.1	30VA	Ø195
	RCT-200-6000	6000/5A	CL.1	30VA	Ø195

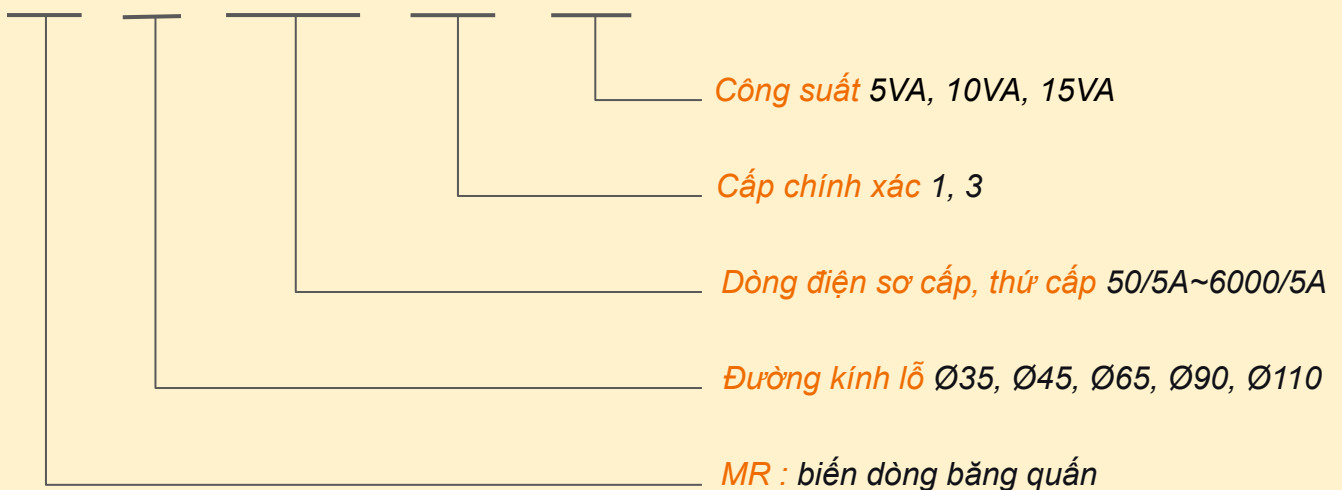
# BIẾN DÒNG BĂNG QUẤN MR



- ❖ Biến dòng băng quấn là thiết bị đo lường dòng điện hoạt động theo nguyên lý cảm ứng điện từ, với dây dẫn được quấn trực tiếp trên lõi thép từ tính. Sản phẩm cho độ chính xác ổn định, kích thước gọn nhẹ, dễ lắp đặt trong các tủ điện hạ thế. Thường được sử dụng trong các hệ thống đo lường, giám sát năng lượng và bảo vệ thiết bị, kết hợp với các đồng hồ đo như Ampe, Watt, kWh.

## CÁCH CHỌN MÃ

**MR – 35 – 100/5A – CL.1 – 5VA**



## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Model	Mã hàng	Tỷ số biến dòng	Cấp chính xác	Tải định mức	Đường kính trong (OD)
<b>MR-28</b>	MR-28-0050	50/5A	CL.3	3VA	Ø28
	MR-28-0075	<b>75/5A</b>	CL.3	<b>3VA</b>	Ø28
<b>MR-35</b>	MR-35-0100	100/5A	CL.1	5VA	Ø35
	MR-35-0150	150/5A	CL.1	5VA	Ø35
	MR-35-0200	200/5A	CL.1	5VA	Ø35
	MR-35-0250	250/5A	CL.1	5VA	Ø35
	MR-35-0300	300/5A	CL.1	5VA	Ø35
<b>MR-45</b>	MR-45-0400	400/5A	CL.1	10VA	Ø45
	MR-45-0500	500/5A (*)	CL.1	10VA	Ø45
<b>MR-65</b>	MR-65-0500	500/5A	CL.1	10VA	Ø65
	MR-65-0600	600/5A	CL.1	10VA	Ø65
<b>MR-90</b>	MR-90-0800	800/5A	CL.1	15VA	Ø90
	MR-90-1000	1000/5A	CL.1	15VA	Ø90
	MR-90-1200	1200/5A	CL.1	15VA	Ø90
<b>MR110</b>	MR-110-1600	1600/5A	CL.1	20VA	Ø110
	MR-110-2000	2000/5A	CL.1	20VA	Ø110
<b>MR130</b>	MR-130-2500	2500/5A	CL.1	20VA	Ø130
	MR-130-3000	3000/5A	CL.1	20VA	Ø130
	MR-130-4000	4000/5A	CL.1	20VA	Ø130
<b>MR-200</b>	MR-200-5000	5000/5A	CL.1	20VA	Ø200
	MR-200-6000	6000/5A	CL.1	20VA	Ø200

# BIẾN DÒNG SUM CT



- ❖ Máy biến dòng tổng được sử dụng để cộng dòng điện thứ cấp của nhiều máy biến dòng chính để đo chỉ bằng một thiết bị.
- ❖ Dòng điện luôn được cộng theo vectơ khi xem xét lượng và pha của dòng điện để nó có thể được sử dụng để đo công suất tác dụng hoặc công suất phản kháng, năng lượng và hệ số công suất tổng của hệ thống.

## ỨNG DỤNG

- ❖ Biến dòng Sum iLEC được dùng để đo từ hai máy biến áp trở lên cho hệ thống Solar sử dụng zero-export.
- ❖ Đo từ hai MCCB/Biến áp trở lên.
- ❖ Đo từ hai nhánh phân phối trở lên trong tủ tụ bù.

## THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Thiết bị có điện áp cao nhất	720 V
Mức cách điện định mức	3 kV, 1 phút.
Dòng nhiệt định mức (Ith)	50 x In
Dòng điện động định mức (Idyn)	2,5 x Ith
Dải tần số	50 - 60Hz
Tiêu thụ nội bộ	Max. 4 VA
Dòng điện đầu ra	5A (Có thể đặt hàng 1A)
Dòng điện liên tục tối đa	6A
Hệ số bảo mật thiết bị (FS)	< 5
Cấp cách nhiệt	E
Cấp chính xác	Class 0.5 10VA, CL0.5S (CL 1 đối với một số CT không bằng nhau)
Lắp đặt	Gắn ray hoặc bắt vít



**KINH TẾ - AN TOÀN - HIỆU QUẢ**